

LÝ TẾ XUYÊN

VIỆT ĐIỆN U LINH TẬP



HỒ NGUYỄN TRỪNG

NAM ÔNG MỘNG LỤC



NGUYỄN DỮ

TRUYỀN KỲ MẠN LỤC

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

VIỆT ĐIỆN U LINH TẬP

NAM ÔNG MỘNG LỤC

TRUYỀN KỲ MẠN LỤC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LÝ TẾ XUYÊN

VIỆT ĐIỆN U LINH TẬP

ĐINH GIA KHÁNH - TRỊNH ĐÌNH RỪ

dịch và chú thích

TRẦN NGHĨA *giới thiệu*

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

Việt điện u linh tập (VDULT) là tác phẩm của Lý Tế Xuyên, được biên soạn xong vào năm Khai Hựu nguyên niên (1329) đời Trần Hiến Tông.

Về Lý Tế Xuyên, chúng ta không biết được gì nhiều hơn những thông tin ít ỏi do dòng lạc khoản bài tựa sách cung cấp: ông giữ các chức Thủ đại tạng, Thư hỏa Chánh chương, Trung phẩm Phụng ngự, An tiêm lộ Chuyển vận sứ dưới triều nhà Trần. “Thủ đại tạng” dường như là chức trông coi kho tài liệu lưu trữ của Nhà nước, hoặc một kho kinh Phật. “Thư hỏa” chưa rõ phụ trách công việc cụ thể gì. *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép vào năm Đại Khánh 3 (1316), tháng 11, vua sai Nhân Huệ đại vương Khánh Dư đi Diễn Châu xét duyệt sổ lính và sổ dân đinh, có lấy Nội thư hỏa Chánh chương Nguyễn Bính làm phó (xem Bd, *Đại Việt Sử Ký toàn thư*, Tập 2, NXB KHXH, 1985, tr. 101). Cũng sách này, ở một

chỗ khác còn chép: “Năm Khai Thái 2 (1325) (...), mùa thu, tháng 8, ban xuống các điều lệ mới quy định. Theo quy chế cũ. Hành khiển ty ở cung Quan triều và Thánh từ, gộp với Thư hóa cục, gọi chung là Nội mật viện. Đến đây, đổi Hành khiển ty thành Môn hạ sảnh, còn Nội thư hóa cục vẫn là Nội mật viện” (Sdd, tr.110). Vậy thì, “Thư hóa Chánh chương” có thể hiểu là người đứng đầu Nội thư hóa cục, sau đổi tên là Nội mật viện. Theo *An Nam chí lược*, Q.14, thì các quan hầu cận đời Trần đều thêm chữ “Nội” phía trước tên chức vụ. “Trung phẩm Phụng ngự” có lẽ là một tước vị, hoặc một thứ phẩm hàm. *An Nam chí lược*, cũng Q.14 cho biết có 3 bậc Phụng ngự: Thượng phẩm Phụng ngự, Trung phẩm Phụng ngự và Hạ phẩm Phụng ngự. Hàm “Trung phẩm” ở vào bậc giữa. Còn “Chuyển vận sứ” chủ yếu phụ trách việc chuyên chở, xuất nhập tiền và thóc thu thuế của một tỉnh, đây là lộ An Tiêm. Qua các chức trách được giao như vừa thấy, có thể biết Lý Tế Xuyên là một nhân vật khá quan trọng trong cung đình nhà Trần.

Việt điện u linh tập, hiểu theo nhan đề sách, có nghĩa là một bộ sưu tập về các truyện u linh trên cõi đất Việt. “U linh” ở đây không chỉ có linh hồn những anh hùng đã khuất, mà còn bao gồm cả các thần hăng được dân tộc tôn thờ. Họ thường là những bậc “thông minh chính trực”, “có khả năng phát huy công tích, ngầm giúp nhân dân” (VDULT *Tự*). Non sông đất nước đã sản sinh ra họ và họ cũng làm rạng rỡ cho non sông đất nước, trở thành một trong những chỗ dựa quan trọng của dân tộc về mặt tinh thần, nhất là trước những thử thách gay go của lịch sử.

Lý Tế Xuyên chia các thần ra làm 3 loại: *Lịch đại nhân quân* (vua các đời), *Lịch đại phụ thần* (bầy tôi các đời) và *Hạo khí anh linh* (sự tích thiêng liêng). Theo Phan Huy Chú thì sách VDULT của Lý Tế Xuyên có cả thảy 28 truyện (xem *Lịch triều hiến chương loại chí*, Q.45. *Văn tịch chí*, *Truyện ký loại*).

Lê Quý Đôn cho biết cụ thể hơn: “Hồi đầu niên hiệu Khai Hựu đời Trần, quan Phụng ngự Lý Tế Xuyên soạn sách *Việt điện u linh*, 1 quyển, ghi những việc thần dị ở các đền miếu. Có 8 truyện về các vua, 12 truyện về bầy tôi, và 8 truyện về sự tích thiêng liêng” (xem *Kiến văn tiểu lục*, Q.4, tờ 4).

8 truyện về vua các đời gồm: 1. Sĩ Nhiếp (Sĩ tiên vương); 2. Phùng Hưng (Bố Cái đại vương); 3. Triệu Quang Phục (Triệu Việt Vương); 4. Lý Phật Tử (Hậu Lý Nam Đế); 5. Hậu Tắc (Xã Tắc đế quân); 6 và 7. Hai Bà Trưng (Trưng nữ vương); 8. Mỵ Ê (vợ vua Chiêm Thành).

12 truyện về bầy tôi các đời gồm: 1. Lý Hoảng; 2. Lý Ông Trọng; 3. Lý Thường Kiệt; 4. Tô Lịch; 5. Phạm Cự Lượng; 6. Lê Phụng Hiểu; 7. Mục Thận; 8 và 9. Trương Hồng và Trương Hát; 10. Lý Phục Man; 11. Lý Đò Úy; 12. Cao Lỗ.

8 truyện về sự thiêng liêng gồm: 1. Thần núi Đồng Cổ; 2. Thần Long Đỗ; 3. Thổ thần làng Phù Đồng; 4. Sơn thần Tản Viên; 5. Thần thổ địa Đàng Châu; 6. Thần thổ lệnh Bạch Hạc; 7. Thổ thần quận Hải Thanh; 8. Long vương ở Nam Hải (Số thần ở phần này, các bản chép có chênh lệch nhau chút ít).

Sang thế kỷ 15, Nguyễn Văn Chất (có nơi chép nhầm là Nguyễn Văn Hiến) soạn *Tục VDULT*, đưa thêm vào sách Lý Tế Xuyên 4 truyện nữa, đó là: 1. Sóc Thiên vương; 2. Thanh Sơn đại vương; 3. Càn Hải môn tử; 4. Quán Gia Đô Bất đại vương.

Nguyễn Văn Chất (1422-?) người xã Vũ Di, huyện Bạch Hạc, nay là thôn Vũ Di, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú. Ông đỗ Hoàng giáp khoa Mậu Thìn, năm Thái Hòa 6 (1448) đời Lê Nhân Tông, làm quan đến chức Thượng thư, có đi sứ nhà Minh vào năm 1480. Theo *Đăng khoa lục bị khảo*, ông từng làm sách *Tục VDULT*.

Đến đầu thế kỷ 20, Tam Thanh quán Đạo nhân cho rằng VDULT của họ Lý chủ yếu là chép từ sách ghi việc tế tự (Tự

diễn) của triều Trần, còn bỏ sót khá nhiều vị thần quan trọng khác. Ông do vậy đã làm thêm thần “trùng bổ” gồm 10 truyện, xếp chung dưới một đề mục mới gọi là “Anh liệt chính khí”, trở thành loại thần thứ tư tiếp sau 3 loại thần đã có của Lý Tế Xuyên.

Các truyện “trùng bổ” gồm: 1. Đoàn tướng quân; 2. Thanh Cẩm miếu; 3. Hưng Đạo đại vương; 4. Đông Hải Nguyễn tướng quân; 5. Minh Lang đại vương; 6. Linh Lang đại vương; 7. Bảo Nghĩa đại vương; 8. Thủ Lĩnh tự Minh đại vương; 9. Định quốc vương; 10. Thiên thượng thần vương. Các truyện “trùng bổ” vừa nêu phần nhiều được rút ra từ các sách như *Tang thương ngẫu lục*, *Lĩnh Nam chích quái*, thần tích, thần phả v.v. Tam Thanh quán Đạo nhân hoàn thành công việc “trùng bổ” vào năm Kỷ Mùi (1919) và gọi sách VDULT đã được ông bổ sung thêm là “Trùng bổ VDULT toàn biên”.

“Tam Thanh quán Đạo nhân” tức Ngô Giáp Đậu (1853-?), hiệu Tam Thanh, người làng Tả Thanh Oai, nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Ông đậu Cử nhân năm Thành Thái 3 (1891), làm quan đến Đốc học.

Ngoài những biến động về mặt văn bản như đã trình bày, VDULT còn được cải biên thành sách truyền kỳ, như cuốn *Tân đính hiệu bình VDULT* do Chư Cát Thị soạn vào năm Cảnh Hưng 35 (1774), trên mặt sách có đề mấy chữ “Đệ nhị kỳ thư”, nghĩa là “cuốn sách lạ thứ hai”. Bài tựa của Chư Cát Thị có đoạn viết: “Tập sách [VDULT] này làm ra từ triều Lý (...), diễn cách các đời còn sơ lược, chưa đầy đủ. Đến triều Trần, ông Lý làm tiếp đến phần cuối (...), sưu tầm rộng rãi (...) sửa sang hàng mấy chục năm, nghiên cứu những điều bí ẩn, thật là chịu khó” Chư Cát Thị viết tiếp: “Tôi sinh không nhằm thời, gặp nhiều biến cố, nhàn ngồi chĩnh chệ bên song để qua ngày. Giữa mùa thu năm Quý Hợi (1743), tôi sang

chơi nhà Quách Thị bên họ ngoại. Ông Quách lấy tập VDULT từ trong hòm ra đưa cho tôi xem. Tôi mượn sách về nhà để đọc, thấy trong đó còn nhiều chỗ chưa ổn". Thế là họ Chư Cát đã cất công sưu tầm thêm tư liệu và viết lại VDULT, nhằm làm cho sách văn vẻ lưu loát, "đầu đuôi nhất quán, mạch lạc tương thông".

Chư Cát Thị tên thật là gì, hiện vẫn chưa rõ. Chỉ biết ông người Hồng Đô, từng giữ chức Thủ bạ ở bộ Lễ thời Lê Cảnh Hưng.

Về văn bản VDULT, Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện tàng trữ 8 bản viết tay sau đây:

1. *Việt điện u linh* A.1919: 77 trang; 32 x 22 cm; 1 tựa của Lý Tế Xuyên; 1 mục lục. *Có Tục bổ và Phụ lục*.

2. *Việt điện u linh tập lục* A.47: 43 trang; 29.5 x 16.5 cm; 1 tựa của Lý Tế Xuyên; 1 mục lục. *Có Tạng bổ* của Nguyễn Văn Chất.

3. *Việt điện u linh phụ bản quốc cổ tích lục* A.2879: 144 trang; 28 x 17 cm; 1 tựa của Lý Tế Xuyên; 1 bạt của Lê Thuần Phủ (= Lê Hữu Hỷ) để năm Vĩnh Thịnh 8 (1712); 1 mục lục. *Có Tạng bổ và Bản quốc cổ tích lục*.

4. *Việt điện u linh tập lục toàn biên* VHv. 1285/a: 222 trang; 29 x 16.5 cm; 1 tựa của Lý Tế Xuyên; 1 bạt của Lê Hữu Hỷ; Cao Huy Diệu bổ chú và bình luận; Kim Miện Muội án lục; Tam Thanh quán Đạo Nhân trùng bổ.

5. *Việt điện u linh tập lục* VHv.1285/b: 50 trang; 29 x 16.5 cm; Lý Tế Xuyên tập; Kim Miện Muội án lục.

6. *Việt điện u linh tập lục* A.751: 190 trang; 29 x 20.5 cm; 1 tựa của Lý Tế Xuyên; 1 bạt của Lê Thuần Phủ; 1 bạt của Tam Thanh quán Đạo Nhân để năm Kỷ Mùi (1919).

7. *Việt điện u linh tập* VHv.1503: 54 trang; 28.5 x 16 cm; 1 tựa của Lý Tế Xuyên, 1 bạt của Lê Thuần Phủ; có *Lịch triều linh hiển công chúa, Thần nữ liệt vị*. Sách này chỉ ghi tóm lược các truyện trong VDUL.

8. *Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập* A. 335: 310 trang; 32 x 22 cm; 1 tựa của Lý Tế Xuyên; 1 dẫn của Chư Cát Thị đề năm Cảnh Hưng Giáp Ngọ (1774); 1 mục lục.

Các truyện giới thiệu trong lần xuất bản này của chúng tôi là trích từ cuốn *Việt điện u linh* do NXB Văn học ấn hành tại Hà Nội năm 1972.

Phần *Bài tựa*, *Bài bạt*, *Bài tự dẫn*, *Bài bạt sách Trùng bổ Việt điện u linh toàn biên*, cùng các truyện Sĩ Nhiếp (Gia ứng thiên cảm linh vũ đại vương), Phùng Hưng (Bố Cái đại vương), Triệu Quang Phục và Lý Phật Tử (Triệu Việt Vương, Lý Nam Đế), Hai Bà Trưng (Nhị Trưng phu nhân), My Ê (Hiệp chính hựu thiên trình liệt chân mãnh phu nhân), Lý Ông Trọng (Hiệu úy uy mãnh anh liệt phu tín đại vương), Lý Thường Kiệt (Thái úy trung phụ dũng vũ uy thắng công), Tô Lịch (Bảo quốc trấn linh định bang quốc đô thành hoàng đại vương), 10 truyện trên lấy từ *VDULT* của Lý Tế Xuyên (bản A.751), Triệu Trinh (Lệ Hải bà vương ký), Mai Thúc Loan (Hương Lâm Mai đế ký), 2 truyện trên lấy từ *Tân đính hiệu bình VDULT* của Chư Cát Thị, bản A.335 do Đinh Gia Khánh dịch và chú thích.

Phần các truyện Lê Phụng Hiểu (Đô thống khuông quốc tá thánh vương), Mục Thận (Thái úy trung tuệ vũ lượng công), Thần Long Đỗ (Quảng Lợi thánh hựu uy tế phu ứng đại vương), 3 truyện trên lấy từ *VDULT* của Lý Tế Xuyên (bản A.751) do Trịnh Đình Rư dịch và chú thích.

BÀI TỰA

Thánh nhân xưa nói: “Thông minh chính trực, mới đáng gọi là thần, không phải hạng dâm thần, tà ma quỷ quái mà lạm gọi là thần được đâu”.

Trong nước Hoàng Việt ta, các thần thờ ở miếu đền xưa nay rất nhiều, nhưng mà công tích to lớn rõ rệt, cứu giúp sinh linh thì có được mấy đâu? Tuy nhiên, các thần vốn có phẩm loại không ngang nhau, có vị là linh túy của núi sông, có vị là nhân vật kiệt linh, khí thế rừng rực lúc đương thời, anh linh tỏa rộng đến đời sau. Nếu không ghi chép sự việc lại thì phẩm loại trên dưới khó phân biệt. Cho nên tôi dựa theo kiến văn nông cạn thấp kém của mình mà ghi chép về cõi u linh. Nếu có bậc quân tử bác nhĩ hiếu sự sửa chữa cho thì thỏa lòng mong ước của tôi vậy.

Hoàng triều Khai Hựu 1 (1329)

Thủ đại tạng, Thư hỏa Chánh chương, Trung phẩm Phụng ngự, An Tiêm lộ Chuyển vận sứ, kẻ bề tôi là Lý Tế Xuyên kính cẩn viết bài tựa.

BÀI BẠT

Sách *Viết điện u linh* lưu truyền ở đời đã lâu rồi, nhưng các bản đều sai lẫn khó đọc. Ngẫu nhiên thấy có một bản cổ mà chữ “anh” thì viết bớt nét đi, mới biết đây là di tích còn lại từ trước đời Trung hưng của nước Hoàng Việt ta. Do đó bèn sao chép lại, tất là khác với các bản vốn có; nhưng các phần mà người đời sau chép tiếp vào thì lại thiếu nhiều ở bản cổ này, có điều là nó giữ được tính chất cổ mà các bản khác không giữ được. Tôi lại lấy các bản chép đời sau, đem đối chiếu để mà đính chính, nếu có điều đáng ngờ, thì khuyên một vòng tròn để đánh dấu, rồi thêm phần bổ sung vào chỗ thiếu, chỗ sót, để cho việc tham khảo được đầy đủ.

Than ôi! Tự lại thì khó, tan đi thì dễ, từ xưa đã có lời than như vậy. Huống hồ người khắc bản in ở nước ta lại ít;

cho nên không lấy làm lạ rằng đã có tình trạng ấy. Tìm khắp nơi mà ngẫu nhiên lại thấy được, há chẳng phải là may mắn hay sao? Cho nên nói rõ mạnh mẽ để các bạn cùng chí hướng biết, ngõ hầu sưu tầm thêm mà bổ khuyết vào, lược lật rộng để chọn lọc sâu. Như vậy thì đối với sự hưng thịnh của tư văn⁽¹⁾ vị tất là không có chút ít bổ ích vậy.

Hoàng triều năm Vĩnh Thịnh 8 (1712), mùa thu, sớm ngày lành. Lê Thuần Phủ⁽²⁾, Tiến sĩ cập đệ khoa Canh Thìn (1700), Hàn lâm viện hiệu thảo, cúi đầu để ở Tiến tu thư hiên.

BÀI TỰ DẪN

Tập sách này làm ra từ triều Lý, có trước ngòi bút của Lê Văn Hưu, để ghi chép sự việc. Trải qua sự diễn cách của các đời, vẫn chưa được đầy đủ.

Vốn nước Việt ta ngày trước, phong tục chuộng sự trong trắng giản dị, chính hóa nảy sinh từ sự hỗn nhiên, văn giáo dấy lên từ sự phác dã, lời văn hoa mỹ chưa từng thấy có. Nếu có được chút gì thì chỉ là những chúc thuật thu nhật những điều tục truyền, những lời khẩu thoại. Nhưng xét cho rõ ràng kỹ lưỡng thì cũng chưa ghi chép được hết những sự tích của dân đời trước, mà lời lẽ thì lại có chỗ rất vu khoát, có chỗ rất khó hiểu. Khắc cây liễu không cành, sao lại có thể chỉ vạch cho sự phán quyết của người đời sau? Kịp đến ông họ Lý đời Trần mới lại nối thêm phần đuôi vào, tìm khắp nhật rộng, tập hợp thành quyển sách. Ở chốn hiên nhàn làm việc chỉnh lý trong mấy chục

1. *Tư văn*: đạo Nho. Nghĩa rộng là văn minh, văn hóa nói chung.

2. *Lê Thuần Phủ*: tên tự của Lê Hữu Hy (có bản viết là Lê Đôn Phủ).

năm, họ Lý đã tìm tòi nghiên cứu, vắt vả tác lòng, có được chút gì thì cũng không nhiều hơn thế. Dụng công tuy rằng nhiều, việc so sánh nghiên cứu tuy rằng tốt, nhưng chưa được tinh tường về những lời kể ở chốn làng quê, những điều nhớ ở nơi thôn dã, chưa được rành mạch về những câu ngạn ngữ, những lời tục ngữ; nghiên ngẫm ước lượng thì thấy có chỗ sai lẫn, cũng chưa thể cho là đã đi tới chỗ tận diệu vậy. Mà xét kỹ tình trạng ấy, chúng ta có thể nghĩ rằng nếu không lấy việc hỏi kẻ dưới làm điều xấu hổ, đi tìm hỏi những người hiền còn sót lại trong đám ẩn dật thì kết quả thu được há lại chỉ có thế mà thôi ư? Ôi, làm ra từ đời trước, thuật lại vào đời sau, cũng có thể gọi là có lòng với danh giáo vậy.

Ta sinh không gặp thời, bao lần gặp cảnh biến loạn của thế sự, ngồi nơm nớp ở chốn thư song nhàn dật, để cho qua ngày tháng. Vào tiết trọng thu năm Quý Hợi sang nhà Quách Sinh bên họ ngoại, thấy trong hòm có chứa tập sách này; Quách Sinh đưa cho ta xem. Ta bỏ vào tay áo đưa về nhà để tiện xem đọc, thấy ở trong có nhiều chỗ chưa ổn. Cho nên ta để tâm rộng tìm các bậc ẩn dật, rộng nhật khắp bách gia, đem đối chiếu so sánh, tìm ra phần chủ chốt, phàm những điều mơ hồ khó kê khảo, nếu viết được thì viết vào, nếu bỏ được thì bỏ đi, cốt sao cho ý tứ lưu loát, đầu cuối khớp nhau, mạch lạc liên tục để thuận tiện cho việc xem, việc nghe vậy.

Ấy là muốn công bố trong thiên hạ, hiểu thấu thảng cảnh danh tích xưa nay, há dám có một chút ý riêng trong đó đâu. Cho nên không ngại thiên lậu, mạo muội dẫn lại nguyên ủy sách này, để chờ bậc học rộng đời sau xem xét, đính chính mà đưa vào khuôn mẫu cho. Như thế quả là may mắn.

Năm Giáp Ngọ (1774), đời Cảnh Hưng, mùa thu, ngày tanh, Chức Chủ bạ bộ Lễ là Hồng đô Chư Cát thị kính cẩn cúi đầu viết bài tựa.

BÀI BẠT SÁCH

“TRÙNG BỘ VIỆT ĐIỆN U LINH TẬP TOÀN BIÊN”

Nước Việt ta lập quốc, sơn kỳ thủy tú, địa linh nhân kiệt, so với các nước trong toàn cầu, thực là anh vĩ đặc biệt, cố nhiên là không chịu nhường ai rồi. Chính khí chung đúc, từ đó xuất hiện đấng thần kỳ, sống làm bậc danh tướng, chết làm bậc danh thần, làm bậc tiết nghĩa, làm bậc trinh liệt; chính khí của các bậc ấy bằng bạc vòng quanh vòm trời xanh, hoặc là tản ra mà thành tiên phong, thành đạo cốt cũng đều lưu truyền bất hủ về sau. Cứ xem trong các sách *Công dư tiếp ký*, *Truyền kỳ mạn lục*, *Lĩnh Nam chí quái*, *Tang thương ngẫu lục* thì có thể thấy rõ. Nay xét tập sách của ông Lý thì đều là những việc chép trong tự điển⁽¹⁾ triều Trần, ngoài ra thì chưa có đủ, thiếu mất khá nhiều các truyện khác. Tôi quên mình bị lậu, đứng ra trùng bổ, đúng là cái kẻ mà ông gọi là người hiểu sự vậy. Có người bảo: “Các truyện về anh liệt chính khí mà bổ sung thêm vào thì đã đành rồi, đến như lại chép các truyện thần thông chân khí như truyện Đạo Hạnh, Minh Không mà phần lớn có tính chất hoang đường thì là có sao vậy?”. Xin thưa: “Cố nhiên là quái đản rồi. Nhưng truyện vốn lưu hành ở đời là như vậy đấy”. Lại thưa: “Chỉ là chép cái điều nghe thấy đấy thôi. Còn nếu như lấy lý mà xét, bỏ cái quái đản, giữ cái hợp lẽ thường thì là việc của người xem, chứ người chép có can dự gì vào đấy kia chứ”.

Xin kính cẩn đề mấy lời bạt ở cuối toàn thiên sách.

Năm Kỷ Mùi (1919), đêm tháng bảy. Tam Thanh quán Đạo nhân⁽²⁾ đề lời bạt.

1. *Tự điển*: Sách chép về các miếu đền, về các vị thần đã được Nhà nước phong kiến chính thức công nhận, về phép tắc thể lệ cúng tế ở miếu đường.

2. *Tam Thanh quán Đạo nhân*: tên hiệu của Ngô Giáp Đậu.

1. BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG

Theo sách *Giao Châu ký* của Triệu Vương, thì Vương họ Phùng tên là Hưng. Đời đời cha truyền con nối làm Thủ trưởng Biên khố ở châu Đường Lâm, gọi là Quan Lang; gia tư giàu có, sức rất là khỏe mạnh, có thể bắt hổ vật trâu. Em là Hãi, cũng có sức khỏe, có thể vác mười nghìn cân đá hoặc chiếc thuyền nhỏ nặng một nghìn hộc đi hơn mười dặm. Những dân Di, Lạc đều sợ tiếng tăm.

Trong đời Đường Đại Lịch, nhân nước ta loạn, hai anh em bèn rủ nhau đi khắp các ấp láng giềng, họ đều xin theo cả, đến đâu cũng không có điều gì là không trôi chảy. Hưng đã thỏa chí bèn đổi tên là Cự Lão; Hãi đổi tên là Cự Lực. Hưng xưng là Đô quân; Hãi xưng là Đô bảo. Theo kế của Đỗ Anh Luân (còn viết là Hàn), người đất Đường Lâm, họ Tuấn đem quân đi tuần hành ở các châu Đường Lâm, Trường Phong, các nơi ai nấy đều theo. Uy danh đã vang dậy, bèn phao tin muốn đánh phủ Đô hộ. Khi đó quan Đô hộ là Cao Chính Bình đem quân dưới trướng đến đánh họ Phùng không nổi, tức giận thành bệnh mà chết. Phùng Hưng vào phủ Đô hộ coi việc được bảy năm thì mất. Mọi người muốn lập Hãi. Nhưng người đầu mục phụ tá là Bồ Phá Cần, sức có thể xô núi, xách đỉnh, dũng lực tuyệt vời, nhất định không nghe, lập con Hưng là An và đem quân chống lại Hãi. Hãi né tránh Bồ Phá Cần, bỏ lên ở động Chu Nham, về sau không biết kết cục ra sao. An tôn Hưng làm Bố Cái đại vương; vì nước ta thường gọi cha là “bố”, mẹ là “cái”, cho nên mới đặt tên ấy. An nối nghiệp được hai năm, thì vua Đường Đức Tông phong Triệu Xương làm An Nam

đô hộ. Xương vào nước ta, sai sứ giả đem đồ lễ đi trước đến dụ dỗ An. An sắp xếp nghi vệ đầy đủ, dẫn mọi người ra hàng. Người của họ Phùng bèn tan tác đi hết.

Khi Hung mới chết đã hiển linh, thường hiện hình trong đám dân quê. Nghìn xe vạn ngựa bay trên khoảng ngọn cây nóc nhà. Mọi người nhìn lên thì thấy rực rỡ như mây kết năm màu, văng vẳng tiếng đàn tiếng sáo ở trên trời, lại có tiếng hò hét, kiệu cang sáng rực, tất cả đều thấy được rành rành. Phàm trong thôn ấp có việc sợ hãi, việc vui mừng thì trước đã có bậc dị nhân ban đêm đến báo cho người hào trưởng biết. Mọi người cho là thần, lập miếu⁽¹⁾ ở phía tây phủ Đô hộ mà thờ cúng, cầu tạnh cầu mưa, không có điều gì là không linh ứng. Phàm có sự hồ nghi về việc trộm cướp, về việc tranh chấp thì sắm lễ vật đến bái yết trước đền, rồi làm lễ minh thệ, bèn lập tức thấy họa hoặc phúc bày rõ ngay. Người đi buôn bán, sắm lễ vật cầu được nhiều lãi, đều có ứng nghiệm. Mỗi khi vào ngày tạ lễ, người nhiều như núi như biển, bánh xe chật đường. Miếu mạo nguy nga, lửa hương bát tuyền.

Khi Ngô Tiên chúa lập quốc, quân phương Bắc vào ăn cướp. Tiên Chúa lo lắng; đêm nằm mộng thấy một ông già đầu bạc, mũ áo nghiêm trang đẹp đẽ, quạt lông gậy trúc tự xưng họ tên và nói rằng:

- Tôi đã đem vạn đội thần binh mai phục trước ở chỗ hiểm yếu, Chúa công mau tiến quân chống giặc đi, tức khắc có sức âm trợ, không nên lo ngại.

Đến trận đánh ở sông Bạch Đằng, đúng là thấy trên không trung có tiếng ngựa xe. Trận ấy quả nhiên thắng lớn. Tiên chúa lấy làm lạ, xuống chiếu lập đền

1. Đền thờ ở làng Cam Lâm, huyện Phú Thọ, Sơn Tây (nay là Hà Tây).

miếu to hơn quy mô cũ. Lại cho cờ quạt chiêng trống, điệu múa vạn vũ, cổ cúng thái lao để cảm tạ. Trải qua nhiều triều đại thay đổi, đã trở thành lễ cổ. Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285) Hoàng triều có sắc phong là “Phụ hựu đại vương”, năm Trùng Hưng thứ tư (1288), ban thêm hai chữ “Chương tín”. Năm Hưng Long thứ 20 (1312), lại ban thêm hai chữ “Sùng nghĩa”. Cho đến nay anh linh uy thế càng tăng, hương hỏa bất tuyệt.

2. TRIỆU VIỆT VƯƠNG VÀ LÝ NAM ĐẾ

Việt Vương họ Triệu, húy là Quang Phục. Nam Đế họ Lý, húy là Phạt Tử, đều là bộ tướng của Tiên Lý Nam Đế Lý Bôn cả. Thời Lương Vũ Đế, ở Giao Châu ta, huyện Thái Bình có Lý Bôn, đời đời làm hào trưởng, có tài lạ hơn người, thường có cái phong độ của Tiêu, Tào. Lại có Tinh Thiều giỏi về chữ nghĩa, văn học xuất sắc, đi thi cầu làm quan. Lại bộ Thượng thư nhà Lương là Sái Tổn cho rằng họ Tinh xưa nay chưa có ai là người giỏi, nhưng mà người này có phong độ khả quan thì cũng cho làm chức Môn lang ở Quảng Dương. Thiều lấy làm nhục; cùng với Bôn trở về cố quận. Nhân quan Thứ sử Vũ lâm hầu là Tiên Tư tàn bạo, việc hành chính rất mất lòng người, hai người bèn ngầm tính kế chống lại.

Khi đó Bôn trông coi châu Cửu Đức, liên kết với hào kiệt chín huyện, khí giới tinh nhuệ, cùng nhau khởi binh đánh cho Thứ sử Tiêu Tư phải chạy về Quảng Châu. Bôn ra chiếm đóng châu thành. Gặp lúc ấy người Lâm Ấp vào cướp đất Nhật Nam. Bôn sai tướng Phạm Tu đánh ở Cửu Đức, thu thắng lợi lớn, quân giặc tan hết. Bôn bèn tự xưng là Việt Vương, đặt trăm quan

chức, đổi kỷ nguyên là Thiên Đức, đặt Quốc hiệu là Vạn Xuân. Vua nhà Lương nghe thấy thế bèn phong Thứ sử Quảng Châu là Trần Bá Tiên làm Thứ sử Giao Châu. Tiên nghe nói Lý Bôn xưng Vương, bèn đem quân đánh. Bôn đánh nhau bị bất lợi, lui về động Khuất Lão, mắc bệnh mà chết. Kể từ lúc xưng Vương hiệu tức là năm Lương Đại Đồng thứ bảy (541) đến năm Lương Thái Thanh thứ hai (548) là lúc chết thì được tám năm.

Triệu Quang Phục vốn là người Chu Diên, làm chức Tả tướng quân của Bôn. Ở đất Chu Diên có một cái đầm lớn, rộng và sâu, không thể đo được bằng dậm. Bôn đã chết, Quang Phục bèn thu thập binh lính tàn mạt của Bôn được hai vạn người về để điều khiển chỉ huy, vào ẩn trong đầm. Đêm thì ra cướp trại giặc, ngày thì ẩn nấp. Bá Tiên sai người do thám biết rằng đó là Quang Phục, bèn xuất quân đánh dẹp, nhưng không thể làm gì được. Mọi người suy tôn ông làm Dạ Trạch vương. Quang Phục ở trong đầm một năm. Một đêm thấy có rồng vàng tháo cái móng chân cho Quang Phục và bảo:

- Đem cái này gài lên mũ đầu mâu. Quân giặc trông thấy, tự nhiên phải sợ phục.

Gặp khi nhà Lương có việc phải gọi Bá Tiên về phương Bắc, lưu tướng là Dương Săn ở lại trấn giữ thay Bá Tiên coi việc quân. Quang Phục từ sau khi được móng rồng, mưu lược lại càng khác thường, đánh đâu thắng đấy. Lại nhân Bá Tiên về phương Bắc bèn đem quân đánh Săn. Săn chống đánh lại, nhưng vừa trông thấy mũ đầu mâu thì lập tức thua trận và chết. Quang Phục vào chiếm đóng thành Long Biên, cai trị hai xứ Lộc Loà, Vũ Ninh, tự xưng là Nam Việt quốc vương.

Phật Tử là em họ của Lý Bôn. Lý Bôn chết thì Phật Tử theo anh của Bôn là Thiên Bảo dẫn ba vạn quân chạy lên vùng người Di, Lão. Bá Tiên treo giải thưởng để tìm

bất, nhưng không được. Thiên Bảo đến động Dã Năng ở đầu nguồn sông Thao, thấy cảnh ở đây đẹp dễ, đất đai sản vật phì nhiêu, đất màu mỡ mà lại rộng phẳng, bèn xây thành mà ở. Người kéo đến ở, tụ tập ngày một đông, trí năng ngày một rộng khắp, bèn trở thành nước Dã Năng. Mọi người bèn suy tôn Thiên Bảo lên làm Đào Lang vương. Chẳng bao lâu, Thiên Bảo chết không có con. Mọi người bàn bạc tôn Phật Tử lên thay. Vừa lúc nghe tin Bá Tiên về phương Bắc, Phật Tử bèn dẫn quân xuống phía đông. Người xung quanh khuyên Phật Tử xưng đế. Phật Tử nghe theo, nhân đó xưng hiệu là Nam Đế, đánh nhau với Việt Vương ở Thái Bình, tất cả năm trận, mộc giáo ngút ngàn, tên đá như mưa, mà chưa phân ai được ai thua. Nam Đế ít quân phải rút lui, biết Việt Vương có thuật lạ bèn xin giảng hòa. Việt Vương cũng nghĩ tình Nam Đế là thuộc dòng họ của Lý Bôn, bèn chia nước ra, lấy địa giới là châu Quân Thần, để cùng cai trị. Nam Đế đóng ở Ô Diên, sai con là Nhã Lang sang Việt Vương cầu hôn. Việt Vương gả con gái là Cảo Nương cho. Tình nghĩa mật thiết, đàn sắt đàn cầm hòa nhịp. Nhã Lang ngầm hỏi Cảo Nương rằng:

- Hai nước trước kia là kẻ thù, nay là thông gia, lòng trời tác hợp được duyên lạ như thế này. Năm trước hai nước đánh nhau, vua cha bình cơ thần diệu hơn hẳn cha ta, không hiểu có cái thuật lạ gì mà lại đi tới mưu hay như vậy.

Cảo Nương vốn là phận đàn bà kim chỉ, làm sao mà hiểu được thói đời sóng gió, bèn đưa mũ đầu mâu có móng rồng của Việt Vương cho xem, kể rõ đầu đuôi, và nói:

- Vua cha thiếp xưa nay thắng kẻ địch, là nhờ có vật này.

Nhã Lang ngầm dùng mưu thay móng rồng, rồi bảo Cảo Nương:

- Ta làm Phò mã đã lâu, nay nhớ đến cha mẹ. Há lại có thể say tình chân gối mà bỏ phận sớm tối ngọt bùi. Ý ta muốn định tạm về vấn an cha mẹ thì mới tỏ được chí nguyện. Chỉ ngại rằng đường xá xa xôi, đi lại vất vả, không thể sớm đi mà tối đến được. Tan đi thì nhiều, tụ lại thì ít, buồn đau xiết kể. Sau khi ta về nước, nếu có điều gì không lành xảy ra, nằng đi theo vua cha đến nơi nào thì rắc lông ngỗng để dễ cho việc tìm kiếm của ta.

Nhã Lang ra về, đem tất cả trình bày với Nam Đế. Nam Đế cả mừng, lập tức đem quân kéo thẳng đến đất của Việt Vương, như đi vào đất không người. Việt Vương không hiểu ra thế nào, đội mũ đầu mâu ra cự chiến đón đánh Nam Đế. Nhưng thần cơ đã bị tước mất, binh khí không thể phẫn chấn được. Nhà vua tự biết không chống nổi, dắt con gái chạy về phía nam, tìm chỗ đất hiểm để trốn tránh. Quân địch bám gót theo sát. Nhân đến một chốn châu phủ, nghỉ để lấy hơi, thì người tù tòng lại báo:

- Quân Nam Đế đã đến rồi!

Nhà vua sợ quá, hô to:

- Hoàng Long thần vương không giúp ta sao?

Bồng thấy rồng vàng chỉ mà nói:

- Chẳng phải ai đâu. Chỉ vì con gái vua là Cảo Nương rắc lông ngỗng dẫn đường cho địch. Đó chính là quân ác tặc, không giết đi còn chờ gì nữa?

Nhà vua quay lại lấy dao chém, con gái rơi chìm xuống nước. Nhà vua cưỡi ngựa chạy đến cửa biển Tiểu Nha, ngهن lổ, lại quay trở về, nhằm phía đông đi đến cửa biển Đại Nha, than rằng:

- Ta đến đường cùng rồi.

Bồng thấy rồng vàng rẽ nước thành đường mà dẫn đi. Nhà vua đi vào nước rồi thì nước khép lại như cũ.

Quân Nam Đế đến nơi, mệnh mông chẳng biết nhà vua đã đi theo hướng nào, bèn dẫn nhau quay về. Việt Vương giữ nước mười chín năm, kể từ năm Tân Mùi, niên hiệu Lương Đại Bảo thứ hai (551) đến năm Kỷ Sửu (569), niên hiệu Trần Đại Kiến thứ nhất, thì mất nước. Người đời thấy linh dị, bèn lập miếu ở cửa biển Đại Nha⁽¹⁾. Năm Trưng Hưng thứ nhất (1285), sách phong là Minh Đạo hoàng đế, năm Trưng Hưng thứ tư (1288) ban thêm cho hai chữ “Khai cơ”. Năm Hưng Long thứ 21 (1313) ban thêm cho bốn chữ “Thánh liệt thần vũ”.

Nam Đế đã thôn tính xong Triệu Việt Vương, bèn thiên đô đến Lộc Loa và Vũ Ninh, phong anh là Xương Ngập làm Thái Bình hầu giữ thành Long Biên, phong Đại tướng Lý Tấn Đình làm An Ninh hầu, giữ thành Ô Diên. Nam Đế làm vua ba mươi năm thì chết, kể từ năm Tân Mão (571), niên hiệu Trần Đại Kiến thứ ba đến năm Nhâm Tuất (602), đời Tùy Văn Đế, niên hiệu Nhân Thọ thứ hai.

Nam Đế chết, con là Sư Lợi lên làm vua, được mấy năm thì bị tướng nhà Tùy là Lưu Phương diệt. Nam Đế đã chết, người trong nước lập đền thờ khắp nơi. Miếu ở cửa biển Tiểu Nha và ở phường An Khang⁽²⁾ rất là linh

1. Thuộc địa phận làng Độc Bộ, huyện Nghĩa Hưng, Nam Định (nay là Nam Hà).

2. Theo sách *Nam Định tỉnh địa dư* (A.609, tờ 92b) chép: Đền thờ Hậu Lý Nam Đế ở cửa Tiểu Nha nay là địa phận xã Phù Sa, huyện Nghĩa Hưng, Nam Định. Đền này đối diện với đền làng Độc Bộ thờ Triệu Việt Vương. Về sau qua một đêm sấm sét dữ dội, mưa gió cực to, cả ngôi đền bị đánh bật xuống sông. Từ đó mất đền. Dân làng Độc Bộ dựng lại đền, nhưng không thờ Hậu Lý Nam Đế nữa, mà thờ Ngô Nhật Khánh, một trong 21 vị sứ quân đời sau.

dị. Năm Trùng Hưng thứ nhất, sắc phong là “Anh liệt trọng uy Hoàng đế”. Năm Trùng Hưng thứ tư, tặng thêm hai chữ “Nhân hiếu”. Năm Hưng Long thứ 21, tặng thêm bốn chữ “Khâm minh thánh vũ”. Hai miếu ấy đến nay hương hỏa bất tuyệt, linh ứng đã rõ từ lâu.

3. NHỊ TRÙNG PHU NHÂN

Sử ghi tên chị là Trắc, em là Nhị, vốn họ Hùng, là con gái quan Lạc tướng ở Giao Châu ta, người huyện Mê Linh, thuộc Phong Châu. Chị lấy Thi Sách, người huyện Chu Diên. Thi Sách là người có dũng lực, chuông hào khí. Thấy chừng cơ sự, quan Thứ sử là Tô Định bèn đặt vào phép, buộc tội Thi Sách mà hãm hại. Chị giận lắm, cùng với em cử binh đánh đuổi Tô Định, công hãm Giao Châu. Do đó các quận Nhật Nam, Hợp Phố, Cửu Chân nghe tin bèn hưởng ứng, lược định được hơn sáu mươi lăm thành ở cõi Lĩnh Ngoại, tự lập làm vua đất Việt, đóng ở Chu Diên, rồi xưng là họ Trưng.

Khi ấy Tô Định chạy về quận Nam Hải. Vua Hán Quang Vũ nghe tin, nổi giận, biếm đuổi Định ra Đam Nhĩ, sai bọn Mã Viện, Lưu Long đem đại quân sang đánh hai bà. Quân Hán kéo đến Lăng Bạc, bà đánh lại, quân ít không địch nổi, rút về giữ Cẩm Khê. Quân ngày một ly tán. Bà ở vào thế cô, bị chết trận.

Dân địa phương thương xót, lập đền thờ, nhiều lần hiển linh. Nay đền ở huyện An Hát.

Vua Lý Anh Tông, gặp thời hạn hán, sai Tĩnh Giới thiền sư làm lễ cầu mưa, thì được mưa, trời mát mẻ. Vua mừng lắm, nằm ngủ bỗng mộng thấy hai người đàn bà, mặt phù dung, mày dương liễu, áo xanh váy đỏ, mũ

đỏ, thất đai, cuôi ngựa sắt, theo mưa mà đến yết kiến. Vua lấy làm lạ bèn hỏi. Đáp rằng:

- Chúng tôi là hai chị em họ Trưng, vâng mệnh Thượng đế làm ra mưa.

Vua tỉnh dậy cảm xúc bèn sắc cho sửa lại đền, sắm lễ vật để tế. Lại sai sứ rước về phía bắc trong thành, xây đền Vũ sư để thờ. Sau hai bà lại báo mộng cho nhà vua xin lập đền thờ ở Cổ Lai⁽¹⁾. Nhà vua nghe theo, sắc phong là Trinh linh phu nhân.

Năm Trưng Hưng thứ 4 (1288), phong chị là Chế thắng phu nhân. Năm Hưng Long thứ 21 (1313), tặng thêm hai chữ “Thuần trinh”, lại tặng thêm cho em hai chữ “Bảo thuận”. Linh ứng rõ rệt từ lâu.

4. HIỆP CHÍNH HỤY THIỆN TRINH LIỆT CHÂN MẠNH PHU NHÂN

Phu nhân không rõ họ là gì, người Chiêm Thành, tên là My Ê, vợ vua Chiêm Thành xưa là Sạ Đẩu.

Dưới triều Lý Thái Tông, Sạ Đẩu không giữ phận triều cống, bỏ lễ phiên thân. Nhà vua thân sang đánh phương Nam. Đẩu dẫn quân chống lại ở sông Bồ Chính, liền bị quân nhà vua đánh tan, Đẩu chết tại trận. Vương phi và tỳ thiếp bị bắt làm tù binh đưa về. Về đến sông Lý Nhân, nhà vua nghe nói My Ê đẹp, bèn mật sai

1. *Cổ Lai*: chưa rõ là ở đâu. Chỉ biết hiện nay hai nơi có đền thờ chính là:

- Tại làng Hương Viên cũ, tục gọi là bãi Đồng Nhân, nay thuộc khu phố Hai Bà, Hà Nội.

- Tại làng Hát Môn, huyện Phúc Thọ, Sơn Tây (nay là Hà Tây).

phận đàn bà yếu ớt, không biết tính vào đâu. Nhờ có ơn lớn của bệ hạ sai sứ đưa tôi về được nơi suối vàng gặp chồng, ý nguyện đã thỏa; còn như có gì là anh linh mà đâu dám đến đường đột.

Nói xong, bỗng không thấy đâu nữa. Nhà vua giật mình tỉnh dậy mới biết là giấc mộng. Bèn lập tức dọn rượu tế tạ, sắc phong làm Hiệp chính nương. Từ đó xa gần cầu đảo đều thấy linh ứng.

Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), sắc phong là Hiệp chính hựu thiện phu nhân. Năm Trùng Hưng thứ tư (1288), tặng thêm hai chữ “trinh liệt”. Năm Hưng Long thứ 21 (1313), tặng thêm hai chữ “chân mãnh”. Đến nay thờ cúng, càng thấy linh ứng.

5. HIỆU ÚY UY MÃNH ANH LIỆT PHU TÍN ĐẠI VƯƠNG

Vương họ Lý, tên Ông Trọng, người Từ Liêm, thân dài hai trượng ba thước, khí chất thẳng thắn dũng mãnh, khác với người thường.

Lúc ít tuổi làm chức sự ở huyện ấp, bị quan Đô đốc đánh đòn, than rằng:

- Người ta ở đời có tráng chí, nên như chim loan chim phượng, cất cánh một cái bay xa vạn dặm, sao lại có thể chịu để người thóa mạ, làm nô lệ cho người sao?

Bèn bỏ đi học, ngày ròng tháng rã, thông hiểu kinh sử, vào làm quan cho nhà Tần đến chức Tư Lệ hiệu úy. Tần Thủy Hoàng thôn tính thiên hạ, sai ông đem quân giữ đất Lâm Thao, thanh thế chấn động đất Hung Nô, Thủy Hoàng rất quý trọng. Đến lúc già trở về làng quê. Thủy Hoàng sai lấy đồng đúc tượng ông, đặt ở cửa Tư

Mã ngoài Hàm Cung, trong bụng của tượng chứa được mấy chục người. Mỗi khi có sứ giả bốn phương đến, vua Tấn ngấm sai người chui vào trong bụng của tượng, làm cho tượng cử động. Người Hung Nô trông thấy sợ lắm, cho là quan hiệu úy vẫn sống, răn dè nhau chớ có phạm vào biên giới.

Đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785) đời vua Đường Đức Tông; Triệu Xương làm Đô hộ An Nam thường đi chơi ở trong nước ta. Một đêm thấy cùng Lý Ông Trọng nói chuyện về những điều trọng yếu trong đạo trị bình và giảng sách *Xuân Thu Tả truyện*. Nhân đó bèn về thăm nơi nhà cũ của ông, thì chỉ thấy sương khói ngang trời, mênh mang dòng sông, rêu phong lối đá, xanh rờn cây hoang, một đám mây lững lờ, hoa rơi trên đám cỏ. Bèn lập ra đền miếu⁽¹⁾, nhà cao tầng chông, dọn lễ dâng tế. Đến khi Cao Biền đánh quân Nam Chiếu, ông thường hiển linh giúp đỡ. Biền lấy làm kinh lạ, sai thợ sửa đền miếu lại, to hơn quy mô cũ, sai tạc sơn tượng, sắm lễ dâng tế. Hương hoa không bao giờ ngắt.

Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), sắc phong Anh Liệt vương. Năm Trùng Hưng thứ tư (1288), gia phong hai chữ “dũng mãnh”. Năm Hưng Long thứ 21 (1313), gia phong làm Phu Tín đại vương.

6. THÁI ÚY

TRUNG PHỤ DŨNG VŨ UY THẮNG CÔNG

Ông họ Lý, tên Thường Kiệt, người phường Thái Hòa, ở bên phải kinh thành Thăng Long. Cha ông là An

1. Đền ở làng Chèm, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Ngũ, làm quan đến chức Sùng ban Lang tướng, đời đời truyền hốt. Ông là người nhiều mưu lược, có tài tướng sủng, từ lúc ít tuổi đã lừng danh và phong tư tuấn nhã, được sung vào làm chức Hoàng môn Chi hầu, đến đời Lý Thái Tông được phong làm Nội thị Sảnh đô tri. Thánh Tông phong làm Hiệu úy Thái bảo. Ông giữ chức một cách cung cẩn, mọi việc làm đều tuân theo lễ pháp, không sai sót chút gì. Vua ban cho ông tiết việt đi kinh lý việc quan, việc dân hai quận Thanh Hoa, Nghệ An và năm huyện, ba nguồn các dân Man, Lạc, nếu ai trái mệnh thì được phép trấn áp ngay.

Duy nước Chiêm Thành trở nải việc triều cống, nhà vua thân chinh đi dẹp. Ông vâng mệnh lĩnh chức Đại tướng, sung làm Tiên phong, bắt được chúa Chiêm là Chế Củ. Do công lao, ông được phong làm Phụ quốc Thái phó, lại nhận chức Chủ trấn tiết độ, Đồng trung thư môn hạ, Thượng trụ quốc, Thiên tử nghĩa đệ, Phụ quốc Đại tướng quân, Khai quốc công.

Nhân Tông lên ngôi, được phong làm Thái úy, giữ chức đại thần, sự anh minh vũ dũng thực là rực rỡ. Ông vừa nghe tin người Tống muốn đem binh mã nhòm ngó nước ta để gây chiến tranh, bèn lập tức tâu vua rằng:

- Ngồi đợi kẻ địch đến, sao bằng đánh trước để bề gây mũi nhọn của nó.

Vua bèn sai ông thống lĩnh đại binh, phá được giặc ở các thành Ung Khâm, Liêm, khắc phục được ba châu, bốn trại, bắt được tù binh, thu được của cải không biết bao nhiêu mà kể. Năm Long Phù thứ nhất (1101), vua trao cho ông chức Nội thị phán sảnh đô áp vệ, Hành điện nội ngoại đô tri sự. Mùa đông, ông dẹp yên giặc Lý Giác ở Diễn Châu. Nhà Tống sang đánh báo thù vây hãm các châu Lục, Lược. Ông ra sức đắp thành ở sông Như Nguyệt, lấy lại được Vũ Bình Nguyên. Quân ta

thắng lợi trở về, nhà vua lại khen thưởng lớn. Đến khi ông mất, nhà vua truy tặng chức Nhập nội điện tri hiệu kiểm, Thái úy, Bình chương quân quốc trọng sự, Việt quốc công, cấp thực ấp một vạn hộ và cho em là Thường Hiến được nối tước phong hầu.

Những kẻ chuộng những truyện quỷ thần, đồng cốt để lừa dối người khác đều bị Thái úy trừng phạt rất nặng, quá nửa đều bị sa thải, thói tục dơ bẩn được rửa sạch. Cho nên thời ấy đền thờ nhảm đều được biến thành nơi thờ phúc thần. Nhân dân chịu ơn của ông nhiều, tâu xin lập đền thờ⁽¹⁾, hề có cầu đảo điều gì đều hiển ứng.

Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), sắc phong làm Trung phụ công. Năm Trùng Hưng thứ tư (1288), tặng thêm hai chữ “dũng mãnh”. Năm Hưng Long thứ 21 (1313), gia phong hai chữ “Uy thắng”. Đền thờ tôn nghiêm ngày càng linh ứng.

7. BẢO QUỐC TRẦN LINH ĐỊNH BANG, QUỐC ĐÔ THÀNH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG

Theo sách *Giao Châu ký* và *Báo cực truyện*, thì Vương họ Tô, tên Lịch, làm chức quan Lệnh ở Long Đỗ. Họ Tô dời dời ở đất Long Đỗ, dựng làng trên bờ con sông nhỏ, nhà không giàu có lắm, tể gia chỉ biết lấy đạo hiếu để làm đầu, ba đời biết nhường nhịn mà ở chung với nhau. Thời Tấn có lệ đề cử những người hiếu hạnh, ông được đề cử, cho nên có chiếu nhà vua về khen, cấm cớ biểu dương ở cổng làng; năm mất mùa, thóc thiếu, có

1. Đền thờ chính ở xã Ngọ Xá, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa.

chiếu cho cả làng vay thóc. Vì thế mà lấy tên Tô Lịch đặt làm tên làng.

Vào đời Đường Mục Tông, niên hiệu Trường Khánh thứ ba (823), quan Đô hộ là Lý Nguyên Gia thấy ở cổng bắc thành Long Biên có dòng nước chảy ngược, địa thế khả quan, bèn đi tìm khắp, thấy được chỗ cao ráo, cửa ngõ nhiều tầng, bốn phía nhà cửa bao quanh liên tiếp. Chỗ ấy chính là nơi đất nhà cũ của Vương. Nguyên Gia bèn mổ bò, nấu rượu, mời tất cả các bậc kỳ lão ở trong làng đến kể lại chuyện về Vương, tỏ ý muốn tâu nhà vua xin thờ Vương làm Thần hoàng. Trên dưới cùng lòng theo ý đó, tất cả mọi người đều được mãn ý. Bèn khởi công xây dựng, chẳng mấy ngày mà thành một ngôi đền nguy nga tráng lệ. Ngày làm lễ khánh thành, múa nhảy náo nhiệt, đàn sáo tung bùng. Đất nhờ người mà trở thành thắng cảnh, người nhờ đức mà thịnh vượng, há chẳng đúng như thế hay sao?

Đêm ấy, Lý Nguyên Gia ngủ bên cửa sổ, bỗng có một trận gió mát ào tới, bụi cuốn cát bay, rèm lay án động. Có một người cười hươu trắng từ trên trời xuống, tóc và lông mi đều bạc phơ, quần áo thắm tươi, bảo Nguyên Gia rằng:

- Tôi được Sứ quân ủy cho làm Thành hoàng ở đây. Nếu Sứ quân biết giáo hóa cư dân trong thành, hết lòng tận trung thì mới đáng là chức Mục, Thù, xứng với trách nhiệm của một người làm quan tốt.

Nguyên Gia vái lạy xin vâng theo, và hỏi họ tên, nhưng không được trả lời. Hốt nhiên tỉnh dậy, mới biết là giấc mộng.

Đến khi Cao Biên xây thành Đại La, nghe thấy thần rất là linh dị, bèn sắm lễ vật dâng tế, tôn là Đô phủ Thánh hoàng thần quân.

Khi Lý Thái Tổ thiên đô về, thường nằm mộng thấy có ông già đầu bạc đi thấp thoáng ở trước sân rồng, lay hai lay, cúi đầu hô mừng:

- Vạn tuế!

Vua lấy làm lạ, hỏi họ tên. Ông già tâu hết nguyên ủy. Vua cười nói:

- Vị tôn thân muốn hưởng giữ hương lửa tới trăm năm hay sao?

Đáp:

- Cốt mong cho cơ đồ của Hoàng đế bền lâu như Thái Sơn, bàn thạch, thánh thọ vô cương, trong triều ngoài quận đều được thái hòa, thì lũ chúng tôi chẳng phải giữ được trăm năm hương lửa mà thôi đâu!

Nhà vua tỉnh dậy, sai quan đến tế lễ, phong thần làm Quốc đô Thăng Long Thành hoàng đại vương. Dân cư cầu đảo và làm lễ thể, thì họa hay phúc hiển ứng rành rành.

Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), sắc phong hai chữ “Bảo quốc”. Năm Trùng Hưng thứ tư (1288), tặng thêm hai chữ “Hiển linh”. Năm Hưng Long thứ 21 (1313), lại gia phong hai chữ “Định bang”.

8. ĐÔ ĐỐC KHUÔNG QUỐC TÁ THÁNH VƯƠNG

Vương họ Lê, tên Phụng Hiếu, người làng Bằng Sơn (nay là làng Dương Sơn, huyện Hoằng Hóa), phủ Thanh Hoa (nay là tỉnh Thanh Hóa). Có người nói: Vương là cháu ông Định Phiên hầu Lê Đĩnh.

Vương người cao lớn, tướng đẹp, râu tốt, có sức khỏe lạ thường. Lúc còn trẻ ở Lương Giang có bọn cật khỏe tranh ruộng, Vương lấy tay nhổ tre non cả gốc lẫn

rẽ xông ra đánh, không ai địch nổi. Sách *Việt sử bổ di* chép: “Vương lúc trẻ rất hùng dũng. Có hai làng Cổ Bi và Đàm Xá vì tranh địa giới, dàn quân ra đối đáp với nhau. Vương xắn tay áo bảo người làng Cổ Bi rằng: “Chỉ một mình ta đánh nổi vạn người!”. Phụ lão trong làng nghe nói rất mừng, đem cơm rượu khoản đãi. Vương ăn hết nổi “ba mươi” cơm, uống rượu cực nhiều, rồi một mình ra khiêu chiến. Quân làng Đàm Xá xông đến, Vương nhổ cây đánh vung như trận gió táp, quân làng Đàm Xá bị thương rất nhiều, bỏ chạy tan tác. Làng ấy khiếp sợ phải chịu trả ruộng cho làng Cổ Bi.

Bấy giờ vua Lý Thái Tổ tuyển những người có sức khỏe sung vào quân Túc vệ. Vương được tuyển dụng, siêng năng, được việc, vua rất khen ngợi và cất dần lên tới chức Vũ vệ Tướng quân, cùng hàng với các tướng Đàm Thản, Quách Thịnh Dật và Lý Huyền Sư. Vua Thái Tổ mất, Thái Tông theo di chiếu lên ngôi (1028). Dực Thánh Vương, Vũ Đức Vương và Đông Chinh Vương là ba người con thứ của vua Thái Tổ cùng mưu làm loạn, đem vệ binh ở các phủ đến vây nội thành, chia cửa tranh nhau tiến vào. Thái Tông sợ hãi không biết làm sao, gọi Vương vào bảo:

- Trẫm nay tiến thoái đều không được, giao quyền cho ngươi tùy tiện chống đánh.

Vương liền đem vệ binh trong cung ra cửa Đại Nội giáp chiến với quân ngoài, một hồi chưa phân được thua. Vương nổi giận tuốt gươm tiến thẳng tới cửa Quảng Dương, hô to lên bảo Vũ Đức Vương rằng:

- Các Vương định cướp ngôi báu, coi khinh Tự quân, thật là trái mệnh Tiên đế, lỗi đạo làm tôi, Phụng Hiếu này xin dâng các Vương nhát kiếm!

Nói xong, xông tới trước ngựa; Vũ Đức Vương trở tay không kịp bị Vương chém chết. Quân ba phủ thua

chạy tan tác, quan quân đuổi bắt không sót một người, chỉ có Đông Chinh Vương và Dục Thánh Vương trốn thoát. Vương về tâu tin thắng trận trước linh cữu Thái Tổ, rồi sang điện Càn Nguyên tâu vua Thái Tông. Vua bảo Vương rằng:

- Trẫm được an toàn, giữ được cơ nghiệp của Tiên đế là nhờ sức người cả! Thường xem *Đường sử*, thấy Uất Trì Kính Đức giúp vua trong khi khó nạn, tự nghĩ bề tôi về sau ít người được bằng. Nay nhà ngươi trung dũng, lại thấy còn hơn Kính Đức.

Wương lay tạ, nói rằng:

- Bệ hạ đức cảm tới trời đất, uy lừng khắp biên thùy, trong ngoài đều phục theo. Ba Vương dám manh tâm làm bậy, trời đất quỷ thần không dung tha, chú không phải sức của hạ thần dẹp nổi!

Vua bèn cất nhắc làm Đô thống Thượng tướng quân, phong tước hầu.

Năm Thiên Cảm Thánh Vũ thứ 1 (1044), Thái Tông sang đánh Chiêm Thành. Vương làm Tiên phong, đại thắng quân Chiêm, tiếng lừng các nước phiên thuộc. Lúc khải hoàn thưởng công, vua sai lấy ruộng công hơn 1.000 mẫu ở dưới núi Bằng Sơn cấp cho Vương làm ruộng tư, miễn nộp thuế hàng năm (Theo *Sử ký*: khi thắng Chiêm về, Phụng Hiểu không muốn được thưởng chức tước, chỉ xin cho đứng ở trên núi Bằng Sơn phóng con dao đi, hễ dao rơi xuống, cắm đến chỗ nào thì xin ruộng đến chỗ ấy. Vua thuận cho, Phụng Hiểu lên núi phóng dao đi xa tới hơn 10 dặm, rơi xuống địa phận làng Đa Mỹ. Vua bèn cho ruộng từ chân núi Bằng Sơn đến đấy, miễn thuế ruộng "cắm dao". Sau đó ở châu Á những ruộng thưởng người có công, đều gọi là ruộng "cắm dao" tức là theo nghĩa ở đây).

Vương hết lòng trung thành thờ vua, biết điều gì là nói luôn không giấu giếm. Đi đánh dẹp tới đâu cũng thắng. Vương thọ 77 tuổi. Sau khi mất, thổ dân nhớ tiếc lập đền thờ làm phúc thần, cầu đảo rất được linh ứng.

Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), phong Đô Thống vương, năm thứ tư (1288), gia phong hai chữ “Khuông quốc”, năm Hưng Long thứ 21 (1313), gia phong hai chữ “Tá thánh”. Đền thờ nguy nga, tới nay hương lửa không dứt.

9. THÁI ÚY TRUNG TUỆ VŨ LƯỢNG CÔNG⁽¹⁾

Xét sử và truyện: ông họ Mục, tên Thận, làm nghề đánh cá.

Trong đời vua Lý Nhân Tông (1092-1127), quan Thái sử Lê Văn Thịnh nuôi được một tên gia nô người Đại Lý (Vân Nam) có thuật lạ: đọc thần chú xong, biến hình thành hổ báo. Văn Thịnh cố dỗ y dạy mình thuật ấy. Học được thuật rồi, liền lập mưu giết tên gia nô và định dùng thuật hại vua để cướp ngôi.

Bấy giờ, vua Nhân Tông ngự ra Tây Hồ xem đánh cá, thuyền vua đang bơi trong hồ, bỗng thấy mây mù nổi lên phủ kín, rồi nghe có tiếng mái chèo tới gần, trong đám mây mù trông thấy có con hổ lớn nhe răng, dương vuốt chực hại người. Nhân Tông hoảng sợ, bối rối. Lúc ấy, Mục Công ngồi thuyền đánh cá ở gần, nhìn kỹ thấy thế nói:

- Việc gấp lắm rồi!

1. Đền ở xã Vồng Thị và xã Trích Sài, gần Hồ Tây, Hà Nội.

Liên quăng lưới chụp vào thuyền kia, bắt được con hổ và nhận ra là Lê Văn Thịnh.

Thái Tông giận, sai lấy dây sắt xích lại, bỏ vào cũi, rồi đẩy lên miền Thao Giang. Vua khen Mục Công đã có công cứu vua, liền cất nhắc làm Đô úy và sau thăng tới Phụ quốc Tướng quân. Khi mất tặng chức Thái úy. Vua sai dựng đền tạc tượng thờ. Đền rất thiêng, có một con rắn to ở trong hốc cột bên đền, cứ ngày rằm, mồng một lại ra nằm dưới chân tượng, nhân dân vào lễ, qua lại như thường, chỉ có người nào bắn thú mà vào thì bị rắn cắn. Tới đến rắn lại vào trong hốc cột.

Tới nay, dân làng sửa sang ngôi đền đẹp thêm và thờ ông làm phúc thần. Năm Trùng Hưng thứ tư (1288), sắc phong làm Trung Tuệ công, năm Hưng Long 21 (1313), gia phong hai chữ “Vũ Lượng”.

10. QUẢ NGHỊ CƯƠNG CHÍNH UY HUỆ VƯƠNG

Xét *Đỗ Thiện* sử dẫn *Giao Chỉ ký*: Vương tên là Cao Lỗ, một tướng giỏi của An Dương Vương xưa, tục gọi là Đô Lỗ, hoặc gọi là Thạch thần.

Khi Cao Biền đã dẹp yên giặc Nam Chiếu (865-866), đem binh đi tuần châu Vũ Ninh, đêm mộng thấy một người thân cao chín thước, ăn mặc lịch sự, búi tóc nhọn, cài trâm hình lưỡi đao, gậy đỏ giắt ở lưng, đến nói với Biền rằng:

- Tôi là Cao Lỗ, xưa giúp An Dương Vương làm Đại tướng, đánh giặc có công to, sau vì kẻ đại thần là Lạc Hầu nói gièm, tôi bị vua giết. Đức Thượng đế thương tôi là người trung, cho làm Đô Thống tướng quân, giữ một dải non sông, phạm việc dẹp giặc và việc mùa màng tôi

dều được quyền định đoạt cá, nghĩa là được làm phúc thần của một phương. Nay theo mình công dẹp giặc đã yên, tôi lại trở về, nếu không đến từ biệt thì hóa ra vô lễ!

Biên hỏi:

- Lạc Hầu có sự gì ghen ghét mà lại làm hại ông như thế?

Đáp rằng:

- Việc u mình không thể tiết lộ được.

Biên cố hỏi, mới nói rằng:

- An Dương Vương là “tinh” con gà, Lạc Hầu là “tinh” con vượn trắng, còn tôi là “tinh” con rồng đá. Gà với vượn thì hợp nhau mà không hợp với rồng, cho nên sinh ra như thế.

Nói rồi vụt biến mất. Biên tỉnh dậy, nói chuyện lại với tướng tá, rồi đắc ý ngâm:

*Mỹ tại Giao Châu địa,
Du du vạn tải lai.
Cổ hiền đắc tiếp kiến,
Phương bất phụ linh đài.*

Nghĩa là:

Đẹp thay đất Giao Châu,
Dằng dặc muôn năm nay.
Được tiếp kiến người hiền cõi xưa,
Không phụ tấm lòng đa cảm.

Tương truyền chỗ sông Đại Than là chỗ dinh của Vương đóng, thường nổi mây, đổ mưa, thành những cơn phong ba dữ dội, ai qua đấy, vào đến lễ, kêu cầu trước thì thuyền đến giữa sông, dù gặp sóng gió cũng không bị nguy hiểm.

Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), sắc phong Nghị Vương. Năm Trùng Hưng thứ tư (1288), gia phong hai chữ “Cương chính”. Năm Hưng Long thứ 21 (1313), gia phong hai chữ “Uy huệ”.

11. QUẢNG LỢI THÁNH HỮU UY TẾ PHU ỨNG ĐẠI VƯƠNG⁽¹⁾

Khi xưa, Cao Biền đắp thành Đại La. Một buổi trưa, đi chơi vợ vắn ra cửa đông ngoại thành. bỗng thấy mây mù nổi to, rồi có khí lành năm sắc rực rỡ lấp lóe như sao sáng rực, lạnh rợn người. Trong năm sắc ấy thấy một người cười rỗng vàng, đầu đội mũ hoa đỏ, mình mặc áo màu rắng tía, xiêm thêu, giày đỏ, đồng thời thấy mùi hương ngào ngạt, tiếng nhạc vang lừng một hồi lâu mới tan. Cao Biền kinh hãi, cho là yêu ma tác quái, đòi hỏi xằng bậy được người đời cúng bái, cũng chẳng có gì là kỳ lạ cả. Đêm hôm ấy, Biền mộng thấy một ông cụ hình dạng ăn mặc như lúc ban ngày, đến bảo Biền rằng:

- Ta là Long Đỗ vương đời quân, thấy ông mở dựng Đô thành, nên tôi lại chơi, ông đừng ngờ!

Biền tỉnh dậy, nói chuyện với mọi người rồi than rằng:

- Ta không biết làm chính trị, để quỷ thần trêu ta, điềm tốt hay điềm dữ đây?

Có người bảo Biền dựng đền, đắp tượng thờ, rồi lấy đồng sắt chôn xuống để trấn áp. Biền theo lời làm như thế. Bỗng một cơn mưa bão rất to, đổ cây, tung đất, bao nhiêu đồng sắt đã yểm đều tan ra thành tro bụi. Biền thấy vậy, than rằng:

- Ta sẽ phải về Bắc mất!

1. Thần được thờ ở đền Bạch Mã, phố Hàng Buồm, Hà Nội.

Rồi quả nhiên Biển phải về thật.

Đến đời nhà Lý, dựng đô ở đây, vua Thái Tông cho mở phố chợ về cửa đông, hàng quán chen chúc, sát tới bên đền, rất là huyên náo. Muốn chuyển đền ra một chỗ khác yên tĩnh hơn, song vua lại nghĩ: một ngôi đền cổ không nên dời đi! Vua bèn cho sửa sang lại đền, liền với các nhà ngoài phố, dành riêng một ngôi nhà làm nơi thờ thần. Đến đêm, thần liền hiển linh, nổi trận gió bắc rất to, các nhà bên đền đều đổ, duy đền thờ thần vẫn nguyên vẹn. Vua Thái Tông lấy làm lạ hỏi. Có người biết, tâu rõ việc hiển linh của thần từ trước. Vua mừng nói:

- Đó thật là vị thần coi việc nhân gian.

Liên xuống chiếu cho sửa lễ tế và đặt lệ mỗi năm cứ đầu mùa xuân lại đến đền làm lễ cầu phúc. Lại sắc phong thần làm Quảng Lợi vương. Trước đây ở phố chợ cửa đông, ba lần phát hỏa, các nhà trong phố bị cháy hầu như hết, duy chỗ đền thờ thần, lửa không bao giờ lan tới.

Năm Trùng Hưng 1 (1285), sắc phong hai chữ "Thánh hựu". Năm Hưng Long 21 (1313), gia phong hai chữ "Phu ứng", tiến tước lên Đại vương.

Quan Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải có đề một bài thơ ở đền rằng:

*Tích văn nhân đạo Đại vương linh,
Kim nhật phương tri quỷ mị kinh.
Hỏa bắc tam khu thiên bất tận,
Phong trần nhất trận phiến nan khuynh.
Chỉ huy vọng lượng tham thiên chúng,
Đàn áp yêu ma bách vạn binh.
Nguyễn trượng dư uy thanh Bắc khấu,
Đón linh vũ trụ lạc thắng bình.*

Nghĩa là:

Trước vẫn nghe người ta nói: Đại vương thiêng,
Nay mới biết: bọn quỷ ma đều khiếp sợ

Đại vương.

Lửa bốc ba lần không cháy được đền,
Gió bão một trận không làm nghiêng được.

Chỉ huy ba nghìn quỷ binh,

Đàn áp được yêu ma trăm vạn.

Xin nhờ dư uy của Đại vương để dẹp giặc Bắc,

Khiến cho vũ trụ được bình yên.

Tới nay, đền thờ nguy nga, tiếng anh linh còn mãi.

12. TẢN VIÊN HỰU THÁNH

KHUÔNG QUỐC HIỂN ỨNG VƯƠNG⁽¹⁾

Xét sách *Giao Chỉ ký* của Tăng Công: Vương là Sơn Tinh (thần núi), cùng với Thủy Tinh (thần nước) kết bạn, ở ẩn trong động Gia Ninh, thuộc về Phong Châu.

Khi ấy, Hùng Vương có một người con gái tên là Mỹ Nương, sắc đẹp tuyệt trần. Vua nước Thục sai sứ giả sang cầu hôn, Hùng Vương định gả. Có quan đại thần là Lạc Hầu tâu rằng:

- Không nên! Họ định mượn cớ cầu hôn để ngấp nghé đất nước ta đó!

Hùng Vương sợ không gả thì gây hiểm khích. Lạc Hầu tâu rằng:

- Đại Vương trị một nước đất rộng dân đông, nay kén lấy một người có tài cao thuật lạ, cho làm rể, rồi đặt binh mai phục để đợi, thì còn lo chi!

1. Đền chính ở núi Tản Viên, huyện Bất Bạt, Sơn Tây (nay là Hà Tây).

Hùng Vương nghe lời, bèn không gả con cho vua Thục, rồi đi khắp trong nước kén lấy một người có thuật tài lạ. Vương và Thủy Tinh đều ra ứng tuyển. Vua Hùng sai thử phép thuật của hai người: Vương thì trông suốt qua được ngọc, đá; còn Thủy Tinh đi xuống nước, vào lửa đều được cả. Thấy cả hai người đều có thuật tinh thông, vua lấy làm mừng, bảo Lạc Hầu rằng:

- Hai người đều đáng làm rể, nhưng ta chỉ có một con gái, biết gả cho người nào đây?

Lạc Hầu tâu:

- Xin vua hẹn: hễ ai dẫn cưới đến trước thì gả.

Vua nghe lời, hẹn hai người về sửa lễ. Vương về, ngay đêm hôm ấy sửa soạn các thứ vàng, bạc, ngọc quý, tê, voi cùng các giống chim muông lạ, mỗi thứ có tới hàng trăm, sớm hôm sau đem hiến dâng vua. Hùng Vương mừng, gả luôn My Nương cho Vương đón về ở Lôi Sơn. Đến buổi chiều, Thủy Tinh cũng sắm đủ các thứ như trâu châu, đồi mồi, san hô và các giống cá lạ, mỗi thứ cũng tới hàng trăm. Nhưng đến nơi thì Sơn Tinh đã lấy được My Nương đem về rồi. Thủy Tinh nổi giận bèn đem quân đuổi theo, định phá tan Lôi Sơn. Nhưng bảy giờ Vương đã dời về ở trên núi Tản. Thủy Tinh không làm gì nổi, từ đó căm thù mãi, mỗi năm vào mùa thu lại dâng nước lên đánh núi Tản Viên. Dân ở vùng ấy cùng nhau kết gỗ thành hàng rào để làm viện trợ, giữ chân núi, Thủy Tinh không phạm tới được.

Những dấu tích thiêng liêng của Đại Vương rất nhiều, không thể nào thuật ra hết được.

Trùng Hưng năm thứ nhất (1285), sắc phong Hựu Thánh vương. Năm thứ tư (1288), gia phong hai chữ “Khuông quốc”, rồi lại thêm hai chữ “Hiển ứng”.

13. GIA ỪNG THIỆN CẢM LINH VŨ ĐẠI VƯƠNG

Theo *Tam quốc chí*, thì vương họ Sĩ tên Nhiếp, người huyện Quảng Tín, quận Thương Ngô, tổ tiên vốn là người đất Văn Dương nước Lỗ, nhân gặp loạn Vương Mãn mà tị nạn xuống đây, được sáu đời thì đến cha của Vương tên là Tứ. Vào thời vua Hán Hoàn Đế, Tứ làm Thái thú Nhật Nam.

Lúc ít tuổi, Vương về Kinh sư du học, chuyên trị sách *Tả Thị Xuân thu*, được cử làm Hiếu liêm⁽¹⁾, bổ làm Thượng thư lang, vì có việc công mà bị bãi quan. Sau khi cha mất, lại được cử là Mậu tài⁽²⁾, bổ làm chức quan Lệnh ở Hàm Dương. Vào thời vua Hán Hiến Đế, được chuyển sang làm Thái thú đất Giao Châu, khi đó Trương Tân đương làm Thứ sử Giao Châu. Cuối đời Hán, ba nước⁽³⁾ tranh hùng, tạo nên thế chân vạc. Vương cai trị hai thành Luy Lâu và Quảng Tín. Về sau Trương Tân bị tướng giặc là Khu Cảnh giết chết. Lưu Biểu ở Kinh Châu bèn sai Lại Cung ở Linh Lăng, quyền giữ cả chức Thứ sử Giao Châu. Vua Hiến Đế nghe biết chuyện đó bèn ban ấn cho Vương, có thư rằng: "Giao Châu là chốn hẻo lánh, đức hóa tuổi đến thì xa, núi sông thuộc phận sao Dục sao

1. 2. *Hiếu liêm* (có đạo đức hiếu hạnh và liêm chính) và *Mậu tài* (nhiều tài năng, tài năng dồi dào) là những danh vị trở kẻ nho sĩ được các địa phương đề cử lên với triều đình để chọn lựa vào bộ máy quan liêu, là danh vị cho kẻ nho sĩ xuất sắc, khi chưa có chế độ thi cử.

3. Cuối đời Đông Hán, sau đời Hán Hiến Đế, đất nước Trung Quốc bị chia cắt làm ba nước Ngụy, Thục, Ngô; mỗi nước ở một góc như ba cái chân vạc (đỉnh) chống chọi nhau.

Chân¹⁾ sách trời đã chia rõ; sơn xuyên là nơi thắng cảnh. Nam Bắc đi lại xa xôi khó khăn; ân trên ban bố xuống không thể rõ rệt. nghĩa dưới bày tỏ lên thường bị tắc nghẽn. Bọn nghịch tặc ngu xuẩn, dám lộng binh quyền, không tự biết là đồ hung bạo, tính chuyện cầu may. Hơn thế nữa, tên giặc Lưu Biểu lại còn sai Lại Cung nhòm ngó đất phương Nam. Xét cái hạng người tự làm điều ác, tự bỏ mình đi ấy, tự tiện nắm quyền tác uy tác phúc ấy, thì tội trạng đến như vậy, viết ra không thể xiết. Nay ủy cho khanh làm Tuy Nam trung lang tướng, thu tóm binh mã bảy quận, lĩnh chức Giao Châu Thái thú, tất cả mọi việc đều được tiện nghi mà làm, cốt sao cho được thanh bình, xua đuổi giặc cướp, giữ yên dân chúng, làm cho lắng sạch khí độc bụi bẩn, ban bố rộng rãi ân trạch tốt lành. Mọi việc trong ngoài, nhất thiết đều ủy cho khanh cả. Nên lo lắng chức vụ của mình, chớ làm sai mệnh của trẫm”.

Vương bèn sai Trương Mạn, sang cống ở Kinh đô nhà Hán. Khi đó đang có chiến tranh, thiên hạ tắng loạn, đường sá xa xôi, đi lại gian lao, mà Vương không bỏ việc báo cáo chức vụ và dâng nộp cống phẩm, giữ đúng phận làm bề tôi. Vua nhà Hán bèn lại xuống chiếu khen thưởng. Chiếu ấy viết rằng: “Giao Châu là đất văn hiến, sơn xuyên có nhiều của báu lạ, văn vật khả quan, nhân tài kiệt xuất. Liền năm có nạn chiến tranh, từ trước đến nay không được kẻ có tài năng làm quan Thú mục, cho nên khu vực xa xôi của khanh chưa từng thấm đượm nhã hóa. Đến khi đặc biệt ủy nhiệm cho khanh chức vụ nặng

1. Theo khoa thiên văn và địa lý cổ ở Trung Quốc, thì mỗi chòm sao hoặc ngôi sao trên trời ứng với một địa phương ở dưới đất, gọi là tinh phận. Đất Lĩnh Nam, tức là vùng phía nam Trung Quốc và nước ta thì thuộc phận sao Dục và sao Chân.

nê, thì lập tức là theo được phong độ của kẻ làm quan tốt, chần dất dân chúng lấy điều nhân làm ân nghĩa, không thẹn là người bề tôi rường cột. Nay lại cử khanh làm An Viễn tướng quân, phong tước Long Độ Đình hầu”.

Về sau viên Thái thú Thương Ngô là Ngô Cự (có chỗ viết là Khuông) có hiềm khích với Lại Cung, đem quân đuổi Cung đi. Cung thua chạy về Linh Lăng. Khi đó Tôn Quyền, vua nước Ngô, sai Bộ Chấn sang làm Thứ sử Giao Châu⁽¹⁾. Bộ Chấn đến nơi, Vương đem anh em ra đón tiếp. Vua Ngô thăng cho Vương làm Tả tướng quân, ba người con của Vương đều phong làm Trung lang tướng. Vương cho con vào làm con tin ở nước Ngô, lại dụ bốn thổ hào Ích Châu là lữ Ung Khải đem dân về theo với nước Ngô. Vua Ngô lại càng coi trọng Vương, thăng chức Vệ tướng quân, phong làm Long Biên hầu, Đệ nhất thiên tướng quân. Mỗi khi Vương cho sứ giả vào nước Ngô thì sai đem dâng các thứ hương liệu, vải mịn kể đến hàng nghìn, các thứ châu ngọc đổi mỗi, pha lẫn lông chảnh, ngà voi, sừng tê, hoa kỳ, cỏ lạ, chuỗi tiêu, dưa, nhãn. Không năm nào là không có sứ đem vào Ngô. Có lần đem dâng cống hàng mấy trăm cỗ ngựa. Vua Ngô bèn có quà quý gửi tặng để đáp lại và ủy lạo, phong cho ba anh em của Vương làm quan. Nhất làm Thái thú Hợp Phố, Vị làm Thái thú Cửu Chân, Vũ làm Thái thú Nam Hải.

Vương tính tình khoan hậu, quý trọng kẻ nho sĩ. Các nho sĩ nhà Hán chạy loạn phần lớn đều theo về. Người trong châu đều gọi là Vương. Khi ấy Trần Quốc Huy (có chỗ viết là Trung) gửi thư cho quan Thượng thư lệnh là

1. Khi đó nhà Hán mất, Sĩ Nhiếp theo về với nước Ngô của Tôn Quyền, và Tôn Quyền sai Bộ Chấn làm Thứ sử Giao Châu, ở trên quyền của Sĩ Nhiếp (Nhiếp chỉ giữ chức Thái thú Giao Châu).

Tuân Húc⁽¹⁾, đại lược rằng: “Ông Sĩ phủ quân đất Giao Châu, học văn tài giỏi, lại thông đạt trong việc trị dân. Giữa thời đại loạn, bảo toàn được cả một phương trong hơn hai mươi năm không có chiến tranh, dân không bỏ mùa màng, quân được nhờ phúc lớn, dẫu đến Đậu Dung giữ đất Hà Tây há lại có thể hơn thế được ư?”.

Em của vương đều làm quan ở các quận. Hùng trưởng một châu, riêng một vạn dặm, uy thế tôn quý vô thượng, mỗi khi ra vào thì rung chuông gõ khánh, bày đủ uy nghi đàn sáo vang lừng, xe ngựa chập lồi, người rợ Hồ⁽²⁾ kèm sát bên xe đốt hương. Thường thường có hàng mấy chục nàng hầu. Nàng hầu thì ngồi trong xe có màn dệm. Con em thì đi theo binh kỵ. Sự tôn quý trọng vọng nổi bật khắp đương thời. Sự uy nghiêm thanh thế chấn động đến vạn dặm: Ủy Đà⁽³⁾ ngày trước cũng không vượt quá được thế. Lúc chết thọ 90 tuổi, cai trị đất Giao Châu 48 năm.

Theo *Báo cực truyện* thì Sĩ Vương giỏi phép nhiếp dưỡng⁽⁴⁾. Dem chôn dưới đất đến cuối đời Tấn thì kể được hơn một trăm sáu chục năm. Thế mà khi người

1. *Tuân Húc*: làm quan với Tào Tháo, về danh nghĩa thì là quan nhà Hán, vì khi đó nhà Hán chưa mất và Tào Tháo tuy nắm thực quyền nhưng vẫn là Thừa tướng nhà Hán. Đoạn này nói về lúc Sĩ Nhiếp làm quan nhà Hán.

2. *Rợ Hồ*: danh từ trỏ người Hung Nô, ở phía bắc Trung Quốc. Chắc là Sĩ Nhiếp tuyển người Hồ sang làm đội cận vệ.

3. *Ủy Đà*: Quan úy Triệu Đà. Trước kia khi Triệu Đà xưng là Nam Việt Đế, dùng xe hoàng ốc, cờ tả đạo, nghi vệ của Hoàng đế, tự coi mình ngang hàng với vua Hán. Ở đây ý nói xưa kia Triệu Đà hùng cứ một phương, có uy thanh rất lớn, thế mà cũng không hơn Sĩ Nhiếp.

4. *Nhiếp dưỡng*: thuật tu dưỡng của kẻ theo đạo thần tiên (tức Đạo giáo), giữ gìn tinh khí không cho hao phí để sống lâu khỏe mạnh.

Lâm Ấp¹¹ vào ăn cướp, đào mộ lên, thấy thân thể vẫn không nát, mặt mũi vẫn như lúc còn sống. Chúng sợ quá, bèn vội chôn lấp lại. Dân địa phương lưu truyền việc ấy, coi là thần linh, lập miếu để thờ, gọi là Sĩ Vương tiên. Đến giữa đời Đường Hàm Thông. Cao Biền phá tan quân Nam Chiếu, đi tới đất ấy, gặp một bậc dị nhân, mặt mũi phương phi, mặc vũ y nghệ thường¹², đón đường mà nghênh tiếp. Biền hài lòng, mời vào trướng nói chuyện, thì thấy toàn nói việc đời Tam quốc; khi tiễn đưa ra cửa thì bỗng nhiên không thấy đâu nữa. Cao Vương lấy làm lạ, bèn dò hỏi. Dân làng ở đấy trỏ mộ Sĩ Vương để trả lời. Biền than thở mãi, ngâm thơ rằng:

*Sau đời Ngụy Hoàng sơ,
Đã được ngũ bách niên.
Năm Hàm Thông thứ tám,
May gặp Sĩ Vương tiên.*

Dân làng mỗi khi cầu đảo đều thấy ứng nghiệm, đến nay thành phúc thần. Năm Trưng Hưng thứ nhất (1285), triều vua ta¹³ có sắc phong là Gia ứng đại vương. Năm Trưng Hưng thứ tư (1288), ban thêm cho hai chữ “Thiện cảm”. Năm Hưng Long thứ 21 (1313), ban thêm cho hai chữ “Linh vũ”, xét vì có âm công giúp đỡ, dân làng được nhờ cậy vậy.

1. *Lâm Ấp*: Tên cổ của nước Chiêm Thành.

2. *Vũ y nghệ thường*: áo bằng lông và xiêm y màu cầu vồng. Y phục của người tiên.

3. *Vua ta*: vua Trần.

14. LỆ HẢI BÀ VƯƠNG KÝ

Bà họ Triệu, tên húy là Trinh, lúc nhỏ có tên gọi là Nàng Âu, em gái Triệu Quốc Đạt, người đất Trung Sơn, quận Cửu Chân. Mặt hoa, tóc mây, mắt châu, môi đào, mũi hỏ, trán rộng, đầu báo, hàm én, tay dài quá đầu gối, tiếng như chuông lớn, mình cao chín thước, vú dài ba thước, vòng lưng rộng mười ôm, chân đi một ngày năm trăm dặm, sức có thể khua gió bạt cây, tay đánh chân đá như thần, lại có sắc đẹp phải động lòng người. Cha mẹ chết sớm, bà ở với anh, phải chị dâu là người rất không tốt, bà tức giận giết chết. Người anh lúc đầu giận lắm, bà bèn chia bếp vào trong rừng ở, tự làm để sống. Tính rất ngang bướng thẳng thắn, mỗi khi bà phạm ý thì chẳng ai chống lại nổi. Đến năm hai mươi tuổi vẫn chưa lấy chồng, có chí mưu việc lớn, bỏ tiền của ra cấp cho tân khách, chiêu kết đồng đảng. Tân khách trong nhà thường có hàng nghìn người, đều là những kẻ sĩ tráng kiện nhất một thời. Người anh lúc đầu ghét bà nóng nảy, táo tợn, nhưng nghĩ đến tình cốt nhục, không thể bỏ nhau được, thường khuyên nhủ rằng:

- Dân bà con gái không nên hào phóng như vậy!

Nàng Âu ngang bướng không chịu nghe theo, đôi đáp lại rằng:

- Người ta sống trong cõi bụi hồng, như mầm cây như nhánh cỏ vậy, từ tươi đến héo chỉ trong nháy mắt, từ lúc thanh xuân đến khi già cỗi nhanh chóng như bay, hà tất phải để tâm.

Anh nói:

- Vậy thì làm thế nào?

Nàng Âu nói:

- Em chỉ muốn cuối gió đập sóng, chém cá kinh lớn ở biển Đông, quét sạch bờ cõi, cứu dân ra khỏi cảnh chìm đắm. há lại bắt chước người đời cúi đầu khom lưng làm tỳ thiếp kẻ khác, cam tâm phục dịch ở trong nhà ư?

Người anh lấy làm lạ. Khoảng năm Mậu Thìn (248), niên hiệu Vĩnh An đời Ngô, nước ta bị khổ sở vì các quan Thú mục từ phương Bắc sang. Phần nhiều bọn chúng tước đoạt quấy nhiễu, dân không biết trông vào đâu để mà sống, đều phải trốn tránh đi làm kẻ cướp, thường dựa vào trang trại của Nàng Âu để ẩn náu. Nàng Âu thực lòng đối đãi, bọn họ đều khâm phục, tập hợp đồ đảng mấy nghìn người. Người anh Quốc Đạt biết chuyện, mừng mà nói rằng:

- Em gái ta có chí khí ấy, có thể nói rằng sau Hai Bà Trưng lại thấy có một Bà Trưng nữa vậy. Em gái đã như thế thì ta còn lo gì nữa.

Vốn Triệu Quốc Đạt nhờ nếp nhà xưa, gia tư hào phú, là người trung hậu, thích điều thiện, ham bố thí, giao du rộng, được lòng người, rất có chí mưu toan giúp đời, thủ hạ có bốn người tâm phúc, tức là Vương Thiện, Lãnh Long, Bao Thúc, Tồn Thận, đều là tay giỏi cung tên, lại trí dũng mưu lược, có sức khỏe vạn người không địch nổi. Năm đó, trong nước rối loạn, mọi người đều xin Triệu Quốc Đạt cử sự. Quốc Đạt còn do dự chưa quyết tâm. Bốn người càng ra sức xin. Quốc Đạt nói:

- Quân Ngô thường luôn luôn thao diễn, nhuệ khí tăng nhiều, quân ta là đám người vừa mới tập hợp lại, sao có thể đánh giặc được ngay, vạn nhất bị thất bại, hối sao kịp. Sao bằng đợi thời cơ mà hành động, một đánh là toàn thắng, như vậy mới hay.

Mọi người đều phân vân, bàn lẽ hơn lẽ thua. Hốt nhiên nghe thấy ở trước nhà có một người lớn tiếng nói rằng:

- Cơ hội có thể dựa vào chính là ở ngày hôm nay. Việc làm hợp lẽ còn đợi đến bao giờ. Em tuy bất tài, xin nhận một đội binh mã đi trước.

Quốc Đạt quay sang thì ra là Nàng Âu. Quốc Đạt nói:

- Ta cũng hiểu lẽ ấy, nhưng bốn phương còn yên tĩnh, đánh nhau có can hệ đến đại sự, há lại có thể khích động,

Nàng Âu phẩn nhiên nói:

- Người cầm quân giỏi ngày xưa biết tùy cơ ứng biến để quyết định sự thua được trong khoảnh khắc. Nay quân Ngô ngang dọc trong đất nước ta, dưới mắt không coi ai ra gì, xem người nước ta như cỏ rác. Binh pháp đã nói rằng: “Xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị”, anh há lại không biết hay sao?

Quốc Đạt bèn dựng cờ nghĩa. Chỉ trong một tuần đã có quân theo mấy vạn. Từ đó, xa gần đều hưởng ứng. Quân Ngô sợ hãi không dám đánh lại, và chỉ giữ chặt cửa ải ở các nơi để cầm cự mà thôi.

Không ngờ việc đời ngang trái, lòng trời khôn lường, Quốc Đạt bỗng nhiên mắc bạo bệnh mà chết. Mọi người thấy Nàng Âu có tài tướng sủy, bèn tôn làm chúa để chống quân Ngô. Nàng Âu từ đó trong càng nghiêm chỉnh, ngoài vỗ về lòng dân, to nhỏ đều có quy củ, mọi việc đều tòng quyền mà làm, không có gì là không đầy đủ. Một hôm họp đại hội, Nàng Âu ngồi trước nhà nói với các tướng rằng:

- Các ông thấy anh ta mất, không hiềm ta là phận gái, mà lập ta làm chúa, ấy là vì thấy ta có đôi chút khả thủ. Nay ta có mệnh lệnh trọng yếu trong quân ngũ. Ai nghe theo mệnh lệnh thì có trọng thưởng, ai trái mệnh

thì có nghiêm hình. Hành động đã có quân pháp, nên biết giữ gìn.

Từ đó mỗi khi đánh với quân Ngô, Nàng Ấu thường vắt vú ra sau vai, dùng lụa quấn chặt lưng, mặc áo vàng, đi guốc ngà, đứng trên đầu voi, thanh thế âm ẩm. Chẳng có kẻ nào dám chống lại. Trong quân đặt tên hiệu là Nhụy Kiều tướng quân. Đương thời có bài hát rằng:

*Kiều Kiều nữ tướng quân,
Anh danh động phong trần.
Năng hàn Ngô tử đảm
Phiêu dục động nhân tâm.*

Nghĩa là:

Bà nữ tướng xinh đẹp,
Tiếng tăm chấn động phong trần.
Có thể làm mất vía quân Ngô,
Sắc đẹp lại rung động lòng người.

Ấy là nói rằng tuổi trẻ chưa có chồng mà một mình cảm quyền lớn, cũng như là cưới đầu hùm vượt râu hùm, e rằng không tránh khỏi miệng hùm vạy. Giặc Ngô tuy biết oai thần vũ của bà, nhưng khinh là đàn bà, cho nên không sợ hãi. Hai bên gặp nhau đối trận, bà đi trước quân lính, hướng vào đâu thì như vào chỗ không người. Giặc Ngô bấy giờ mới sợ, bèn không dám húng lấy mũi nhọn sắt. Cứ như thế trong sáu bảy tháng. Thằng hoặc có khi chợt gặp thì chúng kêu lên: “Lệ Hải bà vương” rồi bỏ chạy mà không dám nhìn, có câu nói rằng: “Ngang con mắt mà tìm cạp thì dễ, e rằng hướng nhìn Bà Vương thì khó”.

Từ đó thanh thế đại chấn, các quan Thú, Mục từ phương Bắc đến, đóng chặt cửa thành mà giữ. Vua Ngô nghe tin, tức giận, bèn sai chức Đốc quân Đô úy ở Hành Dương là Lục Dận làm Giao Châu Thứ sử, kiêm lĩnh chức Hiệu úy, đem quân đánh phương Nam. Lục Dận là

người mềm mỏng có tiết độ, cùng với quân lính đồng cam cộng khổ, lại có trí dũng. Nghe nói Nàng Ấu cường thịnh thì cho rằng các tướng không gắng sức, một người đàn bà thì có nghĩa lý gì mà cứ để kéo dài tháng ngày như vậy. Bèn biếm truất các quan Thú, Mục cũ, rồi chinh tề quân đội, định ngày cất đại quân. Nàng Ấu cũng đem quân đến đón đánh. Một ngày đánh ba trận thì quân Ngô ba lần phải lui. Cầm cự trong năm sáu tháng, giáp trận đánh nhau hơn bảy mươi phen, quân Ngô đều không thể chống nổi, thua chạy mà về. Ngày tháng trôi qua, quân lính chết và bị thương quá nửa. Dận lo bị vua Ngô bắt tội, sợ hãi vô cùng, bèn thu quân vào thành, đóng chặt cửa mà giữ. Nàng Ấu thừa thế tung quân bao vây. Sau mấy tháng không phá được thành, Nàng Ấu muốn đánh nhau mà không được đánh, còn tướng tá ngày đêm hơi có vẻ chùng lỏng, cho rằng quân Ngô đã cùng quẫn, nhút nhát như thỏ, giữ một tòa thành cô lập, không đáng ngại gì cả. Dận bèn ngầm sai quân do thám lên vượt ra ngoài thành, thăm dò hư thực, mới biết rằng: tuy Nàng Ấu dũng trí kiêm toàn, tay có thể giương cây cung nặng trăm thạch, thân có thể cưỡi con ngựa thiên lý, ngày ăn gạo mấy đấu, ăn thịt mười cân, khỏe mạnh như thế, rất là đáng sợ, nhưng trước nay vốn chuộng sự tinh khiết, rất sợ những vật hôi thối, không trong sạch, một khi trông thấy thì mặt mày ẽ thẹn, tất là dừng chân rồi tháo chạy, không dám đứng lại nhìn. Dận biết được tin ấy, nở mặt nở mày, vui mừng khôn xiết. Các tướng hỏi tại sao. Dận nói:

- Kẻ địch này mạnh, quân ta là đám cô quân vô viện, không thể lấy sức mà địch nổi.

Thế là Dận lệnh tề chỉnh quân ngũ, sai người đi hạ chiếu thư. Quân hai bên cùng hò hét xông ra, bày thành trận thế. Nàng Ấu ngồi trên ngựa, cầm ngang cây đao,

dội ở trước trận. Chưa kịp giao phong, chỉ thấy quân Ngô ùn ùn kéo ra, như vờn như giỡn, tướng tá quân sĩ đều trần truồng, thồn thện, to nhỏ thành một bầy, tay cầm giáo mác như gió lướt tới. Nàng Âu bình sinh vốn hay e thẹn, nay thấy hình dáng như vậy, không khỏi xấu hổ, bèn quăng dao quất ngựa, bung mặt mà chạy. Dận thừa thắng đuổi theo sau, đánh giết. Quân Nàng Âu thua to, chết không biết bao nhiêu mà kể. Dận lại tung quân ra bao vây. Nàng Âu thấy bốn mặt tắc đường, bèn cắt cổ tự tử, năm ấy vừa hăm ba tuổi. Thế là tướng tá đều phải hàng. Hơn ba vạn con voi và châu quận lại thuộc về nước Ngô vậy.

Không bao lâu, có nạn dịch lớn. Người Ngô mắc bệnh, ngày càng ốm lẫn ốm lóc. Lục Dận lo quá, bèn lập đàn tế lễ cầu an, sám hối được bảy đêm, thì đến đêm hôm ấy vào khoảng canh ba nằm mộng thấy Nàng Âu mình mặc áo giáp, tay cầm cây mâu dài, nghiêng răng chau mày, chửi không hết lời. Dận sợ quá giật mình tỉnh dậy, nghĩ thầm rằng: anh khí của phương Nam, càng ngày càng lạ, lúc sống thì anh hùng, khi chết vẫn như thế. Nay ta thử đặt kế sách, nếu có thể trừ được thì cũng là một trong những việc do hú họa cầu may mà thành công. Bèn khiến thợ đeo mấy trăm cái ngọc hành, vẽ đúng như hình dáng thực, treo ở khắp các nhà, các phòng. Bệnh dịch từ đó hết dần, mọi người đều cho là thần nghiệm vậy.

Bà Triệu dấy quân năm Bính Dần (246), chết năm Mậu Thìn (248), được ba năm. Tại sao dân địa phương lại không biết sai trái mà đến nay vẫn còn lấy vật đó để mà thờ thần⁽¹⁾.

1. Vật đó là cái dương vật bằng gỗ mà Lục Dận sai đeo để đuổi âm hồn bà Triệu, theo như truyện kể. Sự phê phán của Chu Cát Thị xét ra có lý. Chi tiết này thô lỗ quá không đáng để vào truyện bà Triệu.

Vào thời Lý Nam Đế, quân Lâm Ấp cướp phá đất Nhật Nam, nhà vua đêm nằm mộng thấy một người đàn bà đội mũ trận, mặc áo giáp, tự xưng họ tên, xin theo quân đi đánh giặc. Vua hỏi lại lý do. Người ấy nói:

- Vào đời Vĩnh An nhà Ngô, thiếp đã nhiều lần trải qua chiến trận, chưa từng bị thua, không may bị kẻ địch đánh lừa. Sau khi chết, Thượng đế khen vì dũng cảm có quyết tâm, bèn sắc phong làm thần, sai chủ trì ôn dịch, trừ ma diệt quỷ, và tất cả mọi việc đuổi tà giúp chính. Nay biết đại quân ra đi, xin giúp cho chút công lao bé nhỏ.

Nhà vua bằng lòng. Đến khi giặc đã dẹp xong, nhà vua sai lập miếu thờ, phong làm Giản Chính phu nhân.

Đến đời nhà Lý mới lại phong chữ “Quý”, truy tặng là Anh Liệt phu nhân, đời Trần gia phong hai chữ “Hùng tài”. Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), gia phong hai chữ “Vĩ tích”; năm Trùng Hưng thứ tư (1288) lại gia phong hai chữ “Anh mẫn”. Năm Hưng Long thứ 21 (1313), lại gia phong là “Trinh Nhất phu nhân”, vì đã có âm công giúp đỡ nhân dân vậy.

15. HƯƠNG LÂM MAI ĐỂ KÝ

Nhà vua họ Mai, tên Thúc Loan, người đất Hoan Châu, Nhật Nam vậy. Cha là Mai Sinh, mẹ là Vương thị, đều là người hiền đức. Khi sinh ra nhà vua, mẹ nằm mộng thấy một người thiếu phụ, mình mặc áo đỏ, tự xưng là Xích Y sứ giả, tay cầm một viên ngọc “kê sơn bích”, nói rằng:

- Cho bà vật này, nên dùng làm vật báu.

Vương thị xem viên ngọc ấy thì thấy giống quả trứng gà, nhưng to hơn, năm sắc óng ánh lóe cả mắt, giờ tay đón lấy, bỗng nhiên cầm hụt, rơi xuống đất vỡ tan, nhân đó giật mình tỉnh dậy. Đến khi sinh ra thì ở đùi bên trái có vết xanh đen, giống như một đồng tiền. Mẹ Đại vương đem chuyện trong mộng nói với cha. Cha lấy làm lạ, bèn giải thích rằng ngọc bích nhận ở tay hốt nhiên rơi xuống đất vỡ tan, bắn tung tóe, có tiếng kêu vang vang, đó là cái ý tiếng tăm vang dậy, chấn động người đời. Còn gà (kê) thì là đứng đầu loại có cánh, lại thêm năm sắc lóe mắt, dùng để làm vật báu có cái điềm lành của con tinh diệu mang năm đức tốt. Bèn đặt tên là Phượng, tự là Thúc Loan, đó là để ghi lại cái điềm được thấy trong giấc mộng vậy.

Năm lên mười, thì mẹ đi hái củi bị hổ giết hại, chẳng bao lâu cha cũng mất.

Bạn của cha là Đinh Thế thấy vậy thương tình, đem về nhà nuôi, coi như con đẻ. Đến khi lớn lên tự nhiên có chí lớn, đầu hổ, mắt rồng, tay vượn, dững cảm, đa tài, vượt ra ngoài sự tưởng tượng của người ta. Đinh Thế yêu mến quý trọng đem con gái là Tô Ngọc gả cho. Tô Ngọc hiền mà đa trí, giỏi việc của nhà, lại càng giỏi việc nông tang, cho nên gia sản ngày một nhiều, môn hạ ngày một đông, trước sinh hai trai, sau sinh hai gái. Con trưởng là Báo Sơn, con thứ là Kỳ Sơn, đều có trang mạo kỳ vĩ, đến khi lớn lên, văn mô vũ toán, không gì là không đầy đủ. Mai Đế mừng vì trong nhà có điềm vui, việc trong việc ngoài không có gì là không quan tâm. Một hôm bảo phu nhân rằng:

- Kể nam nhi sinh không hợp thời, gặp nhiều vận bĩ, ngày tháng trôi qua, nhanh chóng như bánh xe, thật là đáng tiếc vậy. Nay ta vốn có chí bình định thiên hạ, đi khắp hải nội để giao kết với hào kiệt bốn phương,

cùng lập sự nghiệp. Nàng ở nhà nuôi giữ con ta, lại chăm việc nông tang, tích trữ lương thảo để chờ lúc lâm thời dùng đến, mọi việc đều ổn thỏa, đừng phụ lòng ta, thực là may mắn lắm. Người xưa nói: “Nhà nghèo trông vào vợ hiền, nước loạn trông vào tướng giỏi”. Nàng tuy chưa bằng người xưa, tuy nhiên chăm sóc việc nhà thì hình như trong nghìn vạn người mới có chục người, trăm người như vậy. Cho nên ta mới trịnh trọng gửi gắm, nàng nên suy nghĩ đi.

Phu nhân nói:

- Chàng đã căn dặn, thiếp xin vâng lời dạy bảo. Nhưng chàng nên có chí cung tên, có hùng khí kinh doanh bốn cõi, khiến cho trăm họ được sống những ngày tháng Nghiêu Thuấn, đất nước Nam được gặp cái cảnh hải yến hà thanh. Đó thực là điều thiếp mong mỏi vậy.

Mai Đế mừng lắm, tạ lòng mà nói:

- Nếu được nàng gắng sức, ta còn lo chi nữa.

Thế là yên tâm giang hồ, đi tìm những kẻ dật sĩ. Gặp được Phòng Hậu, Thôi Thặng ở đất Hoa Dương, nói chuyện với nhau suốt ngày, hình như là có duyên cá nước. Sau có một người họ Phục, tên Trường Thủ, không hẹn mà đến. Lại có người họ Đan, tên Du Vân và bạn là Mao Hoành, Tùng Thụ, Tiết Anh, Hoắc Đan, Khổng Qua, Cam Hề, Sĩ Lâm, Bộ Tân là những khách đeo kiếm, nghe tiếng tam hâm mộ sự tín nghĩa mà đến. Thực khách trong nhà thường có đến mấy nghìn người.

Một hôm, Phòng Hậu và Thôi Thặng bàn riêng rằng:

- Nước Việt ta từ khi nội thuộc đến nay, bọn quan Thú mục phương Bắc không ai bảo mà cứ sang. Hai chúng ta ẩn nấu lâu ngày ở chốn khe động, như giao long ở trong ao, gặp được hội phong vân, nên mở cánh xoe vuốt. Nay xét Mai quân đi như rồng, bước như hổ,

có tài dẹp loạn giúp dân. Nếu không nhân lúc này mở cánh giương vây, thì còn đợi lúc nào nữa.

Thế là bèn gặp Mai Đế xin cất quân. Mai Đế giả vờ làm như có vẻ khó khăn. Phục Trường Thủ nói:

- Người Đường nghênh ngang tung hoành, ngày càng quá lắm, thuế má nhiều, hình phạt nặng, người dân không sống nổi. Ngày xưa vua Thang, vua Vũ nhân gặp thời mà hành động, đời sau gọi là thánh, là hiền. Xin nghĩ kỹ xem, không nên ngần ngại.

Nhà vua nói:

- Ta vốn cũng muốn như thế, nhưng chỉ lo binh lương không đủ, tử hưu ít người giúp đỡ!

Đàn Văn Du nói:

- Nhà Đường có nội loạn: đàn bà trong cung tung hoành, Lý Long Cơ tự tiện nắm quyền, dựa vào mẹ vợ bé của nhà vua định cái kế ác tày đình. Đảng Tam Tư chưa quét sạch mà sự hung bạo của Hà Tuấn lại càng quá tệ. Thời ấy, thế ấy, sao lại có thể giữ mãi như vậy. Nếu biến động sóng kinh, thì bọn chúng sẽ như ngôi tan.

Thế là Mao Hoành, Tùng Thụ phần nhiên nói rằng:

- Về việc này, chúa thượng còn hồ nghi chưa quyết đoán. Nếu muốn kết liên ngoại viện thì hai nước phiên ban Lâm Ấp, Chân Lạp có thể trưng binh được.

Tiết Anh, Hoắc Đan đồng thanh bước ra nói:

- Tôi xin đi sứ, khiến cho hai nước đem quân ứng viện, vạn vô nhất thất.

Không Qua, Cam Hê, Sĩ Lâm, Bộ Tân đều kế tiếp bước lên mà nói:

- Tôi xin sớm dựng cờ nghĩa, chiêu binh ứng mộ. Việc cần làm ngay, không nên chậm trễ.

Nhà vua thấy lòng mọi người hoàn toàn hợp nhau, bèn mở tiệc lớn, đem gia tài để cung phụng tân khách.

Thế là chiêu binh mãi mã, dựng lũy xây thành. Trong một tuần, xa gần hưởng ứng, có quân hơn mười vạn. Dùng Phòng Hậu làm Quân sư, Thôi Thặng làm Thái úy, Thục Trường Thủ làm Tham mưu, Đàm Văn Du làm Tán nghị, Mao Hoàn làm Thái trung đại phu, Tùng Phụ làm Trị trung nội sử, Khổng Qua làm Thảo lộ tướng quân, Cam Hề làm Định biên hiệu úy, Sĩ Lâm làm Hộ quân, Bộ Tân làm Lang tướng. Lại chia binh làm bốn đạo, mỗi đạo chia làm ba quân, mỗi quân một nghìn người do một Trung úy suất lĩnh, để nghe hiệu lệnh. Lại sai Tiết Công làm Lâm Ấp Thông văn sứ, Hoắc Đan làm Chân Lạp Cáo dụ sứ. Mọi việc trong ngoài đều vào đây cả, thanh thế quân đội đại chấn. Bọn quan Thú Mực nhà Đường, trông ngọn gió mà chạy toan loạn. Nhà vua bèn đem quân chiếm Châu Thành, chia quân đóng giữ. Quân thần đến mừng, đều xin lên ngôi báu. Nhà vua bèn lên ngôi Hoàng đế ở phía nam Hương Lâm, tự cho mình thuộc về đức thủy⁽¹⁾, xưng là Hắc Đế. Đó là năm Quý Sửu (713) mùa hạ, tháng tư, vào thời Đường Huyền Tông, niên hiệu Khai Nguyên thứ nhất vậy. Do đó, chốn hải nội được đại định. Viên Thứ sử là Tào Chân Tĩnh lui về giữ Quế Sơn. Năm sau, năm Giáp Dần (714), bọn Tiết Anh, Hoắc Đan phụng chỉ đi tuyên dụ hai nước Phiên. Hai nước Phiên lâu nay bị khổ nhục vì người Đường, đến nay thấy nhà vua cáo dụ, đều nghe theo mệnh. Vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Dĩnh sai tướng là Chu Hương An đem quân mười vạn, vua Chân Lạp là Hề A Khiêm sai tướng là Tham Ninh Na đem quân mười vạn đến hội hợp.

1. Tính chất của nước, tượng trưng bằng màu đen. Do đó xưng là Hắc Đế (vua đen).

Nhà vua vì có người phương xa đến triều đình cho nên uy danh ngày càng sáng tỏ. Người Đường kẻ nào kẻ nấy dần dần tự bỏ trốn về. Nhà vua bèn định Kinh đô, lập phủ đệ, nay là ở địa đầu đất Hương Lâm, mở rộng cung điện để ở. Có hùng binh hơn ba chục vạn.

Từ đó trở đi, nước giàu dân mạnh, các dân Man Di ở xa gần đều đến triều cống. Đến năm Nhâm Thìn (752), việc nổi loạn trong nhà Đường đã dẹp xong. Vua Đường nghe tin nhà vua chống lại mệnh lệnh, bèn sai quan Thị nội Dương Tử Húc làm chức Tả giám môn Vệ tướng quân. Nguyên Sở Khánh làm Đô hộ phủ, đốc suất bảy mươi nhăm dinh quân thủy bộ, người ngựa hơn ba chục vạn, hai đường thủy lục cùng tiến, xâm phạm vào thành Long Biên. Quan, tướng của nhà vua thua trận, quân sĩ chết không kể xiết. Người Đường thừa thắng kéo thẳng đến, vây bức phủ thành. Nhà vua bị hãm trận mà chết. Quốc thống lại dứt. Bể tội văn vũ phân lớn bị người Đường giết hại. Người Lâm Ấp, người Chân Lạp cũng bị người Đường giết, thấy thua quân, họ cũng thu quân chạy về phương Nam. Nhà vua dấy binh năm Quý Sửu, chết năm Nhâm Dần, ở ngôi báu mười năm rồi chết.

Người đời sau nhớ công đức, bèn xây miếu ở chỗ cung điện xưa mà thờ, đến nay còn làm phúc thần. Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), tôn phong là Anh Vũ thần dũng Hoàng đế. Năm Trùng Hưng thứ tư (1288), lại gia tôn bốn chữ “Vĩ tích uy liệt”. Năm Hưng Long thứ 21 (1313), lại gia tôn sáu chữ “Minh mẫn, thần vũ, minh đức” vì có công âm phù vậy.

HỒ NGUYỄN TRỪNG

NAM ÔNG MỘNG LỤC

TRẦN NGHĨA dịch, chú thích và giới thiệu

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

Hồ Nguyễn Trùng (1374-1446) tự Mạnh Nguyên, hiệu Nam Ông, người Đại Lại⁽¹⁾, tỉnh Thanh Hóa. Tổ tiên ông ở hương Bào Đột đất Diễn Châu, đến đời Hồ Liêm mới dời đến Đại Lại. Vì Hồ Liêm làm con nuôi Tuyên úy Lê Huấn nên đổi họ là Lê. Hồ Nguyễn Trùng do vậy còn được sử cũ chép là Lê Trùng. Ông là con trưởng của Hồ Quý Ly nhưng không kế cha làm vua, mà chỉ giữ chức Tư đồ tả Tướng quốc.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, quân Minh đã bắt được ông vào năm 1407, đưa về Bắc Kinh cùng cha là Hồ Quý Ly, em là Hồ Hán Thương và cháu là Nhuế (con Hồ Hán Thương). Vì biết chế tạo súng “thần cơ”, một thứ vũ khí có sức sát thương lớn, vượt hẳn các loại súng đương thời, Hồ Nguyễn Trùng được nhà Minh tha không giết và sai trông coi

1. *Đại Lại*: tên hương; nay ở phía bắc sông Lèn, huyện Vĩnh Lộc. Tỉnh Thanh Hóa còn có núi Kim Âu, tức núi Đại Lại cũ. Hương Đại Lại có lẽ nằm ở vùng này.

việc chế tạo vũ khí¹⁾. Từ chức Công bộ doanh thiện ty thanh lại ty Chủ sự, ông dần dần được thăng làm Lang trung, rồi Công bộ Hữu thị lang, Công bộ Tả thị Lang (1436), Công bộ Thượng thư (1445). Ông mất vào tháng 7 năm Chính thống 11 (1446), thọ 73 tuổi.

Nam Ông mộng lục được viết xong vào năm Mậu Ngọ (1438), là tác phẩm duy nhất hiện còn của Hồ Nguyên Trừng. Đầu sách có bài tựa của Hồ Huynh, một quan Thượng thư đồng triều với Hồ Nguyên Trừng, viết năm Chính Thống 5 (1440). Tiếp đến là bài tựa của chính Hồ Nguyên Trừng viết vào năm Chính Thống 3 (1438). Rồi đến phần chính của sách gồm 31 thiên truyện. Cuốn sách có bài *Hậu tự* của Tống Chương, người Việt Nam, làm quan triều Minh, viết năm Chính Thống 7 (1442).

Các truyện trong *Nam Ông mộng lục* là: 1. Nghệ Vương thủy mặt; 2. Trúc Lâm thị tịch; 3. Tổ linh định mệnh; 4. Đức tất hữu vị; 5. Phụ đức trình minh; 6. Văn tang khí tuyệt; 7. Văn Trinh ngạnh trực; 8. Y thiện dụng tâm; 9. Dũng lực thần dị; 10. Phu thê tử tiết; 11. Tăng đạo thần thông; 12. Tấu chương minh nghiệm; 13. Áp lãng Chân nhân; 14. Minh Không thần dị; 15. Nhập mộng liệu bệnh; 16. Ni sư đức hạnh; 17. Cảm khích đồ hành; 18. Điệp tự thi cách; 19. Thi ý thanh tân; 20. Trung trực thiện chung; 21. Thi phúng trung gián; 22. Thi dụng tiền nhân cảnh cú; 23. Thi ngôn tự phụ; 24. Mệnh thông thi triệu; 25. Thi chí công danh; 26. Tiểu thi lệ cú; 27. Thi cửu kinh nhân; 28. Thi triệu dư khánh (khuơng); 29. Thi xứng tướng chúc; 30. Thi thần trí quân; và 31. Quý khách tương hoan. Nhưng nay chỉ còn lại 28 thiên (mất các thiên 24, 25 và 26), hiện được in

1. Nguyên văn chữ Hán là “chuyên đốc tạo binh tượng cục súng tiền hỏa được”, có thể hiểu là chuyên đơn đốc việc chế tạo các thứ tên lửa và thuốc súng ở Cục chế tạo vũ khí.

trong các bộ sưu tập cổ của Trung Quốc như *Kỷ lục vịnh biên*; *Thuyết phu tục quyền thập tứ*; *Ngũ triều tiểu thuyết đại quan*; phần *Hoàng Minh bách gia tiểu thuyết*; *Hàm phân lâu bí kíp đệ cửu tập*; *Tùng thư tập thành sơ biên*, phần *Sử địa loại* v.v...⁽¹⁾

Theo lời tựa của Tác giả, *Nam Ông mộng lục* được biên soạn một là để “biểu dương các mẫu việc thiện của người xưa”; hai là để “cung cấp điều mới lạ cho bậc quân tử” (*Nam Ông mộng lục tự*). Đối với chúng ta ngày nay, *Nam Ông mộng lục* là một nguồn tư liệu quý để nghiên cứu về văn học và sử học nước ta đời Lý Trần, một giai đoạn mà sách vở còn lại rất ít.

Dưới đây, chúng tôi dịch và giới thiệu bài tựa của Hồ Huỳnh, bài tựa của Hồ Nguyên Trừng, bài hậu tự của Tống Chương, cùng 28 thiên hiện còn, theo bản chữ Hán chép ở bộ tùng thư *Hàm phân lâu bí kíp*; Thư viện Viện thông tin khoa học xã hội; ký hiệu P.521 (2).

BÀI TỰA THỨ NHẤT Ở SÁCH “NAM ÔNG MỘNG LỤC”

Kìa mặt trời, sao tỏa sáng, mây rắng phô màu, đó là vẻ đẹp của trời; núi non bủa vây, cỏ cây hoa trái, đó là vẻ đẹp của đất; danh hiệu điển chương, lễ nhạc giáo hóa, đó là văn minh của người. Khắp trong trời đất biết bao nhiêu nước, không đâu là không có nền văn minh. Nay ông Lê Trừng, tự

1. Theo sách *Trung Quốc tùng thư tổng lục* (dẫn theo *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng soạn*. Série I, tập 6, Trần Khánh Hạo, Vương Tam Khánh chủ biên. Học viện Viễn Đông bác cổ Paris xuất bản; Học sinh thư cục Đài Loan ấn hành năm 1986).

Mạnh Nguyên, người Giao Nam⁽¹⁾ đang giữ chức Tả thị lang ở Bộ Công là người tư chất thông minh, tài học xuất sắc, với tôi lại là bạn cùng triều, mới rồi có đem cuốn *Nam Ông mộng lục* đưa cho tôi xem và nhờ viết tựa. Tôi đọc khắp một lượt, biết “Nam Ông” là tên hiệu của Mạnh Nguyên; văn ông ngắn gọn mà nghiêm cẩn, cao nhã mà hòa hợp, theo tình cảm kể việc, theo ý nghĩa đặt lời, vừa thú vị, vừa thiết thực, không truyện nào là không nhằm trình bày thứ bậc giữa vua tôi, làm rõ cái lành mạnh của luân thường đạo lý, thuyết minh chỗ thâm sâu của tính mệnh đạo thuật, ghi chép con đường dẫn tới sự hưng phế của nước nhà. Đến như ca ngợi tiết nghĩa thì bừng bừng cảm khái, có thể lấy đó mà uốn nắn phong tục; biểu dương thuật tác thì siêu thoát thanh tân, có thể lấy đó mà nuôi dưỡng tính tình. Với câu nói sau đây của Mạnh Nguyên kể lại nguồn phúc trạch đã hun đúc nên ông: “Ra tự hang sâu, dời đến cây cao⁽²⁾, (...) sống gặp triều thánh⁽³⁾, tấm gôi nhân Nghiêu, mà có chuyện kỳ ngộ này”⁽⁴⁾, tôi hiểu được tấm lòng của Mạnh Nguyên và cho rằng ông là dấu tích lạ của một phương trời, nay được phô trương ở Trung Hạ⁽⁵⁾, nổi tiếng khắp quận ấp, hoặc giả còn để lại thanh danh tới đời sau. Giá không được thánh triều ban cho trọng nhiệm Á khanh thì những chuyện ghi chép trong sách sẽ mai một ở

1. *Giao Nam*: còn gọi là Nam Giao, tức Giao Chỉ, tên nước ta thời cổ.

2. *Ra tự hang sâu, dời đến cây cao* (xuất tự u cốc, thiên vu kiều mộc): hai câu thơ trong bài *Phật mộc* ở phần *Tiểu nhĩ* trong *Kinh Thi*, từng được tác giả *Nam Ông mộng lục* nhắc đến trong bài *Thi triệu dư khương* (Điểm thơ để phúc về sau).

3. *Triều thánh* (Thánh triều): chỉ triều nhà Minh.

4. Xem *Thi triệu dư khương*, truyện thứ 28 trong *Nam Ông mộng lục*.

5. *Trung Hạ*: chỉ Trung Quốc.

chốn hoang xa, không ai hay biết. Nay nhờ tri ngộ mà sách này sẽ được mãi mãi lưu truyền, há chẳng phải là dịp may lớn đã cứu vãn được một nguy cơ mất mát? Vì đánh giá cao việc biểu dương cái thiện, dốc lòng vào chuyện nhân hậu, nên tôi đã không từ chối, viết vài lời vào đầu thiên sách này.

Ngày rằm tháng 10 năm Canh Thân niên hiệu Chính Thống⁽¹⁾ 5 (1440).

Hồ Huỳnh, tên chữ là Côn Lăng, giữ các chức tước: Tư đức đại phu, Chính trị thượng khanh, Thượng thư Bộ Lễ.

BÀI TỰA THỨ HAI Ở SÁCH “NAM ÔNG MỘNG LỤC”

Sách *Luận ngữ* từng nói: “Trong cái xóm mười nhà, thế nào cũng có người trung tín như Khâu này vậy”⁽²⁾, hướng hồ nhân vật coi Nam Giao⁽³⁾ từ xưa đã đông đúc, lẽ nào vì ở nơi hẻo lánh mà vội cho là không có nhân tài! Trong lời nói việc làm, trong tài năng của người xưa có nhiều điều khả thủ, chỉ vì qua cơn binh lửa, sách vở bị cháy sạch, thành ra những điều đó đều bị mất mát cả, không còn ai được nghe, há chẳng đáng tiếc lắm sao? Nghĩ tới điểm này, tôi thường tìm ghi những việc cũ, nhưng thấy mất mát gần hết, trong trăm phần chỉ còn được một hai; bèn gộp lại thành một tập sách, đặt tên là “Nam Ông mộng lục”, phòng khi có người đọc tới; một là để biểu dương các mẫu việc thiện của người xưa, hai

1. *Chính Thống*: niên hiệu của Minh Anh Tông.

2. Xem *Luận ngữ*, thiên *Công Dã Tráng*. “Khâu” là tên của Khổng Tử.

3. *Nam Giao*: tức đất Giao Chỉ. Có chỗ viết là “Giao Nam”. Từ đấy trở xuống đều dịch là thống nhất là “Nam Giao”.

là để cung cấp điều mới lạ cho người quân tử, tuy đóng khung trong vòng tiểu thuyết, nhưng cũng là để góp vui những lúc chuyện trò.

Có kẻ hỏi tôi rằng: “Những người ông ghi chép đều là người thiện, vậy thì trong các chuyện bình sinh ông nghe thấy, lại chẳng có chuyện nào bất thiện ư?” Tôi trả lời họ rằng: “Chuyện thiện tôi rất mê nghe, nên có thể nhớ được; còn chuyện bất thiện thì không phải không có, chẳng qua tôi không nhớ đầy thôi”. Họ lại hỏi: “Sách lấy tên là “mộng” ý nghĩa ở chỗ nào?” Tôi trả lời: “Nhân vật trong sách, xưa kia rất phong phú, chỉ vì dời thay việc đời, dấu tích hầu như không để lại, thành ra còn mỗi một mình tôi biết chuyện và kể lại mà thôi, thế không phải “mộng” là gì? Các bậc đại nhân quân tử có thấu cho chăng? Còn “Nam Ông” là tiếng Trùng tôi tự gọi mình vậy!”.

Ngày Trùng cửu⁽¹⁾ năm Mậu Ngọ, niên hiệu Chính Thống 3 (1438).

Lê Trùng tên chữ Mạnh Nguyên, người xứ Nam Giao, tước Chính Nghị đại phu, chức Tư trị doãn, Công bộ Tả thị lang đề tựa.

1. Ngày Trùng Cửu: tức ngày 9 tháng 9 Âm lịch.

1. TRUYỆN NGHỆ VƯƠNG⁽¹⁾

(Nghệ vương thủy mặt)

Vua thứ tám nhà Trần ở nước An Nam húy Thúc Minh⁽²⁾ là con thứ ba của Minh Vương⁽³⁾ và do người thứ phi họ Lê sinh ra⁽⁴⁾. Lúc còn làm vương tử, hiệu là Cung Định Vương, tính tình thuần hậu, hiếu thảo, cung kính, cần kiệm, sáng suốt và quả đoán, học khắp kinh sử, không thích phù hoa. Theo lệ cũ nhà Trần, khi Vương tử đã lớn, vua cha bèn cho kế vị, còn bản thân mình thì lui về ở Bắc cung, tự xưng là Vương Phụ⁽⁵⁾ cùng con coi việc triều chính, nhưng thực tế chỉ là truyền ngôi trên danh nghĩa⁽⁶⁾, để ổn định chuyện về sau, phòng khi vội

1. Tức truyện Trần Nghệ Tông (1322-1395). Vì sợ ảnh hưởng tới sự "tôn nghiêm" của vua Minh, Hồ Nguyên Trừng đã đổi chữ "Tông" ra chữ "Vương". Đầu đề có thể dịch là "Đầu đuôi truyện Nghệ Vương". Chúng tôi dịch là "Truyện Nghệ Vương" cho dễ hiểu.

2. *Đại Việt Sử ký toàn thư* (ĐVSKTT) chép Trần Nghệ Tông húy là Phủ.

3. Tức Trần Minh Tông (1300-1357)

4. ĐVSKTT chép mẹ đích của Nghệ Tông là Hiến Từ Tuyên Thánh Hoàng Thái hậu; mẹ sinh là em gái cùng một mẹ với Hiến Từ, tức là Lê thị do con gái của Nguyễn Thánh Huân (ông ngoại thân phụ Hồ Nguyên Trừng) lấy chồng người họ Lê sinh ra.

5. Đúng ra phải viết "Thượng Hoàng".

6. Nguyên văn là "Truyền danh khế" tức là truyền lại xa giá, lễ phục, tước hiệu... ở đây có nghĩa là chỉ truyền ngôi về hình thức chứ không phải về thực chất, nên chúng tôi dịch là "truyền ngôi trên danh nghĩa" cho dễ hiểu.

vã, chứ mọi việc đều do vua cha quyết định hết, vua kế vị không khác gì Thế tử⁽¹⁾ vậy.

Nguyên trước kia, khi người con thứ của Minh Vương là Hiến Vương⁽²⁾ đã lên ngôi, thì những người con đích của Minh Vương mới sinh ra: con trưởng là Cung Túc Vương⁽³⁾, ngờ nghệch không hiểu về chuyện đời; con thứ là Lộc Tinh⁽⁴⁾ tuổi còn thơ ấu thì Hiến Vương mất, lại không có con thừa kế, nên Lộc Tinh đã vâng mệnh vua cha lên nối ngôi, ấy là Dụ Vương. Phong cho hai người anh thứ là Cung Tinh Vương⁽⁵⁾ làm Thái úy, Cung Định Vương làm Tả tướng quốc. Cung Định Vương là người trung hậu, thành thực, thờ vua thờ cha chu đáo, từng chân tơ sợi tóc không ai chê trách điều gì. Giao thiệp với người thì không thân lắm, cũng không sơ lắm; trước việc chính sự thì không có điều gì quá chê cũng không quá khen. Hồi Minh vương qua đời, Cung Định Vương để tang ba năm, mắt không lúc nào ráo lệ. Đoạn tang, quần áo không sắm các thứ tơ lụa màu mè; ăn không cần

1. *Thế tử*: cũng gọi là “đích tử” (con đích), tức là người con trưởng của chư hầu được lập nên để nối ngôi, tương ứng với Thái tử của Hoàng đế.

2. *Hiến Vương*: đúng ra phải viết là Hiến Tông (1319-1341). Húy là Vượng, con thứ của Minh Tông, mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh Hoàng Thái hậu, mẹ sinh là Minh Từ Hoàng Thái phi Lê thị.

3. *Cung Túc Vương*: tức Nguyên Dục. Tuy là con đích, đáng lẽ được nối ngôi vua, nhưng vì hay chơi bời phóng dăng nên không được Minh Tông tin yêu.

4. *Lộc Tinh*: sử ta không thấy chép. Nhưng theo lời văn bên dưới, có thể biết Lộc Tinh ở đây chính là Dụ Tông (1336-1369). Húy là Hạo, con thứ mười của Minh Tông.

5. *Cung Tinh Vương*: tức Nguyên Trác.

ngon; quả muỗn, cá hồng⁽¹⁾ là những thức ăn quý ở phương Nam từ đây tuyệt nhiên không tới miệng. Thờ Dụ Vương hơn mười năm. Khi Dụ Vương mất sớm không có con nối nghiệp, các quan đại thần bàn với nhau rằng:

- Tả tướng quân rất tốt, nhưng không lý anh lại kế ngôi em!

Bèn theo lệnh Quốc mẫu đón con của Cung Túc Vương là Vong Danh về lập lên làm vua⁽²⁾. Lúc bấy giờ, Cung Túc Vương cũng đã sớm mất. Sau khi con Cung Túc Vương lên làm vua, theo ý kiến quần thần, đã đưa Thái úy⁽³⁾ lên làm Thái tổ, đưa Tả tướng quốc⁽⁴⁾ lên làm Thái sư, và đưa em của Tả tướng quốc là Cung Tuyên Vương lên làm chức Hữu Tướng quốc⁽⁵⁾. Con Cung Túc Vương⁽⁶⁾ thuở nhỏ không chịu học, chỉ thích chơi bời lêu lổng. Người ta nói bà mẹ đã tư thông với một người họ Dương ngoài hoàng tộc rồi đẻ ra Vong Danh, cho nên

1. Nguyên văn là “hải đồn ngư”, chưa rõ là giống cá gì. Chỉ biết có một loại tên là “hải điều ngư” tức là “cá hồng” cũng là một loại cá ngon và lành ở phương Nam. Vậy tạm dịch là “cá hồng” chờ tra cứu thêm. Có người dịch “hải đồn ngư” là cá hẩu hoặc cá cúi (tiểu hải đồn).

2. Theo sử chép, sau khi Dụ Tông mất, vì không có con nối nghiệp nên Hoàng Thái hậu Hiến Từ đã sai người đón Dương Nhật Lễ (ở đây gọi là Vong Danh nghĩa đen là không nhớ tên) là con thứ của cố Cung Túc Vương Dục vào làm vua (xem ĐVSKTT).

3. Túc Cung Tĩnh Vương.

4. Túc Cung Định Vương.

5. Cung Tuyên Vương húy là Kính, con thứ mười một của Minh Tông, vì có công giúp đỡ Nghệ Tông giành lại ngôi nhà Trần trong tay Dương Nhật Lễ, nên về sau được Nghệ Tông nhường ngôi cho, tức Duệ Tông.

6. Túc Dương Nhật Lễ.

Vong Danh thường bị những người trong hoàng tộc khinh rẻ⁽¹⁾. Sau khi kế vị, Vong Danh để tang cha, không tỏ vẻ đau buồn, cử chỉ phần nhiều thất lễ, cất nhắc bọn tiểu nhân thân cận, miệt thị cha ông, làm cho đám khanh sĩ bất mãn. Được một năm, những kẻ ngang ngành trong hoàng tộc cùng nhau làm loạn, bị Vong Danh bắt được đem chém, những người liên lụy bị chết oan trong vụ này rất đông⁽²⁾. Vong Danh còn ngầm mưu khử sạch những người có tên tuổi trong họ Trần⁽³⁾, bèn giết Thái tử ngay tại nhà⁽⁴⁾, Thái sư đang đêm phải lên trốn⁽⁵⁾. Đến sáng hôm sau, những người cùng làm quan trong hoàng tộc đều mang gia quyến chạy hết, đô thành

1. Theo sử chép, Nhật Lễ là con của một người phường chèo tên là Dương Khương. Mẹ của Nhật Lễ từng đóng vai Vương Mẫu. Vì ham sắc đẹp, Cung Túc Vương Dục đã cướp “Vương mẫu” về làm vợ, trong khi bà đang có mang. Đến khi đẻ, tuy Dương Nhật Lễ vẫn được Cung Túc Vương Dục nhận làm con mình, nhưng trước sau vẫn bị những người trong hoàng tộc khinh rẻ.

2. Nguyên vào một đêm tháng 9 năm Canh Tuất (1370), cha con Nguyên Trác và hai con của Công chúa Thiên Ninh, đem người tông thất vào trong thành định giết Nhật Lễ, nhưng Nhật Lễ đã trèo qua tường, nép mình dưới cầu mới, không ai lòng thấy, đều phải bỏ về. Sáng hôm sau, Nhật Lễ vào cung, sai người chia đi bắt các kẻ chủ mưu, cộng cả thấy 18 người đem giết cả (Xem ĐVSKTT).

3. Dương Nhật Lễ từng bàn mưu tính kế với Trần Nhật Hạch trong việc giết người tông thất họ Trần. Nguyễn Nhiên người huyện Tiên Du, từng giữ chức Chi hậu nội nhân, đã cho Nghệ Tông biết việc này (Xem ĐVSKTT).

4. Thái tử Nguyên Trác bị chết trong vụ mưu giết Nhật Lễ không thành.

5. Trần Nghệ Tông (ở đây gọi là Thái sư) vì có con gái làm Hoàng hậu của Nhật Lễ, sợ vạ lây đến mình, nên tránh xa trấn Đà Giang.

vì vậy vắng tanh. Thái sư theo đường hẻm tới tận vùng man động xa xôi, ý muốn tự tận, nhưng những kẻ xung quanh dâ ngăn lại. Người man động giữ Thái sư ở đây hàng tháng trời, ai cũng biết tiếng Thái sư. Các quan trong tông thất nối nhau tìm tới. Quân lính do con Cung Túc Vương sai đi lùng bắt Thái sư cũng đều chạy về phía Thái sư cả. Hữu Tướng quốc đốc thúc các quan khuyên mời Thái sư trở về kinh đô để dẹp yên nơi cung điện. Thái sư sụt sùi thoái thác rằng:

- Chư vị sớm... trở lại Kinh thành, khéo giúp mình quân, chuyển loạn thành trị, đặt nước nhà vào thế yên ổn⁽¹⁾ thì ta đến chết cũng vẫn chịu ơn. Ta có tội với Chúa thượng, thoát thân chạy trốn, chờ chết ở chốn núi rừng cũng đã là may, đâu dám có lòng này dạ nợ. Xin chư vị chớ nên cố ép.

Mọi người đều xôn xao, hết lượt này đến lượt khác khấn khoản dâng thư, thế chết không đổi ý định, cố nài Thái sư lên đường, rồi dùng vai làm kiệu đưa Thái sư xuống núi. Người gần xa tụ tập đông nghịt, tiếng hoan hô vang động cả một góc trời. Khi về cách đô thành ba trăm dặm, lão tướng Nguyễn Ngô Lang⁽²⁾ bảo con Cung Túc Vương tự tay viết tội trạng mình và xin thoái vị, xong mang ra để đón xin lỗi Thái sư. Con Cung Túc Vương phục xuống đất xin tha tội. Thái sư cũng xoaì ra đất ôm con Cung Túc Vương khóc lóc hết sức thảm thiết mà rằng:

1. Nguyên văn câu này là “tôn an xã tắc”, chúng tôi ngữ chữ “tôn” vốn là chữ “điện” do tự dạng gần giống nhau nên in nhầm. “Điện an xã tắc” có nghĩa là “đặt nước nhà vào thế yên ổn”. Còn “Tôn an xã tắc” thì lại có nghĩa là “tôn trọng và làm cho nước nhà yên ổn”, câu văn trở nên lủng củng.

2. DVSKTT chép là Trần Ngô Lang, lúc này đang giữ chức Thiếu úy.

- Làm sao Chúa thượng phải đến nông nỗi này? Thật không may cho thần, nào ngờ có ngày hôm nay!

Hữu Tướng quốc tuốt gươm thét lớn rằng:

- Trời sai trị tội, kẻ có tội sao được lăm lòi? Thái sư lẽ nào lại vì chút lòng nhân huệ mà bỏ nghĩa lớn?

Bèn quát bảo quân tướng lôi con Cung Túc Vương đi, giục người có trách nhiệm chuẩn bị làm lễ rước Thái sư lên ngôi, phế con Cung Túc Vương làm Hôn Đức Công. Vua⁽¹⁾ vào thành yết tông miếu, vừa khóc vừa khăn vái rằng:

- Sự việc hôm nay thật ngoài ý muốn của thần. Vì nền xã tắc, thần không thể từ chối. Trái lẽ trung hiếu, thẹn sợ trong lòng. Nguyên từ bỏ sự tôn quý và vinh dự của thần để thực hiện phần nào chí cũ⁽²⁾.

1. Túc Thái sư Cung Định Vương. bấy giờ là Trần Nghệ Tông.

2. ĐVSKTT chép sự kiện này có khác, nhất là thái độ Trần Nghệ Tông đối với Dương Nhật Lễ. Theo ĐVSKTT, Trần Nghệ Tông sau khi chạy ra trấn Đà Giang, đã ngầm hẹn với em là Cung Tuyên Vương Kính, Chương Túc Quốc Thượng hầu Nguyên Đán, và Công chúa Thiên Ninh Ngọc Tha cùng hợp nhau ở sông Đại Lại (tức sông Lèn, một chi lưu của sông Mã ở Thanh Hóa) để dấy binh chống Nhật Lễ. Bấy giờ Nhật Lễ chuyên dùng Thiệu úy Trần Ngô Lang, trong khi Ngô Lang đang là "tay trong" của Nghệ Tông. Mỗi lần Nhật Lễ sai tướng đi đánh bắt Nghệ Tông. Ngô Lang đều khuyên họ chạy về phía Nghệ Tông cả. Cuối năm Thiệu Khánh nguyên niên (tức năm 1370), Nghệ Tông cùng Cung Tuyên Vương và Công chúa Thiên Ninh đem quân về Kinh thành. Ngày 13 tháng 11 năm ấy, đến phủ Kiến Hưng (ở vào miền tây tỉnh Nam Định, nay thuộc Nam Hà), hạ lệnh phế Nhật Lễ làm Hôn Đức Công. Ngày 15, Nghệ Tông lên ngôi Hoàng đế, tự xưng là Nghĩa Hoàng. Sau đó lại tiếp tục tiến quân về Thăng Long. Khi đến bến Chử Gia, người trong tông thất và các quan ra đón mừng, tung hô

Bèn hạ lệnh không được dùng xe kiệu của vua, quần áo đồ vật đều sơn đen, không dùng châu báu vàng son. Các thức ăn mặc đều phải tiết kiệm như trước, suốt đời mang tang lễ không chút thay đổi. Bèn chuyển loạn thành trị, noi theo nền nếp cũ, thưởng phạt công minh, dùng kẻ hiền lương. Bởi thấy con mình không có tài năng, khó đương việc lớn, nên được một năm, vua đã cho em là Hữu tướng quốc kế vị để cùng coi việc triều chính, đó là Duệ Vương⁽¹⁾.

Trước đó, Chiêm Thành thừa cơ trong nước có hiểm khích, đã nhiều lần đến cướp phá. Duệ Vương lên ngôi được ba năm, thân chinh đi đánh Chiêm Thành, nhưng bị thua to, không trở về⁽²⁾. Nghệ Vương cho con của Duệ Vương là Hiện⁽³⁾ kế vị. Ít lâu sau, Hiện⁽⁴⁾ nghe

muôn năm, vì thế gọi Chủ Gia là xã Sơn Hô. Ngày 21, xa giá về Bến Đông. Ngô Lang khuyên Nhật Lễ mặc áo thường đến xin nhường ngôi, xuống thuyền đón tiếp. Vua bảo Nhật Lễ rằng: “Không ngờ ngày nay sự thế lại đến thế này”, rồi sai đem giam Nhật Lễ ở phường Giang Khẩu (nay ở vào khoảng đền Bạch Mã, phố Hàng Buồm, Hà Nội). Nhật Lễ gọi Ngô Lang vào trong màn nói dối rằng: “Ta có lọ vàng chôn ở trong cung, ngươi nên về lấy”. Ngô Lang quý xuống vâng lệnh, bị Dương Nhật Lễ bóp cổ chết. Cháu Ngô Lang là Trần Thế Đồ đem việc ấy tâu lên. Nghệ Tông sai đánh chết Nhật Lễ và con là Liễu, rồi sai đem chôn ở núi Đại Mông (Xem Bd. ĐVSKTT, quyển VII).

1. Tức Trần Duệ Tông.
2. Trong chiến dịch này, Trần Duệ Tông đã tử trận.
3. Có nơi đọc là “Nghĩnh”. Chúng tôi theo Khang Hy tự điển, đọc là “Hiện” (Hình điện thiết).
4. Nguyên văn viết là Chiêm. Có lẽ nhầm, vì ngay trước đó, đã nói con của Duệ Vương là Hiện. Chúng tôi chữa lại.

lời gian thần làm nhiều việc vô đạo, Nghệ Vương lo nước nhà nghiêng đổ, mới than khóc mà phế đi, cho gọi là Linh Đức Công⁽¹⁾. Nghệ Vương lấy con út của mình là Ngung vào kế vị, đó là Thuận Vương. Được bảy năm, vua cha mất⁽²⁾. Bấy giờ là năm Giáp Tuất⁽³⁾ niên hiệu Hồng Vũ thứ hai mươi bảy⁽⁴⁾. Chôn ở Yên Sinh⁽⁵⁾ thụy là Nghệ.

Xưa kia hồi Nghệ Vương còn nhỏ, tám chín tuổi theo hầu Minh Vương, vừa lúc trên giường có chiếc chiếu trúc⁽⁶⁾, Minh Vương bảo vịnh thử, Nghệ Vương ứng khẩu đọc rằng:

- *Hữu vĩ thử quân, Trung không ngoại kính. Tước như vi nô, Khủng thương nhân tính.* (Có nàng giỏi giang, trong rồng ngoài cứng; bắt làm đầy tớ, e chạm nhân tính).

Minh Vương rất lấy làm lạ, nhưng vờ mắng rằng:

- *Chả ra lời lẽ gì, đừng ghi chép lại⁽⁷⁾.*

Bèn dặn thầy dạy đừng bảo làm thơ nữa. Người quân tử nói “mệnh trời có dấu hiệu, không ai ngăn cản nổi”, về sau quả nhiên như vậy. Sau khi lên ngôi, Nghệ

1. Túc Phế Đế (1361-1388)

2. Chỉ Nghệ Tông.

3. Nguyên văn chép là Giáp Mậu. Chúng tôi chữa lại.

4. *Hồng Vũ*: là niên hiệu của Minh Thái Tổ; Hồng Vũ thứ hai mươi bảy, tức năm 1394.

5. Lăng của Anh Tông. Minh Tông và Dụ Tông đều ở đây cả. đất thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương.

6. *Chiếu trúc*: dịch từ chữ “trúc nô”, còn gọi là “phu nhân nô”, một thứ chiếu đan bằng trúc, người xưa trải nằm vào mùa nóng.

7. *Đừng ghi chép lại*: đây là lời vua bảo với Sử quan.

Vương đã nhặt hết những đứa trẻ côi cút trong đám con cháu của anh chị em mình đưa vào cung nuôi nấng, coi hết như con cái mình đẻ ra. Người trong dòng họ xa gần đều được yêu thương đùm bọc. Sau cơn loạn lạc, người nào nghèo khổ không thể cưới xin được, thì lấy vợ gả chồng cho họ; người nào chưa được chôn cất, thì chôn cất cho họ; đến cả những điều vật vãnh chi tiết, không có cái gì là không thu nhặt chếp sao. Xóm giềng hòa hợp, đầm ấm như tiết mùa xuân. Người trong nhà được cảm hóa, phong tục dần dần trở nên thuần hậu. Vua ở đất này cũng có người tốt đến thế ư⁽¹⁾?

1. Nói chung, Hồ Nguyên Trừng đã đánh giá Nghệ Tông quá cao. Sự thật thì Nghệ Tông cũng có mặt đáng khen, nhưng không phải không có nhiều chỗ đáng chê. Ngô Sĩ Liên nhận xét có phần đúng: Nghệ Tông tính trời hòa nhã, giữ lòng kính sợ. Song uy vũ không đủ chống cự giặc bên ngoài, cương minh không đủ phân biệt lời gièm pha, có một Nguyên Đán mà không biết dùng, lại giao quyền cho họ ngoại, để cho cơ nghiệp nhà Trần dần dần đến nguy khốn, thế là trước mặt có kẻ nói gièm mà không thấy, sau lưng có kẻ làm giặc mà không hay! (Xem Bd. ĐVSKTT, quyển VII, phần Thuận Tông Hoàng đế).

Quá đề cao Nghệ Tông, phải chăng vì Hồ Nguyên Trừng là ngoại thích của nhà Trần, và cha Hồ Nguyên Trừng là Hồ Quý Ly từng được Nghệ Tông đặc biệt nâng đỡ, cất nhắc?

2. TRÚC LÂM THỊ TỊCH⁽¹⁾

Vua thứ ba của họ Trần là Nhân Vương⁽²⁾, sau khi đã truyền ngôi cho Thế tử, bèn xuất gia tu hành, khắc khổ, tinh tiến⁽³⁾, tuệ giải⁽⁴⁾, siêu thoát, thành vị tổ sư ở một phương. Làm am trên đỉnh Tử Tiêu⁽⁵⁾ núi Yên Tử, tự đặt hiệu là Trúc Lâm Đại Sĩ. Chị của Nhân Vương hiệu Thiên Thụy, làm nhiều điều trái đạo đàn bà. Ở Tử Tiêu, Đại Sĩ⁽⁶⁾ nghe tin chị ốm gần chết, bèn xuống núi về thăm, nói với Thiên Thụy rằng:

1. *Trúc Lâm thị tịch*: Trúc Lâm là hiệu của Trần Nhân Tông (húy Khảm, con trưởng của Thánh Tông, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái hậu), là tổ thứ nhất của phái Trúc Lâm Thiền tông ở nước ta. Thị Tịch - danh từ nhà Phật. “Thị” ở đây nghĩa là hiện ra, thể hiện, làm cho thấy... “Tịch” ở đây có nghĩa là tịch diệt - dịch nghĩa chữ Niết bàn trong tiếng Phạn. Cái chết của Phật Bồ Tát (Bouddha) hay của các cao tăng đều gọi là tịch, có nghĩa là sự chuyển hóa từ hiện tượng này sang hiện tượng khác, chứ không phải là mất đi thật. Vậy “Trúc Lâm thị tịch” có nghĩa là sự chết của Trúc Lâm.

2. *Tức Trần Nhân Tông*.

3. *Tinh tiến*: chữ nhà Phật. Từ Từ trong cuốn *Thượng sinh kinh* sơ có giải thích: “Tinh, vị tinh thuần vô ố tạp cố; tiến, vị thăng tiến bất giải đãi cố = tinh, là nói sự thuần, không pha lẫn cái xấu, cái nhơ bẩn; tiến, là nói sự tiến lên không mệt mỏi, rã rời”.

4. *Tuệ giải*: “Tuệ” là trí tuệ, sáng suốt, dịch nghĩa chữ bát nhã (prajna) trong tiếng Phạn. “Tuệ giải” là lý giải một cách sáng suốt.

5. ĐVSKTT nói Trần Nhân Tông xuất gia ở ngọn Tử Phong.

6. Chỉ Trúc Lâm.

- Thời đến thì chị cứ đi, dưới Âm Phủ có hỏi gì thì cứ trả lời là xin chờ một lát, em tôi là Trúc Lâm Đại Sĩ sẽ tới.

Nói xong trở về núi. Đi mấy ngày đến am, dọn đồ đồ đạc các việc về sau rồi bỗng nhiên ngồi mà hóa⁽¹⁾. Thiên Thụy cũng mất vào ngày hôm đó.

3. LINH HỒN ÔNG ĐỊNH NGÔI CHO CHÁU⁽²⁾

(Tổ linh định mệnh)

Hồi Nhân Vương mất, con là Anh Vương⁽³⁾ chưa có con đích kế tự, chỉ mới có con thứ thôi, nên có ý chờ sau khi sinh con đích, sẽ quyết định việc nối ngôi. Đến sau khi hỏa táng⁽⁴⁾, lúc bọc cốt, con cháu đứng quanh vãi hấu, xá lị⁽⁵⁾ bay vào ống tay áo của người cháu thứ⁽⁶⁾,

1. Đây có nghĩa là chết.

2. Chỉ việc linh hồn của ông Trần Nhân Tông quyết định nhường ngôi cho cháu là Minh Tông.

3. Tức Trần Anh Tông, tên là Thuyên, con trưởng của Nhân Tông, mẹ là Khâm Từ Bảo Thánh Hoàng Thái hậu.

4. Nguyên văn là *trà tử*. Còn đọc là *đồ tử*, tiếng nhà Phật, có nghĩa là hỏa táng.

5. *Xá lị*: còn gọi là *xá lị tử*, tiếng nhà Phật, có nghĩa là xác Phật sau khi hỏa táng xong, sẽ kết thành những vật giống như hạt châu, gồm ba màu: xương kết thành hạt màu trắng; tóc kết thành hạt màu đen; thịt kết thành hạt màu đỏ... Thực ra, đây chỉ là truyền thuyết.

6. Đây chỉ Hoàng tử Mạnh, con thứ của Anh Tông, mẹ sinh ra Chiêu Hiến Hoàng Thái hậu Trần thị, con gái của Bảo Nghĩa Đại Vương Bình Trọng.

phát ra ánh sáng, hể lấy ra lại cứ bay vào. Anh Vương thấy vậy vãi rằng:

- Nào không dám tuân mệnh.

Lấy ra, bèn thôi. Được ít lâu, Nhân Vương lấy con thứ làm Thế tử. Về sau, mẹ đích⁽¹⁾ tuy sinh con trai, nhưng không nuôi được, rốt cục người con thứ vẫn nối ngôi vua, ấy là Minh Vương⁽²⁾.

4. CÓ ĐỨC ẤT CÓ ĐỊA VỊ

(Đức tất hữu vị)

Minh Vương⁽³⁾ nối ngôi vua được ít lâu, thì bà đích mẫu⁽⁴⁾ sinh con trai. Đến ngày giáp tuổi tôi, Anh

1. Tức Thuận Thánh Bảo Từ Hoàng Thái hậu Trần thị, con gái Hưng Nhượng Đại Vương Quốc Tảng.

2. Theo *ĐVSKTT*, sau khi Trần Nhân Tông chết, nhà sư Pháp Loa đã đem xác thiêu đi, nhặt được hơn ba nghìn hạt xá lý, mang về chùa Tư Phúc ở Kinh sư. Anh Tông thấy thế, có ý ngờ vực; các quan nhiều người có ý xin bắt tội Pháp Loa. Khi ấy Hoàng tử Mạnh mới lên 9 tuổi đứng hầu bên cạnh, bỗng thấy có mấy hạt xá lý ở trong bọc, đưa ra cho mọi người xem. Anh Tông kiểm tra lại số xá lý ở trong hộp, thì thấy thiếu, từ đó mới không nghi ngờ gì Pháp Loa nữa.

3. *Minh Vương*: tức Trần Minh Tông. Ông tên thật là Mạnh, con một người thứ phi của Trần Anh Tông. Vì người vợ cả của Trần Anh Tông chưa có con trai, nên Mạnh được Anh Tông truyền ngôi cho, làm vua từ năm 1314 đến năm 1329.

4. *Đích mẫu*: đây chỉ người vợ của Trần Anh Tông (Chính cung Hoàng hậu).

Vương⁽¹⁾ đi tuần tra ngoài biên giới, mọi việc ở nhà đều do Tự Vương⁽²⁾ quyết định. Khi người coi việc đến xin ý kiến về lễ giáp tuổi tôi, Minh Vương bảo cứ tiến hành theo thể lệ một vị Thế tử. Người coi việc cho là đã có vương rồi, nên rất lấy làm khó xử⁽³⁾. Vương bảo:

- Việc gì phải ngăn ngại? Trước đây vì đích tự chưa sinh, nên ta mới tạm ở ngôi này; nay đích tự⁽⁴⁾ đã sinh rồi, chờ khi lớn lên, ta sẽ trao lại ngôi vua, có gì là khó!

Người kia nói:

- Việc này ở các đời trước thường sinh ra lắm chuyện nguy hiểm, xin nghĩ lại cho thật kỹ!

Vua bảo:

- Cứ theo lễ phải mà làm, hơi nào lo chuyện an nguy!

Rốt cục, đã tiến hành lễ giáp tuổi tôi theo thể thức một vị Thế tử. Được một năm thì đích tự mất, Vương thương xót vô cùng. Các bậc quân tử cho rằng Minh Vương là người thành tâm, bất chấp sự an nguy, đức nhường nhịn ấy sáng ngời kim cổ. Sách *Tả truyện* nói: “Kể có đức thì thế nào cũng có địa vị”, là để chỉ trường như thế này chăng?

1. *Anh Vương*: tức Trần Anh Tông, tên thật là Thuyên, làm vua từ năm 1293 đến năm 1314.

2. *Tự vương*: vua nối ngôi, ở đây chỉ Trần Minh Tông.

3. Ý câu này là: nếu tiến hành lễ giáp tuổi tôi theo thể thức một vị Thế tử, thì như vậy có nghĩa là công nhận quyền làm vua sau này của đức bé mới sinh, và Trần Minh Tông do đó sẽ mất ngôi. Vì thế mà người coi việc lấy làm khó xử.

4. *Đích tự*: đây chỉ người con trai mới sinh của Chính cung Hoàng hậu.

5. SỰ KIẾN TRINH, SÁNG SUỐT CỦA MỘT BÀ PHI

(Phụ đức trình minh)

Người Chính phi họ Lê⁽¹⁾ của Trần Duệ Vương nguyên là mẹ của Linh Đức⁽²⁾.

Trước kia, khi Duệ Vương xuất quân không về⁽³⁾, Phi bèn gọt tóc làm ni. Gặp lúc Nghệ Vương lấy Linh Đức nối ngôi, Phi đã cố từ chối thay cho Linh Đức, nhưng không được, mới khóc lóc nói với người thân rằng:

- Con ta phúc mỏng, khó đương nổi ngôi to, chỉ có mắc vạ thôi. Cố Chúa lia đời, kẻ chưa mất này chỉ muốn chết cho chóng, không muốn thấy việc đời, huống chi là nhìn con ta sắp nguy khốn ư?

Rồi dốc chí tu hành, sớm chiều tụng niệm để báo đền ơn chúa, chưa đầy năm sáu năm mà chân tay đốt trán⁽⁴⁾, đã làm đủ mọi phép, sau cùng đã thị tịch trong khi nhập định. Về sau, khi Linh Đức bị phế⁽⁵⁾, ai cũng

1. Tức người sinh ra Lý Đức Vương (Phế Đế), là em gái con nhà chú của Hồ Quý Ly; Hồ Nguyên Trừng gọi bằng cô.

2. Tức Linh Đức Vương (Phế Đế).

3. Chỉ việc Duệ Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành vào năm 1377, và đã tử trận.

4. Nguyên văn chữ Hán là *nhiên tí luyện đỉnh*, có nghĩa là “đốt cánh tay, đốt đỉnh đầu”, một số cách thức tu luyện của đạo Phật. Chúng tôi dịch là “đốt trán” “chân tay đốt trán” cho dễ hiểu.

5. Nguyên việc này, ĐVSKTT chép như sau: “Tháng 12, ngày mồng 6, sáng sớm, Thượng Hoàng (Trần Nghệ Tông) giả cách về Yên Sinh, sai Điện hậu đi theo hầu; rồi sai Chi hậu nội nhân gọi vua (Linh Đức Vương, tức Phế Đế) đến bàn việc nước. Vua chưa ăn

phục Phi là người sáng suốt, thấy trước sự việc. Vả lại, cảm sự chân thành thờ vua, và tiết tháo kiên trinh của Phi, vừa vào cửa Phật thì đi nhanh vào chính giác, ai chẳng thương xót, ngợi khen? Tuy các phi tần đời trước của nhà Trần cũng lắm người hiền đức, nhưng người phi này sinh sau mà gần như hơn hẳn những người phi trước, sao lớn lao đến thế?

6. NGHE TANG TẮT THỞ

(Văn tang khí tuyệt)

Con gái Trần Thái Vương⁽¹⁾ hiệu Thiều Dương⁽²⁾. Khi bà đang ở cữ, Thái Vương không được khỏe đã một tháng. Nhiều lần bà sai người đến thăm hỏi nhưng những người hầu cận nói dối rằng:

- Vua đã bình phục rồi, không việc gì nữa.

cơm sáng, đi ngay, chỉ có hai người theo hầu mà thôi. Khi vua đến nơi, Thượng hoàng nói: “Đại vương lại đây”, rồi sai người đem vua ra giam ở chùa Tư Phúc, tuyên nội chiếu rằng: “Trước kia Duệ Tông đi tuần phương Nam không trở về, dùng con đích để lên ngôi, là theo đạo đời xưa. Song, quan gia (chỉ Linh Đức Vương) từ khi lên ngôi đến giờ, vẫn còn trẻ con lắm, giữ đức không thường, thân mật với bọn tiểu nhân, nghe bọn Lê Á Phu, Lê Du Nghị gièm pha vu hãm người công thần, làm dao động xã tắc, nên giáng xuống làm “Linh Đức Đại vương”. Song nhà nước không thể không có người đứng chủ, ngôi báu không thể bỏ không, nên đón Chiêu Định Vương vào nối đại thống (...)”. Cuối cùng, Trần Nghệ Tông cho đem Phế Đế xuống phủ Thái Dương bắt thắt cổ chết (Xem Bd. ĐVSKTT: tập 2).

1. Tức Trần Thái Tông, lúc này đang làm Thượng hoàng.

2. Thiều Dương là con gái thứ của Trần Thái Tông.

Đến ngày Thái Vương lìa đời, bà bỗng nghe tiếng chuông đánh liên hồi, bèn hỏi:

- Có phải là việc chẳng lành chẳng?

Những người hầu cận lại nói dối, nhưng bà không nghe, cứ khóc lóc kêu gào cho đến khi tắt thở, nhắm mắt mà mất.

7. VĂN TRINH CÙNG CỎI VÀ NGAY THẮNG

(Văn trình ngạnh trực)

Chu An hiệu là Tiểu Ân, người ở vùng Thượng Phúc⁽¹⁾ đất Giao Chỉ. Tính ông liêm khiết và cương trực, ở nhà thường ham thích đọc sách, học văn tinh thông, tiếng tăm lừng lẫy xa gần. Học trò đầy cửa, thường vẫn có những người đỗ đạt làm quan to. Chu An là người điềm đạm, ít ham muốn, không đi thi. Khoảng năm Chí Nguyên⁽²⁾, Trần Minh Vương⁽³⁾ có vời ông đến Kinh Đô trao cho chức Quốc tử Tư nghiệp, giảng sách cho Thế tử⁽⁴⁾. Được ít lâu chuyển làm chức Tế tửu nhà Thái học. Đến khi Minh Vương mất, con là Dụ Vương⁽⁵⁾ hay chơi bời, bỏ việc nước, bọn quyền thần dần dần làm nhiều điều trái phép, Chu An

1. *Thượng phúc*: tức huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Đông cũ. Theo ĐVSKTT, thì Chu An người huyện Thanh Đàm (nay là huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội).

2. *Chí Nguyên*: niên hiệu của Nguyên Thế Tổ

3. *Trần Minh Vương*: tức Trần Minh Tông, làm vua từ năm 1314 đến năm 1329.

4. *Thế tử*: đây chỉ con của Trần Minh Tông.

5. *Dụ Vương*: tức Trần Dụ Tông, làm vua từ năm 1341 đến 1369.

nhiều lần can ngăn mà vua không nghe, lại dẫu sợ xin chém bảy tên gian thần đều là hạng quyền thế cả, người đương thời gọi đó là *Thất trảm sớ*. Tờ sớ dâng lên nhưng không được trả lời, Chu An bèn treo mũ từ quan, trở về với vườn ruộng. Sau Dụ Vương mất, trong nước có loạn. Quân thần nước Nghệ Vương về, lập lên làm vua. Chu An nghe tin ấy, rất đổi vui mừng, bèn chống gậy đến Kinh đô để yết kiến. Rồi sau đó, ông xin trở về làng, lấy cớ già nua ốm yếu, từ chối không nhận chức tước. Nhà vua ban cho hiệu “Văn Trinh tiên sinh” và sai người mang rất nhiều lễ vật tiễn đưa về làng. Chẳng bao lâu, Chu An mất ở quê nhà. Nhân dân và kẻ sĩ đô thành vốn ngưỡng mộ phong cách cao đẹp của ông, không ai là không thở than thương tiếc.

Trước đó, trong đám học trò của Chu An có người tuy ra làm quan nhưng vẫn thường đến thăm viếng ông, lay bên giường ông, người nào được trò chuyện đôi câu trước lúc ra về thì lấy làm mừng rỡ lắm. Ai có điều gì không tốt, liền bị ông quở trách, nhểc móc gay gắt, thậm chí quát mắng không cho về nhà. Thanh cao, nghiêm chính nổi tiếng một thời, lắm liệt đến thế. Ôi, thật là một con người thiện vậy.

8. THẤY THUỐC CÓ LÒNG NHÂN TỪ

(Y thiện dụng tâm)

Ông ngoại của tổ tiên Trùng⁽¹⁾, là Phạm Công, húy Bân, vốn dòng dõi nhà làm thuốc, thờ Trần Anh

1. Tác giả tự xưng.

Vương⁽¹⁾, được vua cho giữ chức Thái y⁽²⁾, thường vét hết tiền của để tích trữ thuốc tốt và lúa gạo. Người nào cô cút, khổ sở mà bị bệnh tật thì được Cụ cho ở tại nhà mình để cung cấp cơm cháo và cứu chữa cho, dù máu mủ dầm dề, cũng không chút ghê tởm. Cứ như vậy, kể đến chờ chữa cho khỏe mạnh rồi mới đi, trên giường không lúc nào vắng người. Bỗng mấy năm liền đói kém, bệnh dịch lan tràn. Cụ bèn dựng nhà cửa cho kẻ khổ nghèo ở, nhờ đó mà số người đói khát, bệnh tật được cứu sống có tới hơn một nghìn, tên tuổi Cụ được đương thời trọng vọng. Một hôm, có người đến gõ cửa khẩn thiết mời cụ rằng:

- Trong nhà có người vợ bỗng dưng bị máu ra như xối, mặt mày nhợt nhạt.

Cụ nghe xong, vội vã đi ngay. Vừa ra khỏi cửa, thì gặp người do nhà vua sai tới nói:

- Trong cung có một vị quý nhân đang lên cơn sốt rét, nhà vua cho vời Cụ vào xem.

Cụ đáp:

- Bệnh ấy không vội. Hiện đang có người tính mệnh chỉ còn trong chốc lát, để tôi đi cứu đã, chốc nữa sẽ vào cung ngay.

Sứ giả tức giận nói:

- Phận làm bề tôi, sao được như vậy? Ông muốn cứu tính mệnh của người kia mà không cứu tính mệnh của ông ư?

Cụ đáp:

- Tôi thật có tội, nhưng cũng chẳng biết làm thế nào nữa; nếu không cứu người ta, thì họ sẽ chết trong chốc lát, còn trông mong vào đâu được. Tính mệnh của bề tôi

1. *Trần Anh Vương*: tức Trần Anh Tông, làm vua từ năm 1293 đến năm 1314.

2. *Thái y*: còn gọi là *Ngự y*, tên một chức quan chuyên việc phục vụ thuốc thang trong cung điện nhà vua.

mọn này trông mong vào Chúa thượng, may ra khỏi chết, còn các tội khác đều xin cam chịu.

Thế rồi Cụ đi cứu chữa cho kẻ kia, quả nhiên người ấy qua được. Liên sau đó, Cụ đến yết kiến nhà vua. Vua quả trách. Cụ bỏ mũ xuống tạ tội và giải bày thực tâm của mình. Vua mừng rỡ nói:

- Người thật là một lương y, đã giỗi tay nghề lại có lòng nhân đức để cứu dân lành, thật xứng đáng với lòng mong mỏi của ta.

Về sau con cháu Cụ có đến hai ba người thầy thuốc giỏi, làm quan tới tứ phẩm ngũ phẩm, người đời ai cũng khen là không dễ mất nghiệp nhà.

9. DỪNG LỰC PHI THƯỜNG

(Dùng lực thần dị)

Ở nước An Nam vào thời nhà Lý, có người Thanh Hóa tên là Lê Phụng Hiểu⁽¹⁾, dáng mạo lạ thường, ăn uống gấp mười kẻ khác. Mới mười hai mười ba tuổi, thân hình đã cao bảy xích⁽²⁾. Chợt có bọn giặc bên ngoài đến xâm phạm bờ cõi, bắt người cướp của rất nhiều, người trong xóm làng hoảng hốt không biết làm sao đối phó. Phụng Hiểu nói với cha mẹ không nên theo người ta chạy sấp chạy ngửa, chỉ cần nấu thật nhiều cơm cho con ăn một bữa no nê, thì việc giết giặc cứu dân hôm nay dễ như trở bàn tay. Ăn cơm xong, Phụng Hiểu cầm

1. Về gốc tích Lê Phụng Hiểu, *Việt điện u linh* ghi rõ: "Vương họ Lê, tên Phụng Hiểu, người làng Bàng Sơn (nay là Dương Sơn, huyện Hoàng Hóa) phủ Thanh Hóa (nay là tỉnh Thanh Hóa). Có người nói Vương là cháu ông Định phiên hầu Lê Đình".

2. Khoảng 2m30.

một con dao ngắn tục gọi là dao rửa, chặt cây làm khi giới, xông thẳng vào trận giặc, dọc ngang đánh địch vô chạy, hơn một nghìn người trong thôn xóm bị giặc bắt đều được cứu trở về⁽¹⁾. Nhà Lý ban thưởng, phong cho chức tước, Phụng Hiếu đều cố từ không nhận, chỉ xin cấp ruộng để tự cày cấy làm ăn mà thôi. Khi quan trên bàn định về số khoảnh mẫu nên cấp, Phụng Hiếu nói:

- Thần⁽²⁾ từng dùng dao rửa để phá giặc, nay xin cầm dao rửa mà ném, hễ xa tới đâu thì lấy giới hạn tới đó.

Quan trên thuận lời. Dao rửa ném xa hơn mười dặm, cả vùng ruộng đó đều thưởng cho Phụng Hiếu cả. Người đời sau nhân đây, phàm thưởng ruộng cho người có công, đều đặt tên là “chước đao điền”⁽³⁾. Vua sai cầm quân, Phụng Hiếu lấy cớ không đủ tài để từ chối, chỉ muốn được sống ở thôn quê, chờ khi dùng binh, sẽ xin làm Tiên phong, phá trận giặc, đền ơn nước mà thôi. Mười mấy năm sau được vời làm tiên phong, đem theo hơn mười người đánh tan hơn vạn quân giặc, được phong là Uy Viễn Tướng quân⁽⁴⁾, rồi vẫn sống ở thôn quê, thọ chết tại nhà⁽⁵⁾.

1. Câu này trong nguyên bản chữ Hán còn chưa trống một chữ, chúng tôi đoán có thể là “lỗ” tức “bắt người”. Tạm dịch như vậy, chờ tra cứu thêm.

2. Chữ “thần” dùng ở đây không đúng chỗ lắm, vì Phụng Hiếu đang nói chuyện với quan, chứ không phải với vua.

3. Hiện nay, có nơi còn nói là “thác đao điền”.

4. Một số sách khác như *Việt điện u linh*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, v.v... đều không thấy nói tới tước phong này. *Việt điện u linh* nói Lê Phụng Hiếu dưới triều Lý Thái Tổ được giữ chức Vũ vệ Tướng quân. Sang triều Lý Thái Tông, Phụng Hiếu được cất nhắc làm Đô thống Thượng Tướng quân, phong tước hầu.

5. *Việt điện u linh* cũng như *Lịch triều hiến chương loại chí* đều nói Lê Phụng Hiếu sau khi chết, được nhân dân địa phương lập đền, thờ làm phúc thần.

10. VỢ CHỒNG CHẾT VÌ TIẾT NGHĨA

(Phu thê tử tiết)

Năm Đinh Hợi (1407), niên hiệu Vĩnh Lạc⁽¹⁾, vào ngày đại quân⁽²⁾ bình định đất Giao Chỉ, có một người đầu mục tên là Ngô Miễn⁽³⁾ nhảy xuống nước tự tử, vợ là Nguyễn thị ngửa mặt lên trời than rằng:

- Chồng ta thờ Chúa, một đời ăn lộc, từ chỗ Trung quan được lên tham dự Chính phủ, nay vì nghĩa mà chết, thế là chết đáng chỗ, còn oán hận gì. Nếu thiếp muốn sống há không còn nơi nào sao? Nhưng cái nghĩa vợ chồng, cái ơn vua tôi ta không nỡ lòng nào phụ bạc. Thà chết theo nhau vậy.

Nói đoạn, cũng nhảy xuống nước mà chết.

Than ôi! Chết vì tiết nghĩa là lý đương nhiên của kẻ sĩ đại phu, thế mà có người còn lấy làm khó. Xưa nay, ít người có vị quan nào được như vậy. Ngô Miễn là đáng trọng phu chàng? Đến như Nguyễn thị, một người dân bà lâm nguy vẫn nhận ra tiết lớn, biết chồng chết đáng chỗ không ân hận gì, lại còn coi trọng điều nghĩa, xem nhẹ cái sống, nhìn chết như về, có thể gọi là bậc hiền phụ vậy⁽⁴⁾. Trong số dân bà ngu dại

1. *Vĩnh Lạc*: niên hiệu của Minh Thành Tổ.

2. *Đại quân*: chỉ quân nhà Minh.

3. Theo ĐVSKTT, Ngô Miễn lúc này đang giữ chức Hành khiển hữu quan tham tri chính sự dưới triều Hồ.

4. Ở bản chữ Hán, câu này tối nghĩa. Theo ngữ pháp văn ngôn, trong câu nghi vấn, khẳng định trở thành phủ định. Nếu dịch theo đúng nghĩa vốn có của câu, thì là “không gọi là hiền phụ được”.

trên đời, những kẻ vì bực tức mà nhảy xuống nước chết nhiều lắm. Đến như vì nghĩa bỏ mình, thì rất không dễ được! Hạng như Nguyễn thị thật đáng ca ngợi thay⁽¹⁾.

11. PHÉP THẦN THÔNG CỦA TĂNG, ĐẠO

(Tăng đạo thần thông)

Vào thời họ Lý⁽²⁾, từng có yêu quái ngày đêm ẩn hình kêu khóc trên tường nhà cung điện, hết ngày này sang ngày khác. Bấy giờ thuộc đời vua thứ hai⁽³⁾, có danh tăng Giác Hải và đạo sĩ Thông Huyền cùng đến để yểm trừ. Giác Hải lấy mấy hạt châu gỗ vào nóc nhà, tiếng kêu khóc liền tay im bật. Thông Huyền dùng lệnh bài đập vào cột, bỗng thấy một bàn tay to tướng lộ ra trên tường nhà, cầm một con rắn mối vút xuống đất, yêu quái bèn hết. Nhà vua ứng khẩu đọc rằng:

*Giác Hải tâm như hải,
Thông Huyền đạo càng huyền.
Thần thông tài biến hóa,
Một phật, một thần tiên.*

Phải thêm một chữ “bất” sau chữ “khả” (khả bất vị hiền phụ dã hử) thì mới có nghĩa “không gọi là hiền phụ được hay sao?”. Ở đây, chúng tôi tạm dịch theo ý mạch văn.

1. Trong ĐVSKTT cũng có chép câu chuyện này, và có kèm theo lời bàn của Ngô Sĩ Liên như sau: “Vợ Ngô Miên là Nguyễn thị không những chỉ chết vì tiết nghĩa, lời nói cũng đủ làm bài học cho đời...”.

2. Chỉ đời nhà Lý (1010-1225) ở nước ta.

3. Chỉ Lý Thái Tông (1028-1054).

12. TỒ TẤU THIÊN ĐÌNH ỨNG NGHIỆM

(Tấu chương minh nghiệm)

Ở cung Thái Thanh xứ Giao Chỉ có một đạo sĩ tên là Đạo Thạm, vào khoảng năm Chí Nguyên đời Nguyên Thế Tổ⁽¹⁾ làm lễ cầu tự cho Trần Thái Vương. Khi đọc số xong, Đạo Thạm tâu với vua rằng:

- Thượng đế đã chấp nhận số tâu, sẽ sai Chiêu Văn đồng tử giáng sinh nơi cung vua, ở đây bốn kỷ⁽²⁾.

Rồi Hậu cung có mang, quả nhiên sinh con trai, trên cánh tay có chữ “Chiêu Văn đồng tử”, nét khá rõ ràng⁽³⁾, nhân đó lấy hiệu là “Chiêu Văn”⁽⁴⁾. Khi tuổi đã lớn, nét chữ mới mất đi. Đến năm 48 tuổi, Chiêu Văn bị ốm hơn một tháng. Các con của Chiêu Văn làm chay xin bớt tuổi thọ của mình để kéo thêm tuổi cho cha. Đạo sĩ đọc số xong⁽⁵⁾, đứng dậy nói:

1. Chỗ này tác giả nhớ nhầm. Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật sinh vào năm Giáp Dần, niên hiệu Nguyên Phong thứ tư (1254), tương đương với Tống Bảo Hựu năm thứ hai. Vậy thì, việc cầu tự cho Trần Thái Tông sinh ra Chiêu Văn, phải xảy ra trước 1254, chứ không thể vào những năm Chí Nguyên sau đó (tức từ 1264 trở về sau) được.

2. Mỗi kỷ là 12 năm, bốn kỷ tức 48 năm.

3. Nguyên bản chữ Hán là “học phả minh hiển”, nghĩa là “học khá rõ ràng”. Chúng tôi đoán chữ “học” ở đây, đúng ra phải là chữ “tự”, nghĩa là chữ rất rõ ràng, rất hợp với văn cảnh, vậy nay đính chính lại.

4. Tức Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật, con thứ sáu của Trần Thái Tông.

5. Nguyên bản chữ Hán, sau chữ “bái chương” (đọc số) có lẽ sót chữ tắt, nghĩa là “xong”. Như vậy, câu văn mới rõ nghĩa, khỏi nhầm lẫn với ý “đứng dậy nói” tiếp sau đó.

- Thượng đế xem số, cười rằng: Sao còn quuyến luyến cõi tục, muốn ở lại lâu thế? Song vì con cái thật bụng hiếu thảo, có thể cho ở thêm một kỷ nữa⁽¹⁾.

Bệnh liền khỏi. Sau quả nhiên thọ thêm mười hai năm nữa.

13. ÁP LĂNG CHÂN NHÂN⁽²⁾

Đời Tống Nhân Tông⁽³⁾, vua nhà Lý nước An Nam tự mang quân thuyền đi đánh Chiêm Thành⁽⁴⁾. Khi tới cửa biển Thần Đầu⁽⁵⁾, sóng gió nổi lên hết ngày nay sang ngày khác, không thể vượt biển được. Vua nghe nói ở núi gần đấy có người đạo sĩ, một mình sống trong am, bèn cho vời đến để khẩn cầu. Đạo sĩ nói:

- Vua tự có phúc lực, thần cam đoan muôn một không có gì đáng lo. Ngày mai cứ việc lên đường chớ sinh lòng nghi ngại!

Nửa đêm trời dừng gió. Sáng sớm khi ra tới ngoài biển, nhìn xa thấy sóng cao như núi, nhưng đoàn thuyền đi đến đâu thì sóng gió yên lặng đến đó. Bấy giờ lại thấy vị đạo sĩ đang bước đi trên mặt sóng, lúc ở đằng

1. Theo ĐVSKTT, thì Trần Nhật Duật thọ 77 tuổi, không phải chỉ 5 kỷ (60 tuổi).

2. *Áp Lăng*: dè lên sóng.

3. *Tống Nhân Tông* (1023-1063), thuộc Bắc Tống của Trung Quốc.

4. Đây nói về cuộc đánh Chiêm Thành năm Giáp Thân (1044). niên hiệu Minh Đạo, của Lý Thái Tông (1028-1054).

5. *Cửa biển Thần Đầu*: chưa rõ ở đâu. Theo sử chép, thì trong cuộc viễn chinh này, quân nhà Lý từng đi qua các cửa biển như Đại Ác (sau đổi là Đại An), Trại Nha, Tư Dung mà không thấy nói đến cửa biển Thần Đầu (xem ĐVSKTT; *Bản kỷ*; *Quyển II*; *Kỷ nhà Lý*).

trước, lúc ở đằng sau, trông rất rõ ràng, song người không thể đến gần được thôi.

Ngày quân trở về đến núi Thần Đầu, đạo sĩ ra nghênh tiếp. Vua mừng và ủy lạo. Đạo sĩ nói:

- Thần biết nhà vua phúc dày, không có gì đáng lo, ấy là nhờ thần linh giúp đỡ, chứ không phải hạ thần này có tài cán gì.

Hỏi người trong làng, họ đều nói:

- Đạo sĩ từ đạo ấy đi hái thuốc lâu nay không thấy ở am.

Vua càng lấy làm lạ, phong cho hiệu “Chân nhân đề sớ”. Lại ban thưởng rất nhiều vàng lụa, nhưng đạo sĩ không nhận. Sau đó đạo sĩ vào núi rồi không biết đi đâu.

Chân nhân họ La, không rõ tên, người ta đều dùng hiệu “Áp Lăng Chân nhân” để gọi. Từ thuở tuổi xanh đã bỏ vợ con để đi vào đạo. Trong số con cháu đời sau của Chân nhân có La Tu thi đỗ Tiến sĩ, làm quan thời Trần Nghệ Vương đến chức Tham hình viện sứ, rồi mất. Người này chính tôi quen biết.

14. SỰ THẦN DI CỦA MINH KHÔNG

(Minh Không thần di)

Ở hương Giao Thủy⁽¹⁾ nước Giao Chỉ có chùa Không Lộ. Ngày xưa có một nhà sư họ Nguyễn, tên Minh Không, khoảng năm Trị Bình đời Tống⁽²⁾ xuất gia đến ở

1. *Hương Giao Thủy*: nay là Xuân Trường, Nam Định.

2. *Năm Trị Bình đời Tống*: “Trị Bình” là niên hiệu của Tống Anh Tông (Bắc Tống). Năm Trị Bình đời Tống, tức vào khoảng 1064 đến

chùa này, có đức hạnh và rất nổi tiếng⁽¹⁾. Một hôm Minh Không từ ngoài về, có nhà sư cùng phòng đùa núp trong cửa, nhảy ra làm tiếng hổ kêu để dọa Minh Không. Minh Không cười nói:

- Anh đã đi tu, còn muốn làm hổ ư? Ta phải cứu anh mới được!

Năm sau nhà sư kia chết. Tiếp đó, Quốc vương họ Lý sinh thế tử⁽²⁾, tuổi chừng hai mươi thì bỗng nhiên khắp mình mọc lông, nhảy nhót găm thét, đầu và mặt dần dần biến thành hình hổ. Nhà vua cầu y, vu⁽³⁾, tăng, đạo khắp nơi, nhưng đều chịu bó tay. Nghe Minh Không có phép thuật, sai người đi thuyền đến mời về. Minh Không lấy một chiếc niêu nhỏ nấu cơm, định cho thủy thủ ăn. Sứ giả cười nói:

- Thủy thủ người đông, tự họ sẽ có cái ăn, không phiền tới Thường trú⁽⁴⁾.

Minh Không nói:

- Không phải như vậy đâu. Mọi người cứ ăn một ít đi rồi sẽ thấy hậu ý của ta.

1067, tương ứng với niên hiệu Chương Khánh Gia Khánh (1059-1065) và Long Chương Thiên Tự (1066-1067) đời vua Lý Thánh Tông ở nước ta.

1. Theo sử chép. Minh Không nguyên tên là Nguyễn Chí Thành, người xã Đàm Xá, huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, tỉnh Ninh Bình (xem ĐVSKTT; *Bản kỷ*; *Quyển II*; *Kỷ nhà Lý*) Chùa Giao Thủy, tức chùa Keo ngày nay.

2. *Thế tử*: đây chỉ Dương Hoán, là cháu của Lý Thánh Tông, và con của Sùng Hiền hầu, về sau lên ngôi là Lý Thần Tông (1128-1138).

3. *Vu*: kẻ đồng bóng.

4. *Thường trú*: tiếng gọi của những nhà sư thường ở lại chùa, không đi vân du khắp nơi. Đây chỉ Minh Không.

Bốn năm mươi người mỗi người xới một bát đầy, cơm vẫn không hết, mọi người lấy làm lạ. Đến tối khi lên thuyền, nhà sư dặn sứ giả và các thủy thủ đều nên ngủ kỹ một giấc:

- Đợi lúc trăng mọc, bản tăng⁽¹⁾ gọi dậy hãy mở thuyền, nếu không ta chẳng đi nữa đâu.

Sứ giả nài xin không được, mọi người đành nằm sắp giả ngủ, duy cảm thấy bên dưới thuyền có gió lạnh. Phút chốc trăng lên, gọi dậy thuyền đã cập bến Đô thành, vượt hơn ba trăm dặm. Nhà sư bèn nhảy lên khoảng không mà vào trong cung, nấu nước để rửa cho Thế tử, tay cọ đến đâu lông hết đến đấy, thân thể liền bình phục. Vua hỏi nguyên do, đáp rằng:

- Kể tu hành hễ mắc niềm mê thì sám hối mà rửa đi thôi, không khó khăn gì cả.

Hỏi:

- Nhà sư biết phép thần thông gì mà có thể đi trên không được?

Đáp:

- Không phải vậy. Thần vốn có phong tật, bệnh này khi phát thì chẳng thấy muôn cảnh tượng, chẳng biết đâu là không, bèn cứ thế mà bước thôi; không phải thần thông gì hết.

Rời đi trên không mà về. Ban thưởng các thứ đều không nhận. Vua phong cho hiệu “Thần tăng”, và nhân đó, lấy hai chữ “Không Lộ” để đặt tên chùa của nhà sư. Thế tử về sau lên làm vua, thụy là Thần Vương⁽²⁾.

1. *Bản tăng*: chỉ Minh Không. Tiếng khiêm xưng.

2. Tức Lý Thần Tông.

15. CHIÊM BAO CHỮA BỆNH

(Nhập mộng liệu bệnh)

Nhà sư chùa Đông Sơn⁽¹⁾ tên là Quán Viên, giới hạnh thanh bạch, mắt tuệ vẹn nhuần⁽²⁾, mấy chục năm không xuống núi. Gặp khi Trần Anh Vương⁽³⁾ đau mắt đã hơn một tháng, chữa thuốc không hiệu quả, ngày đêm chói nhức. Bỗng nằm mộng thấy một nhà sư lấy tay xoa vào mắt. Vua hỏi:

- Nhà sư từ đâu tới, tên là gì?

Đáp:

- Tôi là Quán Viên, đến cứu mắt vua.

Tỉnh mộng, mắt liền hết đau, qua vài ngày thì khỏi hẳn. Dò hỏi trong giới nhà sư, quả nhiên có người tên là Quán Viên ở chùa Đông Sơn. Sai người mời đến, y hết nhà sư đã thấy trong mộng. Vua lấy làm lạ, phong cho làm Quốc sư, ban thưởng rất hậu, nhà sư đều đem phân phát hết không để lại một đồng nào, cứ mặc áo tràng vá⁽⁴⁾ mà về núi, dường như chẳng quan tâm. Từ đấy về sau, nhà sư đi vân du khắp các nơi sơn xuyên, châu huyện, làng mạc, hễ ở đâu có miếu thờ

1. *Chùa Đông Sơn*: trên núi Đông Sơn, ở về phía tây bắc thị xã Thanh Hóa ngày nay.

2. *Mắt tuệ vẹn nhuần* (tuệ giải viên dung): có "tuệ nhãn" để lý giải đạo Phật một cách toàn diện (viên là tròn) và hòa giải được mọi mâu thuẫn (dung là tiêu tan trong nước).

3. *Chỉ Trần Anh Tông* (1293-1314)

4. Nguyên văn chữ Hán là "nap", tức một loại áo tràng mà các nhà sư hay mặc.

thần không chính đáng, làm hại dân, đều bị ông quở trách đuổi đi hết, chặt phá cả miếu đàn. Còn như đối với những vị thần lớn, thiêng và dữ, phần nhiều hiển hiện hay báo mộng ra đón từ ngoài để cầu xin, thì ông thụ giới⁽¹⁾ cho, giảm bớt cúng tế và bắt phải bảo vệ dân, không một ai dám xúc phạm. Người đời sau vẫn nhớ ơn nhà sư.

16. NI SƯ ĐỨC HẠNH

Vị sư nữ chùa Thanh Lương⁽²⁾ họ Phạm, là con gái của một gia đình đời đời làm quan ăn lộc ở nước Giao Chỉ, xuất gia đi tu ở am núi Thanh Lương. Nhà sư luyện tập⁽³⁾ khổ hạnh, trì giới chuyên cần, mắt tuệ thông suốt, thường ngồi thiền định⁽⁴⁾, mắt mũi giống hệt như La Hán⁽⁵⁾, kẻ đời người đạo xa gần không ai là không kính mộ, lòng lấy trở thành vị tông sư của ni đồ⁽⁶⁾ trong một nước, tên tuổi ngang hàng với các bậc cao tăng. Khoảng năm Hồng Vũ⁽⁷⁾ được Trần Nghệ

1. *Thụ giới*: dạy cho về giới luật nhà Phật.

2. *Chùa Thanh Lương*: theo trong bài thì chùa Thanh Lương ở núi Thanh Lương, nhưng núi này ở đâu thì không rõ.

3. *Luyện tập*: nguyên văn chữ Hán là “hủy phục”, ý nói bỏ quần áo để tạ tội, ở đây dịch thoát.

4. *Thiền định*: ngồi yên lặng, chuyên tâm vào một chỗ, suy ngẫm lẽ nhiệm màu.

5. *La Hán*: cũng tức là Arhat, tên một nhà sư đi xin ăn (tì khưu) đắc đạo. Địa vị dưới Bồ Tát (Bodhisatha).

6. *Ni đồ*: đám sư nữ.

7. *Hồng Vũ*: niên hiệu của Minh Thái Tổ (1368-1398), tên thực là Chu Nguyên Chương.

Vương⁽¹⁾ ban hiệu “Tuệ Thông đại sư”. Lúc đã già, sư dời về Đông Sơn. Một hôm, sư bỗng bảo với đệ tử rằng:

- Ta muốn đem tám thân hư ảo này thí cho hổ lang một bữa no.

Bèn vào xếp bằng giữa núi sâu, không ăn uống hơn hai mươi một hôm, hổ lang ngày ngày tới⁽²⁾ ngồi chung quanh nhưng không dám đến gần. Đồ đệ cố mời nhà sư trở về am. Nhà sư đóng sập cửa nhập định⁽³⁾ qua một mùa hè, rồi bèn tập hợp đám đệ tử lại để giảng đạo, bỗng nhiên ngồi mà hóa⁽⁴⁾, tuổi ngoài tám mươi. Lúc hỏa táng có rất nhiều xá lợi⁽⁵⁾. Quan sở tại đã xây tháp cho nhà sư ngay trên núi. Trước đó, nhà sư từng dạy các đệ tử:

- Sau khi ta đi, nên chia bột xương ta lại đây để mài mà rửa tật bệnh cho người đời.

Đến lúc nhập xương, mọi người thấy không nỡ, bèn cho hết vào hộp phong lại. Qua một đêm, bỗng được một chiếc xương cùi tay trên bàn, bên ngoài hộp, mọi người đều ngạc nhiên về sự linh nghiệm của nhà sư. Về sau, phàm có người mắc bệnh đến khấn cầu, đệ tử đem chiếc xương này mài với nước cho bệnh nhân rửa, không ai là không khỏi bệnh. Sự thể nguyên của nhà sư lớn sâu như thế đấy.

1. Chỉ Trần Nghệ Tông.

2. Chỗ này trong nguyên bản mất một chữ, tạm thay bằng chữ “tới”.

3. *Nhập định*: ngồi yên mà tưởng niệm.

4. Chết.

5. *Xá lợi*: chỉ những mảnh xương còn lại sau khi hỏa táng.

17. VÌ CẢM ĐỘNG MÀ ĐI BỘ

(Cảm kích đồ hành)

Cháu của Trần Thái Vương⁽¹⁾ tên Đạo Tái, hiệu Văn Túc, là đồ đệ của Nhân Vương⁽²⁾. Từ nhỏ có tài danh, mười bốn tuổi xin vào trường thi, liền đỗ Giáp khoa⁽³⁾. Nhân Vương rất mực quý trọng, có ý đưa làm quan to, không may chết sớm, nên chưa kịp làm chúc Tể tướng. Nhân Vương xuất gia tu hành khắc khổ. Văn Túc từ đấy đi bộ và nói:

- Đấng Chí thượng⁽⁴⁾ đi chân đất khắp núi sông, ta đã không thể đi theo, còn có lòng nào mà lên xe⁽⁵⁾ xuống ngựa?

Suốt đời không đổi. Một hôm Nhân Vương về thành, Văn Túc đến chào. Vua bảo cung trù⁽⁶⁾ dọn những thứ hải vị cho ăn, cười nói hết sức vui vẻ. Vua ứng khẩu rằng:

Hồng nhuận bác quy cước,

Hoàng hương chá mã an.

Sơn tăng trì tịnh giới,

Đồng tọa bất đồng xan.

1. Chỉ Trần Thái Tông.

2. Chỉ Trần Thái Tông. Đạo Tái là con của Trần Quang Khải; đứng vào hàng con chú con bác với Trần Nhân Tông (về ngôi thứ, Đạo Tái gọi Trần Nhân Tông bằng anh).

3. *Giáp khoa*: khoa mục cao nhất, khó nhất trong kỳ thi.

4. *Chí thượng*: đây là chỉ nhà vua.

5. *Xe*: nguyên văn chữ Hán là “trác” (cái bàn), rõ ràng là viết sai. Theo mạch văn, phải là “xa” (cái xe).

6. *Cung trù*: nhà bếp trong cung đình.

Nghĩa là:

Quy cước⁽¹⁾ bóc đồ thắm,
Mã an⁽²⁾ nước vàng thơm.
Sơn tăng gìn trai giới,
Cùng ngồi, chẳng cùng ăn.

Xem vua tôi anh em tương đắc như vậy, thật đáng cảm động⁽³⁾.

18. THƠ ĐIỆP TỰ

(Điệp tự thi cách)

Đời vua thứ hai của nhà Trần là Thánh Vương⁽⁴⁾ khi đã truyền ngôi cho Thế tử⁽⁵⁾ xong, những năm cuối đời rất nhàn hạ. Gặp dịp về thăm quê cũ ở Thiên Trường⁽⁶⁾, có là bài thơ rằng:

*Cảnh thanh u vật diệc thanh u,
Nhất thập tiêu châu thử nhất châu.
Bách bộ sinh ca cảm bách thiết,
Thiên hàng nô bộc quát thiên đầu.
Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự,
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu.*

1. *Quy cước*: một giống trai ở biển, dùng làm món ăn.

2. *Mã an*: cũng dùng làm món ăn, nhưng chưa rõ là loại gì.

3. Theo ĐVSKTT, thì bốn câu thơ trên là làm vào lúc Thượng hoàng Trần Nhân Tông sắp sửa xuất gia (chứ không phải sau khi xuất gia). Chữ thứ hai câu thơ đều chép là “thấp” (chứ không phải là “nhuận”. Xem ĐVSKTT; *Bản kỷ*; *Quyển VI*; *Kỷ nhà Trần*).

4. Chỉ Trần Thánh Tông.

5. Chỉ Trần Nhân Tông.

6. *Thiên Trường*: quê hương nhà Trần.

*Tứ hải dĩ thanh trần dĩ tĩnh,
Kim niên du thắng cựu niên du.*

Nghĩa là:

Cảnh thanh u, vật cũng thanh u,
Một chục tiên châu, đây một châu.
Trăm bộ sênh ca, chim trăm giọng,
Nghìn hàng tôi tớ, quất nghìn cây.
Trăng vô sự chiếu người vô sự,
Nước đượm thu lồng trời đượm thu.
Bốn biển đã trong, bụi đã sạch,
Cuộc đi chơi năm nay hơn cuộc đi chơi năm xưa.

Bài thơ này làm ra, chắc là sau khi trải qua hai lần chinh chiến với quân Nguyên, trong nước yên vui, cho nên ý câu kết mới như vậy. Bài thơ cấu tứ thanh cao, những chữ láy gây nhiều âm hưởng, không phải người già dặn về thơ, làm sao có thể đạt được như thế. Huống hồ bản tính thanh cao, vốn dòng phú quý, phong vị của quốc quân với người thường vẫn là khác nhau.

19. Ý THƠ TƯƠI MỚI

(Thi ý thanh tân)

Trúc Lâm đại sĩ⁽¹⁾ có *Thơ vịnh mai* rằng:

*Ngũ xuất viên ba kim niên tu,
San hô trầm ảnh hải lân phù.
Cá tam đông bạch chi tiền diện,*

1. *Trúc Lâm đại sĩ*: Chỉ Trần Nhân Tông, làm vua được 14 năm (1279-1293) thì nhường ngôi cho con là Anh Tông, sau đó đi tu ở núi Yên Tử, đạo hiệu là “Trúc Lâm Đầu Đà”, tự hiệu là “Trúc lâm đại sĩ”, là người khai sáng ra phái Trúc Lâm trong đạo Phật Việt Nam.

*Thử nhất biện hương xuân thượng đầu.
Cam lộ dục ngưng si điệp tỉnh,
Dạ quang như thủy khát cầm sầu.
Hằng Nga nhược thức hoa giai sử,
Quế lân thiêm hàn chỉ ma hưu.*

Nghĩa là:

Năm cánh tròn xoe ra vuốt chòm râu vàng,
Bóng san hô chìm, vẩy cá bể nổi.
Ba tháng mùa đông, trắng muốt phía trước cành,
Một cánh hoa thơm ngát buổi đầu xuân.
Hạt cam lộ sắp ngưng, chiếc bướm si choàng tỉnh,
Ánh trăng đêm như nước, con chim khát
chạnh sầu.

Ả Hằng Nga⁽¹⁾ ví biết cái đẹp của hoa.
Thì cũng đến bỏ vắng thiêm⁽²⁾ giá lạnh và
bóng quế⁽³⁾ mát rượi.

Cái tươi mới, chắc khỏe ở đây vượt xa khuôn khổ người thường. Vị quốc quân nghìn xe⁽⁴⁾ mà hứng cảm như vậy, ai bảo là người ta khi cùng khổ thì thơ mới hay⁽⁵⁾? Lại có hai bài tuyệt cú *Sơn phòng mạn hứng* rằng:

*Thùy phược cánh tương cầu giải thoát,
Bát phàm hà tất mịch thần tiên.*

1. *Hằng Nga*: tương truyền Hậu Nghệ xin được thuốc trường sinh ở Tây Vương Mẫu, Hằng Nga lấy cắp rồi chạy lên trăng.

2. *Thiêm*: tương truyền trong trăng có con thiêm thụ (tức con cóc), cho nên gọi mặt trăng là “thiêm” hay “cung thiêm”.

3. *Quế*: tương truyền trong trăng có cây quế, nên cũng gọi mặt trăng là “cung quế” hay “vùng quế”.

4. *Ngìn xe*: (thiên thặng): nghìn cỗ binh xa. Theo chế độ nhà Chu, Thiên tử có một vạn cỗ binh xa, Chư hầu có một nghìn cỗ binh xa.

5. Dương Tu từng nói: “Không phải thơ làm cho người ta cùng khổ, nhưng có lẽ người ta gặp phải vận cùng thì thơ mới hay”.

Nghĩa là:

Nào ai trời buộc, việc gì phải tìm giải thoát,
Đã là người bất phàm, thì việc gì còn phải đi
tìm thần tiên.
Vượn nhàn, ngựa nhọc, thì người phải già⁽¹⁾.
Vẫn một giường thiền chốn am mây.

*

* *

*Thị phi niệm trúc triêu hoa lạc,
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn.
Hoa tận vũ tình sơn tịch mịch,
Nhất thanh để diều hâu xuân tàn.*

Nghĩa là:

Chuyện thị phi rơi dần cùng hoa buổi sáng,
Lòng danh lợi lạnh ngắt với giọt mưa đêm.
Hoa tàn, mưa tạnh, núi non tịch mịch,
Một tiếng chim kêu, lại một mùa xuân sắp hết.

Ở đây có cái trong trẻo tuyệt vời, một màu bát ngát, tình thơ thanh thoát, ý thú siêu thuần. Có tập *Đại hương hải ấn* gồm rất nhiều bài thơ hay, đáng tiếc ở nước ấy gặp binh lửa, không được lưu truyền, tôi chỉ nhớ được một đôi bài mà thôi. Ôi, đáng tiếc thay!

1. Theo quan niệm của đạo Phật thì “tâm viên, ý mã” (con vượn trong tâm, con ngựa ý thức) là biểu tượng cái “ngã chấp”, cái “vọng niệm”, nó phá phách trong con người. Người ta suốt đời phải đấu tranh với con vượn ấy, con ngựa ấy, cho nên khi chúng mỗi một thì người ta cũng đã già rồi.

20. SỐNG NGAY THẮNG, CHẾT YÊN LÀNH

(Trung trực thiện chung)

Phạm Ngộ, Phạm Mai nguyên họ Chúc, người ở Ly Nhân⁽¹⁾, nước Giao Chỉ. Anh tên Kiên, em tên Cố⁽²⁾, đều đậu cao khi còn ít tuổi, lừng lẫy tài danh. Khoảng năm Chí Chính⁽³⁾, ra làm quan dưới triều Trần Minh Vương⁽⁴⁾, trải qua những chức quan trọng. Vua cho rằng họ Chúc từ xưa không có người hiền đạt, bèn đổi Chúc Kiên thành Phạm Ngộ, Chúc Cố thành Phạm Mai.

Bấy giờ Vương thúc làm Thượng tể⁽⁵⁾ nắm quyền bính trong nước, không né tránh sự hiểm nghi, lại có xích mích với Tể chấp⁽⁶⁾. Bỗng có kẻ thù hằn dựng ra

1. *Ly Nhân*: đời Trần có huyện Ly Nhân thuộc châu Ly Nhân, tương đương với một phần lớn tỉnh Hà Nam ở đời sau; huyện Ly Nhân có thể kể sát với huyện Nam Xương và Duy Tiên ở đời sau.

2. Theo DVSKTT, thì anh (Phạm Mai) tên là Cố, em (Phạm Ngộ) tên là Kiên (Xem DVSKTT; *Bản kỷ*; *Quyển VI*; *Kỷ nhà Trần*).

3. *Chí Chính*: niên hiệu cuối cùng của Nguyên Thuận Đế, từ 1314 đến 1368.

4. Chỉ Trần Minh Tông (1314-1329). Ở đây tác giả đã nhầm lẫn. Triều Trần Minh Tông tương đương với các niên hiệu Diên Hựu (1314-1320), Chí Trị (1321-1323), Thái Định (1324-1327) và Thiên Lịch (1328-1329) của nhà Nguyên, nghĩa là trước niên hiệu Chí Chính khá lâu.

5. *Thượng tể*: tên gọi chức Tể tướng; đây chỉ Huệ Vũ Vương Quốc Chấn, cha sinh ra Hiến Từ Tuyên Thánh Hoàng hậu (vợ chính của Trần Minh Tông).

6. *Tể chấp*: ở đây có lẽ chỉ Văn Hiến hầu (không rõ tên) là con của Tá thánh Thái sư Trần Nhật Duật.

chuyện cấp biến tấu lên trên để vu cáo Thượng tể. Tướng quốc kéo trăm quan cùng dân hặc, kiến nghị ghép vào tội tử hình, riêng Phạm Mai làm Ngự sử trung thừa cố xin từ từ xét xử và thận trọng trong việc hình. Lúc này Thượng tể đã bị bắt, bọn gia thần liêu thuộc cùng thân thích, tội đồ đều bị tổng giam và giết chóc rất nhiều. Mai liên tiếp dâng sớ can ngăn, đương diện bẻ lại pháp ty, biện luận phân tích sự oan khuất, cố sức tranh cãi không thôi trước cơn thịnh nộ của vua. Vương thúc đã bị giam chết. Sau đó, được bằng chứng đích thực về sự vu cáo, kẻ gian bị bắt giam, vua rất thẹn và sợ, truy tặng cho Thúc phụ⁽¹⁾ hết sức hậu⁽²⁾. Bèn ban cho Mai bài thơ rằng:

1. *Thúc phụ*: chủ của vua, đây chỉ Quốc Chuẩn.

2. Về việc này, ĐVSKTT chép như sau: “Khi ấy vua ở ngôi đã 15 năm, tuổi đã cao mà chưa lập Thái tử, cha sinh ra Hoàng hậu là Quốc Chấn chủ trương nên dợi Hoàng hậu sinh ra con đích sẽ lập. Cương Đông Văn Hiến hầu (không rõ tên) là con của Tá thánh Thái sư Trần Nhật Duật (có sách chép là em của Nhật Duật) muốn đánh đổ Hoàng hậu mà lập Hoàng tử Vượng, mới dút lót 300 lạng vàng cho gia thần của Quốc Chấn là Trần Phẫu, bảo Phẫu vu cáo cho Quốc Chấn về việc mưu phản. Vua tin là thực, giam Quốc Chấn ở chùa Tư Phúc, rồi đem việc ấy hỏi Thiếu bảo Trần Khắc Chung. Khắc Chung cùng với mẹ sinh ra Hoàng tử Vượng đều là người ở Giáp Sơn, mà lại từng dạy Vượng học, cho nên vào hùa với Văn Hiến, mới trả lời rằng: “Bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó”. Vua mới cấm tuyệt không cho Quốc Chấn ăn uống, bắt phải tự tử. Hoàng hậu lấy áo tắm nước cho Quốc Chấn uống, uống xong thì chết. Bắt đồng đảng hơn 100 người. Mỗi khi xét hỏi, người bị xét phần nhiều kêu oan. Vài năm sau, gặp khi vợ cả vợ lẽ tên Phẫu ghen nhau, đem việc Văn Hiến dút lót vàng tâu lên cho vua biết. Việc giao xuống cho ngục quan xét. Lê Duy là người cương trực, đem xét hỏi ngay ngày hôm ấy. Tên Phẫu bị tội lạng

*Ô đài cứu hĩ cảm vô thanh,
Chỉnh đồn triều cương sự phỉ khinh.
Điện thượng ngang tàng ưng hổ khí,
Nam nhi đáo thử thị công danh.*

Nghĩa là:

Đã lâu rồi, chốn đài ô cảm bật tiếng,
Chỉnh đồn triều cương không phải chuyện dễ,
Trên cung điện, tổ chí khí ngang tàng như ưng,
hổ,

Kể làm trai được như thế mới là công danh.

Tiếp đó, chuyển làm Tham tri chính sự. Nhiều năm trong Chính phủ Phạm Mai có tiếng tăm. Một hôm ốm nhẹ, ông cầm bút đề thơ rằng:

*Tự tông trích lạc hạ nhân gian,
Lục thập dư niên nhất thuận khan.
Bạch Ngọc lâu tiền thu dạ nguyệt,
Triều chân y cứu bạng lan can.*

Nghĩa là:

Từ khi bị đày đoạ xuống cõi trần,
Hơn sáu mươi năm coi như một nháy mắt.
Dưới trăng đêm thu, trước lầu Bạch Ngọc,
Đến châu trời, ta lại dựa vào lan can như cũ.

Đề thơ xong, ông vứt bút mà qua đời. Có *Kính Khê thi tập* lưu hành ở đời.

Ngộ cũng là người liêm chính, giỏi văn, tên tuổi ngang với em. Làm quan đến chức Thẩm hình viện sứ thì mất.

tri. Gia nô của Thiệu (không rõ tên) là em trai của Quốc Chấn ăn sống hết cả thịt của Phẫu, Văn Hiến được miễn tội chết, giáng làm thú nhân, xóa tên trong sổ".

21. THƠ HẾT LÒNG KHUYÊN CAN

(Thi phúng trung gián)

Vào khoảng năm Chí Chính⁽¹⁾, Trần Nguyên Đán ở Giao Chỉ là người thuộc tông thất nhà Trần⁽²⁾ ra làm quan với Dụ Vương⁽³⁾, giữ chức Ngự sử đại phu. Vua không siêng chăm việc nước, bọn quyền thần làm nhiều điều phi pháp, Nguyên Đán luôn can ngăn, nhưng không chịu tiếp thu. Đến khi Dụ Vương mất, cháu là Hôn Đức⁽⁴⁾ kế lập, thời sự lại càng tồi tệ. Nguyên Đán dâng thư lên, nhưng trên không trả lời, bèn xin thôi quan mà về. Có gửi cho bạn bè cùng làm quan trong đài Ngự sử bài thơ rằng:

*Đài đoan nhất khứ tiện thiên nhai,
Hồi thủ thương tâm sự sự vi.
Cửu mạch trần ai nhân dị lão,
Ngũ Hổ phong vũ khách tứ quy.
Nho phong bất chán hồi vô lực,
Quốc thể như huyền khứ diệc phi.
Kim cổ hưng vong chân khả giám,
Chư công hà nhân gián thư hi.*

Nghĩa là:

Kể làm việc ở đài Ngự sử một khi ra đi là tận
chân trời,
Ngoảnh đầu lại, đau lòng thấy việc gì cũng trái
mắt.

1. *Chí Chính*: niên hiệu cuối cùng của Nguyên Thuận Đế (1314-1368).

2. Trần Nguyên Đán là tăng tôn của Trần Quang Khải (1241-1294).

3. *Dụ Vương*: chỉ Trần Dụ Tông (1341-1369)

4. Chỉ Dương Nhật Lễ.

Bụi bặm Kinh thành làm cho người dễ già,
Mưa gió chốn Ngũ Hồ⁽¹⁾ xui khách muốn về ẩn.
Nho phong không xốc nổi, trở lại cũng bất lực,
Thế nước như treo, ra đi cũng là sai.
Sự hưng phế xưa nay thật có thể làm gương,
Các ông sao nỡ ít đưa thư can ngăn đến vậy!

Về sau, khi cung đình dấy nạn⁽²⁾, Nguyên Đán chạy theo Nghệ Vương. Vua lên ngôi, lấy Nguyên Đán làm Tư đồ Bình chương sự. Ở ngôi Tể tướng nhiều năm rồi mất.

Ông là người thông hiểu lịch pháp, từng làm ra sách *Bách thế thông kỹ*, trên khảo từ năm Giáp Thìn thời Nghiêu, dưới tới Tống, Nguyên; nhật thực nguyệt thực, triển độ các vì sao đều phù hợp với sách cổ; phụng đạo tinh luyện, cầu mưa có ứng nghiệm. Tự lấy hiệu là Băng Hồ Tử.

22. THƠ DÙNG CÂU HAY CỦA NGƯỜI XƯA

(Thi dụng tiền nhân cảnh cú)

Trong tông thất nhà Trần có một người hiệu Sầm Lâu⁽³⁾, từ mười mấy tuổi đã hay thơ, đến hai mươi bảy

1. *Ngũ Hồ*: một thảng cảnh, nằm trong địa phận hai tỉnh Giang Tô và Chiết Giang.

2. Chỉ việc cha con Nguyên Trác và hai con của Công chúa Nguyên Ninh mưu giết Dương Nhật Lễ không thành, bị Dương Nhật Lễ quật lại.

3. *Sầm Lâu*: tên thực là Trần Toại hay Trần Quốc Toại được phong tước Uy Văn vương (theo ĐVSKTT).

tuổi thì mất⁽¹⁾. Có tác phẩm *Sâm Lâu tập* lưu hành ở đời. Mộ trên bờ sông Ô Diên⁽²⁾.

Nguyễn Trung Ngạn hiệu Giới Hiên⁽³⁾ cũng có tiếng về thơ, nhưng không kịp quen biết Sâm Lâu. Khi qua Ô Diên, có bài thơ truy điệu rằng:

*Bình sinh hận bất thức Sâm Lâu,
Nhất độc di biên nhất điểm đầu.
“Soa lạp Ngũ Hồ vinh bội ấn,
Tang ma sổ mẫu thắng phong hầu”.
Thế gian thử ngữ thùy năng đạo,
Vạn cổ tư văn khứ hĩ hưu.
Dục loại tao hồn hà xứ thị?
Yên ba vạn khoảnh sử nhân sầu!*

Nghĩa là:

Bình sinh ân hận không được biết Sâm Lâu,
Nay mỗi lần đọc thơ còn lưu lại là một lần gặt
đầu thán phục.

“Tôi nón Ngũ Hồ⁽⁴⁾ vinh hơn mang ấn tín,
Dâu gai mấy mẫu thắng cả được phong hầu⁽⁵⁾”.
Lời ấy thế gian ai nói nổi,
Văn này muôn thuở qua rồi thôi!
Muốn rót chén rượu tế hồn thơ, nhưng biết là
đâu tá?

Khóisóng muôn khoảnh làm cho người nhớ sầu!

Hai câu đối “Tôi nón Ngũ Hồ...” nguyên là câu thơ của Sâm Lâu.

1. Theo ĐVSKTT, Trần Toại chết vào năm vào 24 tuổi.

2. *Sông Ô Diên*: nay là đoạn từ sông Hồng tiếp sang sông Đuống.

3. Người làng Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Ông sinh năm 1289, mất năm 1370.

4. *Ngũ Hồ*: chỉ năm hồ thuộc vùng Hồ Động Đình, Trung Quốc.

5. Trong nguyên văn chữ Hán ở ĐVSKTT, chữ thứ ba và thứ tư câu thơ này chép là “tế dã” nghĩa là “rượu đồng”.

23. THƠ NÓI LÊN LÒNG TỰ PHỤ

(Thi ngôn tự phụ)

Nguyễn Trung Ngạn⁽¹⁾ sớm có tài danh, rất tự phụ.
Từng có thơ trường thiên, đại khái rằng:

Giới Hiền tiên sinh lang miếu khí,

Mậu linh dĩ hữu thôn ngư chí.

Nghĩa là:

Ngài Giới Hiền đáng tài lang miếu⁽²⁾,

Tuổi thanh niên đã có chí nuốt trâu.

Tuổi mới mười hai, trong tôn thất nhà Trần có người hiệu là Ái Sơn rất ham đọc sách, học thơ; đặc biệt thích phong tình, hay ngâm những bài thơ ngắn, thỉnh thoảng có câu thơ đẹp. Từng có câu thơ rằng:

Bảo đỉnh hương tiêu trăm thủy yên,

Bích sa xuân trưởng bạc như thiên.

Động chương ngâm bãi sấu thành hải,

Nhân tại lan can nguyệt tại thiên.

Nghĩa là:

Khói trăm trong đỉnh hương báu đã tiêu tan hết,

Màn xuân bằng the biếc mỏng tựa cánh ve.

Vân thơ thâm thúy ngâm xong, sấu thành biển.

Người cạnh lan can, trăng trên trời.

Lại có thơ rằng:

Song bặt hương vân ám bích sa,

Bình phân ngọc thụ bất cầm trà.

1. Ông nổi tiếng thần đồng, 16 tuổi đã đỗ Hoàng giáp.

2. Ý nói tài năng vào bậc đáng làm quan to ở triều đình.

*Tương tư tại vong đăng lâu khiếp,
Nhất thụ thủy miên hồng tận hoa.*

Nghĩa là:

Mây thơm bên song phủ mờ màn the biếc,
Bình thường ngủ trưa dậy chẳng kiêng chè,
Đang khi trông nhớ nhau, sợ bước lên lầu,
Cả một cây gạo⁽¹⁾ nở đầy hoa đỏ.

24. THƠ RƯỢU KINH NGƯỜI

(Thi tửu kinh nhân)

Hồ Tông Thốc⁽²⁾ người Diễn Châu⁽³⁾ thi đỗ từ hồi còn trẻ, rất có tài danh. Mới đầu chưa nổi tiếng lắm. Nhân tiết Nguyên tiêu⁽⁴⁾, có đạo nhân Pháp quan họ Lê giảng đèn mở tiệc để rước khách văn chương. Hồ Tông Thốc nhận giấy mời để thơ. Trong một đêm, ngay trên tiệc làm trăm bài thơ, uống trăm chén rượu, mọi người đều xúm nhìn thán phục, không ai địch nổi. Từ đó danh lừng chốn Kinh đô. Về sau dùng tài văn học làm thầy thợ cho

1. Nguyên văn chữ Hán là thủy miên, một loại rong, không ăn khớp với chữ thụ (cây thân gỗ) phía trước. Vậy thủy miên đúng ra phải là mộc miên (cây gạo), chữ thủy và chữ mộc tự dạng giống nhau nên nhầm lẫn. Chúng tôi dịch chữa lại.

2. *Hồ Tông Thốc*: chưa rõ sinh và mất năm nào. Đậu Trạng nguyên vào đời Trần Nghệ Tông (1320-1373).

3. *Diễn Châu*: đây chỉ phủ Diễn Châu, nay là Dương Khê Thượng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Chỗ này tác giả nhớ nhầm. Đúng ra Hồ Tông Thốc người huyện Yên Thành, Nghệ An, sau dời đến huyện Đường Hào, Hải Dương.

4. *Nguyên tiêu*: rằm tháng giêng âm lịch.

người. Thờ Trần Nghệ Vương⁽¹⁾, quan đến chức Hàn lâm học sĩ, Thừa chỉ kiêm thăm hình viện sứ, thơ và rượu không ngày nào vắng. Tuổi ngoài tám mươi, mất tại nhà.

25. ĐIỂM THƠ ĐỂ PHÚC VỀ SAU

(Thi triệu dư khánh)

Ông ngoại tổ phụ của cha Trùng⁽²⁾ là Nguyễn Công, húy Thánh Huấn. Nguyễn Công thờ Trần Nhân Vương⁽³⁾, làm chức Trung thư thị lang⁽⁴⁾. Tính rất nhân hậu. Từ lúc còn trẻ đã thi đỗ cao, hay thơ bậc nhất, đương thời không ai địch nổi, người đời sau gọi là thi tổ ở Phương nam. Từng có bài thơ *Điểm viên mạn hứng*, trong có hai câu đối nhau rằng:

*Sào điệu ký lâm hưu phạt mộc,
Nghị phong tại địa vị canh điền.*

Nghĩa là:

Tổ chim đã gửi trên ngàn, gỗ thôi đừng chặt.

Ồ kiến đang làm dưới đất, ruộng chưa vội cày.

Thức giả khen là nhân ái đến cả loài vật, ắt để phúc cho con cháu. Sau đó Nguyễn Công gả con gái cho tăng tổ của tôi, tức là mẹ của ông tôi và bà thứ phi của Trần Minh Vương⁽⁵⁾. Bà Phi đã sinh ra Nghệ Vương⁽⁶⁾. Lúc bà

1. Chỉ Trần Nghệ Tông.

2. *Trùng*: chỉ Hồ Nguyên Trùng, tác giả tự xưng.

3. Chỉ Trần Nhân Tông (1279-1293).

4. Theo ĐVSKTT, vào năm 1274, Trần Thánh Tông bổ nhiệm Nguyễn Thánh Huấn sung Nội thị học sĩ.

5. Chỉ Trần Minh Tông (1314-1329).

6. Chỉ Trần Nghệ Tông (1370-1372).

mất, tổ tiên được phong tặng theo điển lệ “Tôn vinh môn phật”, cái phúc đương thịnh ấy quả đúng như lời thúc giã đã nói, điều này đã thể hiện trong những câu thơ như trên chẳng? Cho đến cháu ngoại bốn đời như Trùng ngày nay, ra tự hang sâu, dời đến cây cao⁽¹⁾, một khúc rãnh thừa cũng làm thành vật có ích, há chẳng phải do phúc trạch của tổ tiên chưa dứt, mới được sống gặp triều thánh⁽²⁾, tẩm gội nhân Nghiêu, mà có chuyện kỳ ngộ này ư?

26. THƠ XÚNG CHÚC TỂ TƯỚNG

(Thi xúng tướng chúc)

Trần Nghệ Vương⁽³⁾ khi mới làm Tể tướng, có bài thơ *Tống Nguyên sử* (Tiền sử nhà Nguyên) rằng:

*An Nam lão tướng bất năng thi,
Không bả kim tôn tống khách quy.
Viên Tản sơn cao Lô thủy biếc,
Dao chiêm ngọc tiết ngũ vân phi.*

Nghĩa là:

Lão Tể tướng nước An Nam không thạo làm thơ,
Ngồi sông trước chén vàng tiễn khách ra về.
Núi Tản Viên cao, dòng Lô Thủy biếc,
Vời trông theo cờ sứ bay vào năm thức mây⁽⁴⁾.

1. Ra tự hang sâu, dời đến cây cao (xuất tự u cốc, thiên vu kiều mộc): hai câu thơ trong bài *Phạt mộc* ở phần *Tiểu nhĩ* trong *Kinh Thi*.

2. Chỉ triều nhà Minh.

3. Chỉ Trần Nghệ Tông (1370-1372).

4. Theo ĐVSKTT, thi Trần Nghệ Tông làm bài thơ này vào dịp tiễn sứ nhà Minh (chứ không phải sứ nhà Nguyên) tên là Ngưu

Người em của Nghệ Vương là Cung Tín⁽¹⁾ tính thanh nhã, thích thi họa, sau làm chức Hữu tướng quốc, cũng có bài thơ *Tâm u* rằng:

*Kiều thất bát trùng hồng uyển chuyển,
Thủy đông tây chiết lục oanh hồi.
Bất nhân khán thạch tâm mai khứ,
An đắc thăng bình Tể tướng lai.*

Nghĩa là:

Cầu bảy tám lớp như chiếc mống cong cong,
Nước đông tây gấp khúc, màu xanh uốn lượn.
Không vì đi tìm mai, ngắm đá,
Thì Tể tướng đâu có dịp nhân thái bình đến
thăm chốn này⁽²⁾.

Lượng về nước. Lúc này Nghệ Tông đang làm chức Hữu tướng quốc. Bài thơ chép có một số chỗ hơi khác:

*An Nam Tể tướng bất năng thi,
Không bả trà âu tống khách quy.
Viên Tản sơn thanh, Lô thủy bích,
Tùy phong trực nhập ngũ vân phi.
(Tể tướng nước An Nam không thạo làm thơ,
Bưng âu trà suông tiễn khách ra về.
Núi Tản Viên xanh, dòng Lô Thủy biếc,
Theo gió bay thẳng vào năm thức mây).*

1. Tức Cung Tín Vương, tên thật là Trần Thiên Trạch.

2. Theo *Toàn Việt thi lục*, thì bài thơ này vốn có đầu đề là *Đề Phạm Ngũ Lão điện sủng gia trang*.

27. THƠ VIẾT SỰ NGHIỆP GIÚP VUA⁽¹⁾

(Thi thần trí Quân)

Quân Tư đồ Bàng Hồ⁽²⁾ có bài thơ *Đề Huyền Thiên quán* rằng:

*Bạch nhật thăng thiên dị,
Trí quân Nghiêu Thuấn nan.
Trần ai lục thập tải,
Hồi thủ quý hoàng quan.*

Nghĩa là:

Ban ngày lên trời là việc dễ,
Làm cho vua trở nên Nghiêu, Thuấn là việc khó.
Sống ở cõi trần đã sáu mươi năm,
Ngoảnh đầu lại, thấy xấu hổ với người đạo sĩ⁽³⁾.

Có lẽ khi còn làm Tể tướng, thấy mình không có công trạng gì, mới thốt ra lời than như vậy, đó cũng là do ưu ái trong lòng, mỗi tình quy trung hậu, đó là chỗ khả thủ của thi nhân chăng?

1. Sách *Luận ngữ* có câu: Sự quân năng trí kỳ thân (thờ vua thì dâng cả cái thân của mình). Sách *Mạnh Tử* cũng có câu: Trí quân Nghiêu, Thuấn (giúp cho vua được như Nghiêu, Thuấn).

2. *Bàng Hồ*: hiệu của Trần Nguyên Đán (1320-1390).

3. Văn Tín Công đời Tống nói: "Tôi không giúp gì được vua cứu nạn nước để về làng hưởng chữ nhàn, thật xấu hổ với người đạo sĩ".

28. KHÁCH QUÝ VUI VẺ VỚI NHAU

(Quý khách tương hoan)

Quân đầu⁽¹⁾ Mạc Ký, người Đông Triều, xuất thân quân ngũ, rất thích thơ, vào khoảng năm Nguyên Thống⁽²⁾, tiên đưa sứ nhà Nguyên là Hoàng Thường. Thường cũng là người thích thơ. Mười ngày đi trên sông cùng nhau xướng họa, có nhiều câu thơ hay. Hoàng Thường rất thích. Đến biên giới có làm thơ lưu biệt như sau:

*Giang ngạn mai hoa chính bạch,
Thuyền đầu tế vũ tà phi.
Hành khách tam đông Bắc khứ,
Tướng quân nhất trạo Nam quy.*

Nghĩa là:

Ven sông hoa mai nở trắng,
Đầu thuyền mưa bụi lay rây.
Cuối đông khách về phương Bắc,
Một chèo ngài trở lại Nam.

1. *Quân đầu*: một chức trong quân đội thời nhà Trần.

2. *Nguyên Thống*: niên hiệu của Nguyên Thuận Đế (1333-1334).

NGUYỄN DŨ

TRUYỀN KỲ MẠN LỤC

NGÔ VĂN TRIỆN dịch

PHẠM VĂN THẮM giới thiệu

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

Truyền kỳ mạn lục do Nguyễn Dữ soạn.

Nguyễn Dữ người xã Đỗ Tùng, sau đổi là Đoàn Lâm thuộc huyện Gia Phúc phủ Hồng Châu (nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương). Căn cứ vào lời tựa của Hà Thiệu Hân viết cho *Truyền kỳ mạn lục* năm 1546 thì Nguyễn Dữ sinh ra trong một gia đình khoa hoạn. Ông là con trưởng của Tiến sĩ Nguyễn Tường Phiêu từng giữ chức Thượng thư. Nguyễn Dữ từ nhỏ đã chăm học, đọc rộng nhớ nhiều, muốn theo nghề văn chương nổi nghiệp nhà, từng thi đỗ Hương tiến, nhiều lần thi Hội đỗ Tam trường, sau làm Tri huyện huyện Thanh Tuyên. Làm quan mới được một năm, ông đã xin từ quan với cớ về quê phụng dưỡng mẹ già. Nhiều năm Nguyễn Dữ không bước tới thành thị, ông đã viết *Truyền kỳ mạn lục* để gửi gắm tâm sự, niềm suy tư của một nhà nho trước những biến động của thời cuộc, cũng như sự xuống cấp về mặt đạo đức của xã hội đương thời.

Truyện kỳ mạn lục gồm 4 quyển, 20 truyện, tiêu đề của mỗi truyện đều mang từ “kỳ”, “truyện” hoặc “lục”. Mỗi từ “kỳ”, “truyện”, “lục” đều mang nét nghĩa “ghi chép”; ở một góc độ tâm lý, nét nghĩa này phản ánh sự khiêm tốn của tác giả coi công việc của mình chỉ là sự ghi chép những câu chuyện có nguồn gốc trong dân gian. Nhưng sự thực đây không phải là sưu tập truyện cũ mà là một sáng tác được người xưa đánh giá là “Thiên cổ kỳ bút”.

Về văn bản *Truyện kỳ mạn lục*, hiện có nhiều dị bản mang các tên gọi như *Cựu biên truyện kỳ mạn lục*, hoặc *Tân biên truyện kỳ mạn lục tăng bổ giải âm tập chú*. Văn bản đã được khắc in và sao chép lại nhiều lần để đáp ứng nhu cầu của người đọc. Căn cứ vào tên gọi của các dị bản, có thể chia văn bản *Truyện kỳ mạn lục* ra thành hai nhóm chính:

1. Nhóm văn bản mang tên *Cựu biên*.

Nhóm này hiện có 1 văn bản khắc in, 1 tựa, 1 mục lục. Sách mang niên đại Vĩnh Thịnh 8 (1712). Bản in của văn bản này hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Đông Dương văn khố của Nhật Bản.

2. Nhóm văn bản *Tân biên*.

Căn cứ vào dòng ghi niên đại, có thể chia nhóm văn bản này ra thành 4 nhóm nhỏ:

+ Nhóm văn bản mang niên đại Vĩnh Thịnh 10 (1714). Văn bản khắc in hiện đang lưu giữ tại Thư viện Bắc Kinh, Trung Quốc.

+ Nhóm văn bản mang niên đại Vĩnh Hựu 3 (1737). Văn bản khắc in, hiện được lưu giữ tại Thư viện Hiệp hội nghiên cứu châu Á, ký hiệu HM.2236.

+ Nhóm văn bản mang niên đại Cảnh Hưng 24 (1763). Nhóm này văn bản khắc in và văn bản chép tay. Văn bản khắc in hiện có bản R.1450-1453 đầy đủ 4 quyển, 20 truyện, hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Quốc gia. Các bản chép tay đầy

đủ 4 quyển, 20 truyện gồm các bản A.176/1-2; A.3201/1-4 đang được lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

+ Nhóm văn bản mang niên đại Cảnh Hưng 35 (1774). Nhóm này có một số bản khắc in và bản chép tay.

Các văn bản khắc in đầy đủ 4 quyển, 20 truyện gồm VNV.704; VNV.705; VNV.706; VNV.707 (mỗi ký hiệu là 1 quyển); VHv.1491/1-4 (đủ cả 4 quyển). Các bản này hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Bản mang ký hiệu HN.257-258 hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Viện Văn học.

Các văn bản chép tay đầy đủ 4 quyển, 20 truyện gồm có VNV.708; VNV.709; VNV.710 và VHv.1840. Các bản này hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Ngoài ra còn có các bản lẻ tẻ, hoặc thuộc loại khắc in như A.1021, hoặc thuộc loại chép tay nh VHv.1641.

Truyện kỳ mạn lục đã được Cát Thành tuyển dịch 12 truyện, đó là: 1- *Khoái Châu nghĩa phụ truyện*; 2- *Mộc miên thụ truyện*; 3- *Tây viên kỳ ngộ ký*; 4- *Đà giang đa ẩm ký*; 5- *Từ Thức tiên hôn lục*; 6- *Đông triều phế tự lục*; 7- *Long đình đôi tụng lục*; 8- *Phạm Tử Hư du thiên tào lục*; 9- *Tản Viên từ phán sự lục*; 10- *Dạ Xoa bộ soái lục*; 11- *Nam Xương nữ tử lục*; 12- *Đào thị nghiệp oan ký*; do nhà in Thái Bạch Bưởi, Hà Nội công bố năm 1912, sau đó Trúc Khuê Ngô Văn Triện cũng đã từng dịch *Truyện kỳ mạn lục*. Bản dịch được công bố lần đầu vào năm 1935, sau đó được NXB Văn hóa tái bản năm 1957, NXB Văn học tái bản năm 1971, NXB Trẻ tái bản năm 1989. *Truyện kỳ mạn lục* cũng đã được dịch ra tiếng Pháp, các truyện *Khoái Châu nghĩa phụ truyện*, *Từ Thức tiên hôn lục*, *Nam Xương nữ tử lục* được Phạm Duy Khiêm dịch ra tiếng Pháp công bố lần đầu vào năm 1951. Tiếp đó, Bùi Quang Tùng dịch truyện *Tây Viên kỳ ngộ ký* đăng trong "Le Bulletin de Société des Etudes Indochinoises" (Tạp chí

của Hiệp hội nghiên cứu Đông Dương) năm 1955 tại Sài Gòn. Nguyễn Trần Huân dịch *Mộc miên thu truyện*, truyện này được NXB Club Francaisdu Livre công bố năm 1959 tại Paris. Và sau đó dịch giả Nguyễn Trần Huân đã dựa vào bản in năm Cảnh Hưng 24 [1763] dịch trọn 4 quyển, 20 truyện. Bản dịch đã được NXB Gallimard in ấn và công bố năm 1962. Năm 1994 NXB Thế giới công bố *Truyện kỳ mạn lục* bản dịch tiếng Pháp. Về văn bản có tham khảo bản khắc in năm Vĩnh Thịnh 8 (1712). Ngoài ra còn có bản dịch ra tiếng Nga do NXB Thế giới công bố năm 1981.

Bản dịch dưới đây là của Trúc Khê Ngô Văn Triện do Phạm Văn Thắm biên tập lại, chủ yếu là về việc chuyển đổi địa danh và quy cách trình bày.

QUYỂN 1

1. CÂU CHUYỆN Ở ĐỀN HẠNG VƯƠNG

(Hạng Vương từ ký)

Quan thừa chỉ Hồ Tông Thốc là người hay thơ, lại hay mĩ mai giấu cợt, khoảng cuối đời Trần, phụng mệnh sang Trung Quốc, nhân đi qua đền Hạng Vương có đề thơ rằng:

*Non nước trăm hai nổi bụi hồng,
Đem đoàn tử đệ đến Quan Trung.
Khởi tan Hàm Cốc cung châu lạnh,
Tuyết rã Hồng Môn dấu ngọc không⁽¹⁾.
Thua chạy trời xui đường Trạch Tả⁽²⁾,
Quay về đất lấp nẻo Giang Đông⁽³⁾.
Năm năm lặn lội hoài công cốc,
Còn được chôn theo tước Lỗ Công⁽⁴⁾.*

1. Tiệc ở Hồng Môn, Phạm Tăng định giết Bái Công mà Hạng Vũ không nghe, để Bái Công lại thoát về được. Tăng tức mình chém vỡ tan cái dấu ngọc của Trương Lương biếu.

2. Hạng Vũ bị vây ở Cai Hạ, đêm phá vòng vây chạy được đến Âm Lăng, hỏi thăm đường thì bị một ông già làm ruộng đánh lừa bảo đi sang phía tả, rồi mắc một cái đầm lớn không qua được.

3. Hạng Vũ chạy đến Ô Giang, người lái thuyền khuyên qua sông Giang Đông rồi sau lại tính kế quay về, nhưng Vũ không nghe, tự tử chết.

4. Lỗ Công là tước công ở nước Lỗ, Hán Cao Tổ lấy lễ Lỗ Công mai táng cho Hạng Vũ.

Đế xong ruồi ngựa về nhà trọ. Rượu say nằm ngủ, ông Hồ mơ thấy một người đến nói với mình rằng:

- Tôi vâng chỉ của đức vua tôi, mời ngài đến chơi nói chuyện.

Hồ vội sửa sang quần áo. Người ấy đưa ông đến nơi cung điện nguy nga, quan hầu đứng xếp hàng răm rắp, Hạng Vương đã ngồi chờ sẵn, bên cạnh có cái giường lưu ly, mời ông lên ngồi, rồi hỏi:

- Bài thơ ông đề lúc ban ngày, sao mà mỉa mai ta dữ thế! Ừ thì hai câu: “Thua chạy trời xui đường Trạch Tả, quay về đất lấp nẻo Giang Đông” kể cũng đúng, nhưng đến hai câu “Năm năm lần lộn hoài công cốc, còn được chôn theo tước Lỗ Công”, há chẳng phải lời chê không đúng sao? Này như Hán làm nên vạn thặng ta cũng làm nên vạn thặng. Ta không diệt được Hán, Hán lại phong tước cho ta được sao? Đến Diên Hoàn là một gã trẻ con, còn không tham tước của Hán, và hổ thẹn tự sát mà chết, huống ta đường đường một vị bá vương nước Sở, lại tự cam nhận lễ Lỗ Công hay sao? Kẻ kia làm việc ấy, chỉ đem quàng cho ta một tước vị hão, để đến bù lại sự hổ thẹn khi ở Hán Trung⁽¹⁾ mà thôi. Ta nói để ông rõ: Ngày nhà Tần mất con hươu⁽²⁾, người ta nổi dậy nhao nhao, tranh nhau bắt lấy. Ta bấy giờ vì ghét người Tần mà nổi quân đánh Tần, tháo răng bữa làm giáo, thổi cơm chiêm làm lương, tôi đòi đều là quân, hào kiệt đều là tướng, phá xứ Ngô như hủy tổ kiến, lấy đất Hoài như đốt lông hồng, một trận đánh mà quân Trương Hàm phải tan, hai trận đánh mà miếu Tổ Long phải sụp. Đức nghĩa ban ra, nhiều nước được dựng lại, oai lệnh truyền đi, bao kẻ

1. Hạng Vũ từng phong cho Bái Công làm vương ở Ba Thục và Hán Trung.

2. Con hươu là ví với thiên hạ.

thuận làm tôi. Đứng đầu chư hầu là quân nước Sở, làm chúa Tam Tần là tướng xứ Sở. Thiên hạ theo về nước Sở, có thể ngồi mà sai khiến được. Nhưng rồi Sở phải chết vì Hán, dù kẻ thối kèn, dệt chiếu, cũng đủ để thành công, khi trời định diệt Sở, dù người cất vạc, nhổ núi, cũng không thể nổi gỏi. Huống chi Chung Ly mạnh mẽ, chẳng kém Hoài Âm, Á Phụ khôn ngoan, thực hơn Nhu Tử. Nếu ta nghe lời không cố chấp, nhân thua mà tính toán, thì ruổi ô truy bốn vó mỗi chôn, há không đủ cày lật cung đình Phong Bái, thu Bành Thành những quân tàn mác, há không đủ đào tung miếu xã Viêm Lưu. Nhưng chỉ vì thương lũ sinh linh, nên mới đem tám thân tám thuốc đường đường, ném vào tay Vương Ế⁽¹⁾. Vậy sự hưng vong của Hán, Sở chỉ do sự may rủi của trời mà thôi, há nên lấy thành bại mà so bì ư? Nhưng đời những kẻ thích phẩm bình nhân vật, có kẻ bảo không phải trời làm mất, có kẻ bảo trời có ảnh hưởng gì. Thi nhân mặc khách thường thường đem chuyện ta diễn vào thơ.

Câu thì:

*Cái thế anh hùng sức nhỏ núi,
Sở ca bốn mặt lệ lan tràn.*

Câu thì:

*Vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi,
Bên sông lập miếu cũng hoài thôi.*

Ngày tháng trôi qua, có đến hàng nghìn bài chứ không phải ít. Nhưng chỉ có hai câu thơ của Đỗ Mục:

*Giang Đông tử đệ nhiều tay gỏi,
Cuốn đất quay về chưa biết đâu.*

Lời thơ ủy khúc trung hậu, hợp cách luật của nhà thơ, đọc lên ta còn vừa lòng đôi chút. Ngoài ra còn toàn

1. Hạng Vũ tự vẫn để cho Vương Ế cất đầu nộp Hán Vương lấy công.

những lời phụ bạc, ta vẫn lấy làm bất bình lắm, nay tiện dịp ta nói để cho ông rõ.

Ông Hồ cười mà rằng:

- Lê trời việc người, cũng là đầu cuối lẫn cho nhau. Bảo mệnh ở trời, Thương Trụ vì thế mà mất nước; bảo trời sinh đức. Tân Mãng vì thế mà bỏ mình. Nay nhà vua bỏ việc người mà đi bàn lễ trời, vì thế đã đến bại vẫn không tỉnh ngộ. Tôi bữa nay may mắn được nhà vua vời đến tiếp kiến, muốn xin được nói thẳng không giấu điều gì, nhà vua nghĩ thế nào?

Hạng Vương nói:

- Vâng vâng, ông cứ nói.

Ông Hồ nói:

- Phàm xoay cái thế thiên hạ, do trí chứ không phải do sức; thu tám lòng thiên hạ ở nhân chứ không phải ở bạo. Nhà vua thì chỉ lấy quát thét làm oai, lấy cưỡng thường làm đức. Chém Tống Nghĩa là một tướng mạnh⁽¹⁾, vô quân đến đâu! Giết Tử Anh là người đã hàng⁽²⁾, bất võ quá lắm! Hàn Sinh vô tội mà bị lược⁽³⁾, hình pháp trái thường; A Phòng vô cơ mà bị thiêu⁽⁴⁾, hung uy quá tệ. Những việc nhà vua làm được lòng người? Hay mất lòng người?

Hạng Vương nói:

1. Vua Hoài Vương nước Sở sai Tống Nghĩa làm Thượng tướng quân đem quân đi đánh Tần. Hạng Vũ thấy trùng trùng không tiến, liền chém chết.

2. Hạng Vũ dẫn quân vào đánh Hàm Dương. Vua Tần là Tử Anh đã hàng mà Vũ còn giết.

3. Hàn Sinh khuyên Vũ đóng đô ở Quan Trung. Vũ không nghe, Hàn Sinh tức, nói vâng mấy câu. Vũ nghe được, nổi giận, sai làm thịt bỏ vào nồi luộc.

4. Cung A Phòng của nhà Tần, bị Hạng Vũ đốt.

- Không phải thế. Nay như việc Hàm Đan lấy nước Triệu mới dựng, chống nước Tần sôi hùm, thành bại chỉ trong hơi thở, còn mất chỉ trong chớp mắt. Vậy mà Nghĩa lẩn tránh sợ sệt, chờ khi giặc mỏi, dùng dằng, cản đường quân tiến. Nếu mà kẻ trong trướng không thi hành được, quân qua sông lại chậm chạp, thì dân chúng trong thành Triệu, sẽ lại bị thảm họa hơn là ở Trường Bình thuở trước. Vậy thì ta giết một Tống Nghĩa, mà cứu sống được tính mệnh cho trăm vạn sinh linh, có gì là quá! Vua các nước đều là chư hầu, tước thì của Thiên vương phong cho, đất thì của Thiên vương ban cho. Vậy mà Tần lợi dụng đất cát, nông cuồng giáp binh, mở Hàn, thét Triệu, hiếp Ngụy hại Yên, nam thì lừa Sở rồi bắt mà giữ lại, đông thì dối Tề để hãm cho chết đói. Nếu không lật đổ ngôi Tần và tru diệt nhà Tần thì cái hờn căn nuốt các nước không biết bao giờ tiêu tan được. Cho nên ta giết một Tử Anh để trả mối thù diệt vong cho sáu nước, có gì là tệ. Ôm bụng trung lương là tiết lớn của kẻ làm tôi. Hàn Sinh thì không thế, khoe mẽ hợm mình, vong ân bội nghĩa, múa lưỡi để chỉ nghị quân thân, khua môi để buông lời sàm báng. Vì vậy ta đem giết, để những kẻ bất trung lấy làm răn: Giữ tiết kiệm là đức tốt của người làm vua, Thủy Hoàng thì không thế, xây cung ở bên sông, mở đường ở ven núi, đắp nền cho cao bằng những hòn oán của dân, chứa kho cho đầy bằng những máu mỡ của dân. Vì vậy ta đem đốt đi để những vua đời sau biết nên dè chừng. Nếu lại buộc tội về những điều ấy thì ta trộm lấy làm không phục.

Ông Hồ nói:

- Thế thì sáu Kinh trong lửa, đốt sách Thánh nhân, thuốc kiếm trên sông, giết vua Nghĩa Đế, những việc sao mà nhẫn tâm đến như vậy! Sao bằng người Hán: sợ lỗi phạm vua tôi thì nghe lời Đồng Công làm việc nhân

nghĩa, khiến nền nếp Đế vương hầu rồi mà lại sáng; sợ thất truyền đạo học thì về đất Khúc Phụ, bày lễ thái lao, khiến dòng nguồn thi thư hầu đứt mà lại nối. Cho nên người ta có câu nói: “Hán được thiên hạ, không ở cất dùng Tiêu, Trương, mà ở việc để trở⁽¹⁾ của ba quân, gọi lòng trung phần hào kiệt; Hán giữ thiên hạ không ở quy mô lớn mà ở việc đến tế ở Khúc Phụ, mở nền nương tựa cho đời sau”. Nhà vua thì sánh làm sao được với Hán Vương.

Hạng Vương ghen lời không biết nói sao, sắc mặt xám ngắt. Bên cạnh có một vị lão thần họ Phạm, tiến lên nói:

- Tôi nghe làm người không sống ngoài trời đất, làm chính trị phải lấy cương thường để dựng nước. Bây tôi của Đại Vương đây có người tên là Cao⁽²⁾ tiết cứng như từng, lòng bền tựa đá, sa cơ không chịu sống nhục, liều mình để được thác vinh. Nếu không phải nhà vua biết cách thống ngự thì sao có sự tử trung ấy! Truyện có nói rằng: “Vua sai bầy tôi lấy lễ, bề tôi thờ vua lấy trung”; Đại Vương đây, hợp với câu ấy. Chứ như kẻ kia, sai Ứng Sĩ giữ đất Phong thì Ứng Sĩ đầu hàng, sai Trần Hy coi nước Triệu thì Trần Hy làm phản, đạo cương thường hỏi ai hơn? Hậu cung của Đại Vương có bà họ Ngụ, mệnh nhẹ lá thu, hồn theo bóng kiếm, gửi lòng thơm ở ngọn cỏ tịch mịch, chôn hờn oán ở cánh đồng hoang vu; nếu không phải nhà vua biết lễ cư xử thì làm sao có sự tận tiết ấy! *Kinh thi* có câu: “Dạy vợ mình trước sẽ trị nước”; Đại Vương đây chính là người đã xứng đáng đối với câu

1. Hạng Vũ giết vua Nghĩa Đế nước Sở. Hán Vương theo lời Đồng Công cho ba quân để trở.

2. Tào Cao làm Đại tư mã nước Sở, Hạng Vương sai giữ ở Thành Cao. Sau vì đánh nhau bị thua quân Hán ở trên sông Ty Thủy. Cao tự tử.

ấy. Chứ như kẻ kia. Lã Trĩ ngông ngạo mà làm việc dâm tà, Thích Cơ được yêu rồi dấy thân con lợn⁽¹⁾. Lẽ thường hỏi bên nào hơn? Huống chi trái lẽ trời mà bảo sẽ bắt canh, yêu con bé mà coi thường gốc nước luân thường cha con hỏi rằng để đâu? Những người nghị luận ở đời sau, chẳng so nặng nhẹ, chẳng xét phải trái, lòng không suy nghĩ, miệng chỉ quàng xiên, đối Hán thì khen ngợi chẳng tiếc lời, đối Sở thì chê bai không tiếc sức, khiến đấng Đại Vương của chúng tôi trong cõi mình mình cứ phải chịu những lời mỉa mai cay độc. Vậy mong những điều như tiếng xấu, phiền ông gột rửa giùm cho cũng là việc hay trong cuộc gặp gỡ của chúng ta.

Ông Hồ thấy lời nói cũng hơi có lý, gật đầu hai ba lần, rồi quay bảo những người đi theo:

- Các người ghi nhớ lấy.

Rồi đó canh tàn trà cạn, ông đứng dậy từ giã xin về. Hạng Vương đưa chân ra đến cửa thì phương Đông đã gần rạng sáng. Ông xốc áo vùng dậy, té ra là một giấc chiêm bao, bèn mua rượu và nem bày một lễ cúng ở đầu thuyền trước khi rời khỏi đấy.

LỜI BÌNH: Than ôi, so Sở với Hán thì Hán hơn, sánh Hán với bậc vương đạo, Hán còn xa lắm. Sao vậy? Hồng môn cỏi giận, tha Thái Công về, những việc ấy, Sở không phải là bất nhân, nhưng nhân nông mà ác sâu. Làm cỏ Đinh Xuyên, giết hại công thần, những việc ấy, Hán không phải là không có lỗi, nhưng lỗi ít, tốt nhiều. Sở tuy có điều trái với nhân nghĩa nhưng Hán cũng chỉ giống với nhân nghĩa. Họ Hạng nước Sở không được là

1. Nàng Thích Cơ là vợ lẽ của Hán Cao Tổ, sau khi vua mất, bị Lã Hậu chặt cụt chân tay vắt trong nhà xí mà gọi là con lợn, để trả thù lúc trước nàng được vua yêu.

hạng bá, mà vua Cao nhà Hán cũng là kẻ tạp nạp. Người trị thiên hạ nên tiến lên đến đạo thuần vương còn việc nhân với bất nhân của Hán, Sở hãy gác lại không cần bàn đến.

2. CHUYỆN NGƯỜI NGHĨA PHỤ Ở KHOÁI CHÂU

(Khoái Châu nghĩa phụ truyện)

Từ Đạt người ở Khoái Châu, lên làm quan ở thành Đông Quan (Hà Nội) thuê nhà cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giàu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa còn Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lễ thói hai nhà đại khái không giống nhau, song hai người lấy nghĩa mà chơi bởi đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy.

Phùng có con trai là Trọng Quý, Từ có con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cùng có ý muốn kết duyên Châu Trần. Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mối lái, định kỳ cưới hỏi.

Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử hòa mục với họ hàng và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền.

Trọng Quý lớn lên, dần sinh ra chơi bởi lâu lổng, Nhị Khanh thường vẫn phải ngăn gián. Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng hai mươi tuổi, nhờ phụ ấm được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình

xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghét Lập Ngôn tính hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hùa nhau tiến cử. Khi sắp đi phó nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng:

- Đường xá xa xôi, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông băng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau đoàn tụ.

Trong Quỷ thấy Nhị Khanh không đi, có ý quyến luyến không rút. Nhị Khanh ngăn bảo rằng:

- Nay nghiêm đường vì tính nói thẳng mà bị người ta ghen ghét, không để ở lại nơi khu yếu, bề ngoài vờ tiến cử đến chốn hùng phiến, bề trong thực dồn đuổi vào chỗ tử địa. Chẳng lẽ đành để cha ba đào muôn dặm, lam chướng nghìn trùng, hiểm nghèo giữa đám kinh nghệ, cách trở trong vùng lèo mán, sớm hôm săn sóc, không kẻ đỡ thay? Vậy chàng nên chịu khó đi theo. Thiếp dám dẫu đem mối khuê tình để lỗi bề hiếu đạo. Mặc dầu cho phấn nhật hương phai, hồng rơi tía rụng, xin chàng đừng thất mắc bận lòng đến chốn hương khuê.

Sinh không được, mới bày một bữa tiệc từ biệt, rồi cùng Lập Ngôn đem người nhà đi vào phương Nam.

Không ngờ lòng trời khó hiểu, việc người khôn lường, cha mẹ Nhị Khanh nổi nhau tạ thế. Nàng đưa tang về Khoái Châu, chôn cất cúng tế xong rồi đến cùng ở chung với bà cô Lưu thị.

Bấy giờ có quan tướng quân họ Bạch là cháu họ ngoại của bà Lưu muốn lấy Nhị Khanh làm vợ, đem tiền bạc đến khấn cầu. Lưu thị bằng lòng, rồi nhân lúc vắng vẻ, bảo Nhị Khanh rằng:

- Nhà nước từ ngày họ Nhuận Hồ tiếm vị, ngày tháng hoang chơi, triều đình đổ nát, họa loạn sẽ xảy ra chỉ trong sớm tối mà Phùng lang từ ngày ra đi, thối thoát đã sáu năm nay, tin tức không thông, mất còn

chẳng rõ. Lỡ ra mà gặp lúc rông tranh hồ chọi, phải khi bướm dại ong cuồng, Tra Lợi mắc vào tay⁽¹⁾, Ấp Nha không sẵn mặt⁽²⁾, chỉ e Chương Đài tơ liễu trôi bay đi đến tận phương nào. Chi bằng bạn lành kén lựa, duyên mới vương xe, lập những lời giảng gió cột trêu, nương dưới bóng tùng quân cao cả. Tội gì mà bơ vơ trơ trọi, sống cái đời sương phụ buồn tênh.

Nhị Khanh nghe nói sợ hãi, mất ngủ quên ăn đến hàng tháng. Lưu thị tuy biết chí nàng không chuyển động, nhưng cố tình lấy lễ nghi để cưỡng ép, hôn kỳ đã sẵn sàng.

Nhị Khanh một hôm bảo người bố già rằng:

- Chú là người dày tớ cũ của nhà ta, há không nghĩ đến sự đền đáp ơn đức của người xưa ư?

Bố già nói:

- Tùy ý mợ muốn sai bảo gì tôi xin hết lòng.

Nhị Khanh nói:

- Ta sở dĩ nhịn nhục mà sống là vì nghĩ Phùng lang hãy còn; nếu chàng không còn thì ta đã liệu mình chứ quyết không mặc áo xiêm của chồng để đi làm đẹp với người khác. Chú có thể vì ta chịu khó lặn lội vào xứ Nghệ hỏi thăm tin tức cho ta không?

Người bố già vâng lời ra đi.

1. Dời Đường, Hàn Hoàn có người tình là nàng Liễu thị. Sau khi xa vắng Hàn trở về thì Liễu thị đã bị Sa Tra Lợi cướp mất. Có người hiệp khách là Hứa Tuấn thương hại Hàn Hoàn vào phủ Phiên Tướng cướp được Liễu thị về cho Hàn.

2. Dời Đường, Lưu Vô Song là vợ chưa cưới của Vương Tiên Khách. Gặp loạn nàng bị hãm vào trong cung đình. Tiên Khách nhờ được nghĩa sĩ Cổ Ấp Nha dùng kế đưa một thứ thuốc cho nàng uống chết đi rồi giả làm thân thuộc chuộc thầy nàng ra, súc thuốc nhạt, nàng lại hồi sinh, vợ chồng đưa nhau đi trốn rồi ở với nhau đến già.

Bấy giờ binh lửa rồi ren, đường sá hiểm trở, người bỏ già phải lặn lội đến hàng tuần mới vào được đến Nghệ An, ông đi hỏi thăm, biết tin Phùng Lập Ngôn đã mất được mấy năm rồi, vì con trai hư, nên gia tư đã sạch sành sanh, đáng phàn nàn quá.

Người bỏ già ghé thuyền lên bờ, vừa vào trong chợ liền gặp ngay Phùng Sinh. Sinh đưa về chỗ ở thì một chiếc giường xiêu, bốn bề vách trống, trừ có mấy thứ như bàn cờ, hũ rượu, chim mồi, chó săn không còn có cái gì đáng giá. Sinh bảo người bỏ già rằng:

- Quan nhà không may thất lộc đã bốn năm nay rồi. Ta vì binh qua nghẽn trở, muốn về không được. Tuy ở chốn quê người đất khách, nhưng hồn mộng không đêm nào không ở bên mình Nhị Khanh.

Bèn chọn ngày lên đường về quê. Đến nhà vợ chồng trông nhau mà khóc. Đêm hôm ấy buồn lo chung gối, Sinh ngâm một bài thơ rằng:

*Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
Đôi ta sớm đã xe dây Tấn Tần.
Tình em thấm đượm vô ngần,
Số anh riêng lắm gian truân cũng kỳ.
Chia tay một sớm ra đi,
Trường đình chén rượu phân ly rước mồi.
Sầu treo đỉnh núi chơi vơi,
Mịt mù gió bụi cách vơi xa xăm.
Bắc Nam nghìn dặm âm thầm,
Trăng cài nửa mảnh dăm dăm bên trời.
Sáu năm vùn vụt đưa thoi,
Thông già huyền héo ngâm ngùi nhớ thương.
Từng khi ngủ dưới đèo Ngang,
Từng khi bến Diên ngâm vang điệu sầu.
Lệ tuôn, Vương Sán lên lầu,
Sầu ôm, Đỗ Phủ ngâm câu cảm hoài.*

*Rượu đàn trúc đá ham chơi,
Càng nghèo càng cảm thấy đời bẽ tha.
Mắt mòn trông ngóng quê nhà,
Lòng đau nghĩ nỗi phương xa lạc loài.
Người mà đến thế thì thôi,
Đời phiêu lãng chỉ là đời bỏ đi.
Hay đâu tin đến bất kỳ,
Người tiên còn vẫn yêu vì chưa thôi.
Bến tiên khách lại trùng lai,
Mộng say Đỉnh Giáp, xuân tươi Nguồn Đào.
Uyên bời bướm giỡn xôn xao,
Vẻ nào chẳng được, nét nào chẳng ưa!
Đầy vườn lục rậm hồng thưa,
Con oanh cái én ơ hờ nhớ xuân.
Duyên may Đỗ Mục, Lưu Thân,
Thú phong lưu dễ nhượng phần cho ai.
Việc nên truyền lại lâu dài,
Bút hoa mượn thảo mấy lời vân vân.*

Hai người vì xa cách lâu, nên nay tình ái bội phần nồng đậm, sự vui sướng không còn phải nói.

Song Sinh vì quen thói phóng đãng, thuộc tính chơi bời, về nhà ít lâu rồi nét cũ lại đâu đó đọng đấy, hàng ngày cùng người lái buôn là Đỗ Tam bẽ tha lêu lổng. Sinh thì thích Đỗ có nhiều tiền, Đỗ thì ham Sinh có vợ đẹp. Những khi uống rượu với nhau rồi đánh bạc, Đỗ thường lấy lợi nhử Sinh. Sinh đánh lần nào cũng được, thấy kiếm tiền dễ dàng như thò tay vào túi mình lấy đồ vật vậy. Nhị Khanh vẫn răn bảo rằng:

- Những người lái buôn phần nhiều giáo quyết, đừng nên chơi thân với họ: ban đầu tuy họ thả cho mình được, nhưng rồi họ sẽ vét hết của mình cho mà xem.

Sinh không nghe. Một hôm Sinh cùng các bè bạn họp nhau đánh tứ sắc. Đỗ bỏ ra trăm vạn đồng tiền để

đánh và đòi Sinh đánh bằng Nhị Khanh. Trọng Quỳnh quen mũi vẫn được luôn, chẳng suy nghĩ gì, liền bằng lòng cách ấy. Giấy giao kèo viết xong rồi vừa uống rượu vừa gieo quân. Trọng Quỳnh gieo ba lần đều thua cả ba, sắc mặt tái mét, mọi người đều ngơ ngác buồn rầu hộ.

Trọng Quỳnh phải cho gọi Nhị Khanh đến, bảo rõ thực tình, đưa tờ giao kèo cho xem và an ủi rằng:

- Tôi vì nghèo bó buộc, để lụy đến nàng. Việc đã đến thế này, hối lại cũng không kịp nữa. Thôi thì bi hoan tán tុ cũng là việc thường của người ta. Nàng nên tạm về với người mới, khéo chiều chuộng hấn, rồi có ngày tôi sẽ đem tiền đến chuộc.

Nàng liệu cơ không thể thoát khỏi, giả vờ nói tử tế rằng:

- Bỏ nghèo theo giàu, thiếp lẽ đâu từ chối. Số trời xếp đặt, há chẳng là tiền định hay sao! Nếu chàng mới không nỡ rẽ bỏ, còn đoái hoài đến cái dung nhan tàn tạ này, thiếp xin sửa túi nâng khăn, hết lòng hầu hạ như đối với chàng xưa vậy. Nhưng xin cho uống một chén rượu, mượn làm một chén tiễn biệt và cho về từ giã các con một chút.

Đỗ cả mừng, rót đầy một chén xà cừ rượu đưa mời nàng uống. Uống xong, nàng về ôm lấy hai con, vỗ vào lưng mà bảo rằng:

- Cha con bạc tình, mẹ đau buồn lắm. Biệt ly là việc thường thiên hạ, một cái chết với mẹ có khó khăn gì. Nhưng mẹ chỉ nghĩ thương các con mà thôi.

Nói xong, lấy đoạn dây tơ thắt cổ mà chết.

Đỗ thấy mãi nàng không đến, lấy làm lạ, sai người đến giục, té ra nàng đã chết rồi. Trọng Quỳnh hối hận vô cùng, sấm đồ liệm táng tử tế rồi làm một bài văn tế rằng:

Hỡi ơi nương tử!

Khuê nghi đáng bạc,

Hiền đức vẹn mười.
Tinh thần nhã đạm,
Dáng điệu xinh tươi.
Khi về với ta,
Vợ chồng thân thiết.
Ai biết giữa đường,
Phút nên ly biệt.
Cha làm quan xa,
Ta theo hầu hạ.
Trải sáu năm dư.
Bặt tin nhận cá.
Buồng xuân chướng lạnh.
Hạc oán vượn sầu.
Than ôi đường trước,
Gieo neo nơi đâu!
Bên trời góc bể.
Nệm khách lẻ loi.
Tin nhà chợt đến,
Ngựa về quất roi.
Sắt cầm diu dặt,
Lại gấn keo loan,
Vừa vui sum họp,
Phút bỗng lìa tan.
Ta sao bạc quá!
Nàng đáng thương thay!
Nói năng gì nữa.
Đã đến nỗi này.
Hoa bay trước viện,
Quế rụng giữa trời.
Phù dung ủ rũ,
Dương liễu tả tơi.
Phong cảnh còn đây,
Người đã xa chơi.

*Lấy gì độ em?
Một lễ lên chùa.
Lấy gì khuây em?
Duyên sau bù lại.
Non mòn bể cạn,
Môi hận khôn khuây.
Hỡi ôi nương tử,
Hâm hưởng lễ này.*

Trọng Quý đã góa vợ, rất ăn năn tội lỗi của mình. Song sinh kể ngày một cùng quẩn, ăn bữa sớm lo bữa tối, phải đi vay quanh hàng xóm. Nhân nghĩ có một người bạn cũ, hiện làm quan ở Quy Hóa, bèn tìm đến để mong nhờ vả. Dọc đường buồn ngủ, chàng nằm ghé xuống ngủ ở góc cây bàng, bỗng nghe trên không có tiếng gọi rằng:

- Có phải Phùng lang đấy không? Nếu còn nghĩ đến tình xưa thì ngày ấy tháng ấy xin đến chờ em ở cửa đền Trưng Vương (ở xã Hát Môn, Hà Tây). Ân tình thiết tha, đừng coi là âm dương cách trở.

Sinh lấy làm lạ là tiếng giống như tiếng Nhị Khanh, mở mắt ra nhìn thì chỉ thấy trên trời một đám mây đen bay về tây bắc. Sinh tuy rất lấy làm ngờ nhưng cũng muốn thử xem ra sao, bèn đứng hện đến trước đền ấy. Song đến nơi chỉ thấy bóng tà rọi cửa, rêu biếc đầy sân, năm ba tiếng quạ kêu ở trên cành cây xao xác. Sinh buồn rầu toan về thì mặt trời đã lặn, bèn ngả mình nằm ở một tấm ván nát trên một cái cầu. Khoảng cuối canh ba, bỗng nghe thấy tiếng khóc nức nở từ xa rồi gần; khi thấy tiếng khóc chỉ còn cách mình độ nửa trượng, nhìn kỹ thì người khóc chính là Nhị Khanh. Nàng bảo với Sinh rằng:

- Đa tạ ơn chàng, từ xa lặn lội tới đây, biết lấy gì để tặng chàng được!

Trọng Quý chỉ tự nhận tội lỗi của mình, nhân hỏi đầu đuôi thì Nhị Khanh nói:

- Thiếp sau khi mất đi, Thượng Đế thương là oan uổng bèn ra ân chỉ, hiện thiếp được lệ thuộc vào tòa đền này, coi giữ về những số văn tấu đối, không lúc nào nhàn rỗi để thăm nhau được. Bữa nọ nhân đi làm mưa, chợt trông thấy chàng nên mới gọi, nếu không thì nghìn thu đằng đặc, chẳng biết đến bao giờ được gặp nhau.

Trọng Quý nói:

- Sao nàng đến chậm thế!

Nhị Khanh nói:

- Vừa rồi thiếp nhân có việc theo xe mây, lên ở nơi Đế sở. Vì có chàng, nên thiếp đã phải bẩm xin về trước đây, thành ra cũng sai hẹn với chàng một chút.

Bèn dắt tay nhau đi nằm, cùng nhau chuyện trò. Khi nói đến việc hiện thời, Nhị Khanh chau mày:

- Thiếp thường theo châu tả hữu Đức Bà ở đây, được trộm nghe chư tiên nói chuyện với nhau, bảo Hồ triều sẽ hết vào năm Bính Tuất, binh cách nổi lớn, số người bị giết chóc đến chừng hơn hai mươi vạn, ấy là chưa kể số người bị bắt cướp đi. Nếu không phải là người giống cây đức đã sâu thì chỉ e ngọc đá đều bị cháy cả. Bấy giờ có một vị chân nhân họ Lê, từ miền tây nam xuất hiện, chàng nên khuyên hai con bền chí đi theo vị ấy, thiếp dù chết cũng không nát.

Trời gần sáng, Nhị Khanh vội dậy để cáo biệt, vừa đi vừa ngoảnh đầu nhìn lại, rồi thoát chốc thì biến mất.

Trọng Quý bèn không lấy ai nữa, chăm chỉ nuôi hai con cho nên người. Đến khi vua Lê Thái Tổ tuốt gươm khởi nghĩa ở Lam Sơn, hai người con trai đều đi theo, trải làm đến chức Nhập thị nội. Đến nay ở Khoái Châu hiện còn con cháu.

LỜI BÌNH: Than ôi, người con gái có ba đạo theo, theo chồng là một. Nàng Nhị Khanh chết, có quả là đã theo chồng không? Thưa rằng không. Đời xưa bảo theo, là theo chính nghĩa chứ không theo tà dục. Chết hợp với nghĩa, có hại gì cho cái đạo theo. Theo nghĩa tức là theo chồng đó. Có người vợ như thế mà để cho phải hàm oan một cách ai oán, Trọng Quý thật là tuồng chó lợn. Muốn tề được nhà, phải trước tự sửa mình lấy chính, khiến cho không thẹn với vợ con, ấy là không thẹn với trời đất.

3. CHUYỆN CÂY GẠO

(Mộc miên thụ truyện)

Trình Trung Ngô là một chàng đẹp trai ở đất Bắc Hà. Nhà rất giàu, thuê thuyền xuống vùng Nam buôn bán. Chàng thường đỗ thuyền ở dưới cầu Liễu Khê rồi vào chợ Nam Xương. Dọc đường, hay gặp một người con gái xinh đẹp từ thôn Đông đi ra, đằng sau có một ả thị nữ theo hầu. Chàng liếc mắt trông, thấy là một giai nhân tuyệt sắc. Song đất lạ quê người, biết đâu dò hỏi, chỉ mang một mối tình u uất trong lòng. Một hôm khác chàng cũng lại gặp, muốn kiếm lời kín đáo để thử ý, nhưng người con gái đã vén xiêm rảo bước, và bảo với hầu gái rằng:

- Ta lâu nay rượu xuân quá chén, mê mết năm dài, hầu nửa năm trời, không lên chơi cầu Liễu Khê lần nào cả, chẳng biết giờ phong cảnh ra sao. Đêm nay qua thăm cảnh cũ, để được khuây giải chút tình u uất trong lòng, vậy em có đi theo ta không?

Con hầu vâng lời.

Trung Ngộ nghe lỏm được lấy làm mừng lắm. Tối hôm ấy, chàng đến bên cầu chờ sẵn. Đêm khuya người vắng, quả thấy người con gái cùng ả thị nữ mang theo đến một cây hồ cầm, đi tới đầu cầu, thở dài mà nói rằng:

- Nước non vẫn nước non nhà, cảnh còn như cũ người đã khác xưa, làm sao khỏi cảm động bùi ngùi cho được!

Bèn ngồi tựa vào bức lan can trên cầu, ôm đàn gảy mấy bài *Nam Cung*, mấy điệu *Thu Tử*. Một lúc nàng bỏ đàn đứng dậy nói:

- Giải niêm u uất, muốn mượn tiếng đàn, song điệu cao ý xa, đời làm gì có kẻ tri âm hiểu cho mình được, chẳng bằng về cho sớm là hơn.

Trung Ngộ liền rảo bước tới trước mặt nàng, vái chào mà rằng:

- Chính tôi là người tri âm mà nương tử không biết đấy.

Người con gái giật mình nói:

- Vậy ra chàng cũng ở đây ư? Thiếp đã từng nhiều lần được chàng đoái tới, ơn ấy thật vẫn ghi lòng. Chỉ vì ở đường xá vội vàng, không tiện tỏ bày chung khúc. Giờ nhân đêm vắng, dạo bước nhàn du, không ngờ chàng lại đã đến trước ở đây. Nếu không phải duyên trời, sao lại có sự gặp gỡ may mắn như vậy. Song hạt châu hạt ngọc ở bên, thiếp chẳng khỏi tự xét mình nhơ bản, thực lấy làm e thẹn vô cùng.

Chàng hỏi họ tên và nhà cửa. Nàng chau mày nói:

- Thiếp họ Nhị tên Khanh, là cháu gái của ông cụ Hối, một nhà danh giá trong làng. Hai thân mất sớm, cảnh nhà đơn hàn. Mới đây bị người chồng ruồng bỏ, thiếp phải dời ra ở bên ngoài lũy làng. Nghĩ đời người ta, thật chẳng khác gì giấc chiêm bao. Chi bằng trời để sống ngày nào, nên tìm lấy những thú vui. Kẻo một

sớm chết đi, sẽ thành người của tuổi vàng, dù có muốn tìm cuộc hoan lạc ái ân, cũng không thể được nữa.

Hai người bèn đưa nhau xuống thuyền. Người con gái sẽ bảo chàng rằng:

- Thân tàn một mảnh, cách cái chết cũng chẳng bao xa. Ngày tháng quạnh hiu, không người săn sóc. Nay dám mong quân tử quạt hơi dương vào hang tối, thả khí nóng tới mầm khô, khiến cho tia rụng hồng rơi, được trộm bén xuân quang đôi chút, đời sống của thiếp như thế sẽ không phải phàn nàn gì nữa.

Bèn cùng nhau ân ái hết sức thỏa mãn. Nàng có làm hai bài thơ ghi lại cuộc hoan lạc như sau:

I

*Giác xuân mê mệ chốn hoang liêu,
Bỗng sượng sùng thay cuộc ập yêu.
Mãng ngọc⁽¹⁾ vuốt ve nghiêng xuyên trạm,
Dải là cỏi thảo trút hải tiêu.
Mộng tàn gói bướm băng khuâng lạc,
Xuân hết cảnh quỳnh khắc khoải kêu.
Đồng huyết chưa tròn lời ước ấy,
Vì nhau một thác sẵn xin liều.*

II

*Đêm đẹp này đâu nỡ bỏ hoài,
Ôm tranh nhẹ bắm một đôi bài.
Đầu cài én ngọc⁽²⁾ hình nghiêng chéch,
Lưng thắt ve vàng⁽³⁾ dáng ẻo oai.*

1. Ngón tay.

2. Cái thoa chạm hình con chim én.

3. Lưng mỹ nhân thắt lại như lưng con ve.

*Đường⁽¹⁾ lúc nở rồi hồng đượm uớt,
Mai khi rã hết trắng chưa phai.
Phượng loan sớm kết nên đôi lứa,
Gió sớm trắng khuya thỏa cột cười.*

Trình vốn là lái buôn, biết ít chữ nghĩa, nàng giải nghĩa rõ ràng cho hiểu, Trung Ngô khen ngợi mà rằng:

- Văn tài của nàng, không kém gì Dị An⁽²⁾ ngày xưa.

Nàng cười mà rằng:

- Người ta sinh ở đời, cốt được thỏa chí, chứ văn chương thời có làm gì, chẳng qua rồi cũng một nắm đất vàng là hết chuyện. Đời trước những người hay chữ như Ban Cơ, Sái Nũ⁽³⁾ nay còn gì nữa đâu. Sao bằng ngay trước mắt, tìm thú vui say, để khỏi phụ mất một thời xuân tươi tốt. Trời gần sáng, nàng từ biệt ra về, từ đây đêm nào cũng lại.

Trải hơn một tháng, bọn bạn buôn có người biết chuyện, báo với Trung Ngô rằng:

- Bác ở chỗ quê người đất khách, nên biết giữ mình thận trọng, xa lánh những hiểm nghi. Chứ sao nên giở nét gió giảng, quyến phùng hoa liễu. Như người con gái ấy chẳng tưởng duyên do gốc tích, nếu không là cô ả nũng nịu ở chốn buông thả, thì tất cũng đi bé yêu

1. Cây đường lê có hai giống: giống hoa đỏ và giống hoa trắng, có quả ăn được.

2. *Dị An*: tức nàng Lý Thanh Chiếu, hiệu Dị An cư sĩ, con gái của Lý Cách Phi và vợ của Triệu Minh Thành, người đất Tế Nam, có tài thơ văn, nhất là lối từ, trở nên một đại thi gia đời Tống.

3. Ban Cơ tên là Chiếu, em gái Ban Siêu đời Hán, có tài học, triều vua Hòa Đế được triệu vào cung dạy học, các hoàng hậu quý nhân đều phải thờ làm thầy. Có làm ra 7 thiên Nũ giới và làm nổi sách *Hán Thư*. Sái Nũ là nàng Sái Diễm, con gái Sái Ung đời Hán, có văn tài và hiểu âm luật, làm ra 18 khúc hát Hồ già.

chiều nơi gác gấm. Nay bác cứ như vậy, lỡ một sớm sự cơ khó giấu, thanh tích lộ ra, trên thì bị hình phạt lỗi thời, dưới không có họ hàng cứu giúp, bấy giờ thì bác tính thế nào? Chỉ bằng đã chót dan díu thì nên tìm đến gốc tích của nhà, rồi hoặc ruồng bỏ như Xương Lê với nàng Liễu Chi⁽¹⁾, hoặc đeo bong như Lý Tích với nàng Hồng Phát⁽²⁾, thế mới là kế vẹn toàn được.

Trung Ngộ khen là phải, rồi một hôm chàng bảo với nàng:

- Tôi vốn là một người viễn khách, tình cờ kết mối lương duyên; nhưng đối với giai nhân của nhà chưa rõ, tung tích không lường, trong bụng lấy làm áy náy.

Nàng nói:

- Nhà thiếp vốn không phải xa xôi là mấy. Nhưng nghĩ chúng mình gặp gỡ, chẳng qua là một cuộc riêng tây. Chỉ e thuyền quyên ghen ghét, tai mắt nghi ngờ, đánh vệt mà kinh uyên, đốt lan mà héo huệ. Cho nên thà mang sao mà đến, đội nguyệt mà về, khỏi để mối lo cho lang quân đó thôi.

Song Trung Ngộ cố nài, nàng cười mà rằng:

- Chỉ vì nhà thiếp xấu xa, hổ thẹn mà muốn giấu giếm. Nhưng nay chàng đã cố muốn biết, vâng thì thiếp xin đưa về.

Rồi đó canh ba đêm hôm ấy, nhân lúc đêm đen trời tối, hai người cùng đi đến thôn Đông. Khi đến một chỗ,

1. Hàn Dũ là nhà đại văn hào, làm quan đời Đường được phong Xương Lê bá. Hàn có hai nàng hầu là Giáng Đào và Liễu Chi. Khi Hàn đi vắng, Liễu Chi bỏ trốn, người nhà đuổi theo bắt về được. Sau Hàn về, chỉ yêu dấu Giáng Đào và ruồng bỏ Liễu Chi.

2. Lý Tĩnh đời Đường vào thăm một vị đại thần là Dương Tố. Tố có một ả nàng hầu tay cầm một cái phất trần đỏ (hồng phất) đứng hầu. Sau nàng hầu tìm đến Lý Tĩnh kết làm vợ chồng.

chung quanh có bức hàng rào bằng giống tre, thỉnh thoảng chen lẫn vào vài khóm lau khô, trong có túp nhà gianh thấp nhỏ lụp xụp, dây vôi dây bìm leo đầy trên vách và lên mái, nàng trở bảo chàng rằng:

- Đây là nhà của thiếp, xin cứ đẩy cửa vào ngồi chơi để thiếp đi kiếm lửa.

Trình cúi đầu qua dưới mái gianh, vào tạm ngồi chỗ bậc cửa. Thỉnh thoảng có cơn gió thổi, chàng thoáng thấy một mùi tanh thối khó chịu. Dương kinh ngạc không biết mùi gì, bỗng trong nhà đã có bóng đèn sáng. Chàng trông vào, thấy ở gian bên phía tả kê một chiếc giường mây nhỏ, trên giường để một cỗ áo quan sơn son, trên quan phủ một tấm the hồng, dùng ngân sa để vào mấy chữ: “Linh cữu của Nhị Khanh”. Cạnh linh cữu có người con gái nặn bằng đất tay ôm cây hồ cầm đứng hầu.

Trung Ngộ thấy vậy, sồn gai dựng tóc, vội nhảy choàng ra khỏi nhà. Song chàng vừa chạy thì người con gái đứng ra cản đường mà bảo:

- Chàng đã từ xa lại đây, quyết không có lý nào mà trở về nữa. Phương chi trong bài thơ bữa nọ, thiếp đã từng lấy cái chết mà hẹn hò nhau! Xin sớm theo nhau đi, cho được thỏa nguyện đồng huyệt. Nằm vò vố một mình như vậy lẽ đâu thiếp lại để cho chàng về.

Nói rồi nàng sấn lại nắm vạt áo chàng. Nhưng may vạt áo cũ bỏ, chàng giật rách mà chạy thoát, về đến cầu Liễu Khê, như kẻ mất hồn không nói được nữa.

Sáng hôm sau nhân đến thôn Đông hỏi thăm, quả có người cháu gái của ông cụ Hối, 20 tuổi, chết đã được nửa năm, hiện quan ở ngoài đồng ngay bên cạnh làng. Từ đấy Trung Ngộ sinh ra ốm nặng, mà Nhị Khanh cũng thường qua lại, có lúc đứng bên bãi sông gọi, có lúc đến bên cửa sổ nói thì thảo. Trung Ngộ cũng vẫn thường ứng đáp với nàng và muốn vùng dậy để đi theo.

Người trong thuyền phải lấy dây thừng trói lại, thì chàng mới đi được:

- Chỗ vợ ta ở có lâu đài lộng lẫy, có hương hoa ngào ngạt, ta phải đi theo chứ không thể lẫn quẩn trong chốn bụi hồng này được; dự gì đến các người mà dám đem dây đến trói buộc ta thế này.

Một đêm người trong thuyền ngủ say, đến sáng thức dậy thì thấy mất Trung Ngộ. Họ vội đến thôn Đông tìm, thấy chàng đã nằm ôm quan tài mà chết, bèn phải thu liệm, chôn ngay ở đấy. Từ đó về sau, phàm những đêm tối trời, người ta thường thấy hai người dắt tay nhau đi đôi, khi thì hát, khi thì khóc; thường bắt người ta phải khấn cầu lễ bái, hễ hơi không được như ý thì gieo tai vạ. Người làng đấy không thể chịu được mọi nỗi khổ hại, họ bèn đào mả phá quan tài của chàng, rồi cùng cả hài cốt của nàng, vứt bỏ xuống sông cho trôi theo dòng nước.

Trên bờ sông ấy có một cái chùa, chùa có cây gạo rất cổ, tương truyền là đã sống được hơn trăm năm. Linh hồn của hai người bèn nương tựa vào cây gạo ấy làm yêu làm quái, hễ ai động đến cành lá cây gạo thì dao gãy, rìu mẻ, không thể nào dẫn phạt được.

Trong năm Canh Ngọ (1330) niên hiệu Khai Hựu nhà Trần, có vị đạo nhân một đêm vào nằm ngủ trong chùa. Giữa lúc sông quanh trăng mờ, bốn bề im lặng, đạo nhân thấy một đôi trai gái thân thể lỏa lồ mà cùng nhau cười đùa nô giỡn, một lát, đến gõ thành linh mà gọi hỏi trong chùa. Đạo nhân cho là đôi trai gái lẳng lơ đem trăng dắt nhau đi chơi, khinh bỉ cái phẩm cách của họ, nên cứ đóng cửa nằm im, không thèm đánh tiếng. Sáng hôm sau, đạo nhân đem sự trông thấy thuật chuyện với một ông già ở trong thôn và phàn nàn là sao dân phong đời tệ như vậy. Ông già nói:

- Ngài không biết, đó là giống yêu quỷ, chúng đến ở trên cây gạo đã mấy năm nay, ước sao có thanh kiếm trừ tà, để trừ cho dân chúng tôi đây giống yêu quỷ ấy.

Đạo nhân trầm ngâm một lúc lâu rồi nói:

- Ta vốn lấy việc cứu giúp mọi người làm nhiệm vụ. Nay cái việc mắt ta trông thấy, nếu chẳng đem pháp thuật ra tức là thấy người chết đuối mà không cứu vớt.

Rồi đạo nhân vói hộc người làng, lập một đàn tràng cúng tế, viết ba đạo bùa, một đạo đóng vào cây gạo, một đạo thả chìm xuống sông, còn một đạo đốt ở giữa trời, đoạn quát to lên rằng:

- Những tên âm quỷ, càn rỡ đã lâu, nhờ các thần linh, trừ loài như bản, phép không chậm trễ, hỏa tốc phụng hành.

Một lúc, mây gió nổi lên ùng ùng, người đứng cách mấy thước không trông thấy nhau, dưới sông sóng tung cuộn cuộn vang trời động đất. Sau một hồi, gió lặng mây quang, thấy cây gạo đã bị nhổ bật, cành cây gãy nát và bị tước như tước đay vậy. Kế nghe thấy trên không có tiếng roi vọt và tiếng kêu khóc. Mọi người ngẩng lên trông, có sáu, bảy trăm lính đầu trâu gông trói hai người dẫn đi.

Người làng đem rất nhiều tiền của để tạ ơn vị đạo nhân, nhưng đạo nhân phát áo đi vào non sáu không lấy gì cả.

LỜI BÌNH: Than ôi cái giống ma quỷ, tuy từ xưa không phải cái nạn đáng lo cho thiên hạ, nhưng kẻ thất phu đa dục thì luôn mắc phải. Trung Ngộ là một gã lái buôn không có trí thức, không đủ trách vậy. Vị Đạo nhân kia vì người trừ hại, công đức lớn lao; nhà bình luận công bằng sau này, phải nên biết đến. Không nên lắt có huyền thuật mà cho là chuyện nhảm, bảo rằng dị đoan mà dìm mất cái hay, ngộ hầu mới hợp cái ý nghĩa người quân tử trung hậu đối với người khác.

4. CHUYỆN GÀ TRÀ ĐỒNG GIÁNG SINH

(Trà đồng giảng dẫn lục)

Dương Đức Công tên là Tạc, người phủ Thường Tín xứ Sơn Nam. Triều vua Lý Huệ Tông, ông làm quan coi việc hình án Tuyên Quang, xét rõ mọi điều oan khuất, khiến các vụ án đều được công bằng. Vì nhân từ phúc hậu, người thời bấy giờ gọi là Đức Công. Năm năm mươi tuổi, Đức Công vẫn không có con trai, chợt ốm nặng rồi chết, hồi lâu lại tỉnh bảo với mọi người:

- Ta vừa đến một chỗ thành đen vách sắt, toan bước chân vào thì có một viên chức ngăn lại. Viên ấy dẫn ta đi sang phía phải, thấy có những cửa đổ biển son. Vén áo đi vào cửa này thì thấy san sát những tòa rộng dãy dài, có đến hơn trăm người thất đai đứng hầu sau trước. Giữa có hai vị mặc áo bào tía ngồi đối diện nhau ở bên một cái án, đưa mắt cho viên chức kia bảo lấy sổ son của họ Dương ra xem, một lát hai vị cùng nhìn nhau bảo rằng: “Dương gian thật không có người nào được như thế, cứu sống cho mọi người nhiều lắm. Chỉ tiếc hưởng tuổi không dài và dòng sau không người nối dõi. Người như thế mà không biểu dương thì làm sao khuyến khích cho kẻ khác được, ta sẽ phải tâu lên Thượng Đế”. Bèn truyền cho ta hăng xuống tạm nghỉ ở hành lang phía đông. Chừng độ nửa ngày, hai vị ấy lại sai dẫn ta vào, bảo rằng: “Nhà ngươi ngày thường vốn có tiếng là người lương thiện. Thượng Đế khen ngợi, ban cho một người con trai tốt và cho sống lâu thêm hai kỷ nữa. Nên mau về đi và cố gắng làm điều âm đức, đừng bảo là trên cõi minh minh không biết gì đến”. Đoạn sai viên chức kia

dẫn về. Khi ra khỏi cửa, ta hỏi: “Chẳng hay đây là dinh tòa nào? Ai là chủ và coi giữ công việc gì?” Viên chức ấy nói: “Đây là một trong hai mươi tư tòa ở Phong Đô, phạm người mới chết đều phải qua cả. Người nào tên ghi ở sổ son, may ra còn có khi sống mà về được, chứ đã ghi tên sổ mực thì chẳng còn có mong gì. Nếu ông không phải người xưa nay hết lòng làm điều thiện thì cũng khó bề thoát được”. Bèn cùng nhau chia tay từ biệt, rồi ta bồng tỉnh như một giấc chiêm bao.

Bà vợ cũng nói là đêm qua lúc cuối canh một, có ngôi sao nhỏ rơi vào lòng, lòng bỗng thấy rung động. Rồi bà có mang, đầy năm sinh ra một cậu con trai, đặt tên cho là Thiên Tích. Tính Thiên Tích thích uống trà lá, thường tự ví mình như Lư Đồng, Lục Vũ đời xưa. Song thiên tri cao mai, học vấn rộng rãi, phạm sách vở văn chương cổ kim, không cái gì là không biết.

Đức Công mừng mà rằng:

- Thế là ta có dòng giống rồi!

Bèn chuyên đem những nghĩa lý chân chính dạy con. Sau đó hai mươi tư năm, ông vô bệnh mà mất, Thiên Tích thương xót rất mực; xa gần ai nấy đều cảm động.

Khi hết tang, Thiên Tích sớm hôm học hành, không hề trễ biếng. Nhưng nhà nghèo, ăn tiêu không đủ. Thường tìm những nhà có con gái xin gửi rể, nhưng không ai nhận. Láng giềng hàng xóm, họ thấy người nghèo thì đem lòng khinh. Chàng than:

- Cha ta thuở trước cứu sống hàng nghìn người, mà cuối cùng không cứu sống được một đứa con. Làm thiện như thế phỏng có ích gì!

Nói chưa dứt lời, bỗng thấy một người áo mũ chỉnh tề, xưng là quan Đại phu họ Thạch, đến vái chào mà rằng:

- Ngày xưa tôi từng được chịu ơn của Dương Công, không biết lấy gì đền báo. Có đứa con gái là Hán Anh,

vậy xin hiến cậu để hầu hạ chân gối. Cậu nên tự giữ lấy mình, đừng vì nghèo mà tiêu mòn chí khí.

Nói xong bỗng biến đi mất. Thiên Tích lấy làm lạ, bèn ghi nhớ những lời nói ấy. Nhân nghe ở huyện Tiên Du có Trần tiên sinh dạy học trò đến mấy trăm người, bèn đến theo học, trọ ở một nhà trong xóm Thanh Lâm. Xóm ấy có một nhà giàu họ Hoàng, thấy Sinh mặt mũi khôi ngô, văn chương thông thái, có ý muốn kén vào ngôi đông sàng. Người chồng bảo vợ:

- Nhà ta mấy đời lấy nghề buôn bán mà trở nên giàu có, hiện tiền của chẳng thiếu gì, chỉ thiếu có người rể tốt. Nay có Dương Sinh ở trọ bên hàng xóm, thật là một tay hào kiệt ở Nam Châu, xem tướng mạo, sau này chắc có thể làm nên. Con bé nhà ta cũng lớn tuổi rồi, mới duyên trao tơ, ngoài đám ấy còn đám nào hơn nữa!

Vợ cũng bằng lòng. Họ Hoàng bèn đón Dương Sinh đến làm rể, phàm những phí tổn về lễ lạp khách khứa, hết thấy đều tự bỏ ra cả. Sinh rất mừng và sung sướng. Nhưng trong những lúc vắng, Sinh thường hay ngồi nghĩ ngợi, gập sách thở dài. Vợ Sinh bắt gặp bèn hỏi duyên cớ.

Sinh nói:

- Ngày xưa tôi thấy có vị thần hiện lên, bảo tôi sẽ lấy vợ họ Thạch tên là Hán Anh. Nay tôi may mắn được vào làm rể chốn cao môn. Như thế lời thần bảo về việc ấy là không đúng, vậy chắc việc thành đạt sau này cũng không đúng nốt, vì thế cho nên tôi không khỏi băn khoăn.

Vợ Sinh nghe nói giàn giụa nước mắt mà rằng:

- Đó tất là cha thiếp đấy. Thiếp thuở nhỏ tên là Hán Anh, cha thiếp họ Thạch tên là Mang, làm quan Thú ở Tuyên Quang, bị quan trên vu hãm, cả nhà bị bắt

rồi chết ở trong ngục. Bấy giờ thiếp đương còn trẻ nghe nói có ông Dương Đức Công thương là vô tội, hết sức chống cự với những viên quan khác, rồi tha cho thiếp được ra khỏi ngục tù. Tấm thân hèn yếu, may được sống còn, nghiêm đường ở đây thương hại, mới nuôi làm con nuôi. Thiếp nương tổ tò vò đã mười năm nay, thực thì vốn là con của quan Đại phu họ Thạch.

Sinh kinh ngạc nói:

- Thế thì tôi chính là con của Đức Công. Mới biết xưa nay vợ chồng, chẳng ai là không bởi tức duyên, ai dám bảo lá thắm chỉ hồng là những câu chuyện hão!

Sinh thấy mối nhân duyên lạ lùng, tình vợ chồng càng thêm thấm thiết. Vì trong có chỗ nương thân, ngoài không phải lo kiếm sống, nên Sinh được thảnh thơi để chí vào việc học hành, rồi đi thi hai khoa đều đỗ. Ban đầu Sinh làm Giáo chức ở Kinh, sau thăng lên Đề hình, trải hai mươi năm, làm nên một vị quan lớn. Ông là người thờ vua thì trung, giữ mình thì liêm, trải thờ hai triều, chốn miếu đường lấy làm ý trọng. Song vì lúc bé nghèo nàn, lắm người khinh mạn, rồi ân bằng sợi tơ, oán bằng sợi tóc, ông đều nhất nhất báo phục cả, đó là chỗ kém mà thôi. Một lần ông lập một đàn tràng làm lễ kỳ an, đón đến hàng trăm vị đạo sĩ mũ cao áo rộng cúng vái linh đình. Kế đó một vị đạo sĩ áo rách giầy nát thất thủ đi đến. Người coi cổng không cho vào, nhưng đạo sĩ cứ cố nài mãi. Người coi cổng vào bắt thì ông quát mắng sai đuổi đi. Đạo sĩ vừa đi vừa phàn nàn:

- Cố nhân tìm cố nhân, không ngờ cố nhân lại bạc tình như vậy. Cái nạn Ô Tôn sau này, xin đừng phiền hận đến nhau, và đừng có trách cố nhân là phụ cố nhân.

Ông nghe nói, sai người đuổi theo mời lại, xuống thêm đón tiếp. Ngồi chơi xong, đạo nhân nói:

- Tướng công ngày nay quan ngôi miếu điện, đất dựng lâu đài, đi có lính dẹp đường, ở có chuông giũ gác, phú quý ở nhân gian đã đến cùng cực, không còn nhớ gì đến thú vui ở chốn Tử Vi xưa ư?

Ông nói:

- Thú vui ở Tử Vi thế nào tôi chưa được rõ?

Đạo nhân nói:

- Ông bị sông đục vui lấp đến mê man thế, vậy tôi xin kể ông nghe. Khi xưa ông vốn là một gã trà đồng của đức Thượng Đế mà tôi lại là kẻ tửu lại ở chốn tinh tào hàng ngày chầu chực ở cung Tử Vi, vẫn cùng nhau thân cận. Một hôm Thượng Đế bãi triều, bảo với quần tiên rằng: "Các người ai bằng lòng xuống chơi xem hạ giới, linh chúc tế tướng hơn mười năm?". Quần tiên đều trông nhau chưa ai nói thì ông vui vẻ vâng lời. Thượng Đế phán: "Ừ đi đi. Thú vui ở nhân gian chẳng kém gì Thiên Tào, đừng nên cho chốn trần hoàn là chật hẹp". Bấy giờ tôi đứng chầu một bên cho nên biết rõ lắm.

Nói rồi đạo nhân đưa cho Dương Thiên Tích một hạt linh đan. Dương uống xong thì thấy tâm hồn tỉnh sáng, dần dần nhớ ra hết những việc kiếp trước. Rồi ông nói:

- Lai lịch của tôi, tôi đã được nghe qua. Còn ông, sao ông lại ở dưới đời này?

Đạo nhân nói:

- Tính tôi tuềnh toàng, lại hay uống rượu, nên Thượng Đế ngài quả phạt và đày xuống trần đã được ba kỷ rồi. Nay đã mãn, lại bỏ vào chúc cũ ở chốn tinh tào, vì cùng ông có tình cũ, nên đến thăm một chút.

Ông Dương lại hỏi về chuyện Ô Tôn. Đạo nhân buồn rầu không vui, bảo đuổi tất cả mọi người ra rồi nói:

- Sau năm năm nữa, ông có việc đi bề, tôi e bấy giờ sẽ gặp tai nạn rất lớn.

Ông Dương hỏi vì lỗi gì mà gặp phải tai nạn. Đạo nhân nói:

- Ông làm Tể tướng, kẻ thì không có lầm lỗi. Chỉ có rằng tại chức lâu ngày, hay yêu người này ghét kẻ khác. Nay thì sự thù oán đã sâu, hỗn oan đã đầy đường.

Ông nói:

- Vậy thì muốn tránh vạ nên làm thế nào?

Đạo nhân nói:

- Không ngại. Tôi vốn tên là Quảng Phòng. Nếu khi cần, ông cứ đốt một nén hương rồi gọi tên tôi, tôi sẽ đến cứu giúp.

Đêm hôm ấy, hai người cùng ngủ. Ông Dương nói:

- Ông đã là chỗ tương tri, có điều gì hay để dạy bảo tôi chăng?

Đạo nhân nói:

- Nay đức là nền từ thiện, của là kho tranh giành. Tích đức như mầm non nở một giọt nước, sẽ nảy nở lên; tích của như lửa đỏ gieo một khối băng, sẽ tàn lụi xuống. Huống chi không vun mà lớn là mầm thiện ác, không giữ mà đầy là cơ phúc họa, cái tình hình ỷ phúc trong đó thật đáng sợ. Ông nên trân trọng, cố gắng mà làm những điều nhân.

Ông Dương nói:

- Tôi nghe đạo trời công minh như cái cân cái gương, có thần minh để gây dấu vết, có tạo hóa để giữ công bằng; gương tất soi suốt mà không riêng, lưới tuy thưa thớt mà không lọt. Phép thật nghiêm mật, người nên không oán cũng không hờn. Có sao những sự khuyên răn lại thấy nhiều điều lộn xộn. Làm sự lợi vật, chưa nghe thấy được phúc, làm sự hại nhân, chưa nghe thấy mắc nạn. Kẻ nghèo có chí cũng thành không; người có muốn gì cũng được nấy. Có người chăm học mà suốt đời không đỗ; có nhà xa hoa mà lũy

thế vẫn giàu. Ai bảo rằng trao mệnh giả quỳnh, thế mà vẫn trông đưa được đậu. Đó là những sự mà tôi rất nghi ngờ không hiểu.

Đạo nhân nói:

- Không phải như thế. Thiện ác tuy nhỏ cũng rõ rệt, báo ứng dù chậm nhưng lớn lao. Âm công khi rõ ràng ra, phải đợi quả thiện được tròn trặn, dương phúc khi tiêu tán mất, phải chờ mầm ác đã cao dài. Có khi sắp đuổi mà tạm co, có khi muốn dè mà thử uống. Có hạnh mà nghèo, hoặc bởi tội khiên kiếp trước, bất nhân mà khá, hẳn là phúc thiện đời xưa. Tuy rằng khó biết sâu xa, nhưng thực không sai tơ tóc. Cho nên không lập luận một bề và xem trời một mặt.

Đạo nhân nói như vậy đến mấy nghìn lời, đều ngụ cái ý khuyên răn cả. Ông Dương rất vui vẻ nghe theo.

Sáng hôm sau trong lúc lâm biệt, ông đem mười đỉnh vàng tốt để tiễn chân. Đạo nhân cười mà rằng:

- Hà tất như thế để làm gì! Tôi chỉ khuyên ông cố làm điều lành, để tôi khỏi trở lại gặp ông lần nữa, đó tức là ông đã cho cố nhân nhiều lắm.

Sau ông Dương Thiên Tích quả vì tâu việc làm trái ý vua, bị vua đẩy đuổi đi phương Nam, khi qua cửa biển ở huyện Kỳ Anh, đương giữa ban ngày sáng sủa bỗng một đám mây đen kéo lên, gió nam nổi dậy âm âm, từng đợt sóng nổi lên như núi. Chợt có hàng trăm giống ma quái ở đâu kéo đến cùng hò reo lên rằng:

- Kẻ thù của chúng ta đã đến đây rồi! Hôm nay chúng ta được cam lòng với hân.

Rồi kẻ vít cuối thuyền, kẻ leo đầu thuyền, thuyền tròng trành mấy lần suýt lật sập xuống. Ông Dương vội hỏi người lái thuyền đây là nơi nào thì y nói là Ô Tôn. Ông mới sực nhớ đến lời đạo nhân, bèn theo như cách đã dặn mà gọi tên ông ta. Thoắt chốc quả thấy một cổ

xe mây bay đến, đứng dừng lại ở trên không, hai bên có ngọc nữ tiên đồng châu hầu rất nghiêm túc. Đạo nhân gọi với chúng quỷ mà bảo rằng:

- Lũ mày đấm đuôi, nghiệp chướng nặng nề, thuở sống đã phạm vào điển chương, lúc chết còn gây thêm tội nghiệt, oan oan nối tiếp, biết thuở nào thôi! Sao không rửa ruột đổi lòng, quay về đường chính. Ta sẽ tâu lên Thượng đế, tẩy hết những oan hồn đi cho.

Chúng quỷ nghe nói đều sung sướng nhảy nhót rồi trong chốc lát tan rã đi cả.

Ông Dương khẩn khoản khuyên mời xe tiên giáng xuống, để được hỏi han mọi việc sau, nhưng trong thoắt chốc đã không thấy gì nữa.

Rồi đó gió êm sóng lặng, thuyền đi được trót lọt đến bờ. Dương bèn từ giã vợ con rồi không biết đi đường nào mất. Sau có người gặp Dương ở núi Đông Thành, người ta nói là đã đắc đạo thành tiên.

LỜI BÌNH: Than ôi, làm thiện ở người, giáng phúc cho người thiện ở trời, sự cảm ứng ở giữa khoảng trời và người thật là sâu mờ vầy thay!

Đức Công là một viên quan xử án, chỉ vì hay xét rõ được nỗi oan uổng cho người mà sự dương báo của trời, đã báo rõ cho ở trong cơn mê mết. Huống chi người làm chức Tể tướng cầm quyền thiên hạ, giúp đấng Thiên tử sửa trị âm dương, giữ lòng cho ngay để róng rã mọi người, suv rộng ra mà làm những chính trị tốt, khiến trong khoảng trời đất, không một vật gì là không đắc sở, thì trời ban phúc cho còn đến thế nào.

Đến như việc của Thiên Tích, có lẽ chỉ là cái vết của hòn ngọc bạch khuê. Nhưng dù là cái vết, giá mài bỏ được đi thì càng tốt lắm. Ta mong những người làm quan nên biết cố gắng và nên biết soi gương.

5. CHUYỆN KỲ NGỘ Ở TRẠI TÂY

(Tây viên kỳ ngộ ký)

Hà Nhân, người học trò quê ở Thiên Trường, khoảng năm Thiệu Bình ngụ ở Kinh sư để theo học cụ Úc Trai (Nguyễn Trãi).

Mỗi buổi đi học, phải qua phường Khúc Giang. Trong phường có cái trại, gọi là trại Tây, dinh cơ cũ của quan Thái sư triều Trần. Ngày ngày đi qua, Sinh thường thấy hai người con gái đứng ở bên trong bức tường đổ cười đùa, hoặc hái những quả ngon, bẻ bông hoa đẹp mà ném cho Sinh. Lâu lâu như thế, Sinh không làm ngơ được, một hôm đứng lại trò chuyện lân la. Hai người con gái tươi cười bảo:

- Chúng em một người họ Liễu, tên gọi Nhu Nương, một người họ Đào tên gọi Hồng Nương, nguyên là tỷ thiếp của quan Thái sư. Từ ngày quan Thái sư qua đời, chúng em vẫn phòng thu khóa kín. Nay gặp tiết xuân tươi đẹp, chúng em muốn làm những bông hoa hướng dương, để khỏi hoài phí mất xuân quang.

Sinh rủ hai ả đến chơi nhà trọ của mình, chuyện trò đàm thắm. Chàng lả lơi đùa cợt, hai ả then thùng nói rằng:

- Chúng em việc xuân chưa trải, nhụy thắm còn phong, chỉ e mưa gió nặng nề, hoặc không kham nổi cho những tấm thân hoa mềm yếu.

Sinh khuyên lời dịu ngọt rồi cùng tắt đèn đi nằm. Lửa đượm hương nồng, ân ái mười phần thỏa nguyện. Trong lúc gối êm chăn ấm, Sinh bảo hai nàng cùng làm thơ ngâm chơi. Nàng Liễu ngâm trước:

Mồ hôi đầm đấp áo là,
Mây xanh đôi nét tà tà như chau.
Gió xuân xin nhẹ nhàng nhau,
Thân non mềm chịu được đâu phủ phàng.
Nàng Đào cũng ngâm theo:
Cung dâu thưa điểm giọt rông,
Ngọn đèn soi tỏ trường hồng lung linh.
Tài lang mặc sức vịn cành,
Đào non nhận lấy những nhành thắm tươi.

Sinh vỗ tay cả cười mà rằng:

- Tình trạng trong chốn buồng xuân, tả đến như thế thì thật là tuyệt diệu, lời hoa ý gấm tôi khó lòng mà theo kịp hai nàng.

Sinh cũng ngâm theo:

Quê khách buồn vắng giấc lạnh lòng,
Mây mưa bỗng lạc tới Vu phong.
Đua bay bướm giỡn so le trắng,
Liên cuống hoa phô rực rỡ hồng.
Một ổ thảo thuê oanh ám áp,
Đôi dòng san sẻ nước tây đông.
Hữu tình cùng giống phong lưu cả,
Mỗi vẻ riêng riêng thú được nồng.

Từ đó về sau, hai nàng cứ sớm đi tối đến, ngày nào cũng giống ngày nào. Sinh cho là sự kỳ ngộ của đời mình, so với chuyện xưa, có thể sánh với Bùi Hàng⁽¹⁾ và vượt hơn Tăng Nhụ⁽²⁾.

1. *Bùi Hàng*: người đời Đường đi thi trượt trở về. Dọc đường chàng vào một nhà xin uống nước. Trong nhà có một bà cụ già và một cô gái đẹp. Cô gái chính là nàng tiên. Sau thử thách, Bùi Hàng lấy được cô gái làm vợ.

2. *Tăng Nhụ*: Ngưu Tăng Nhụ người đời Đường đi thi trượt. Trên đường về chàng gặp Thái hậu họ Bạc và được đổi dải tử tế.

Một buổi tối mưa dầm gió bắc, nhưng hai nàng vẫn đúng hẹn đến, khê bảo Sinh rằng:

- Chúng em sợ lỗi hẹn nên phải cố đến, nhưng thân như cái én, có chịu nổi rét đâu.

Sinh bèn kéo Liễu vào lòng mà ấp ủ, đùa bảo rằng:

- Về kiều diễm của Liễu thật là tốt bậc, có thể xứng đáng với câu thơ cổ: “Mỹ nhân nhan sắc đẹp như hoa”.

Đào lặng lẽ cúi đầu, dằng hồ thẹn, rồi từ đấy luôn trong mấy hôm không đến.

Sinh hỏi Liễu:

- Đào mấy hôm nay có được khỏe không?

Liễu nói:

- Chị ấy vẫn khỏe chứ có làm sao đâu. Chỉ vì hôm nọ chàng khen em đẹp mà không nói gì đến chị ấy, nên chị ấy ngượng không đến nữa.

Nhân đưa bài thơ của Đào gửi cho Sinh:

*Băng sương cốt cách tuyết tinh thần,
Nhị mồn canh mêm đã xứng cân.
Khá trách Đông hoàng thiên vị lắm,
Một canh bỏ héo một canh xuân.*

Sinh đọc xong buồn rầu lúc lâu, nhân làm bài thơ họa theo vần trên để đáp lại:

*Tương tư nặng gánh khổ tâm thân,
Ân ái chưa hề lệch cán cân.
Dù gió, nhờ đem tin nhắn nhủ:
Hoa nào bỏ héo? Lá nào xuân?*

Đào được thơ, từ đấy mới đi lại như trước. Gặp đêm Nguyên Tiêu (rằm tháng Giêng), người ở Kinh thành kéo nhau đi chơi vui rầm rập. Hai nàng mời Sinh:

- Nhà chúng em chẳng xa gì mà chàng chưa hề bước chân đến, thật là đáng trách. Nay gặp lệnh tiết, chúng em muốn mời chàng quá bộ lại chơi.

Sinh vui vẻ bằng lòng ngay.

Khi đến trại Tây, qua mấy lần rào, quanh một đoạn tường, đi ước mấy chục trượng đến một ao sen, hết ao là một khu vườn, cây cối xanh tươi, mùa hoa thơm ngát, nhưng ở dưới bóng đêm lơ mờ, không nhìn rõ được cây gì.

Hai nàng nhìn nhau nói:

- Nhà chúng ta chật chội, chi bằng bày tiệc vui ngay ở trong vườn.

Tiếp đó trải chiếu giát chúc, đốt đèn nhựa thông, bóc bánh lá hèo, rót rượu hạt hạnh, các món ăn trong tiệc đều là những món quý trọng cả. Kế rồi thấy những mỹ nhân tự xưng là họ Vi, họ Lý, họ Mai, họ Dương, này chị họ Kim, kia cô họ Thạch, lục tục đến mừng và dự tiệc. Trời gần sáng, mọi người giải tán, hai nàng cũng đưa Sinh ra đến ngoài tường. Sinh về đến thư phòng thì mặt trời đang đông đã rạng.

Sau đó vài tháng, Sinh tiếp được tin nhà gửi đến Kinh đô, nói cha mẹ ở nhà đã hỏi vợ cho, giục Sinh nên về mau để làm lễ cưới. Sinh bối rối quanh co, lòng không nỡ, hai nàng đoán biết được tình ý, bảo Sinh rằng:

- Bọn em thân bồ vóc liễu, không thể cang đáng được việc tần tảo ở gia đình. Vả ngôi chủ phụ trong nhà, tất phải là người trong nền nếp trâm anh, chúng em đâu dám với đến. Chỉ mong chàng sau buổi về quê, tình cũ sẽ vẫn vương không dứt, sớm đẹp lòng quyến luyến hương thổ để lại tính kế tìm hoa, sẽ xem cây liễu Hàn Hoành vẫn chờ đợi với những cành dài ngày xưa, cây đào Thôi Hộ⁽¹⁾ vẫn chào đón những hoa cười năm ngoái. Xin chàng lưu ý, đừng vì yêu duyên mới mà

1. *Thôi Hộ*: người đời Đường, ngày Thanh Minh đi chơi gặp người con gái dựa cây đào, chàng làm thơ tặng, người con gái đó đem lòng yêu mến rồi ốm tương tư mà chết. Chợt Thôi Hộ đến, ông cứu sống cô gái đó, rồi lấy làm vợ.

phai tình cũ, khiến chúng em thành những bông hoa vô chủ ở Giang Nam.

Nói rồi cùng nâng chén tiễn biệt và mỗi người đọc một bài ca. Nàng Liễu ca trước:

Đế thành nọ mé bên đông,
Mấy gian nhà cũ giữa vùng trại hoang.
Phấn son ngày tháng điểm trang,
Quạnh hiu gác khói đêm sương lạnh lùng.
Vừa tuần đôi tám xuân dung,
Tin ong sứ điệp chưa thông nẻo nào.
Bên hoa hôm sớm tiêu dao,
Đường xuân thẹn chữa dấm chào hỏi ai.
Nho sinh bỗng có một người,
Văn chương kinh sử tuyệt vời lâu thông.
Trong tường ngấp ghé xa trông,
Tuy duyên chưa buộc mà lòng đã trao.
Tình yêu chẳng dễ ngăn rào,
Đời hoa thôi đã gửi vào Chúa xuân.
Cành xanh lá biếc thanh tân,
Múa may theo ngọn gió xuân dập dề.
Lòng hoa khi giọt sương gieo,
Sầu xuân đã nhẹ nhàng tiêu, nhẹ nhàng.
Miệt mài trong cuộc truy hoan,
Tây Thi⁽¹⁾ ngực nở, Tiểu Man⁽²⁾ lưng mềm.
Năm tròn chẵn gôi vừa êm,
Non sông giục khách trọn niềm gia hương.
Tin nhà gửi đến đau thương,
Càng đau thương lúc buông cương dặm ngoài.

1. Nàng Tây Thi: là vợ của Phù Sai nước Ngô, người tuyệt đẹp.

2. Nàng Tiểu Man: vợ lẽ của nhà thi sĩ Bạch Cư Dị, nàng múa rất khéo.

Bon bon xe ruồi trời mai,
Lòng em khô héo tiễn người đường xa.
Bến Nam cỏ áy bóng tà,
Vườn Tây một rặng mai già khóc mưa.
Cỏ cây rầu rĩ tiêu sơ,
Chàng về thiếp luống ngẩn ngơ tâm hồn.
Vì chàng hát khúc nỉ non,
Biệt ly để nặng đau buồn cho ai.

Đào cũng ca rằng:

Trời thu nhuộm biếc chừ, lá thu chen hồng,
Đập vãi tiếng vang chừ, mọi nhà tây đông.
Chim nhận về nam chừ, chim hồng sang sông,
Khói chiều thấm đậm chừ, sầu mới mênh mông.
Tình lang chẳng ở chừ, lòng tơ trăm vòng,
Tạm cất tình xưa chừ, về lập tân phòng.
Cúc Hà ủ rũ chừ, lan Sở thẹn thùng,
Nâng chén rượu quỳnh chừ, đôi bóng
trắng trong.

Dễ khi ly biệt chừ, khó lúc trùng phùng,
Than ôi em hát một khúc chừ, nhớ thương
khôn cùng.

Hận không sợi tơ chừ, buộc níu chinh an,
Hận không bờ bãi chừ, ngăn chặn hồi lan.
Hận không oanh vàng chừ, gọi khách
miên man,

Ly biệt từ đây chừ, bao lại đoàn loan?
Hoa lưu cửa động chừ, nước xuống nhân gian,
Nỡ để thân em chừ, ôm mối hờn oan,
Than ôi em hát hai khúc chừ, lệ châu lan tràn.

Nghe hát xong, Sinh rưng rưng đôi hàng nước mắt
rồi cùng hai nàng từ biệt.

Sinh về đến nhà thì hôn kỳ đã do cha mẹ định sẵn.
Sinh nói với cha mẹ rằng:

- Sinh con trai muốn cho có vợ, sinh con gái muốn cho có chồng, đó cũng là lòng của cha mẹ mà cũng là phúc của gia đình. Song con nghĩ mình dòng dõi nhà quan, mà sự học hành chưa thành danh gì cả. Nếu nay có vợ, e không khỏi vui bề chăn gối mà lãng việc sách đèn. Chỉ bằng việc cưới xin hãy tạm hoãn, đợi khi con đường mây nhẹ gót, thỏa nguyện bình sinh, bấy giờ hãy tính đến chuyện vợ con tưởng cũng chưa muộn.

Cha mẹ không nỡ trái ý Sinh, việc cưới bèn hoãn lại.

Ở nhà chưa được bao lâu, Sinh vì tưởng nhớ hai nàng mà lúc nào cũng ủ ê rầu rĩ, bèn lại lên đường để tới Kinh. Vừa đến trại Tây, đã thấy hai nàng đứng đón, tươi cười hỏi:

- Lang quân vừa cưới vợ, sao không ở nhà vui duyên mới, đã vội lên đường?

Sinh kể rõ nguyên do, hai nàng đều khen rằng:

- Lang quân thật là người tình nghĩa, không lỗi lời ước hẹn tìm hoa.

Bèn vì Sinh sấm lễ, để lại đến trường cũ theo học.

Sinh tuy mượn tiếng du học, nhưng bút nghiên chỉ nản, son phấn tình nồng. Ngày nào mới buổi xuân dương, thoát đã trời đông tiết lạnh. Một hôm Sinh ở ngoài về, thấy hai nàng mắt đều dầm lệ, Sinh giật mình hỏi, hai nàng đều gượng lệ nói rằng:

- Chúng em không may đều mắc bệnh gió sương, khí xuân chưa về, mặt hoa dễ héo, hương hồn một mảnh, chưa biết rồi sẽ trôi dạt đến nơi nào.

Sinh kinh ngạc:

- Anh cùng với hai em, duyên không mối lái, nghĩa kết keo sơn. Có sao các em lại vội nói đến chuyện lìa tan, khiến anh lo sợ như con chim sợ cung vậy.

Nàng Liễu nói:

- Ham vui ân ái, ai cũng chạnh lòng, nhưng số trời đã định, kỳ về đến nơi, biết làm sao được. Rồi đây cánh rã trong bùn, hương rơi mặt đất, ba xuân cảnh sắc, thú vui biết sẽ thuộc về đâu!

Sinh ngao ngán buồn rầu, không sao rút được. Nàng Đào nói:

- Người sinh ở đời như hoa trên cây, tươi héo có kỳ, không thể nào gượng được dù trong chốc lát. Chỉ xin chàng từ đây bảo trọng thân thể, chăm chỉ bút nghiên, ghép liễu⁽¹⁾ thành công, xem hoa⁽²⁾ thỏa nguyện, thì chúng em dù vùi thân trong chỗ ngồi lạch cũng chẳng chút phàn nàn.

Sinh nói:

- Vậy thì cái kỳ tan tác còn chừng bao lâu nữa sẽ đến?

- Chỉ nội trong đêm nay thôi. Hễ lúc nào có trận đông gió nổi lên là lúc ấy chúng em thác hóa. Chàng nên nghĩ tình ân ái cũ, quá bộ đến trại Tây thăm viếng, chúng em sẽ được ngậm cười chốn suối vàng.

Sinh khóc mà rằng:

- Sự thể cấp bách như vậy, cũng chẳng biết làm sao được nữa, song anh ở đất khách quê người, lưng không túi rỗng, biết lấy gì mà đắp điểm cho hai em.

Hai nàng nói:

- Thân mệnh của chúng em lả lướt như tơ, mong manh tựa lá. Sau khi thác hóa, đã có mây làm tán, có gió làm xe, sương trắng làm ngọc đeo, cỏ xanh làm nệm rải, than khóc đã oanh vàng thổ thổ, viếng thăm đã bướm héo vạt vờ, chôn vùi có lớp rêu phong, đưa

1. Tôn Kinh đời Hán ghép lá liễu lại để viết sách mà học.

2. Xem hoa: là những người thi đỗ được cưỡi ngựa xem hoa ở vườn Thượng uyển. Nhưng liễu và hoa ở đây còn có ý chỉ tên họ của hai nàng.

tiền có dòng nước chảy, khói tan gió bốc không phiền phải làm gì cả.

Đoạn rồi mỗi người để đôi hài cườm lại tặng Sinh và nói:

- Mất người còn chút của tin, gọi có vật này để tặng nhau trong lúc sinh ly tử biệt, sau này khi chàng ước thú, sẽ như là chúng em còn ấp yêu ở dưới chân chàng.

Tối hôm ấy, quả nhiên hai nàng không đến. Khoảng gần nửa đêm, trời bỗng mưa gió dữ dội, Sinh đứng tựa lan can, buồn rầu ngơ ngẩn như kẻ mất hồn. Nhân sang chơi ông cụ già bên láng giềng, kể về câu chuyện ấy. Ông già nói:

- Ô! Cậu rõ nói chuyện chiêm bao! Cái dinh cơ ấy từ khi quan Thái sư mất đi, trải hơn hai mươi năm nay, đã thành một nơi hoang quạnh. Máy gian đều mốc, một người quét dọn cũng không có, làm gì có nhiều cô gái họ họ kia như cậu nói. Chẳng qua đó là những hạng gái lẳng lơ dâm dăng, nẩy không thì là những u hồn trệ phách, hiện lên thành yêu quỷ đó thôi.

Sáng hôm sau, ông già cùng Sinh đến trại Tây. Chỉ thấy nếp nhà quạnh hiu, vài ba cây đào liễu xơ xác tơi bời, lá trút đầy vườn, tơ vương khắp giậu.

Ông già chỉ bảo Sinh rằng:

- Đây chả phải là nơi cậu đến chơi ư? Chị ả họ Kim, thì đây là hoa Kim tiền. Cô nàng họ Thạch, thì đây cây Thạch lựu. Đến như họ Lý, họ Vi, họ Dương, họ Mai cũng đều nhân tên hoa mà làm họ cả. Không ngờ mấy cây hoa ấy lại biến huyền như thế được.

Sinh bấy giờ mới giật mình tỉnh ngộ, tự nghĩ mình bấy lâu mê mải, chỉ là đánh bạn với hồn hoa. Về đến nhà, Sinh lấy những chiếc hài tặng ra xem, vừa cầm trên tay, mấy chiếc hài đã thành ra những cánh hoa, bay lên trên không mất.

Sáng hôm sau, Sinh đem cầm một cái áo lấy tiền,
làm mâm cỗ bày cúng hai nàng, lại làm một bài văn tế:

Hỡi ơi hai nàng!

Sương đọng ấy màu,

Băng trong làm cốt,

Ưa vẻ thiên nhiên,

Ghét bề điểm chuốt.

Sắc nợ hân không hai,

Tài này đành có một.

Anh hoa vườn Lãng, đứng đưng những cảnh

huy hoàng,

Đèn lửa song hồ, thân cận với người nghiên bút.

Ao yên ương chim cặp vẫy vùng,

Châu mặt lỵ hoa đôi tươi tốt,

Những mong bề ái giống thuyền,

Sao bỗng nàng tiên trở gót.

Cuộc biến thiên xui hoa nợ tơ bời,

Hờn ly biệt để lòng này héo ruột.

Gió cười mình, mình cười gió, một khắc mê ly,

Không là sắc, sắc là không, nửa đêm vì vút.

Trên ao vẽ biếc đề mê,

Trước viện màu hồng thừa thốt.

Ngọc lấp thăm thương,

Hương vùi não ruột.

Thân theo bóng nhận, phơ phát lưng trời,

Mộng tỉnh phồn hoa, bàng hoàng một phút.

Ôi! Một sớm chia phôi, nghìn thu đau xót.

Hồn lạc không về,

Người đi mất hút.

Linh thiêng ai hồi có hay,

Hiến hưởng rượu này mới rót.

Than ôi thương thay!

Đêm hôm ấy, chàng chiêm bao thấy hai nàng đến tạ rằng:

- Đội ơn lang quân làm bài văn tế viếng, khiến cho danh giá chúng em càng bội tăng thêm. Cảm vì tình ấy, nên chúng em về đây bái tạ.

Sinh muốn lưu lại, nhưng hai nàng vụt đã bay lên không biến mất.

LỜI BÌNH: Than ôi, thanh lòng không bằng ít dục. Dục nếu yên lặng thì lòng trống rỗng mà điều thiện sẽ vào, khí bằng phẳng mà cái lý sẽ thắng, tà quỷ còn đến quấy nhiễu làm sao được. Chàng họ Hà lòng trẻ có nhiều dục vọng nên loài kia mới thừa cơ quyến rũ. Nếu không thì những giống nguyệt yêu hoa quái, mê hoặc sao được mà chẳng phải thu hình nếp bóng ở trước Lương Công là một bậc chính nhân. Kẻ sĩ đến học ở Trường An, tưởng nên chăm chỉ về học nghiệp, tuy không dám mong đến được chỗ vô dục nhưng giá gắng tiến được đến chỗ quả dục thì tốt lắm.

QUYỂN 2

1. CHUYỆN ĐỐI TỤNG Ở LONG CUNG

(Long đình đối tụng lục)

Xưa ở huyện Vĩnh Lại, Hồng Châu⁽¹⁾ có nhiều giống thủy tộc. Ven sông người ta lập đền thờ đến hơn chục nơi. Năm tháng dần lâu, có chỗ linh thiêng thành yêu, song cầu tạnh đảo mưa rất linh ứng, nên hương lửa nghi ngút, người đời càng kính sợ.

Đời vua Minh Tông nhà Trần, có quan Thái thú họ Trịnh làm quan ở Hồng Châu, vợ là Dương thị nhân khi về thăm nhà, đỗ thuyền ở bên cạnh một ngôi đền thờ thủy tộc. Bỗng có hai người con gái, bưng một cái hộp nhỏ thếp vàng, đến trước mặt Dương thị nói rằng:

- Đức ông tôi sai đem vật này đến kính biếu phu nhân gọi là để tỏ một chút tình; sớm muộn trong làng nước mây, duyên cưỡi rồng sẽ được thỏa nguyện.

Nói xong không thấy đâu nữa. Dương thị mở hộp ra xem thì trong đó có cái dải đồng tâm màu tía, trên dải để một bài thơ tứ tuyệt:

*Người đẹp đầu cài trâm bích ngọc,
Cho ta thương nhớ耿耿 ngơ lòng.
Vật này đành để đem hoa chúc,
Trong Thủy tinh cung kết dải đồng.*

Dương thị cả sợ, cùng con hầu bỏ thuyền lên bộ, lại quay về nhiệm sở, kể chuyện với chồng. Trịnh cũng kính sợ nói:

1. Hồng Châu: nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

- Giống thủy quái ở đầm từ chực bắt mình đấy, phải nên tránh nó đi. Phàm những chỗ bờ sông bên nước đừng bước chân đến. Gặp những đêm mưa gió hay đêm tối trời, phải thắp đèn sáng và cất người canh giữ.

Phòng ngừa như thế được chừng nửa năm vẫn thấy vô sự. Đến đêm Trung thu, nhân thấy bầu trời quang mây, bốn bề trong vắt, sông Ngân vàng vạc, trăng sao sáng tỏ như ban ngày, Trịnh mừng mà rằng:

- Trăng thanh gió mát như đêm nay có thể không lo gì cả.

Vợ chồng bèn cùng nhau uống rượu, uống say rồi ngủ ly bì. Chả ngờ đâu sấm chớp bỗng chốc nổi lên, lúc Trịnh thức dậy thì cửa ngõ vẫn nguyên mà Dương thị thì không thấy đâu nữa. Đến xem chỗ cái đèn ngày trước thì mặt sông phẳng lặng, trăng chiếu lạnh lùng, thấy chiếc áo xiêm của Dương thị ở đó. Trịnh Thái thú tiếc ngọc thương hoa, nỗi buồn thật không sao kể xiết, chỉ đứng giữa trời mà ghen ngào than thở, không biết làm sao được.

Rồi Trịnh buồn nản bỏ quan về, chôn một cái mả hồ dưới chân núi Đốn, hàng ngày ở một mình trong cái lầu nhỏ. Cái lầu trông xuống bến sông, mà chỗ bến ấy là một cái vực sâu thẳm. Trịnh mỗi khi lên lầu đứng trông, thường thấy có ông cụ già đeo một cái bao đỏ đựng tiền, sớm đi rồi tối về. Trịnh nghĩ thầm: Quái! Đây là một bến sông sâu, nào có thôn xóm gì đâu mà ông già kia đi lại như vậy. Bèn thử tìm đến chỗ ấy thì quả thấy chỉ có bãi cát phẳng lặng, không có nhà cửa gì, duy leo tèo mấy khóm lau sậy đứng rung rinh ở trên mặt nước. Trịnh lấy làm lạ, đi rộng ra các ngả để tìm, thấy ông cụ già đương ngồi xem bói ở trong chợ Nam. Trịnh trông ông cụ mặt mũi gầy guộc nhưng tinh thần trong sáng, đoán chắc là một kẻ Ân sĩ lánh đời, nếu không thì một vị Chân nhân đắc đạo, lại không nữa thì hẳn là một Tiên khách trong

áng yên hà, bèn cùng ông cụng làm thân, hằng ngày bày tiệc rượu, cùng nhau chè chén vui vẻ. Ông cụng có vẻ cảm bụng tốt của Trịnh, nhưng hỏi họ tên thì chỉ cười chứ không chịu nói, Trịnh lấy làm nghi hoặc lắm. Hôm khác Trịnh trở dậy sớm, nép mình ở bên khóm lau sậy để dòm trộm xem ra thế nào. Bấy giờ sương mai ướt át, khói sớm mịt mù, Trịnh thấy ông già từ dưới nước thùng thỉnh đi lên, vội vàng chạy ra sụp lạy. Ông già cả cười nói:

- Thế ra ông định dò tìm tung tích của tôi ư? Thôi nay ông đã biết rồi, để tôi kể cho biết. Tôi là Bạch Long Hầu, may bây giờ hãy còn năm đại hạn, mới có thì giờ rồi đi chơi lãng băng, chứ nếu Ngọc Hoàng có sắc chỉ truyền đi làm mưa thì chẳng còn đâu thì giờ nhàn để đi làm nghề bói ở nhân gian nữa.

Trịnh nói:

- Ngày xưa Liễu Nghị có cuộc xuống chơi dưới Động Đình, Thiên Văn có cuộc ăn yến ở Long Cung, chẳng hay kẻ phàm tục này có thể được theo dấu người xưa không?

Hầu nói:

- Khó gì sự đó.

Liên lấy đầu gậy vạch xuống nước, nước rẽ đôi ra, Trịnh theo Long Hầu xuống. Đi được chừng nửa dặm thì thấy trời đất trong sáng, lâu đài chót vót, từ nhà ở đến thức ăn, đều là những vật ở nhân gian không có. Hầu tiếp đãi rất săn sóc. Trịnh nói:

- Không ngờ một kẻ nghèo khó lại được lạc bước đến chỗ tôn nghiêm này. Ngày xưa có cái tai biến phi thường, ngày nay có sự gặp gỡ kỳ lạ, công việc báo phục, có lẽ chính ở dịp này chăng?

Long Hầu hỏi cớ. Trịnh đem việc Dương thị ra kể, và nói mong nhờ cậy uy linh, trừ loài hung xú, khiến buồm nhân gió mà được thuận, cáo nhờ hổ để dương oai, thì thật cũng bỏ một phen gặp gỡ.

Long Hầu nói:

- Họ dù càn rỡ, đã có sắc mệnh của triều đình Long Vương. Huống chi mỗi người ở riêng một nơi, không thống thuộc gì với nhau, ai dám vượt qua sông nước, dấy động giáp binh, để phạm vào tội không thể tha thứ.

- Vậy thì bây giờ tôi phát đơn kiện ở triều đình Long Vương có được không?

- Việc còn mờ tối, chuyện chưa rõ ràng, ông muốn đem cái việc vô bằng, bắt kẻ địch rất mạnh, sợ rằng mối thù ấy chưa thể trả được. Chi bằng trước hẵng cậy người dò xét, lấy được chứng cứ, thì trừ kẻ gian kia chẳng khó gì. Song tả hữu của tôi, không có người nào tin cậy để sai đi được, vậy để ta hãy liệu xem đã.

Cạnh đấy có một người con gái áo xanh bước ra nói rằng:

- Thiếp xin nhận công việc ấy.

Trịnh bèn cung kính mà nói lời nhờ cậy và trao cho một cành thoa bằng ngọc màu biếc để cầm đi làm tin.

Nàng áo xanh đến miếu thờ thần Thuồng Luồng ở Hồng Châu, hỏi thăm quả có người đàn bà họ Dương, hiện được phong là Xương Ấp phu nhân, ở trong một cái điện bằng ngọc lưu ly, chung quanh có ao sen bao bọc, gối chần yêu dấu, hơn hết các phòng, và năm ngoái đã sinh được một con trai.

Nàng mừng lắm, song lâu đài chỉ chút, không có đường thông, đành chỉ thả thơ ở ngoài cổng. Bấy giờ màu xuân đang đẹp, hoa tường vi nở rất nhiều, trông hình như muôn điểm rắng hồng, kết lại ở trên tường rục rỏ. Nàng vờ như không biết, vừa bẻ vừa rung. Người canh cổng nổi giận. Nàng liền đưa cành thoa dứt lốt mà nói:

- Tôi tưởng những dây hoa leo này, không phải là của quý gìn giữ, lỡ tay vin hái, thật là có tội. Tắm thân yếu ớt, sợ không chịu nổi roi vọt. Vậy xin bác cầm cành

thoa này đưa vào lầu ngọc, để mong được khoan tha không phải đánh đập, thì tôi thực đội ơn vô cùng.

Người ấy nghe lời, cầm cành thoa vào dăng Dương thị. Dương thị nhìn lúc lâu, giả cách nổi giận mà rằng:

- Con bé nào mà dám đường đột như vậy, làm hỏng cả một giàn hồng cầm của ta.

Truyền đem trời người con gái ấy trong vườn ngân hạnh. Thừa lúc vắng vẻ, Dương thị lẻ đến, cầm cành thoa khóc mà nói rằng:

- Đây là vật cũ của Trịnh lang chồng ta xưa đây, làm sao lại ở tay chị?

Nàng áo xanh kể rõ sự thực:

- Bảo vật này chính là do Trịnh lang đã giao cho tôi.

Lại nói Trịnh lang đang ở nhà Bạch Long Hầu, vì phu nhân mà quên ăn bỏ ngủ, rồi nhờ tiện thiếp xa gửi đến một mối tình để trả món tương tư nợ cũ.

Nói chưa hết lời thì có con tiểu hoàn vào báo là thần Thuồng Luồng có lệnh vời. Dương thị vội lật đật đi ra. Sáng hôm sau nàng lại đến, ân cần hỏi han và trao cho một bức thư mà dặn rằng:

- Chị về nói với Trịnh lang cho ta: người vợ xấu số ở bên nước xa xăm, lúc nào cũng vẫn thương nhớ đến chàng. Chàng nên cố xoay xở cách nào để cho được phụng lại trong mây, ngựa về trên ải, đừng khiến tôi phải già đời ở chốn cung nước làng mây này.

Bức thư gửi cho Trịnh lang như sau:

"Non thể bế hên, chao ôi việc trước lỗ làng, gió đập mưa dồn, ngán nỗi kiếp này lặn dạn. Nước non muôn dặm, tâm sự mấy lời. Nghi như thiếp chút phận mỏng manh, tấm thân mềm yếu. Duyên đôi lứa tự trời xe lại, ước trăm năm cùng huyệt dăm sai. Nào ngờ biến dậy một đêm, đến nỗi hình rơi đáy vực. Bối không thể tìm châu đắm ngọc, nên đành cam dài nguyệt dẫu hoa. Áo xiêm đã

lắm tanh nhợt, thân thể tạm còn thoi thóp. Sầu đầy tựa bể, ngày dài như năm. Nào hay giữa lúc bơ vơ, bỗng nhận được thư thăm hỏi. Ngấm cảnh thoa mà ước lệ, nhìn khách đến những đau lòng. Một bước lỗi lầm, riêng cỏ nội hoa hèn thắc mắc; ba sinh thể ước, có trời cao đất cả chứng tri. Ngọc bích chưa lành, cân vàng xin chuộc”.

Nàng áo xanh trở về báo tin cho biết. Long Hầu bảo Trịnh rằng:

- Việc có thể nên được đấy.

Bèn cùng nhau đi ra bể nam, đến một tòa thành lớn. Hầu vào trước, bảo Trịnh đứng đợi chỉ ở ngoài cửa thành. Một lát, Trịnh thấy một người ra dẫn vào trong một cái đền, trên đền có một vị vua mặc áo tinh hồng mang đai ly châu, quần thần đứng chầu chục hai bên không biết bao nhiêu mà kể. Trịnh quỳ dài xuống mà tâu bày mọi nỗi, lời rất thê thảm. Đức vua ngoảnh nhìn vào một viên đứng bên phía tả, giục thảo trát đòi. Rồi có hai người lính vượt không ra đi. Chừng độ nửa ngày, hai người lính áp giải đến một người đàn ông, thân thể vạm vỡ, râu đỏ mặt đen, râu ria đâm tua tủa như rễ tre vậy, ra giữa sân mà quỳ rạp xuống. Đức vua mắng rằng:

- Tước không cho nhảm, phải đợi người công lao; hình không dùng xằng, để trị kẻ gian hùng. Như nhà người trước có công lao, nên ta cho coi giữ một phương, vì dân che chở. Vậy mà người giở thói đâm ngược, như thế là trừ tai nạn hoạn cho dân đấy ư?

Người ấy nói:

- Kẻ kia ở trên trần, tiểu thần ở dưới nước, mỗi người một ngã, có can thiệp gì đến nhau. Vậy mà hần buông lời phao vu, để hãm hại người vô tội. Nếu bệ hạ tin nghe lời hần thì triều đình mắc sự lừa dối mà tiểu thần chịu tội mập mờ, tưởng không phải là sự yên trên mà toàn dưới vậy.

Bên nói di, bên cãi lại, người ấy vẫn không chịu nhận tội, đức vua cũng hồ nghi không biết quyết định thế nào. Long Hầu đứng bên khê rí tai bảo Trịnh rằng:

- Chi bằng khai tên tuổi Dương thị, xin cũng bắt đến xét hỏi.

Trịnh theo lời tâu lên, đức vua quả truyền đi bắt Dương thị đến. Ngày đã xế chiều, lại thấy hai người lính dẫn đến một mỹ nhân, xúng xính thuốt tha, từ mé đông lại. Đức vua hỏi:

- chồng ngươi đâu?

Dương thị tâu:

- Người áo xanh kia là chồng thiếp, còn người áo đỏ là kẻ thù. Độ trước không may bị cái yêu ấy bắt cướp, trải đã ba năm. Nếu không nhờ được sự soi tới của vầng thái dương, thì hồn tàn vóc nát sẽ phải chịu như nhuộm trọn đời, còn mong gì được lộ mặt ra nữa.

Đức vua cả giận nói:

- Không ngờ thằng giặc kia lại gian hoạt đến như thế. Bên trong thì làm sự dâm dật, mặt ngoài thì giả hòng chối cãi. Việc ấy nữ làm thì dù đem xử tử cũng không đáng tiếc.

Bấy giờ có một người mặc áo bào xanh hiệu là Chính hình lục sự, tâu rằng:

- Thần nghe: vì tình riêng mà ban thưởng, thưởng sẽ không công; đương lúc giận mà xử hình, hình tất quá đáng. Duỗi cơ vốn khác, châm chước mới nên. Dem cái tài vượt nanh, giữ cái trách phen giậu, tự hấn dẫu gây nên tội nghiệt, với dân cũng có chút công ân. Có tội phải gia hình, tuy đã cam bẽ vạn tử; dem công mà trừ lỗi, cũng còn mong được toàn sinh. Xin khoan cho tội tru di, hãy giam vào ngục đen tối.

Đức vua khen phải, bèn phê phán rằng:

“Mảng nghe: Đời người như khách trên đường, kẻ trước đi qua mà kẻ sau tiếp đến. Đạo trời không sai tơ tóc, làm lành được phúc mà làm ác chẳng yên. Lệ luật không mờ, cổ kim vẫn thế. Nay nhà ngươi vốn do huân phiệt, làm giữ phương ngung. Lễ nên linh hiển, để tỏ đức rộng, sao được tà dâm, làm theo vết răn. Sự cần rõ ngày càng quá tệ, luật công minh tất phải thi hành. Than ôi, vợ người cố chiếm, đã rất mực mê cuồng, phép nặng không dong, để răn phường gian ác. Dương thị kia, nét tuy đáng trở, tình cũng khá thương; thân nên về với tiên phu, con để trả cho hậu phu. Mấy lời phê phán lập tức thi hành.”

Nghe lời phán xong thần Thuồng Luồng cúi đầu đi ra. Tả hữu cũng đưa mắt cho Trịnh bảo lui. Long Hầu về nhà bèn đặt tiệc mừng, và tặng cho các thứ văn tế đổi mỗi. Vợ chồng Trịnh cùng lạy tạ rồi trở về nhà, kể hết đầu đuôi câu chuyện cho người nhà nghe, ai cũng đều mừng thay và cho là chuyện lạ.

Sau Trịnh có việc đến Hồng Châu, lại đi qua chỗ đền ấy, thấy tường xiêu vách đổ, bia gãy rêu trùn, duy có cây gạo đương tung bay bông trắng ở dưới bóng dương tà xế. Hỏi thăm những ông già bà cả, đều nói:

- Trước đây một năm, một hôm giữa ban ngày bỗng dưng không mây mà mưa, nước sông lớn rồi có một con rắn dài mười trượng, vảy biếc mào đỏ, nổi trên mặt nước mà đi lên mạn Bắc, đằng sau có hàng hơn trăm con rắn nhỏ đi theo, đền từ đấy không linh thiêng nữa.

Bấm đốt tính xem thì ngày ấy chính đúng vào ngày Trịnh kiện.

LỜI BÌNH: Than ôi, chống được ách lớn thì thờ, cản được nạn lớn thì thờ, đó là phép cúng tế. Hưởng sự cúng tế ấy thì phải cố danh tư nghĩa, đâu có lẽ nhận sự thờ cúng lại còn gây tai họa cho người. Thế thì cái tội của vị

thần Thuồng Luồng chỉ phải bị dày thôi. Quảng Lợi Vương dụng hình như thế, thật là chưa đáng. Tất phải làm như Hứa Tổn, Thứ Phi⁽¹⁾ mới là cái việc thú vị được. Cho nên Định Nhân Kiệt khi làm Tuần phủ Hà Nam, tâu xin phá hủy đến 1.700 tòa đền thờ không xứng đáng, thật là phải lắm.

2. CHUYỆN NGHIỆP OAN CỦA ĐÀO THỊ

(Đào thị nghiệp oan ký)

A danh kỹ ở Từ Sơn là Đào thị, tiểu tự Hàn Than, thông hiểu âm luật và chữ nghĩa. Niên hiệu Thiệu Phong thứ 5 (1345) đời nhà Trần, nàng được tuyển sung vào làm cung nhân, hàng ngày chầu vua ở tiệc rượu hay ở chiếu bạc. Một hôm vua thả thuyền chơi trên sông Nhị, rồi đi lều xuống tận bến Đông Bộ Đầu. Vua lắng ngấm rằng:

Mù tỏa tiếng chuông nhỏ,

Cát phẳng bóng cây dài.

Các quan chưa ai đối được, nàng Đào liền ứng khẩu đọc ngay:

Bến lạnh cá đớp nguyệt,

Lũy cỏ nhận kêu sương.

Vua khen ngợi hồi lâu, nhân gọi nàng là “A Hàn Than”.

Vua Dụ Tông mất, nàng phải thái ra ở ngoài phố, thường qua lại nhà quan Hành khiển là Ngụy Nhưộc

1. *Hứa Tổn*: Là người đời Tấn, trước làm quan Lệnh ở Tỉnh Dương, sau từ quan về học được đạo thuật, chém rắn và giết thuồng luồng để trừ hại cho dân. *Thứ Phi*: một dũng sĩ đất Kinh về đời nhà Chu, giỏi kiếm thuật.

Chân. Bà vợ quan Hành khiến không có con mà tính hay ghen, ngờ Hàn Than tư thông với chồng, bắt nàng đánh một trận rất tàn nhẫn. Nàng tức tối lắm, đem những trâm hoa bằng vàng ngọc bán đi để thuê thích khách vào nhà Nhược Chân trả thù.

Nhưng thích khách đến, bị người nhà Nhược Chân bắt được, lúc đem tra khảo, hẩn khai ra Hàn Than. Hàn Than sợ, phải cạo trọc đầu và mặc đồ nâu sồng, trốn đến tu ở chùa Phật Tích (Chùa Thầy) giảng kinh thuyết kệ, chỉ mấy tháng đã lâu thông lắm. Nàng có dựng ra cái am gọi là am Cư Tĩnh, mời họp các văn nhân để xin một bài bằng văn. Bấy giờ trong làng có một cậu học trò tuổi độ mười bốn, mười lăm cũng đến hội họp. Hàn Than khinh là còn ít tuổi, nói đùa rằng:

- Anh bé con này cũng làm được thơ à? Vậy thử làm cho tôi xem nào.

Cậu học trò không tỏ vẻ giận gì cả, lui ra dò hỏi được gốc tích Hàn Than, rồi làm bài văn:

Mảng nghe:

Phật vốn từ bi, gọi tên là Giác,

Người mà thanh tịnh, hóa giả thành chân.

Muốn lên tông chủ trong rừng thiền,

Hãy gắng tu trì trong cõi phép.

Kính nghĩ am chủ ở núi Phật Tích là Đào thị:

Sổ ca nhạc rút tên ra khỏi,

Cửa Phạm Vương⁽¹⁾ núp bóng tìm vào.

Miệng đào lưng liễu, uốn lưỡi vừa véo von

mấy khúc Dương Châu⁽²⁾,

1. Cửa Phạm Vương: chỉ của Phật.

2. Khúc Dương Châu: khoảng niên hiệu Thiên Bảo đời Đường, các điệu nhạc đều lấy tên các đất ở ngoài biên cương như Lương Châu, Cam Châu, Y Châu...

Nhật sáng mây lành, nghên đầu đã nương tựa
dưới trời Đâu Suất.

Quần ném dòng Tương lớp lớp,

Tóc rơi mây Sở từng từng.

Trong mơ xúc cảnh băng khuâng, du tiên

nửa gối,

Trước gió gheo người réo rắt, đoản dịch

vài xoang.

Phòng tăng vắng vẻ khác phòng ca,

Áo đạo nhẹ nhàng hơn áo múa.

Khe Tào mức nước, chợt ngừng mặt phản

trong gương,

Lá bơi tụng kinh, còn thoảng âm vang

trước nóc!

Mùi thiền dầu bén,

Lòng tục chưa phai.

Bến Tầm Dương không đến gầy tỳ bà,

Chùa Hàng Quận lại vào nghiên kinh kệ.

Gấm triển đầu pháp phối, theo đuổi chưa thôi,

Hội Liên hoa dập diu, đón mời sao khéo.

Ôi! Chuông tàn, trà cạn, ngồi chi nữa?

Buồng núi vào tìm một giấc say.

Bài văn làm xong, viết to rồi dán ở cửa chùa, xa gần đua nhau chép. Hàn Than nhân thế, đương đêm bỏ chùa mà trốn. Nghe chùa Lệ Kỳ (thuộc huyện Chí Linh) ở hạt Hải Dương là một nơi non nước kỳ tú, phong cảnh tuyệt đẹp, trụ trì có sư già Pháp Vân và sư bác Vô Kỳ, bèn đến chùa xin vào bái yết. Pháp Vân không nhận và bảo Vô Kỳ rằng:

Người con gái này, nét không cần nguyệt, tính bén lẳng lơ, tuổi đã trẻ trung, sắc lại lộng lẫy, ta e lòng thiền không phải đá, sắc đẹp dễ mê người, tuy sen hồng chẳng nhuộm bùn đen, nhưng tác mây dễ mờ bóng

nguyệt. Vậy người nên liệu lời từ chối, đừng để hối hận về sau.

Vô Ký không nghe, lại cứ nhận cho Hàn Than ở. Pháp Vân lập tức dời lên ở tận trên đỉnh núi Phượng Hoàng.

Hàn Than tuy ở chốn thanh tịnh nhưng nét cũ vẫn chưa trừ bỏ. Mỗi lúc ở nhà dưới đi lên, mặc áo lụa, quần là, môi son, má phấn. Cõi dục đã gần, máy thiền dễ chạm, bèn cùng nhau tư thông. Hai người đã yêu nhau say đắm, chẳng khác nào con bướm gặp xuân, trận mưa cứu hạn, chẳng còn để ý gì đến kinh kệ nữa.

Hàng ngày hai người cùng nhau làm thơ liên cú, phàm những cảnh vật trong núi, cái gì có thể ngâm vịnh được đều đắp bút vịnh để ghi danh thắng. Những thơ như thế nhiều lắm không thể chép hết được, xin thuật ra đây một hai phần:

MÂY NÚI

*Bên trời đậm nhạt không thường,
Ráng chiều mưa sớm bốn phương đi về.
Sư lười tiểu cũng lười ghê,
Siêng năng khép cửa bỏ để ấy ai?*

MƯA NÚI

*Rào rào một trận mưa rơi,
Đầu non ngọc rụng, lưng trời sao sa.
Nước xô hơi lạnh vào nhà,
Buông sâu quanh vắng đêm tà tà canh.*

GIÓ NÚI

*Thâu đêm tiếng gió ào ào,
Hoa xơ xác thắm, cây rào rạt xanh.
Chuông lầu đưa tiếng thanh thanh,
Không gian nào phải bất bình mà kêu.*

TRĂNG NÚI

Sau rừng khí sáng lên cao,
Long lanh gương bạc gác vào đỉnh non.
Bóng soi mát dịu tâm hồn,
Lên lầu Nam, lọ phải còn tồn công.

CHÙA NÚI

Âm thanh ẩn dưới bóng tà,
Thông cao hát gió, quế già phun hương.
Chìm rừng riu rít kêu vang,
Khách trần ai có mơ màng chẳng ai?

TIỂU ĐỒNG TRONG NÚI

Năm năm sinh trưởng trong rừng,
Đùa mây hát sớm, thét trăng còi chiều.
Bạn bày chim đá nai hươu,
Càn khôn riêng mở bên đèo khói mây.

VƯỜN NÚI

Non cao ngoằn ngoắt leo chơi,
Tiếng kêu buồn để cho người rơi chân.
Uống khe dắt đủ bạn bầu,
Ngàn mây ẩn bóng biết đâu dò tìm.

CHIM NÚI

Khói mây ngày tháng thong dong,
Kêu trong sắc núi, vờn trong bóng chiều.
Tha quả chín đậu đôi kiêu,
Bên rừng lá rậm dập dìu liệng quanh.

HOA NÚI

Xuân sang đỏ ối cành cành,
Mây thêu gấm dệt bao quanh bốn bề.
Sắc hương man mác rừng khe,
Cỏ kim từng biết bao khi nở tàn.

LÁ NÚI

*Lưng không bát ngát bốn bề,
Thu sang ngập ủa, xuân về rợp xanh.
Chim kêu riu rít đầu cành,
Tà dương bóng ngả chênh chênh ngàn đồi.*

Hai người mê nhau quá, ngoài cái thú vui sướng trước mắt, không còn nghĩ đến điều gì nữa. Năm Kỷ Sửu (1349) nàng vì có thai rồi ốm, từ mùa xuân đến mùa hạ, ngồi lên nằm xuống, đều phải có người đỡ. Sư Vô Kỷ vốn không biết thuốc, lại không biết đường chạy chữa, khiến nàng sau phải quần quai chết ở trên giường cũ. Vô Kỷ thương xót vô hạn, quần nàng ở cuối mái hành lang phía tây sớm tối vỗ vào áo quan mà khóc rằng:

- Em ơi, em vì anh mà chết một cách oan uổng. Nếu anh được theo em cùng chết, anh rất sẵn lòng, khỏi để em vò vò một mình ở nơi chín suối. Huống em bình sinh vốn thông tuệ, khác hẳn với người thường, nếu có linh thiêng xin sớm cho anh được theo về dưới đất, anh không muốn lại trông thấy sư cụ Pháp Vân nữa.

Sau mấy tháng Vô Kỷ cũng vì nhớ thương mà thành ốm dây dưa đến nửa năm trời, bỏ cả cơm cháo. Một đêm thấy Hàn Than hiện đến bảo rằng:

- Thiếp buổi trước ngàn dâu xế bóng, của Phật nương mình; đáng cười thay chưa dứt lòng trần, thêm ngán nổi còn vương nợ nghiệp; dài Dao mệnh dứt, đến nổi chia bầy; sống còn chưa được thỏa yêu đương, chết xuống sẽ cùng nhau quần quýt. Mong chàng hiểu câu kệ lục, như bỏ cõi thiêng Tứ đại tạm rời cảnh Phật, về chốn Suối vàng, để thiếp được ngửa nhờ Phật lực, thác hóa đầu thai, để trả cho xong một cái nợ oan gia ngày trước.

Nói xong không thấy đâu cả. Từ đấy bệnh Vô Kỷ ngày càng nguy kịch. Sư cụ Pháp Vân nghe tin xuống

núi để thăm, thì bệnh đã không thể cứu vãn được nữa, đành chỉ trông nhau ứa nước mắt, một lát Vô Kỵ chết.

Đêm hôm ấy gió mưa dữ dội, ở Kinh đô có nhiều nhà lật mái đổ tường. Bà vợ quan nguyên Hành khiển Ngụy Nhược Chân chiêm bao thấy hai con rấn cấn vào mạng sườn ở dưới nách bên tả. Sau đó rồi bà có mang sinh được hai con trai, đặt tên người con lớn là Long Thúc, người con bé là Long Quý. Hai đứa trẻ ấy mới đầy tuổi đã biết nói, lên tám tuổi đã biết làm văn, được cha mẹ rất yêu quý. Bấy giờ đương giữa mùa hè nóng bức. Nhược Chân một hôm ngồi hóng mát trên lầu cao. Cửa lầu trông xuống đường, có một vị thầy tu đối khổ đi qua ở dưới, dùng dằng trông ngắm, muốn đi mà không đi dứt được.

Chợt rồi người ấy phàn nàn:

- Lạ thay tòa lầu đài thế kia mà rồi sẽ thành cái vực của thường luân. Đáng tiếc! Đáng tiếc!

Nhược Chân sợ hãi thất sắc, vội chạy theo hỏi. Lúc đầu, thầy tu không chịu nói, chỉ bảo vừa rồi bằng hoàng nói nhảm chứ không thấy có gì lạ, xin bắt tất phải nghi ngờ. Nhưng Nhược Chân cứ cố khấn nài, thầy tu mới bảo nhà ông chứa đầy cái khí yêu quái, nếu không là nghiệp báo kiếp trước thì tất oan gia kiếp này, người ta đã ở trong nhà ông, chỉ năm tháng nữa thì cả nhà không còn sót một mống. Nhược Chân kêu xin cứu cho, thầy tu nói:

- Tôi vốn có con mắt xem người rất sành. Xin cho tôi xem tất cả người trong nhà, hễ tôi thấy đúng người nào thì gõ vào chầu để cho ông biết. Nếu tiết lộ ra một lời thì tai vạ xảy ra ngay lập tức.

Nhược Chân gọi tất cả người nhà ra lạy chào, thầy tu xem khắp lượt rồi lắc đầu nói:

- Đều không phải cả.

Lại hỏi trong nhà còn ai thì phải gọi nốt ra. Nhược Chân gọi nốt hai con trai đương ngồi ở trong nhà học. Khi hai người con trai đến, thấy tu liền gõ vào chậu rồi nức nở khen:

- Quý hóa thay hai cậu con trai! Sau này làm nên sự nghiệp lừng lẫy, vẻ vang cho nhà và danh giá với đời, tất nhiên là những cậu này.

Hai người đều giận nói:

- Thấy chùa ở đâu đến đây mà bẻm mép tán xằng gì thế?

Nói rồi đều phất áo đi vào. Nhược Chân không bằng lòng, thấy tu cũng từ giã ra đi.

Đêm hôm ấy, Long Quý khóc bảo với Long Thúc rằng:

- Vị yêu tăng hôm nay, lời nói ba hoa hình như có ý dòm dò. Nếu hấn mà biết, e rằng sẽ nguy cho chúng ta lắm đó.

Long Thúc cười mà rằng:

- Trừ được chúng ta, duy có một sư cụ Pháp Vân. Còn những kẻ khác, ta chỉ giơ tay là cướp được bùa dẫu của họ. Huống chi Nhược Chân đối với ta, tất vì tình cốt nhục mà không hiềm nghi gì cả, ta có thể yên ổn không lo ngại gì.

Bấy giờ Nhược Chân nằm ngủ không yên, đứng dậy đi một mình thơ thẩn, tình cờ do chỗ khe cửa sổ mà nghe lỏm được, sợ hãi hết sức không biết tính thế nào. Ngày hôm sau, nói vờ là có chút việc, ra đi, dò thăm khắp các danh lam, tìm hỏi vị sư cụ có cái tên hiệu là Pháp Vân. Trãi hơn một tháng đến tìm chùa ở núi Lệ Kỳ, thấy già tiểu đồng nói hồi nhỏ có được nghe tên hiệu ấy nhưng sư cụ đã dời vào núi sâu từ lâu rồi. Tiểu đồng chỉ lên ngọn núi Phượng Hoàng mà bảo:

- Sư cụ ở trên núi kia kìa.

Nhược Chân bèn xắn áo đi lên, qua bốn, năm dặm nữa mới tới chỗ sư cụ ở. Bấy giờ sư cụ đang nằm ngủ ở trên ghế, tiếng ngáy như sấm, hai bên tả hữu có hai chú tiểu đứng hầu. Nhược Chân khúm núm đi lên, hai gã tiểu đồng quát mắng làm cho sư cụ tỉnh giấc. Nhược Chân đến trước sụp lạy và kể ý định tìm đến của mình. Sư cụ cười mà rằng:

- Sao tiên sinh lâm thế? Lão phu thân không ở chùa chiến, chân không đến thành thị đã lâu năm rồi. Nay chỉ có thể ở trong am cỏ, quét đất thấp hương, tụng kinh *Lăng nghiêm* mấy lần. Chứ còn đến bay bùa chạy dấu thì không phải là việc của lão.

Nhược Chân khấn khoản:

- Đức Phật nhà ta lấy từ bi làm bè, tế độ làm cửa, thương bể khổ trôi nổi, cứu sông mê đắm chìm. Bởi vì ngài muốn ai nấy cùng sang bể ngạn, cùng gọi thiện duyên. Nếu thấy nhất định chối từ thì sao làm rộng đạo nhà Phật ra được.

Bấy giờ sư cụ mới vui vẻ nhận lời. Bèn dựng một dàn tràng ngay ở trên núi, treo đèn bốn mặt và lấy bút son vẽ bùa dấu. Ước một trống canh thì có đám mây đen mười trượng vây xung quanh đàn, một cơn gió lạnh thổi làm cho người phải ghê rợn. Sư cụ cầm cây tích trượng chỉ huy tả hữu, có lúc lại ra khỏi đàn làm ra bộ quát mắng. Nhược Chân ngồi ở một ngôi nhà phía xa, mở màn trông trộm, nhưng vắng lặng chẳng thấy gì cả, chỉ nghe trên không có tiếng khóc y y, một lúc tiếng tắt mà đám mây cũng tan. Sáng hôm sau, sư cụ lấy một phiến đá bôi hùng hoàng vào rồi viết mực lên, trao cho Nhược Chân mà bảo:

- Ông về hễ thấy loài yêu quái biến ra vật gì, kịp lấy đá này mà ném thì những mối lo tai họa sẽ hết.

Nhược Chân về đến nhà, thấy người nhà đang ngồi châu đầu mà khóc. Bà vợ kể chuyện canh ba đêm nọ, hai con trai cùng dắt nhau xuống giếng mà chết, nước giếng dâng lên ngập cả thêm, hiện hai cái thây đều đã quàn ở vườn nam, chỉ đợi Nhược Chân về thì đem mai táng. Nhược Chân hỏi:

- Trước lúc chết, chúng nó có nói gì không?

- Chúng chỉ phàn nàn là giá chậm độ mấy tháng nữa thì công việc xong, không ngờ bị kẻ cuồng tăng làm hại.

Nói xong, phu nhân lại gào khóc. Nhược Chân can ngăn rồi cùng ra vườn nam mở nắp quan tài để xem. Khi mở thấy hai cái thây đã hóa thành hai con rắn vàng, lấy hòn đá ném thì chúng liền nát ra tro cả.

Vợ chồng bèn sắm nhiều vàng lụa đem đến tạ ơn sư cụ Pháp Vân. Nhưng đến nơi thì thấy am cỏ rêu phong, không tìm nhận ra được vết đi nào cả, nhân buồn bã cùng nhau trở về.

LỜI BÌNH: Than ôi! Theo về dị đoan chỉ có hại. Huống chi đã theo lại còn không giữ cho đúng phép, thì mỗi hại phỏng còn xiết nói được ư? Gã Vô Kỷ kia, là một kẻ gian dân, buông thối tà dục, chẳng những dối người, lại còn dối vị Phật của hần thờ nữa. Giá đem xử vào cái tội như vua Ngụy giết bọn Sa môn ngày xưa thì hần cũng không oan chút nào.

Thế còn Nhược Chân thì hần là không có lỗi chẳng? Đáp rằng làm quan mà như thế, còn gì gọi là chính gia nữa! Mầm vạ mọc lên, suýt nữa hãm vào chốn nguy khốn, chính mình làm mình chịu, không đáng lấy làm lạ chút nào.

3. CHUYỆN CHÚC PHÁN SỰ ĐỀN TẢN VIÊN

(Tản Viên từ Phán sự lục)

Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng đất Lạng Giang. Chàng vốn khảng khái nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng bắc người ta vẫn khen là người cương phương. Trong làng trước có một tòa đền, vẫn linh ứng lắm. Cuối đời Hồ, quân Ngô sang cướp, vùng ấy thành chiến trường. Bộ tướng của Mộc Thạch có viên Bách Hộ họ Thôi, tử trận ở gần đền, từ đấy làm yêu làm quái trong dân gian. Tử Văn rất tức giận, một hôm tắm gội sạch, khấn trời rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, họ lo sợ thay cho Tử Văn, nhưng Tử Văn vùng tay không cần gì cả.

Đốt xong về nhà, chàng thấy trong mình khó chịu, đầu lảo đảo, bụng run run, rồi lên cơn sốt nóng sốt rét. Trong khi sốt, chàng thấy một người khôi ngô dong dạc, đầu đội mũ trụ đi đến, nói năng, quần áo giống người phương Bắc, tự xưng là Cư Sĩ, đến đòi làm trả lại tòa đền như cũ, và nói:

- Nhà ngươi đã theo nghiệp Nho học, đọc sách vở của thánh hiền, há không biết cái đức của quỷ thần ra sao, có gì lại dám lăng miệt, hủy tượng đốt đền, khiến cho hương lửa không có chỗ tựa nương, oai linh không có nơi hiển hiện, vậy bảo làm sao bây giờ? Biết điều thì dựng trả tòa đền như cũ. Nếu không thì vô cớ hủy đền Lư Sơn, Cố Thiệu⁽¹⁾ sẽ khó lòng tránh khỏi ta vạ.

1. Đời Tam quốc, Cố Thiệu làm quan Thú ở quận Dự Chương, phá hủy các đền thờ những vị thần bất chính. Sau thấy thần miếu Lư Sơn hiện lên đòi làm trả. Không bao lâu bị ốm mà chết.

Tử Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên, người kia tức giận nói:

- Phong Đô không xa xôi gì, ta tuy hèn, há lại không đem nổi nhà ngươi đến đây. Không nghe lời ta thì sẽ biết.

Nói rồi phất áo ra đi.

Chiều tối, lại có một ông già, áo vải mũ đen, phong độ nhàn nhã, thung thỉnh đi vào đến trước thềm, vái chào mà rằng:

- Tôi là Thổ thần ở đây, nghe thấy việc làm rất thú của nhà thầy, vậy xin đến để tỏ lời mừng.

Tử Văn kinh ngạc nói:

- Thế người đội mũ trụ đến đây ban này, chẳng phải là Thổ Địa đây ư? Sao mà nhiều thần quá thế vậy.

Ông già nói:

- Ô, đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo tên họ của tôi, quen dùng chước dối lừa, thích làm trò xảo ngược. Thượng Đế bị nó bưng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phạm những việc hưng yêu tác quái đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. Xin kể đầu đuôi để nhà thầy nghe. Tôi từ đời vua Lý Nam Đế là chúc Ngự sử đại phu, vì chết về việc Cần cường mà được phong ở đây, giúp dân độ vật đã có hơn một nghìn năm nay, khi nào lại làm việc gieo tai rắc vạ để kiếm miếng ăn như kẻ khuất tặc kia đã làm. Gần đây vì thiếu sự đề phòng, bị nó đánh đuổi, nên phải đến nương tựa ở đền Tản Viên đã vài năm nay.

Tử Văn nói:

- Việc xảy ra đến như thế, sao ngài không kiện đến Diêm Vương và tâu lên Thượng Đế, lại đi khinh bỏ chức vị, làm một người áo vải nhà quê.

Ông già chau mặt nói:

- Rễ ác mọc lan, khó lòng lay động. Tôi đã định thừa kiện, nhưng có nhiều nỗi ngăn trở: những đền miếu gần quanh, vì tham của dút, đều bênh vực cho nó cả. Khư khư một chút lòng thành thực, không làm thế nào để thông đạt được lên, cho nên đành tạm ẩn nhẫn mà ngồi xó một nơi.

Tử Văn nói:

- Hấn có thực là tay hung hãn, có thể gieo vạ cho tôi không?

- Hấn quyết chống chọi với nhà thầy, hiện đã kiện thầy ở Minh Ty. Tôi thừa lúc hấn đi vắng đến đây báo cho thầy biết để liệu kế, khỏi phải chết một cách oan uổng.

Lại dặn Tử Văn:

- Hễ ở Minh Ty có tra hỏi, thầy cứ khai ra những lời nói của tôi. Nếu hấn chối cãi, thầy kêu xin tư giấy đến đền Tản Viên, tôi sẽ khai rõ thì nó phải ngậm miệng. Nếu không thế thì tôi phải vùi lấp trọn đời mà thầy cũng khó lòng thoát nạn.

Tử Văn vâng lời. Đến đêm bệnh càng nặng thêm, rồi thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành về phía đông. Đi độ nửa ngày đến một dinh tòa lớn, xung quanh có thành sắt cao vọi đến mấy chục trượng. Hai quỷ đến nói với người canh cổng, người canh cổng đi vào một lúc rồi ra truyền chỉ rằng:

- Tội sâu ác nặng, không được dự vào hàng khoan giảm.

Nói rồi xua tay bảo đi ra phía bắc. Đằng phía bắc, tức là con sông lớn, trên sông bắc một chiếc cầu dài ước hơn nghìn bước, gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương. Hai bên tả hữu cầu, có đến mấy vạn quỷ dạ xoa, đều mắt xanh tóc đỏ, hình dáng nanh ác. Hai quỷ dùng gông dài thừng lớn gông trói Tử Văn mà giải đi rất nhanh. Tử Văn kêu to:

- Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian, có tội gì xin bảo rõ cho, không nên bắt phải chết một cách oan uổng.

Chợt nghe trên điện có lời tuyên ngôn rằng:

- Tên này bướng bỉnh gan góc, nếu không phán đoán cho rõ, vị tất nó đã chịu phục tội.

Bèn sai dẫn Tử Văn vào trong cửa điện. Tử Văn vào đến nơi, đã thấy người đội mũ trụ đương kêu cầu ở trước sân.

Diêm Vương mắng Tử Văn rằng:

- Kẻ kia là người Cư Sĩ, trung thuần khích liệt, có công với tiền triều, nên Hoàng thiên cho được huyết thực ở một tòa đền để đền công khó nhọc. Mà là kẻ hàn sĩ sao dám hỗn láo, tội nghiệt tự mình làm ra, còn trốn đi đằng nào?

Tử Văn bèn tâu trình đầu đuôi như lời cụ già đã nói, lời rất cương chính, không chịu nhụt chút nào. Người đội mũ trụ nói:

- Ấy là ở trước vương phủ mà hấn còn quật cường như thế, mỗi năm miệng mười bịa đặt. Huống hồ ở nơi đền miếu quanh hiu sợ gì mà hấn không dám cho một mồi lửa.

Hai bên cãi cọ nhau vẫn chưa phân phải trái, nhưng Diêm Vương vì thế bụng cũng sinh nghi. Tử Văn nói:

- Nếu nhà vua không tin lời tôi, xin đem giấy đến đền Tản Viên để hỏi hư thực, không có sự thực như thế, tôi lại xin chịu thêm cái tội nói càn.

Người kia bấy giờ mới có vẻ sợ, quỳ xuống tâu rằng:

- Gã kia một kẻ học trò thật ngu bướng, quả đáng tội lắm. Nhưng đã trách mắng như vậy cũng đủ trừng giới. Xin Đại vương khoan tha cho hấn để tỏ cái đức rộng rãi. Bất tất đòi hỏi dây dưa và thẳng tay trị tội, sợ có hại cho cái đức hiếu sinh.

Diêm Vương quát lớn rằng:

- Cứ như lời hấn thì nhà ngươi đáng tội giết. Điều luật lửa dối đã sẵn sàng đó. Nhà ngươi có sao dám nhận tội như vậy?

Lập tức sai người đến đền Tản Viên để lấy chứng thực, sau đó về tâu, nhất nhất đúng với lời Tử Văn. Vương cả giận, bảo các Phán quan rằng:

- Lũ người chia tâu sớ, giữ chức sự, cầm lệnh chỉ công, làm phép chỉ công, thưởng thì xứng đáng mà không thiên tư, phạt thì dích xác mà không hà lạm, vậy mà còn có sự dối trá can bậy đến như thế; huống chi về đời Hán, đời Đường buôn quan bán ngục, thì những mối tệ còn xiết nói được ư?

Liền sai lấy lồng sắt chụp vào đầu, khâu gỗ nhét vào miệng, bỏ người ấy vào ngục Cửu Ty.

Vương nghĩ Tử Văn có công trừ hại, truyền cho vị thần đền kia, từ nay phần xôi lợn của dân cúng tế, nên chia cho Tử Văn một nửa, và sai lính đưa Tử Văn về. Chàng về đến nhà, té ra mình chết đã được hai ngày rồi. Nhân đem những việc đã qua kể cho mọi người nghe, ai cũng kinh hãi và không tin là thực. Sau họ đón một bà đồng về phụ bóng, đồng lên cũng nói đúng như lời Tử Văn. Người làng bèn mua gỗ dựng lại một tòa đền mới. Còn ngôi mộ của người tướng kia thì tự dựng thấy bật tung lên, hài cốt tan ra như cám vậy.

Sau đó một tháng, Tử Văn thấy ông già đến bảo:

- Lão phu đã trở về miếu, công của nhà thầy, không biết lấy gì đền đáp được. Nay thấy ở đền Tản Viên khuyết một chân Phán sự, lão đã vì nhà thầy hết sức tiến cử, được đức Thánh Tản ngài đã bằng lòng, vậy xin lấy việc đó để đền ơn nghĩa. Người ta sống ở đời, xưa nay ai không phải chết, miễn là chết đi còn được tiếng về sau đủ rồi. Nếu trùng trình độ nửa

tháng, sợ sẽ về tay người khác mất. Nên cố gắng đi, đừng nên coi là việc tầm thường.

Tử Văn vui vẻ nhận lời, bèn thu xếp việc nhà rồi không bệnh tật gì mà mất.

Năm Giáp Ngọ (1414) có người ở thành Đông Quan vốn quen biết với Tử Văn, buổi sớm đi ra ngoài cửa tây vài dặm, trông thấy ở trong sương mù có xe ngựa đi đến ầm ầm, lại nghe thấy tiếng quát rằng:

- Người đi đường tránh ra, xe quan Phán sự!

Người ấy ngẩng đầu trông về phía trước, người ngồi trên xe chính là Tử Văn. Song Tử Văn chỉ ngồi trên xe chấp tay thi lễ chứ không nói một lời nào, rồi thoát đã cười gió mà biến mất. Đến nay con cháu hãy còn, người ta truyền là “nhà quan Phán sự”.

LỜI BÌNH: Than ôi! Người ta vẫn nói: “Cứng quá thì gãy”. Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gãy hay không là việc trời. Sao nên đoán trước là sẽ gãy mà đổi cứng ra mềm!

Ngô Tử Văn là anh chàng áo vải. Vì cứng cỏi cho nên dám đốt cháy đền tà, chống cãi yêu quỷ, làm một việc hơn cả thần và người. Nhân thế nổi tiếng mà được giữ chức vị ở Minh Tào, thật xứng đáng. Vậy kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi.

4. CHUYỆN TỪ THỨC LẤY VỢ TIÊN

(Từ Thức tiên hôn lục)

Trong năm Quang Thái đời nhà Trần, người ở Hòa Châu tên là Từ Thức, vì có phụ ấm được bổ làm Tri huyện Tiên Du. Bên cạnh huyện có một ngôi chùa danh

tiếng, trong chùa trồng một cây mầu đơn, đến kỳ hoa nở người các nơi đến xem đông nhộn nhịp, thành một đám hội xem hoa từng bùng lăm. Tháng Hai năm Bính Tý niên hiệu Quang Thái thứ 9 (1396) đời nhà Trần, người ta thấy có cô con gái, tuổi độ mười sáu, phấn son điểm phớt, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, đến hội ấy xem hoa. Cô gái vịn một cành hoa, không may cành giòn mà gãy, bị người coi hoa bắt giữ lại, ngày đã sắp tối mà vẫn không ai đến nhận. Từ Thúc cũng có mặt ở đám hội ấy, thấy vậy động mỗi lòng thương, nhân cởi tấm áo cừu gấm trắng đưa vào tầng phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền đức.

Song Từ Thúc vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ mền cảnh, việc sổ sách bỏ ùn cả lại, thường bị quan trên quở trách rằng:

- Thân phụ thầy làm đến đại thần mà thầy không làm nổi một chức Tri huyện hay sao!

Từ than rằng:

- Ta không thể vì số lương năm đấu gạo đó mà buộc mình trong đám lợi danh. Ấu là một mái chèo vể, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy.

Bèn cởi trả ấn tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống Sơn, nhân làm nhà tại đấy để ở. Thường dùng một thuyền nhỏ đem một bầu rượu, một cây đàn đi theo, mình thì mang mấy quyển thơ của Đào Uyên Minh hễ gặp chỗ nào thích ý thì ngã rượu ra uống. Phàm những nơi nước tú non kỳ như núi Chích Trợ, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga, không đâu không từng có những thơ đề vịnh. Một hôm Từ Thúc dậy sớm trông ra cửa bể Thần Phù ở phía ngoài xa vài chục dặm, thấy có đám mây ngũ sắc, đùn đùn kết lại như một đoá hoa sen mọc lên, vội chèo

thuyền ra thì thấy một trái núi rất đẹp. Từ kinh ngạc bảo lái thuyền rằng:

- Ta đã từng lên dên trên áng giang hồ, các thắng cảnh miền đông nam, không còn chỗ nào sót mà không đi đến. Nay không biết trái núi này từ đâu lại mọc ra trước mắt, vì trước kia vốn không từng có, ý giả là non tiên rụng xuống, vết thần hiện ra đây chăng?

Bèn buộc thuyền lên bờ thì thấy những vách đá cao vút nghìn trượng, sừng sững đứng thẳng, nếu không có cánh thì vị tất trèo lên thăm cảnh đó được. Nhân đề một bài thơ rằng:

*Triều dương bóng rải khắp ngày xanh,
Hao cỏ cười tươi đón rước mình.
Hải thuốc nào đâu sư kê suốt,
Tìm nguồn duy có khách bên ghềnh.
Lang thang đất lạ đàn ba khúc,
Nênh nổi thuyền câu rượu một mình.
Bến Võ chàng Ngự tìm thử hỏi,
Thôn Đào chỉ hộ lối loanh quanh.*

Đề xong, trông ngắm thần thờ, như có ý chờ đợi. Chợt thấy ở trên vách đá bỗng nứt toác ra một cái hang, hình tròn mà rộng độ một trượng. Vén áo đi vào, vừa được mấy bước thì cửa hang đã đóng sập lại, tối tăm mù mịt như sa vào một cái vực đen. Bụng nghĩ không còn thể nào sống được nữa, lấy tay sờ soạng lối rêu, nhận thấy có một cái khe nhỏ, ngoằn nghèo như ruột dê vậy. Đi mò độ hơn một dặm thì thấy có đường đi ngoi lên. Bám bấu trèo lên thì mỗi bước mỗi thấy rộng rãi. Lên đến ngọn núi thì bầu trời sáng sữa. Chung quanh toàn là những lâu đài nguy nga, mây xanh rắng đỏ, bám ở lan can, cỏ lạ hoa kỳ, nở đầy trước cửa. Sinh nghĩ nếu không phải là chỗ đền đài thờ phụng, tất là cái xóm của những bậc lánh đời, như những nơi suối Sậu nguồn Đào

chẳng hạn. Rồi chợt thấy có hai người con gái áo xanh bảo nhau rằng:

- Lang quân nhà ta đã đến!

Đoạn họ vội chạy vào báo tin, một lúc đi ra nói:

- Phu nhân chúng tôi sai mời chàng vào chơi.

Sinh đi theo họ vào, vòng quanh một bức tường gấm, vào trong một khung cửa son, thấy những tòa cung điện bằng bạc đứng sừng, có những tấm biển đề “Điện Quỳnh Hu”, “Gác Đạo Quang”. Trên gác có bà tiên áo trắng, ngồi trên một cái giường thất bảo bên cạnh đặt một cái giường nhỏ bằng gỗ đàn hương, mời Sinh lên ngồi và bảo rằng:

- Tính hiếu kỳ của chàng đã thành chứng nghiệm. Sự vui sướng trong một chuyến đi chơi này, kể cũng đã thỏa nguyện chí bình sinh. Nhưng mối duyên gặp gỡ chàng có còn nhớ gì không?

Sinh thưa rằng:

- Tôi là một kẻ Dật sĩ ở Tống Sơn. Một cánh bướm gió, một lá thuyền nan, phóng lãng giang hồ thích đâu sống đấy. Nào có biết chốn này lại có Tự phủ Thanh đô! Lăn mò lên được tới đây, chẳng khác như mình đã mọc cánh mà bay lên đến cõi tiên vậy. Song lòng trần mờ tối, chưa biết tiền đồ ra làm sao. Dám xin chỉ bảo rõ ràng cho chúng tôi được hiểu.

Bà tiên cười bảo:

- Chàng biết sao được. Đây là núi Phù Lai, động tiên thứ sáu trong ba mươi sáu động, bỗng bênh ở ngoài bể cả, dưới không có bầm vùi, như hai núi La Phù tan hợp theo với gió mưa, như các ngọn Bồng Lai, co duỗi theo với sóng gợn, mà tôi tức là địa tiên ở Nam Nhạc là Ngụy phu nhân. Vì thấy chàng là người cao nghĩa sẵn lòng cứu giúp sự nguy khốn cho người, nên mới dám làm phiên mời chàng đến đây.

Bà tiên nhân đưa mắt cho con hầu bảo gọi một cô tiên ra, Sinh liếc nhìn trộm, chính là người bẻ gãy cành hoa ngày trước. Bà tiên bảo:

- Con tôi đây tên là Giáng Hương, ngày trước gặp phải cái nạn trong khi đi xem hoa, nhờ chàng cứu gỡ, ơn ấy không quên, nay muốn cho nó kết duyên để báo đền ơn trước.

Bèn đem ấy đốt đèn mỡ phượng, rải đệm vãn rộng, để hai người làm lễ giao bái. Ngày hôm sau quần tiên đến mừng, có người mặc áo gấm cuội con ly từ phía bắc xuống, có người bận xiêm lụa cuội rồng từ phía nam lên, có người đi kiệu ngọc, có người cưỡi xe gió, đồng thời lại họp. Tiệc yến đặt ở tầng Thượng trên gác Dao Quang, buông rèm câu ngọc, rủ trướng móc vàng, phía trước đặt một cái ghế bành bằng ngọc lưu ly mà để không. Quần tiên vái chào nhau cùng ngồi ở những ghế bên tả; Từ Thức thì ngồi ở giường bên hữu. Ngồi xong có tiếng truyền hô Kim Tiên đã đến, mọi người đều bước xuống cúi đón lạy chào. Đoạn rồi lên gác tấu nhạc. Tiệc bày mâm bằng mã não, đĩa bằng ngọc thạch, các món ăn đều rất kỳ lạ, lại có những thứ rượu kim tương, ngọc lễ, mùi hương đưa lên thơm nức, dưới trần không bao giờ có được cái của quý như vậy. Người áo gấm trắng nói:

- Chúng tôi chơi ở chốn này mới tám vạn năm, mà bẻ Nam đã ba lần tung bụi. Nay chàng từ xa tới đây, không vì tiên phạm mà cách trở, ba sinh hương lửa, tưởng cũng không phụ, đừng nên cho chuyện thần tiên là câu chuyện hoang đường.

Rồi có những người trẻ nhỏ, chia ra từng lớp mà múa điệu lãng ba. Đoạn, phu nhân mời tiệc. Giáng Hương rót rượu. Người bận xiêm lụa nói đùa:

- Nương tử hôm nay màu da hồng hào, chứ không khô gầy như trước nữa. Người ta bảo ngọc nữ không chồng, câu hỏi ấy có tin được không?

Quần tiên đều cười, duy người mặc áo xanh buồn rầu không vui mà nói rằng:

- Mỗi duyên của cô em đây, thật cũng tốt đẹp. Song nghĩ cái giá bằng ngọc ở trên mây, mà đi kết mối tóc tơ ở cõi thế, vạn nhất tiếng tăm vỡ lở, thiên hạ chê cười, quần tiên chúng ta e không khỏi mang tiếng lây được.

Bà Kim Tiên nói:

- Ta ở chốn lâu thành trên trời, châu hầu cạnh đức Thượng Đế, mệnh mang trần hải, chưa từng đặt bước xuống bao giờ. Thế mà những kẻ hiểu sự họ còn bịa ra, nào bảo Dao Trì hội kiến ở đời Chu, Thanh Diệu truyền tin ở đời Hán, ta còn thế, huống chi là lũ các nàng ư? Song tân lang ngồi đây, ta không nên bàn phiếm những câu chuyện khác.

Bà phu nhân nói:

- Tôi nghe tiên khá gặp chứ khôn tìm, đạo không tu mà tự đến. Những cuộc gặp gỡ hiếm lạ, đời nào mà không có: như đền Bạc Hậu, như quán Cao Đường, như thần Lạc Phố lướt sóng⁽¹⁾, như nàng Giáng Phi cưỡi ngọc⁽²⁾, như Lộng Ngọc lấy Tiêu Sứ⁽³⁾, như Thái Loan gặp Văn Tiêu⁽⁴⁾, như Lan Hương gặp Trương Thạc⁽⁵⁾. Bao nhiêu những

1. Thần nữ ở Lạc Phố tên là Bật Phi, con gái vua Phục Hy. *Sách Quần Ngọc* có chép chuyện Trần Tư Vương gặp thần nữ ở Lạc Phố.

2. Nàng tiên Giáng Phi chơi ở bên sông, gặp Trịnh Giao Phủ, cưỡi ngọc mình châu mà tặng cho. Trịnh nhận được ngọc đi được chục bước thì ngọc không còn nữa mà nàng kia cũng biến mất.

3. Chàng Tiên Sứ giỏi thổi ống tiêu, vua Tần Mục Công đem con gái là Lộng Ngọc gả cho. Chàng dạy nàng thổi tiêu, chim phượng hoàng nghe tiếng bay đến. Sau vợ chồng cùng cưỡi phượng mà bay lên trời.

4. Chàng Văn Tiêu gặp nàng Thái Loan ở núi Tây tại đất Chung Lăng, hai người lấy nhau.

5. Ngọc nữ Đỗ Lan Hương lấy Trương Thạc. Sau nàng về trời, Trương Thạc rất thương nhớ.

chuyện cũ còn đó, nếu thế này mà bị chê cười thì đã có những người trước ấy họ chịu đỡ tiếng cười cho mình!

Mọi người cùng phá lên cười rất là vui vẻ. Rồi đó, mặt trời gác núi, các khách khứa đều giải tán cả. Sinh đưa bảo Giáng Hương rằng:

- Thì ra tất cả các cõi trời đều có chuyện phối ngẫu cả. Cho nên ả Chúc Nữ lấy chàng Ngưu Lang, nàng Thượng Nguyên tìm chàng Phong Trắc⁽¹⁾, Tăng Nhụ có bài ký Chu Tần, Quân Ngọc có bài thơ Hoàng Lăng⁽²⁾ cảnh khác nhưng tình cũng giống nhau, nghìn xưa vẫn như thế cả. Nay quần tiên ai về chỗ nấy, sống trong cảnh quanh quẽ vô lậu, đó là vì lòng vật dục không nảy sinh, hay là cũng có những phải gượng dè nén?

Nàng đổi sắc mặt nói:

- Mấy người ấy là những cái khí huyền nguyên, những cái tính chân nhất, thân hầu của tía, tên ghi đến vàng, ở thì ở phủ thanh hư, chơi thì chơi miền sung mịch, không cần gạn mà lòng tự trong, không cần lấp mà dục vẫn lặng. Không như thiếp bầy tình chưa sạch, trăm cảnh dễ sinh, hình ở phủ tía nhưng lụy vướng duyên trần, thân ở đền quỳnh mà lòng theo cõi dục. Chàng đừng nên nhân một mình thiếp mà cho tất cả quần tiên đều thế.

Từ nói:

- Nếu thế thì em còn thua các tiên kia xa lắm.

Vợ chồng cùng vỗ tay cả cười.

1. Phong Trắc đọc sách ở trong núi sâu, bà tiên Thượng Nguyên phu nhân đem đến ve vãn (xuất ở sách *Thiên hạ dị kỳ*)

2. Lý Quân Ngọc qua miếu Nhị Phi ở Sâm Dương có đề một bài thơ, câu đầu là "Hoàng Lăng miếu tiền xuân dĩ không", chợt có hai người con gái hiện lên tự xưng là hai nàng Nga Hoàng, Nữ Anh, hẹn hai năm sau sẽ cùng Lý gặp gỡ.

Chỗ Giáng Hương có bức bình phong trắng, Từ
thường để thơ lên trên rằng:

I

*Khói rợp mây che khắp bốn trời,
Non Thần trong sáng đó là nơi,
Hoa thông theo gió hương đưa ngát,
Đắt dẫn thuyền câu khách một người.*

II

*Một đêm gió thổi nguyệt đầy non,
Rèm cuộn hoa vàng lọt cửa son,
Rượu mê mê say người nặng trĩu,
Mượn đem bút trúc gửi thi hồn.*

III

*Đốt lại lò trầm nhóm lại hương,
Đẩn đo đôi mới khúc nghe thường,
Bài thành không dám cất cao tiếng,
E gió mưa về ẩm một phương.*

IV

*Ráng đỏ đèn lên tựa gấm thêu,
Cung tường cao vút vắng teo teo,
Trắng sao đường mọc quanh bên mái,
Tần nữ đêm dài học thổi tiêu.*

V

*Ngoài mây thấp thoáng bóng tiên châu,
Mân, Quế phương trời ngút tận đầu,
Xuân muện con chim bay lạc lõng,
Vòm không quang sạch biếc lâu lâu.*

VI

*Rèm buông cản lạnh nguyệt linh lung,
Gương võ vàng soi luống thẹn thùng.*

*Cách trúc gôi tiên vừa khê chợp,
Non xa đưa rộn tiếng chuông đồng.*

VII

*Khí lành quanh quất phủ buông xuân,
Phương Trượng non xa, Nhược Thủy gần,
Dứt tiếng canh đà trời sắp sáng,
Lòng quê theo dõi áng mây tần.*

VIII

*Hơi lam: mái tóc, liễu: hoa cài,
Thuyền bẻ xa trông thấp thoáng ngoài,
Đạo sĩ một đi tìm khó thấy,
Trong không tản mát tiếng ngân dài.*

IX

*Sóng nước bao quanh núi một vùng,
Mộng về quê cũ lối không thông.
Mây vàng nước biếc thân nương đậu,
Trần giới xa coi ngút mịt mù.*

X

*Mạt suôi hoa đào lãg lẽ trôi,
Rêu trùn sắc thắm uống pha phơi,
Lưu Lang biệt động sao khờ mấy,
Thư ngọc buồn tênh giờ mấy hồi.*

Nhưng Từ, từ khi bỏ nhà đi thăm thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay màu biếc. Những đêm sương sa gió thổi, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vắng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn bâng khuâng quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm trông ra bể, thấy một chiếc tàu buôn đi về phương Nam. Từ chỉ bảo Giáng Hương:

- Nhà tôi đi về phía kia kìa, song biển cả trời xa, chẳng biết ở tận đâu.

Rồi nhân lúc rồi, chàng nói với nàng rằng:

- Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cô héo hon, dám xin thể tình mà cho được tạm về, chẳng hay ý nàng nghĩ thế nào?

Giáng Hương bùi ngùi không nổi dứt. Từ Lang nói:

- Tôi xin hẹn trong một thời kỳ bao nhiêu lâu, để về cho bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, sẽ lại đến đây để với nàng cùng già ở chỗ làng mây bến nước.

Giáng Hương khóc mà nói:

- Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn ngủi, dù nay chàng về nhưng chỉ e liễu sân hoa vườn, không còn đâu cảnh tượng như ngày trước nữa.

Nàng nhân thưa với phu nhân, phu nhân nói:

- Không ngờ chàng lại vương vấn vì mối lòng trần như vậy.

Nhân cho một cỗ xe cưỡi vấn đề chàng cưỡi về. Nàng cũng đưa cho chàng một bức thư viết vào lụa mà nói:

- Ngày khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình cũ.

Rồi tràn nước mắt mà chia biệt.

Chàng đi chỉ thoát chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thấy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biến màu xanh thuở nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm những người già cả thì thấy có người nói:

- Thuở bé tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi đến nay đã hơn tám mươi năm rồi, nay đã là năm thứ 5 (1458) niên hiệu Diên Ninh đời ông vua thứ ba của triều Lê.

Chàng bấy giờ mới hậm hực bùi ngùi, muốn lại lên xe mây để đi, nhưng xe đã hóa thành một con chim loan

bay mất. Mở thư ra đọc, thấy có câu: “Kết lúa phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết; tìm non tiên ở trong bể, dịp khác còn đâu!”, mới biết là Giáng Hương đã nói trước với mình những lời ly biệt. Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngấn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.

LỜI BÌNH: Than ôi, nói chuyện quái sợ loạn chuyện thường, cho nên thánh hiền không nói. Nhưng việc Từ Thúc lấy vợ tiên, cho là thực không ư? Chưa hẳn là không; cho là thực có ư? Chưa hẳn là có. Có không lẽ mờ, câu chuyện tựa hồ quái đản. Nhưng có âm đức thì tất có dương báo, cũng là lẽ thường. Những bậc quân tử sau này khi để mắt đến sẽ liệu mà thêm bớt, bỏ chỗ quái mà để chỗ thường thì phỏng có gì mà hại.

5. CHUYỆN PHẠM TỬ HƯ LÊN CHƠI THIÊN TÀO

(Phạm Tử Hư du Thiên Tào lục)

Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là người tuân kiệt không ưa kiếm thúc. Theo học nhà Dương Trạc, Trạc thường răn Tử Hư về cái tính kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt.

Khi Dương Trạc chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lễ ở nhà để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi văn chưa đỗ, đời Trần, sang du học ở Kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ Hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tàn vàng kiệu ngọc bay trên không, kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu

cũng rất chững chạc. Tử Hư khê dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính là thầy học mình, Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy, nhưng Trạm xua tay nói:

- Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai đến đền Trấn Võ của Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên một hôm.

Tử Hư bèn sấm rượu và thức nhắm, đứng hện mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

- Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoát đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng.

Dương Trạm nói:

- Ta khi sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liên lật mà đốt đi. Đức Đế Quân đây ngài khen là có bụng tốt xin cho làm chức Trục lại ở cửa Tử Đồng. Hôm qua ta hầu linh giá ngài lên chầu Thiên Cung, tình cờ gặp lại nhà người, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên.

Tử Hư nói:

- Thầy được linh chức trọng quyền cao như vậy, chẳng hay sự sống chết thọ yếu của con, thầy có được rõ không?

- Việc đó không phải thuộc về chức vụ của ta.

- Vậy thế thầy giữ về việc gì?

- Ta trông coi về việc văn chương thi cử, khoa danh cao thấp của những học trò trong thiên hạ.

Tử Hư mừng mà rằng:

- Nếu thế thì tiến trình của con cùng đạt thế nào chắc thầy biết rõ?

- Cứ như văn chương tài nghệ của anh, đương thời này không ai bì kịp, huống anh lại còn có tính trung hậu; nhưng anh thường lấy văn tài mà kiêu ngạo với

người khác, cho nên trời mới bắt đồ muộn để phải chùn nhụt cái nét ngông ngạo đi. Nếu không thì cướp thể trước của Mông Chính⁽¹⁾ lật cổ rác của Hạ Thần⁽²⁾ phỏng anh còn khó khăn gì nữa. Cho nên xưa nay người ta bàn về kẻ sĩ, tất trước hết xét đến đức hạnh là vì thế. Ngày nay những người mặc áo nhà nho, đeo dải nhà nho thì lại khác hẳn. Họ thường đổi họ để đi học, thay tên để đi thi, hễ trượt đồ thì đổ lỗi mờ quáng cho quan chấm trường, hơi thanh danh thì hợm mình tài giỏi hơn cả tiền bối, chí khí ngông ngạo, tính tình tráo trở, thấy thấy nghèo thì lảng tránh, gặp bạn nghèo thì làm ngơ, không biết rằng ngày thường dặt dẵn rên cạp phần nhiều là cái công đức của thầy, bạn. Vả như ta ngày xưa, dạy có đến mấy nghìn học trò, giao du ở Kinh đô rất nhiều bạn bè thế mà sau ta mất, nghe có người dai vàng, mũ bạc, có người quan cả, ngôi cao, nhưng không hề một ai tìm đến thăm viếng mộ ta mà tưới lên một vài chén rượu. Vì thế ta vẫn để ý đến anh.

Tử Hư nhân đem những người làm quan bấy giờ, nhất nhất hỏi về từng người một:

- Thừa thầy, ông Mỗ ở ngôi trọng thần mà tham lam không chán, ông Mỗ làm chức Sư tư mà mô phạm không đủ, ông Mỗ coi lễ mà lễ nhiều thiếu thốn, ông Mỗ chán dân mà dân bị tai hại, ông Mỗ chăm văn mà lấy đồ thiên vị, ông Mỗ trị ngục mà buộc tội oan uổng. Lại còn những người lúc thường bàn nói thì môi mép, đến lúc trù tính quyết định kế lớn của quốc gia thì mờ mịt như ngồi trong đám mây mù, thậm chí không nói theo danh, không xét theo thực, không trung với đáng quân thượng, lớn thì

1. *Mông Chính*: tức Lã Mông Chính người đời Tống, thi đỗ Trạng nguyên.

2. *Hạ Thần*: tức Hạ Hán Thương là một danh nho đời Hán.

làm việc bán nước của Lưu Dư⁽¹⁾, nhỏ thì làm việc đối vua của Diên Linh⁽²⁾. Bọn ấy sau khi chết có phải luận tội gì không, hay là cứ được hưởng tôn vinh mãi thế?

Trạm cười mà rằng:

- Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Lưới trời thênh thang, thưa nhưng chẳng lọt. Chỉ cho rằng thời gian chưa đến mà thôi. Nay ta bảo cho anh biết: trong khoảng trời đất bao ứng luân hồi, chỉ có hai loài thiện, ác. Người chăm làm thiện, tuy hãy còn sống, tên đã ghi ở Đế Đình; người hay làm ác, không đợi đến chết, án đã thành ở Địa Phủ. Cho nên Nhan Hồi lúc sống ở trong ngõ hẻm mà chết làm chức Tu Văn, Vương Bàng ngày thường có nét kiêu ngạo mà chết phải máu rây mặt đất. Không phải như người ở cõi đời có thể mượn thế mà được làm quan, có thể nhờ tiền mà được khỏi vạ, hình phạt thì quá lạm, tước thưởng thì quá thiên tư, cúi đầu khom cật, dù hèn hạ cũng cất nhắc lên, đứa hoạt thẳng gian nhờ đút lót mà được thoát khỏi. Anh nên cố gắng đừng gieo cái nghiệp báo ở kiếp sau này.

Tử Hư nói:

- Cái cửa họa phúc đã được nghe đại khái. Nhưng nay những người học trò thường đến đền Đế Quân làm lễ cầu mộng, xin ngài báo ứng cho biết những sự nghiệp về sau. Việc đó có thực không?

Trạm cười mà rằng:

- Đấng Đế Quân ngài nuốt nhả nguyên khí, chu du tám phương, ngày xét giấy tờ, đêm châu Thượng Đế còn lúc nào rỗi để làm cái việc vụn vặt ấy. Song những

1. *Lưu Dư*: làm tội vua Khâm Tông dời Tống đậu Trạng nguyên nhà Kim. Kim lập cho làm vua Tề.

2. *Diên Linh*: làm tội vua Đức Tông dời Đường, cầm quyền làm nhiều sự gian dối, mỗi khi ứng đối toàn là những lời dối trá cả.

người một lòng chay sạch thành kính, thì trong lúc bập bùng tựa như có thấy. Người đời không hiểu bèn cho là sự thực, thật đáng buồn cười.

- Thưa thầy, nếu thế thì chuyện phóng bảng của trời, cũng là câu chuyện truyền ngoa chẳng?

- Không, việc đó thì thật đấy.

Trạm bèn giơ ra một cuộn giấy phong dán rất kỹ bảo Tử Hư rằng:

- Đây là bảng xuân sang năm. Ta vâng mệnh Đế Quân đi tra xét kỹ lưỡng để giao lên cửa trời biên vào cho đủ. Vì có anh đến chơi đây nên ta chưa đi được.

Dương Trạm lại kể cho Tử Hư nghe những thú vui ở trên Thiên Tào, hơn ở cõi trần nhiều lắm, và bảo:

- Nhà người nên cố gắng sửa mình chuốt nét, tự nhiên có ngày được lên ở trên ấy, như ta đây cũng là một cái duyên may mắn khác thường.

Tử Hư nói:

- Minh trần vóc tục, còn biết do lối nào mà lên được! Chỉ mong theo dõi xe gió, được lạm lên chơi xem một chuyến, chẳng hay thầy có thể giúp cho được không?

- Sự đó cũng không khó. Để ta bấm với đức Đế Quân đem tên họ anh điền vào.

Bèn lấy bút son viết vào cuộn giấy hơn mười chữ, rồi bảo cất bỏ tiệc rượu. Tử Hư được theo thầy lên ngồi ở một bên xe, rồi cỗ xe thẳng đường bay lên. Lên đến trời, Tử Hư thấy một khu có những bức tường bạc bao quanh, cửa lớn khảm trai lộng lẫy, hai bên có những tòa lầu châu điện ngọc, vàng vạc sáng như ban ngày, sông Ngân bến Sao, ôm ấp lấy đằng trước, gió thơm phùng phức, đượm ngát quanh hiên, hơi lạnh thấu da, ánh sáng chói mắt, trông xuống cõi trần, thấy cảnh vật đều bé nhỏ tũn mủn.

Dương Trạm nói:

- Anh có biết đây là đâu không? Tức là cung Bạch Ngọc ở trên trời mà người đời vẫn thường nói đó. Ở chính giữa kia có đám mây hồng che phủ, tức là cung Tử Vi của đức Thượng Đế ngài ngự. Anh nên đứng chờ ta ở ngoài cửa thành để ta vào tâu xin cho anh.

Nói rồi Dương Trạng cầm cuộn giấy đi vào, sau một lúc lâu mới ra. Chợt nghe ở trên thành có tiếng hò vang, nói người đỗ đầu bằng sang năm, đã kén được viên Trạng nguyên họ Phạm rồi.

Dương Trạng bèn dẫn Tử Hư đi chơi thăm khắp các tòa. Trước hết đến một tòa có biển đề ngoài là “Cửa Tích Đức” trong có chừng hơn nghìn người mũ dải hoa huệ, kẻ ngồi người đứng, Tử Hư hỏi thì Dương Trạng nói:

- Đó là những vị tiên thuở sống có lòng yêu thương mọi người, tuy không phải dốc hết tiền của để làm việc bố thí, nhưng biết tùy thời mà chu cấp đã không keo bần, lại không hờn hĩnh. Thượng Đế khen là có nhân, liệt vào thanh phẩm nên họ được ở đây.

Lại đi qua một tòa sở có biển đề ở ngoài là “Cửa Thuận Hạnh”, trong có độ hơn nghìn người, áo mây lọng mưa, kẻ hát người múa. Tử Hư lại hỏi, Dương Trạng nói:

- Đó là những vị tiên thuở sống hiếu thuận, hoặc trong lưu ly biết bao bọc lấy nhau, hoặc đem đất cát mà san sẻ cho nhau, mấy đời ở chung không nở chia rẽ. Thượng Đế khen là có lòng, cho vào cung mây nên họ được ở lại đây.

Lại đến một tòa sở có biển đề là “Cửa Nho Thần” người ở đây đều áo dài, đai rộng, cũng có tới hàng nghìn, trong có hai người mặc áo lụa, đội mũ sa. Dương Trạng chỉ bảo Tử Hư rằng:

- Ấy là ông Tô Hiến Thành triều Lý và ông Chu Văn An triều Trần đó. Ngoài ra là những danh thần đời Hán, đời Đường, không sung vào quan vị hay chức tước

gì cả, chỉ ngày sóc ngày vọng vào tham yết Đế Quân, như những viên tẩn quan đời nay thỉnh thoảng vào châu vua mà thôi. Cứ cách năm trăm năm lại cho giáng sinh, cao thì làm đến khanh tướng, thấp cũng được làm sĩ phu hiệu doãn. Ngoài ra còn đến hơn trăm tòa sở nữa, nhưng trời gần sáng không đi xem khắp được, vội cưỡi gió mà bay xuống trần. Xuống đến cửa Bắc, thấy trăm quan đã lục tục vào triều châu vua.

Tử Hư từ biệt thầy trở về, sang năm đi thi quả đỗ Tiến sĩ. Phàm những việc cát hung họa phúc, nhà Tử Hư thường được thầy về báo cho biết.

LỜI BÌNH: Than ôi, những chuyện huyền hoặc *Tề Hải*, những lời ngụ ngôn *Trang Chu*, người quân tử vốn chẳng nên ham chuộng. Nhưng nếu là chuyện quan hệ đến luân thường, là lời ký ngụ ý khuyên răn, thì chép ra và truyền lại, có hại gì đâu.

Nay như câu chuyện Tử Hư, có thể để khuyên cho những người ăn ở trung hậu với thầy, lại có thể làm răn cho những người ăn ở bạc bẽo với thầy, có quan hệ đến luân thường của người ta lớn lắm. Đến như việc lên chơi Thiên Tào, có hay không có, hà tất phải gạn gùng đến nơi đến chốn làm gì?

QUYỂN 3

1. CHUYỆN YÊU QUÁI Ở XƯƠNG GIANG

(Xương Giang yêu quái lục)

Ở Phong Châu (Bạch Hạc, Phú Thọ) có người họ Hồ tên là Kỳ Vọng. Cuối đời nhà Hồ, Kỳ Vọng đi buôn bán, ngụ ở thành Xương Giang (Yên Dũng, Bắc Ninh) rồi ốm chết ở thành ấy. Người vợ nghèo kiết, không có tiền để đưa ma chôn về quê, phải đem bán con gái nhỏ là Thị Nghi cho nhà phú thương họ Phạm. Người con gái lớn lên có tư sắc, họ Phạm yêu mến rồi cùng nàng tư thông. Vợ Phạm biết việc ấy, bèn mượn cớ khác đánh Thị Nghi đến chết rồi đem chôn ở cạnh làng. Sau đấy mấy tháng, hồn Thị Nghi hưng yêu tác quái, biến huyền ảo về, hoặc nhập vào chị ả buôn tương, hoặc ộp vào cô nàng bán rượu, người có vai vế thì bị đâm sát, người có tiền của thì bị bóc lột, suốt một dải đường mười dặm, người ta đều phải đi trưa về sớm, bảo nhau thấy gái đẹp chớ trêu vào. Sau người làng đó biết là hồn Thị Nghi làm tai làm quái, bèn đào mả vớt xuống sông, từ đấy việc quái nhiều cũng bớt.

Triều Lê sau khi hợp nhất, có một viên quan họ Hoàng người Lạng Giang đi xuống Trường An lĩnh chức, đỗ thuyền ở bên cạnh sông. Bấy giờ trăng tỏ sao thưa, bốn bề im lặng, chợt nghe thấy ở bãi cát phía đông nam, có tiếng khóc ai oán, bèn chèo thuyền đến xem, thấy một người con gái tuổi mười bảy, mười tám mặc áo lụa đỏ, đương ngồi trên nệm cỏ. Hoàng hỏi:

- Đêm khuya như vậy, sao cô khóc, khiến lòng sắt đá cũng phải yếu mềm.

Người con gái khấp nép, lau nước mắt rồi nói:

- Thiếp vốn người ở Phong Châu, cha mẹ làm nghề buôn hàng tẩm. Không may bị quan cường đạo giết người cướp của, cha mẹ thiếp đều hồn chôn bụng cá, xương gửi lòng sông. Còn lại tẩm thân yếu ớt trơ trọi này thoát khỏi miệng hùm lần lên bờ sông, tìm vào nhà dân ở nhờ. Hôm qua, nhân ra bờ sông hái dâu cho bà chủ, chợt đi qua chỗ gặp nạn cũ, bất giác đau xót mà ngồi đây khóc cho đến bây giờ.

Hoàng nói:

- Cô đã bơ vơ trơ trọi, không chỗ tựa nương, nay tôi nhân đi chơi Trường An, nếu cô muốn về Kinh thì tôi cho xuống ngồi nhờ thuyền. Vả từ Kinh về quê cô, thuận gió no buồm cũng chẳng mấy chốc.

Người con gái lại khóc nói:

- Tẩm thân trôi nổi, nào có tiếc gì đâu, chỉ hận một điều là hài cốt cha mẹ chưa vớt lên được để đem về mai táng.

- Nếu nàng muốn thế tôi cũng chẳng quản gì bỏ ra một số tiền, vì nàng thu thập những xương rơi đưa về cố hương, đó cũng là nhân duyên trên đường gặp gỡ.

Người con gái mừng rỡ:

- Nếu vậy thật là lòng trời. Ngài quả giúp cho được như thế, thật là cái ơn cốt nhục sinh tử. Thiếp dù có nát thân báo đền cũng không dám quản.

Hoàng bèn thuê người lặn giỏi lội ngụy xuống đáy sông mò vớt hài cốt rồi chở đem về phương nam. Thỉnh thoảng chàng lấy lời thơ đùa cợt nàng để dò xem ý tứ thế nào, nhưng nàng chống cự lại rất xẵng. Hoàng càng yêu quý và nể sợ.

Khi về đến Kinh, Hoàng không đi lĩnh chức vội, lại ngược lên cửa tuần Bạch Hạc, đem hài cốt táng ở bên sông. Việc xong, một hôm nàng bảo với Hoàng rằng:

- Thiếp cùng chàng vốn chẳng hẹn hò, bỗng nên gặp gỡ. Nhưng trước kia vì cha mẹ chưa được mồ yên mả đẹp, cho nên phải chống lại những sự đùa cợt của chàng. Nay việc đã viên thành, vậy xin được đem mình hầu hạ khăn lược. Vả lại chàng đi làm quan xa, giúp trong thiếu kẻ, vậy thiếp xin đảm nhận công việc tảo tần.

Đã thành vợ chồng, tình ái thấm thiết. Nàng lại cư xử rất hợp lễ, nói năng biết lựa lời, họ hàng bạn bè ai cũng khen ngợi.

Làm quan được một tháng, Hoàng bỗng bị bệnh điên cuồng hoảng hốt, mê lịm đi không còn biết gì. Nàng sớm tối khóc lóc thiết tha không rời một bước. Song Hoàng thuốc không chịu uống, mạch không cho xem, ai đem bùa dầu đến thì Hoàng mắng nhiếc. Các thầy thuốc, thầy cúng đều ngỡ là có ma quỷ, nhưng cũng không biết làm thế nào, chỉ đành nhìn nhau mà thôi. Sau đó có một người khăn cũ giấy rách, ăn mặc lôi thôi đi vào. Mọi người trông thấy cả cười thì người ấy nói:

- Các ông đều là tay hèn cả, ta đây mới chính là bậc thần y, chẳng những chữa được khỏi bệnh mà còn có thể khiến người mọc cánh thành tiên được nữa.

Hỏi đến phương thuật thì biết chữa phong trị khí, thăm đến tay nải thì có trần bì phụ tử. Hoàng bèn cười rồi đưa tay cho xem mạch. Người ấy nói:

- Không hề gì, chỉ có phủ tạng không điều hòa, sinh ra mê hoặc. Nên thuốc thang tiến thực để ăn được nhiều và làm nhiều cỗ bàn lễ thần cúng quỷ sẽ được vô sự.

Bèn lấy thuốc hòa vào một cái chai trắng rồi dốc cho Hoàng uống tất cả. Uống thuốc xong, Hoàng nôn mửa ra rồi nằm thiếp đi. Người con gái cả giận lấy gập đập vỡ cái chai rồi mắng rằng:

- Anh chàng huyền thuật này ở đâu đến đây ly gián vợ chồng ta, chia rẽ nhà cửa ta!

Người ấy lấy một đạo bùa ném ra, người con gái liền theo bùa mà ngã bổ nhào xuống đất, thành ra một đống xương trắng. Người ấy lấy nước nóng thất hương rót vào ngực Hoàng. Một lúc Hoàng tỉnh lại, hỏi những việc trước thì chẳng biết gì cả. Mọi người tranh nhau hỏi duyên cớ, người ấy nói:

- Tôi chợt trông mặt ông này, thấy đây những yêu khí, mà người con gái ấy, chính là gốc rễ tà yêu. Ban đầu tôi phải nói lảng nhảng để nàng coi thường lời tôi, rồi tôi mới có thể trở tài ra được. Nếu không thì vị tất đã cho được ông ấy uống thuốc.

Mọi người đều kính phục.

Bèn sai người đến bến sông Bạch Hạc đào ngôi mộ táng ngày trước lên, chỉ thấy có mấy hòn máu tươi chứ chẳng thấy xương cốt đâu cả. Vừa toan nhặt lấy những hòn máu thoát đã chẳng thấy đâu nữa. Người ấy than rằng:

- Cành lá tuy trừ nhưng gốc rễ còn chưa cắt được. Nếu không có thiên binh thân tướng, trừ khử một cách ráo riết, chỉ e lại mắc vào độc thủ thì rất nguy.

Sau đó hơn một tuần, ban ngày Hoàng đang nằm nghỉ, thấy hai người lính vào bắt đem đi, đến một chỗ chung quanh có tường bao bọc, trong có cung điện trang nghiêm, duy mái hành lang bên tả bị xiêu đổ. Trên điện có một người đầu đội mũ miện quất to lên rằng:

- Diêm Vương có chỉ sai ta tra xét cái án nhà người đó.

Sai tả hữu lấy cho chàng giấy bút, bắt phải cung khai. Hoàng nói:

- Tôi vốn nhà nghèo, may được đăng tên vào sổ sĩ hoạn, xử mình ngay thẳng, làm quan không tham tàn, . tội trạng không rõ, chẳng dám tuân mệnh.

Nói chưa dứt lời, đã thấy người con gái ở với mình
ngày trước từ mái hành lang phía tả đi ra. Hoàng hiểu
ra ngay, liền cầm bút cung rằng:

"Kính nghe:

*Kính Xuân Thu góp sự lạ, tuy đã nói,
thần giáng đều biên.*

*Sách Dã sử nhật điều rơi, phạm vía mai,
tinh đèn cũng chép.*

Há bởi trước đặt bày huyền hoặc.

Cốt muôn người phòng bị tà gian.

*Cho nên Thái Chân⁽¹⁾ đốt sừng tê soi xuống vực
sâu, Thủy thần trách móc.*

*Mã Lượng⁽²⁾ viết bàn tay thò vào cửa sổ, quỷ vật
kêu van.*

Hoặc xua giống quái khiêng giường⁽³⁾.

Hoặc giết con tinh thối lửa⁽⁴⁾.

Ấy kẻ sĩ cương phương bao thuở chẳng sợ tà yêu,

*Hướng tòa đèn hương lửa trăm năm lại dung
xú loại*

Như tôi,

Tính vốn thô sơ, vận may hiển đạt,

Tiêu điều một chức, lạm ăn món bổng thay cày.

Tịch mịch nửa chẵn, riêng nặng nỗi buồn lẻ bạn.

1. Thái Chân: tên tự của Ôn Kiều đời Tấn.

2. Mã Lượng: tức Mã Công Lượng đời Tống.

3. Ngụy Nguyên Trung đời Đường là bậc trưởng giả khoan hậu, khiến bọn yêu quái cũng phải kiêng nể, không dám đùa cợt khiêng giường ngủ của ông.

4. Đời Tam quốc, Quản Lộ một đêm đang ngồi dưới đèn, chợt có một con vật nhỏ, tay cầm mõ lửa kê lên miệng thổi, xuyt nĩa cháy nhà. Lộ sai học trò gươm dao chém đứt đôi lưng, té ra là một con cáo. Từ đấy trong làng không có hỏa tai nữa.

Ai biết dưới trăng gặp gỡ,
Vốn vì kiếp trước nợ nần.
Đem môi son má phấn làm tôi say mê,
Rút nguyên khí chân tình khiến tôi hao tổn.
Nếu không gặp thân y cứu chữa,
Sớm đã về Chín suối vật vờ.
Xuống sông mà rằng không bắt cá, hồ dễ ai tin,
Lấy đức mà làm, sự phạt tội dám xin
thương đoái”.

Tờ cung tiến trình lên, Diêm Vương cả giận nói:
- Không ngờ cái nhãi, mà dám đảo điên, đã làm sự
dâm tà lại còn toan kiện bậy. Vậy nên đem tống giam
vào ngục.

Bèn viết lời phê phán rằng:

“Mảng nghe:

Biến hóa ra vườn hạc sâu cát, đời Chu
từng nghe,
Tinh linh của hoa biểu hồ ly, triều Tấn lại thấy.
Thế vận dẫn xuống,
Ma quái càng nhiều.
Cho nên Đạo gia có phép trừ yêu,
Địa Ngục có bùa triệu quỷ,
Hăm bốn tòa nghiêm mật, công việc chia riêng,
Nghìn vạn giống quỷ yêu, tằm hơi trốn biệt.
Cớ sao loài nhơ nhớp,
Dám dở thói điên cuồng.
Một đời chỉ sống với tà dâm, tham lam đã lắm,
Đến chết vẫn còn toan dối trá, giả mạo sao nhiều.
Cho tội danh có thể trốn qua,
Cho là Minh Phủ không thể trừng phạt.
Cáo họ Nhâm, hổ họ Thôi, lắm trò biến huyền,
Gươm làm cây, dao làm núi, phải giở nhục hình.
Đến như gã Hoàng,

*Cũng là đáng trách, chỉ thiếu bền cứng,
Không biết bắt chước Nhan Thúc Tử chôn từ cô
ở lảng giếng,
Lại đi nối bước Vũ Thù Tự mê mải con yêu
hoa nguyệt.*

*Chẳng tội, gì đó?
Có nhe mà thôi.
Lời ta phán truyền,
Thì hành lập tức”.*

Lại ngoảnh bảo Hoàng rằng:

- Nhà người theo đòi Nho học, đọc sách thánh hiền, trải xem những sự tích xưa nay, há không biết lời răn sắc đẹp, có sao lại đi vào con đường ấy!

Liên cầm bút phê rằng:

“Bỏ nét cương thường, theo đường tà dục, giảm thọ một kỷ”.

Lại sai hai tên lính đưa Hoàng về nhà. Hoàng vươn vai bưng tỉnh, mồ hôi toát ra đầy mình. Sau mấy năm, nhân di việc quan đến Tam Giang, vào nghỉ ở đến Phong Châu, thấy đền đài tường vách, tượng thần và cái hành lang trệt đổ, đúng như trong chiêm bao trông thấy, mới biết chính đạo trước mình bị đòi đến đây. Hoàng vội lên ngựa ruổi mau, không dám ngoảnh lại. Bấy giờ là ngày Đinh Tỵ tháng Tám năm Thiệu Bình thứ 2.

LỜI BÌNH: Than ôi! Dòm vào buồng, kêu trên xà, chẳng đã là quái gỡ ư? Thưa rằng chưa vậy. Con gấu Vũ Uyên, con lợn Bối Khâu chẳng đã làm quái gỡ ư? Thưa rằng chưa vậy. Bối Xương Lê làm bài văn *Nguyên quý*, Khâu Minh giải nghĩa kinh *Xuân thu*, ấy là quái trở nên làm thường. Thế thì câu chuyện Xương Giang chẳng phải là quái. Phương chi xem thấy yêu nữ mê hoặc lòng người,

phải biết răn sợ trước sắc đẹp, xem thấy linh từ xử án, phải biết kính tránh trước thần thiêng. Nghi để truyền nghi, chẳng có gì là quá đáng vậy.

2. CÂU CHUYỆN ĐỐI ĐÁP CỦA NGƯỜI TIÊU PHU NÚI NƯA

(Nưa Sơn tiêu đối lục)

Đất Thanh Hóa phần nhiều là núi, bát ngát bao la đến mấy nghìn dặm. Trong đó có một ngọn núi cao chót vót, tên gọi là núi Nưa⁽¹⁾. Núi có cái động, dài mà hẹp, hiểm trở mà quanh hiu, bụi trần không bén tới, chân người không bước tới. Hàng ngày trong động có người tiêu phu gánh củi đi ra, đem đánh đổi lấy cá và rượu, cốt được no say chứ không lấy một đồng tiền nào. Hễ gặp ông già, trẻ con dưới đồng bằng, lại nói chuyện những việc trồng dâu gai một cách vui vẻ. Ai hỏi họ tên nhà cửa, tiêu phu chỉ cười không trả lời. Mặt trời ngậm núi, lại thủng thỉnh về động. Người đương thời cho là người thuộc hạng Thần Môn, Tiếp Dư⁽²⁾, chứ Thái Hòa⁽³⁾ trở xuống đều không đủ kể.

1. *Núi Nưa*: ở về địa phận xã Cổ Định, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Thần Môn*: người giữ việc mở cổng thành buổi sớm ở đời Xuân thu, đó là một hiền giả lánh đời (*Luận ngữ*); *Tiếp Dư*: họ Lục tên Thông, người đời vua Chiêu Vương nước Sở, giả điên không ra làm quan, người đương thời gọi là Sở Cuồng.

3. *Thái Hòa*: tức Lam Thái Hòa, tương truyền là một Dật sĩ cuối đời Đường, thường mặc bộ quần áo rách, một chân xỏ giày, một chân giẫm đất, đi lang thang ở đường ở chợ, tay cầm thanh gỗ dài

Sau đến năm Khai Đại nhà Hồ, Hán Thương đi săn, chợt gặp ở đường vừa đi vừa hát rằng:

*Núi Nứa đá mọc chênh vênh,
Cây um tùm, nước long lanh khỏi mờ.
Đi về hôm sớm thân thơ,
Mình dư áo lá, cổ thừa chuối hoa.
Non xanh bao bọc quanh nhà,
Ruộng đem sắc biếc xa xa diều hoài.
Ngựa xe vòng lọng thấy ai,
Nước non riêng chiếm, bụi đời khôn vương.
Áo đai đời Tấn gò hoang,
Kiếm cung triều Tống dưới làn cỏ xanh,
Sự đời bao xiết mong manh,
Phong lưu Vương, Tạ, công danh Triệu, Tào⁽¹⁾.
Từ xưa khanh tướng ngôi cao,
Đá mờ rêu phủ đã bao nhiêu rồi,
Sao bằng ta được thanh thoi,
Giấc mai bừng tỉnh mặt trời lưng không.*

Hát xong rồi phát áo đi thẳng, Hán Thương đoán chắc đó là một vị ở ẩn, bèn sai quân hầu là Trương Công đi theo mời lại. Nhưng Trương theo gần đến nơi thì người ấy đã rảo bước vào động, vội gọi cũng không trả lời, chỉ thấy cuỗi mây lách khói, đi thoăn thoắt trong khoảng cành tùng khóm trúc. Biết đó không phải là người thường, bèn rón bước theo sau, rẽ cỏ lấy đường, đi ước chừng hai, ba dặm. Song đường núi gập ghềnh càng vào sâu càng khó đi lắm, rồi trong phút chốc đã không

ba thước, uống rượu say nhè, rồi gõ thanh gổ ấy làm phách mà hát nghêu ngao.

1. *Vương, Tạ*: tức Vương Đạo và Tạ An, những khanh tướng đời nhà Tấn. *Triệu, Tào*: tức Triệu Thố và Tào Bản, những khanh tướng đời nhà Tống.

thấy người ấy đầu cẩu. Ngẩng lên trông, tà dương đã gác đầu núi, cây cỏ đã bắt đầu lơ mơ, bàng hoàng muốn về, nhưng đã không kịp. Bỗng nghe thấy có tiếng gà gáy ở trên một chòm cây trúc. Trương mừng mà rằng:

- Đây đến chỗ có nhà người ở cũng không xa gì.

Chống gậy trèo lên thì thấy có một cái am cỏ, hai bên tả hữu trồng mấy cây kim tiền chen lẫn vào những cây bích đào, hồng hạnh, đều xanh tốt đáng yêu. Trong am đặt một cái giường mây, trên giường để đàn sáo và chiếc gối dựa. Hai bên bức vách đông tây đều trát keo trắng và đề hai bài ca, một bài là “Thích ngủ”, một bài là “Thích cờ”.

BÀI CA THÍCH NGỦ

*Thích gì? Ta thích ngủ thôi,
Vì chưng ngủ được, trong người sỏi sang.
Nhân duyên xe chặt giường màn,
Trúc, mai, rừng, suối muôn vàn cảnh thanh.
Quanh mình bạn đỏ, hầu xanh⁽¹⁾,
Giấc ngon bình tỉnh tâm linh nhẹ vèo.
Bưng tai chuyện thế eo sèo,
Khoanh tay ngất ngưỡng nằm khoèo bên mây.
Lều tranh một túp xinh thay,
Nam Dương nọ kẻ tháng ngày thanh thoi⁽²⁾.
Quán Vân uể oải nằm dài,
Non sông coi nhỏ کیا ai Tống triều⁽³⁾.*

1. *Bạn đỏ*: tên một thứ rượu. *Hầu xanh*: chỉ một thứ gối dựa làm bằng trúc xanh, mùa hạ đặt lên giường để gác chân tay vào cho mát.

2. Gia Cát Lượng trước khi ra giúp Lưu Bị, nằm ngủ khênkh trong túp lều tranh ở đất Nam Dương.

3. Ý chỉ Trần Đoàn, một bậc cao sĩ đời Tống, mấy lần vua vời đều từ chối không ra.

Lầu tây song bắc tiêu diêu,
Khi mai quán rượu, lúc chiều hiên thơ.
Sông Tương người đẹp trong mơ⁽¹⁾,
Châu Hoàng bóng hạc vật vờ cao bay⁽²⁾.
Có khi ngủ tít làng say,
Đất giường, cỏ đệm, hoa vây làm màn.
Uyên Minh ngủ dưới trăng tàn⁽³⁾,
Liêm Khê gối chột tiếng ran quyên gào⁽⁴⁾.
Chê khen ai bảo thế nào,
Đồ lười biếng, bậc thanh cao, mặc lòng.

BÀI CA THÍCH CỜ

Thích gì? Ta thích cờ thôi,
Gió mây biến hóa ai ôi lạ lùng.
Cờ thua, rỗng rảnh khi cùng,
Mà xem lúc thắng hổ hùng dương oai.
Ngựa xe rong ruổi đường dài,
Sang sông một tốt hãm ngoài trùng vi.
Bắc nam hình thế riêng chia,
Tới lui động tĩnh tính suy đủ đường.
Xuân êm khuya tĩnh giấc vàng,
Con cờ đập mạnh hương đàn thoảng bay.

1. Xưa có người bắt được cái gối, đêm nào cũng mơ thấy cùng một mỹ nhân đi chơi trên sông Tương.

2. Đời Tống, Tô Đông Pha khi bị trích xuống Hoàng Châu, mùa thu cùng bạn đi chơi thuyền trên sông Xích Bích, thấy một con hạc bay qua trên thuyền, rồi đêm ngủ trong thuyền chiêm bao gặp một Đạo sĩ mặc tấm áo lông.

3. *Uyên Minh*: tức ông Đào Tiềm đời Tấn, từ quan về ẩn nằm ngủ ở dưới cửa sổ phương Bắc, tự coi mình là người đời Hy Hoàng.

4. Chu Liêm Khê đời Tống có một cái gối, hễ nằm ngủ thì nghe thấy tiếng cuộc kêu, nhân gọi là cái "gối cuộc kêu".

Vườn riêng xum họp bạn bầu,
Châu Hoàng lâu Trúc rượu say nửa vời.
Ngày dài lưu khách ngồi chơi,
Am cao điểm tiếng quân rơi trước bàn.
Tiểu đông gấp ngó bên lan,
Cô hầu quanh viện quét tàn lá rơi.
Giang sơn vật lộn tay đôi,
Công danh quên bằng chuyện đời được thua.
Ngày vui thời khắc êm đềm,
Trăng tà hương lạnh trúc ngơ ngẩn cành.
Thần tiên nhàn nhã vườn quỳnh,
Trường An công tử thích tình vui say.
Trong khi vui nước cờ hay,
Thêm đàn thêm rượu, thêm đầy vách thơ.

Bấy giờ tiểu phu đương ngồi ở cái ghế đá, dạy con chim yểng học nói, bên cạnh có vài cậu trẻ nhỏ ngồi đánh cờ. Thấy Trương đến, tiểu phu kinh ngạc mà rằng:

- Chỗ này quanh vắng, đất thẳm rừng sâu, chim núi kêu ran, muông rừng chạy vẩn, sao ông lại lần mò tới đây như vậy, chẳng cũng khó nhọc lắm ư?

Trương nói:

- Tôi là chức quan Cung phụng của đương triều, vì ngài là bậc cao sĩ, nên tôi được vâng mệnh đến đây tuyên triệu. Hiện có loan giá ở ngoài kia, xin ngài ngoảnh lại một chút.

Tiểu phu cười mà rằng:

- Ta là kẻ ẩn dật trốn đời, ông lão già lánh bụi, gửi tính mệnh ở lều tranh quán cỏ, tìm sinh nhai trong bữa gió, riu trăng, ngày có lối vào làng say, cửa vắng vết chân khách tục, bạn cùng ta là hươu nai tôm cá, quần bên là tuyết nguyệt phong hoa, chỉ biết đông kếp mà hè đơn, nằm mây mà ngủ khối, mức khe mà uống, bới núi mà ăn, chứ có biết gì đâu ở ngoài là triều đại nào, là vua quan nào.

Bèn mời Trương ở lại đó làm mâm thết, cơm thối bằng hạt điều hồ, canh nấu bằng rau cấm đối, lại còn có mấy món rau suối khác nữa. Canh khuya chuyện trò, đều là những lời nghĩa lý đáng nghe cả, nhưng không có một câu nào đả động đến thời sự. Hôm sau, Trương lại mời:

- Những bậc quân tử đời xưa, không phải là không muốn giúp đời hành đạo; khi giấu kín một chỗ, chỉ là còn đợi giá mà thôi. Cho nên tất có bức tiểu tượng đi tìm rồi sau đồng Thương mới thấm nước⁽¹⁾, tất cả cổ hậu xa đi chỗ, rồi sau nội Mục mới thành công⁽²⁾. Nay phu tử lấy tấm thân vàng ngọc ôm một bọc kinh luân, ngoài vòng vinh lợi, vui lấp tiếng tăm trong đám ngư tiều, giấu tài trí trạch, nấu mình chốn rừng suối, vang tiếng đến cửu trùng, đốt nón lá, xé áo tơ, nay chính là đến lúc rồi đó. Dám xin bỏ bờ đập Phó Nham, ném cân câu Vị Thủy, đừng để uống hoài khát vọng của bao kẻ thương sinh.

Tiểu phu nói:

- Kẻ sĩ ai có chí nấy, hà tất phải làm vậy! Cho nên Nghiêm Tử Lăng không đem chức Giám nghị ở Đông Đô đánh đổi khối sông Đồng Thủy, Khương Bá Hoài không đem bức tranh vẽ của Thiên tử làm nhơ non nước Bành Thành. Tài ta tuy kém, so với người xưa chưa bằng được.

1. Vua Cao Tông nhà Thương chiêm bao thấy Thương Đế cho một người giúp rập rất tốt, bèn theo trong mộng về một bức hình, rồi sai người đem bức hình ấy đi tìm, quả nhiên tìm được Phó Duyệt đương đắp bờ đập ở đất Phó Nham, đón về lập làm tướng. Vua có bảo ông Duyệt: "Trời khi nào đại hạn, dùng người làm mưa rào".

2. Vua Văn Vương nhà Chu đi săn, gặ ông Lã Vọng câu cá ở sông Vị Thủy, mời lên chuyến xe sau chở về, tôn làm bậc thầy. Ông Lã Vọng bày đồ bát trện rồi đánh được nhà Ân ở đồng Mục Dã.

Nhưng may lại giàu hơn Kiêm Lâu⁽¹⁾, khỏe hơn Vệ Giới⁽²⁾, no hơn Viên Tinh Mục⁽³⁾, đạt hơn Phụng Thiên⁽⁴⁾, kể thì cũng đã được trời đất ban cho khá nhiều. Nếu lại còn tham cầu những cái ở ngoài phận mình, len lỏi vào đường sĩ tiến, chẳng những xấu hổ với các bậc tiên hiền, lại còn phụ bạc với vườn hạc ở trong núi nữa. Vậy xin ông đi đi đừng nói lời thôi gì nữa.

Trương nói:

- Ngài cho là hiện thời không đủ để cho ngài làm việc được chăng? Nay có đấng Thánh nhân ngự trị, bốn bề đều ngóng trông, người Chiêm dâng đất mà xưng thần, quân Minh nộp lễ để xin lui. Lão Qua, Đại Lý các nước cũng đều tranh nhau quy phục. Hiện chỉ còn thiếu các bậc dật nhân ở rừng núi ra mà giúp rập, khiến cho huân đức của Chúa thượng được sánh cùng các vua Nghiêu, Thuấn ngày xưa. Ngài nếu định trọn đời ẩn lánh, bất chước như Vũ Quang, Quyên Tử, thì cứ như vậy không sao. Nhưng nếu còn hơi để ý đến đám dân kia thì bỏ lỡ dịp này không ra, tôi sợ rằng cùng cỏ cây sẽ mục nát, không bao giờ lại có được dịp gặp gỡ hay này nữa.

Tiểu phu biến sắc nói:

- Như lời ông nói, há chẳng là khoe khoang quá, khiến cho người nghe phải thẹn thùng. Vả, vị vua ngự trị bây giờ, có phải họ Hồ không?

- Chính phải.

1. *Kiểm Lâu*: một bậc cao sĩ nhà nghèo, lúc chết chỉ có một cái áo the kín đầu thì hở chân, che kín chân thì hở đầu.

2. *Vệ Giới*: người đời Tần, dáng vẻ đẹp văn hay, thọ được 27 tuổi thì mất.

3. *Viên Tinh Mục*: một người học trò nghèo, chết đói ở dọc đường.

4. *Tuân Sán* đời Ngụy tên tự là *Phụng Thiên*, có người vợ đẹp. Sau người vợ ốm chết, *Phụng Thiên* cũng chết theo.

- Có phải đã bỏ khu Long Đỗ để về đất An Tôn không⁽¹⁾?
- Phải.

- Ta tuy chân không bước đến thành thị, mình không vào đến cung đình, nhưng vẫn thường được nghe tiếng ông vua bây giờ là người như thế nào. Ông ấy thường đối trá, tính nhiều tham dục, đem hết sức dân để dựng cung Kim Âu, đốc cạn của kho để mở phố Hoa Nhai⁽²⁾, phao phí gấm lụa, vung vãi châu ngọc, dùng vàng như cỏ rác, tiêu tiền như đất bùn, hình ngục có cửa dứt là xong, quan chức có tiền mua là được, kẻ dâng lời ngay thì giết, kẻ nói điều nịnh thì thưởng, lòng dân động lay, nên xảy việc quân sông Đáy⁽³⁾, côi bờ chéch méch, nên đã mất dải đất Cổ Lâu⁽⁴⁾. Vậy mà các kẻ đình thần trên dưới theo hùa, trước sau nối vết. Duy có Nguyễn Bằng Cử⁽⁵⁾ có lượng nhưng chậm chạp, Hoàng Hối Khanh⁽⁶⁾ có học nhưng lờ mờ.

1. *Long Đỗ*: tức thành Thăng Long. *An Tôn*: tên một làng ở huyện Vĩnh Phúc (nay là Vĩnh Lộc), Thanh Hóa, họ Hồ thiên đô từ Thăng Long vào đây.

2. *Kim Âu, Hoa Nhai*: hai làng thuộc huyện Vĩnh Phúc, họ Hồ dựng cung và mở phố ở đây.

3. *Đáy*: đây là sông Tiểu Đáy ở địa hạt Vĩnh Yên. Tháng 8 năm Kiến Tân thứ hai, đời Trần Thiếu Đế, Nguyễn Nhữ Cái nổi lên làm giặc ở đây, có quân đến hơn một vạn, tung hoành khắp mấy huyện. Sau đó Nguyễn Bằng Cử dẹp yên được.

4. Người Minh sai sứ đòi cắt đất, Quý Ly phải cắt khu Cổ Lâu cả thảy 59 thôn để dâng.

5. *Nguyễn Bằng Cử*: người Đông Ngạn, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh, làm quan nhà Trần đến chức Đông lộ Yên phủ sứ.

6. *Hoàng Hối Khanh (1362-1407)*: người Thiệu Yên, Thanh Hóa, Đỗ Thái học sinh đời Trần, cuối nhà Hồ làm quan đến chức Thị Lang.

Lê Cảnh Kỳ⁽¹⁾ giỏi mưu tính nhưng không quyết đoán, Lưu Thúc Kiệm⁽²⁾ quân tử nhưng chưa được là bậc nhân; còn ngoài ra không là đồ tham tiền thì là tuồng nát rượu, không là đồ chỉ lấy yên vui làm thích thì là tuồng lấy thế vị mà khuynh loát nhau, chứ chưa thấy ai biết những kế lạ mưu sâu để lo tính cho dân chúng cả. Nay ta đương nấu vệt ở chốn núi rừng, lo lắng tránh đi chẳng được, há lại còn xấn áo mà lợi vào nữa ư⁽³⁾? Xin ông vui lòng trở về, làm ơn từ chối hộ kẻ cư sĩ này. Ta không thể đem hòn ngọc Côn Sơn⁽⁴⁾ cho nó cùng cháy ở trong ngọn lửa Côn Sơn được.

Trương nói:

- Sự xuất xứ của bậc hiền tài, lại cố chấp đến như thế ư?

Tiểu phu nói:

- Không phải là ta cố chấp. Ta chỉ ghét những kẻ miệng lưỡi bẻo lẻo, đã đâm mình vào trong cái triều đình trọc loạn, lại còn toan kéo người khác để cùng đâm với mình.

Trương im lặng không trả lời, trở về đem hết những lời của tiểu phu tâu lại với chúa. Hán Thương không

1. Lê Cảnh Kỳ: trước làm quan nhà Trần, sau làm quan nhà Hồ chức Hành Khiển.

2. Lưu Thúc Kiệm: người xã Trạm Lộ, huyện Gia Định, nay là xã Trạm Lộ huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Đỗ đầu khoa Thái học sinh cuối Trần.

3. Trương Hoa đời Tấn đón mời Ấn sĩ là Vi Trung, Trung thác bệnh không ra. Người ta hỏi cớ, Trung nói: "ta còn đương là sống rớt ở cái vực sâu kia nó tràn đến ta, há lại còn xấn áo mà lợi nữa ư!"

4. Chữ ở thiên *Thuấn điển* trong *Kinh thư*: "Hỏa viêm Côn cương, ngọc thạch câu phần", nghĩa là: Lửa đốt non Côn, ngọc đá đều cháy.

bằng lòng, nhưng còn muốn đem cỗ xe êm để cố đón ra cho kỳ được, sai Trương lại đi vào lần nữa. Nhưng vào đến nơi thì rêu trùn của hang, gai góc đầy núi, dây leo, càng rậm, đã lấp mất cả lối đi rồi. Chỉ thấy ở trên vách đá có hai câu thơ đề bằng nhựa cây:

Kỳ La⁽¹⁾ cửa bể hồn thơ đứt

Cao Vọng⁽²⁾ đầu non dạ khách buồn.

Ý lời như giọng trào phúng của họ Nguyên, họ Bạch⁽³⁾, thể chữ như lối triện lệ của ông Lưu, ông Tư⁽⁴⁾, nhưng rút lại chẳng hiểu là định nói gì, Hán Thương cả giận, sai đốt cháy núi, núi cháy hết vẫn không thấy gì, chỉ thấy con hạc đen lượn trên không, bay múa. Sau hai Hồ gặp phải tai họa đều đúng như lời thơ.

Người tiều phu ấy, có lẽ là kẻ đắc đạo đấy chăng?

LỜI BÌNH: Than ôi, có cái thần để biết việc sau, có cái trí để giáu việc trước, đó là việc của Thánh nhân. Tiều phu, tuy là bậc hiền, nhưng đâu đã được dự đến việc ấy. Tuy nói việc táng bại của nhà Hồ, đúng như là bói cỏ bói rùa, nhưng chẳng qua là nghiệm với lẽ trời, chúng với lòng người, nói nhiều may ra thì tin, đó là cái lẽ đi như vậy. Kẻ làm vua chúa nên lấy sự chính lòng mình để làm cái gốc chính triều đình, chính trăm quan, chính muôn dân, đừng để cho kẻ xử sĩ phải bàn ra nói vào là tốt hơn cả.

1. Cửa bể Kỳ La ở làng Kỳ La, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Núi Cao Vọng ở làng Bình Lễ, huyện Kỳ Anh.

3. Nguyên, Bạch: tức là Nguyên Chấn, tự Vị Chi và Bạch Cư Dị, tự Lạc Thiên, hai thi sĩ có tiếng đời Đường.

4. Thái tử Lưu nhà Chu chế ra lối chữ đại triện. Thừa tướng Lý Tư nhà Tần chế ra lối chữ tiểu triện.

3. CHUYỆN NGÔI CHÙA HOANG Ở HUYỆN ĐÔNG TRIỀU (Đông Triều phế tự lục)

Đời nhà Trần, tục tin quỷ thần, Thần từ Phật tự chẳng đâu là không có, như chùa Hoàng Giang, chùa Đồng Cổ, chùa Yên Sinh, chùa Yên Tử, chùa Phổ Minh, quán Ngọc Thanh dựng lên nhan nhản khắp nơi, những người cắt tóc làm tăng, làm ni nhiều hầu bằng nửa số dân thường. Nhất là vùng huyện Đông Triều, sự sùng thượng lại càng quá lắm, chùa chiền dựng lên, làng lớn có đến hơn mười nơi, làng nhỏ cũng chừng năm, sáu, bao ngoài bằng rào lũy, tô trong bằng vàng son, phàm người đau ốm, chỉ tin theo ở sự hư vô; gặp các tuần tiết thì đàn tràng cúng vái rất là nhộn nhịp. Thần Phật xem chừng cũng ứng giáng, nên cầu gì được nấy, linh ứng lạ thường.

Bởi vậy người dân càng kính tin, không dám ngạo mạn. Đời vua Giản Định nhà Trần, binh lửa luôn năm, nhiều nơi bị đốt; số chùa chiền còn lại, mười không được một, mà cái số còn lại ấy, cũng mưa bay gió chuyển, đổ ngã xiêu nghiêng, tiêu điều đứng rũ ở giữa áng cỏ hoang bụi rậm. Sau khi quân Ngô lui, dân trở về phục nghiệp. Có viên quan là Văn Tư Lập đến trị huyện ấy, thấy những cảnh hoang tàn, đổ nát, bèn róng rả dân đình các xã, đánh tranh kên nửa mà sửa chữa lại ít nhiều. Ngôi ở huyện ấy được một năm, thấy dân quanh huyện khổ về cái nạn trộm cắp, từ gà lợn ngỗng ngan đến cá trong ao, quả trong vườn, phàm cái gì có thể ăn được đều bị mất hết. Tư Lập than rằng:

- Ta ở vào địa vị một viên ấp tể, không có cái minh để xét ra kẻ gian, cái cứng để chế phục kẻ ác, vì nhân nhu mà hồng việc, chính là cái lỗi tự ta.

Song Tự Lập cho là những đám trộm cắp vật ấy, cũng không đến nỗi là đáng lo ngại lắm, nên chỉ sức cho các thôn dân, đêm đêm phải canh phòng cẩn mật. Trong khoảng một tuần, tuy canh phòng chẳng thấy gì cả, nhưng những việc trộm vật vẫn như trước. Lâu dần càng không thấy chúng kiêng sợ gì, đến nỗi lại vào bếp để khoảng hũ rượu của người ta, vào buồng ghẹo vợ con của người ta, khi mọi người đổ đến vây bắt, thì kẻ gian đã biến đi đằng nào mất, chẳng thấy gì cả. Tự Lập cười mà nói:

- Té ra lâu nay vẫn ngỡ oan cho lũ kẻ trộm, kỳ thực đó là loài ma quỷ hưng yêu tác quái đó mà thôi. Những sự quấy rối bấy nay đều tự vật này cả.

Đó rồi đi mời khắp các thầy phù thủy cao tay, xin bùa yểm trấn. Song càng bùa bèn trừ yểm, sự quấy rầy vẫn tệ hơn trước. Tự Lập cả sợ, họp người dân thôn lại bàn rằng:

- Các người khi trước vẫn thờ Phật rất là kính cẩn, lâu nay vì việc binh hỏa mà đèn hương lễ bái không chăm, cho nên yêu nghiệt hoành hành mà Phật không cứu giúp. Nay sao chẳng đến chùa kêu cầu với Phật, tưởng cũng là một cách quyền nghi, may có thể giúp ích cho mình.

Mọi người bèn đi đốt hương lễ bái ở chùa chiến, khấn rằng:

"Lũ chúng sinh này kính thờ Trời Phật, quy y đã lâu, hết lòng trông cậy ở Phật pháp. Nay ma quỷ nổi lên, quấy nhiễu dân chúng, họa hại cả đến loài lục súc, vậy mà Phật ngồi nhìn im lặng, chẳng cũng từ bi quá lắm ư? Cúi xin mở lượng xót thương, ra uy trừng phạt,

khiến thân, người chẳng lẫn, dân vật đều yên, hết thấy chúng sinh đều được ơn nhiều lắm. Song loạn lạc vừa yên, sinh kế chưa khôi phục được, tác gỗ mảnh gỗi khó lòng xoay sở vào đâu. Đợi khi làm ăn giàu có sẽ lại xức sửa lại chùa chiền đền công đức ấy”.

Đêm hôm ấy, trộm cắp hoành hành lại vẫn dữ hơn trước. Tư Lập chẳng biết làm sao được. Nghe Vương tiên sinh ở huyện Kim Thành là người giỏi bói *Dịch*, bèn đến bói một quẻ xem sao. Vương tiên sinh bói rồi nói rằng:

Cười trên ngựa tốt,

Mặc áo vải sẵn.

Túi da tên thiếc,

Dịch thị người thân

Lại dặn rằng:

- Ông muốn trừ được cái nạn ấy, sáng ngày mai nên do phía tả cửa huyện đi về phương nam, hễ thấy người nào vận mặc như thế, mang xách như vậy, quyết là người ấy có thể trừ hại được, nên cố thỉnh mời, dù từ chối cũng đừng nghe.

Hôm sau, Tư Lập cùng các phụ lão theo đúng lời của Vương tiên sinh để trông ngóng xem, những kẻ đi người lại đầy đường, chẳng thấy ai giống như thế cả. Trời đã xế chiều, ai nấy chán nản sắp muốn về, chợt có một người từ trong núi đi ra, mình mặc áo vải, đeo cung cưỡi ngựa. Mọi người cùng chạy ra phục lạy ở phía trước mặt. Người ấy ngạc nhiên hỏi, mọi người cùng kể rõ bản ý của mình. Người ấy cười mà rằng:

- Các ông sao mà quá tin bói toán đến thế! Tôi từ nhỏ làm nghề săn bắn, nình không rời yên ngựa, tay không rời cung tên. Hôm qua nghe nói ở núi An Phụ có nhiều giống nai béo, thỏ tốt nên nay định đến để săn, nào có biết lập đàn thầy pháp, bắn ma vô hình là công việc thế nào.

Tư Lập nghĩ bụng người này tất là một vị pháp đàn cao tay, vì không muốn nổi tiếng về thuật bùa bèn, sợ bị mang lụy vào thân, nên mới vào nhón nhơ trong chốn núi khe, giấu mình ở thú chơi cung mã, bèn nhất định cố mời kỳ được. Người kia xem chừng không thể từ chối, phải gượng theo lời. Tư Lập mời người ấy về huyện để ở trong nhà quán xá, giường chiếu màn đệm đều rất sang trọng, sẵn sóc kính cẩn như một vị thần minh. Người ấy nghĩ riêng rằng: “Họ tiếp đãi kính cẩn đối với ta như thế này, chỉ vì cho ta có tài trừ quỷ. Nhưng thực thì ta chẳng có tài gì về sự đó, thế mà đi hưởng sự cung cấp của người sao cho đành tâm. Nếu không sớm liệu trốn đi thì sẽ có ngày phải xấu hổ”.

Hôm ấy ước chừng nửa đêm, thừa lúc mọi người đã ngủ say, người ấy bèn rón rén bước ra khỏi huyện lỵ. Khi đến phía tây có cái cầu ván, bấy giờ trời tối lơ mờ, trăng khuya chưa mọc, thấy có mấy người hình thể to lớn, hớn hỏ từ dưới đồng đi lên, người ấy bèn lẩn vào chỗ khuất, ngồi rình để xem họ làm trò gì. Một lát, thấy họ thò tay khoảng xuống một cái ao, rồi bắt cứ vớ được cá lớn cá nhỏ, đều bỏ vào mồm nhai nuốt hết, lại nhìn nhau cười mà nói:

- Những con cá con ngon lắm, nên ăn dè dặt mới thấy thú, há chẳng hơn những thức hương hoa nhạt nhẽo họ thường dâng cúng chúng mình ư? Đáng tiếc là đến bây giờ, chúng mình mới được biết đến những vị ngon ấy.

Một người cười mà nói:

- Chúng mình thật to đầu mà dại, bấy nay bị người đời nó lừa dối; ai lại đem cái oản, một vài lẻ gạo để lấp cái bụng nặng nghìn cân mà đi giữ cửa cho chúng nó bao giờ. Nếu không có những buổi như buổi hôm nay

mà cứ trường chay mãi như trước thì thật là một đời sống uống.

Một người nói:

- Tôi xưa nay vẫn ăn đồ mặn không phải chay tịnh như các ông. Nhưng hiện giờ dân tình nghèo kiệt, chúng nó chả có gì để cúng vái mình. Bụng đói miệng thêm, không biết mùi thịt là cái gì đã trải một thời gian lâu lắm, chẳng khác chi đức Khổng Tử ở nước Tề ba tháng không được đụng đến miếng thịt. Song đêm nay trời rét nước lạnh, khó lòng ở lâu chỗ này được; chỉ bằng lên quách vườn mía mà bắt chước Hồ Đầu tướng quân⁽¹⁾ ngày xưa.

Đoạn rồi họ dắt nhau đi lên, vào vườn mía, nhổ trộm mà tước, mà hít. Người kia đương ngồi núp một chỗ, liền giương cung lấp tên, thành linh bắn ra, tin luôn ngay được hai người. Bọn gian kêu ầm ớ mấy tiếng rồi ồ chạy cả, chừng độ mấy chục bước, đều mờ khuất hết. Song lúc đó còn thấy có mấy tiếng máng nhau:

- Đã bảo ngày giờ không tốt thì đừng nên đi. Không nghe lời ta, bây giờ mới biết. Người kia kêu réo rầm rĩ lên, dân làng quanh đấy giật mình tỉnh dậy, cùng đốt đèn thắp đuốc chia nhau mỗi người đi đuổi một ngả. Họ soi thấy dấu máu vấy trên mặt đất, bèn theo dấu đi về phía tây. Chừng hơn nửa dặm đến một cái chùa hoang, vào thấy hai pho tượng Hộ pháp xiêu vẹo trong chùa, trên lưng mỗi tượng đều có một phát tên cắm vào sâu lắm. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, cho là một sự lạ xưa

1. Đời vua Tấn An đế, Cố Khải Chi làm chức Hồ Đầu tướng quân, người ta gọi là Cố Hồ Đầu. Mỗi khi Cố ăn mía, ăn từ trên ngọn xuống đến gốc. Người ta hỏi thì nói: ăn như thế thì mỗi lúc mới đi đến chỗ thú vị.

nay chưa có bao giờ. Họ liền hãy đổ hai pho tượng. Trong lúc ấy còn nghe thấy có tiếng nói rằng:

- Vãn tưởng kiếm cho no bụng, ai ngờ phải đến nát thân. Nhưng bày ra mưu này là tự lão Thủy thần kia. Hẳn là chủ mưu mà được khỏi nạn, còn chúng ta theo hẳn mà phải chịu vạ, thật cũng đáng phàn nàn lắm.

Đó rồi họ sai người đến miếu Thủy thần, thấy pho tượng thần đắp bằng đất, bỗng biến nét mặt, mặt tái đi như chàm đỏ, mấy cái vảy cá vẫn còn dính lèm nhèm trên mép, bèn lại phá hủy luôn cả pho tượng ấy.

Quan huyện Văn Tư Lập dốc hết hòm rương để trả ơn, người kia chở nặng mà về. Từ đấy yêu tà tuyệt tịch không còn thấy tăm bóng đâu nữa.

LỜI BÌNH: Than ôi! Cái thuyết nhà Phật thật là vô ích mà có hại quá lắm. Nghe lời nói năng thì từ bi, quảng đại, tìm sự ứng báo thì bất gió mơ hồ. Nhân dân kính tin, đến nỗi có người phá sản để cúng cho nhà chùa. Nay xem cái dư nghiệt ở trong một ngôi chùa nát mà còn gồm ghê như thế, huống ngày thường cúng vái sầm uất, phỗng còn tai hại đến đâu. Song những anh quân, hiền tướng, chẳng hạn như Tô Học sĩ⁽¹⁾ đời Tống, Lương Trạng nguyên⁽²⁾ đời Lê, thường muốn trừ bỏ mà vẫn không thể được, thường có nhiều người giúp rập, ước sao có hàng trăm ông Hàn Xương Lê⁽³⁾ ra đời, xúm lại mà đánh, đốt hết sách và chiếm hết nhà mới có thể được.

1. Túc Tô Đông Pha, ông thường chơi thân với nhà sư.

2. Túc Lương Thế Vinh, ông rất sùng đạo Phật.

3. Hàn Dũ đời Đường rất ghét đạo Phật, thường dâng biểu công kích đạo Phật.

4. CHUYỆN NÀNG TÚY TIÊU

(Túy Tiêu truyện)

Dư Nhuận Chi tên là Tào Tân, người đất Kiến Hưng, nổi tiếng hay thơ, nhất là những bài hát, lại càng nức danh ở Kinh kỳ, mỗi bài làm ra, phường hát bội đem tiền đến tặng biếu rất hậu để xin lấy. Nhân thế Dư càng nổi thanh giá ở chốn tao đàn. Cuối đời Thiệu Phong nhà Trần, Dư nhân có việc, vào yết kiến quan Trần soái Lạng Giang là Nguyễn Trung Ngạn⁽¹⁾. Ông Nguyễn thấy Dư đến, lật đặt ra tiếp, đặt tiệc ở Phiếm Bích Đường thiết đãi, gọi mười mấy người con hát ra hát múa ở trước tiệc. Trong bọn con hát có ả Túy Tiêu là người xinh đẹp. Ông Nguyễn đùa bảo Dư rằng:

- Ấy tùy ngài kén chọn trong bọn ấy, hễ bằng lòng ai thì tôi xin tặng cho.

Rồi âm nhạc nổi lên. Nhuận Chi ngâm một bài thơ:

Hoa sen đóa đóa rõ ràng tươi,

Góp mặt nhà tiên lúc nói cười.

Áo lụa say nằm nghe gọi dậy,

Giang Nam một khúc quyền hồn người.

Ông Nguyễn cười bảo Túy Tiêu rằng:

- Thấy đồ để ý nàng đấy.

Nhuận Chi hôm ấy uống rượu rất say, mãi đến đêm khuya mới tỉnh, đã thấy nàng Túy Tiêu ở cạnh, cảm ơn ông Nguyễn không biết chừng nào. Sáng hôm sau Nhuận Chi vào tạ ơn ông Nguyễn để về. Ông Nguyễn bảo:

1. Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370): người làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi (nay là huyện Ân Thi, Hưng Yên), đỗ Tiến sĩ đời Trần.

- Á ấy kể cũng là một người phong lưu, thầy nên khéo yêu thương lấy.

Nhuận Chi bèn đem nàng về Kiến Hưng. Túy Tiêu vốn có khiếu thông tuệ, mỗi khi Sinh đọc sách, nàng cũng học thâm mà thuộc được. Nhuận Chi nhân đem những quyển sách nói về thơ từ mà dạy nàng. Chưa đầy một năm, nàng đã làm được thơ từ ngang với thơ của chàng. Năm Mậu Tuất (1358), nhân gặp khoa thi, Sinh sắm sửa hành trang lên Kinh không nỡ rời nhau, nên đem theo cả nàng cùng đi, cùng trọ tại phố Phường Thái ở cửa sông. Gặp ngày mồng một đầu năm, Túy Tiêu rủ mấy người bạn gái, đến chùa tháp Báo Thiên dâng hương lễ Phật. Bấy giờ có quan Trục quốc họ Thân thăm đi chơi phố, trông thấy Túy Tiêu đẹp, bắt cướp đem về làm của mình. Nhuận Chi làm đơn kiện tận triều đình, nhưng vì họ Thân ưu thế rất lớn, các tòa các sở đều tránh kẻ quyền hào, gác bút không dám xét xử. Nhuận Chi đau buồn lắm, bèn chẳng thiết gì thi cử nữa. Một hôm chàng thung thỉnh đi chơi ngoài phố, gặp đám người cười ngửa đi xem hoa về, tiền hô hậu ủng rất oai vệ, trên đường thì trâm thoa rơi rắc, hồng tía tới bời, sau cùng thấy Túy Tiêu ngồi trên một chiếc kiệu căng rèm lụa hoa, đi qua dưới rặng liễu. Chàng muốn chạy đến than thở, nhưng thấy những người cùng đi với nàng đều là bậc quyền quý, không dám đường đột, chỉ đứng đốai nhìn và ứa hai dòng lệ, không nói được lời nào.

Nhân Túy Tiêu trước có nuôi đôi chim yểng, một hôm chàng chỉ đôi chim mà bảo rằng:

- Chúng mày là loài vật nhỏ, còn được suốt ngày quần quýt với nhau, không phải như ta lạnh lùng chiếc gối. Ước sao chúng mày nhẹ tung đôi cánh, vì ta đưa đến cho nàng một phong thư.

Chim yểng nghe nói, kêu lên và nhảy nhót như đang muốn đi. Chàng bèn viết một phong thư, buộc vào chân nó. Thư rằng:

Kiếp qua dưới liễu hôm nào,
Vội vàng chẳng kịp đưa trao một lời.
Trông ai nước mắt thấm rơi,
Tắc gang bỗng cách đôi nơi mịt mù.
Cửa hầu sâu thăm nghìn trùng,
Sớm hôm khách những riêng lòng ngẩn ngơ.
Tình xưa kể đến bao giờ,
Cảnh sầu mọi mối như tơ rối bời.
Thơ ngâm nhớ bữa tiệc mời,
Giọng ca lạnh lạnh để người như say.
Cung đàn nào đã so dây,
Giai nhân bỗng được trao tay rước về.
Tình sâu chưa kịp dãi dề,
Bắc nam vội đã chia lìa khá thương.
Chim hồng buồn bã kêu sương,
Mây Tần thăm thẳm xa buồng tối mù.
Người nương trướng gấm êm ru,
Người ôm một mảnh chăn cù giá đông.
Ham vui nệm tía màn hồng,
Biết chẳng kẻ chốn thư phòng thương đau.
Mưa tường để vách họa nhau,
Nhạn tan khóc sớm, địch sâu thổi khuya.
Lặng ngời gấp sách ủ ê,
Lòng này cảnh ấy khuây đi được nào.
Côn Nô, Hứa Tuấn⁽¹⁾ nơi nao?
Tìm hương trả bích còn ao ước gì.
Mảnh tiên viết gửi trao đi,
Đau thương kẻ nổi vẩn vì với người.

1. Côn Nô và Hứa Tuấn là hai hiệp khách đã giúp cho những lứa đôi bị chia lìa lại được sum họp.

Con chim yểng bay đi, đến đậu ở màn Túy Tiêu.
Nàng được thư, bèn giở giấy Tiết Đào⁽¹⁾ dập bút Lâm
Xuyên⁽²⁾ viết một bức thư để trả lời. Thư rằng:

*Thiếp xưa con gái nhà nghèo,
Lớn lên ca xướng học theo bạn bấy.
Phong lưu quen thú Hà Tây,
Chưa từng án Mạnh ngang mày⁽³⁾ như ai.
Tiệc hoa một bữa khuyên mời,
Môi manh duyên khéo an bài tự đâu.
Tràng Khanh chưa gảy Phượng cầu⁽⁴⁾,
Mến tài Đỗ Mục bởi câu Hoa đường⁽⁵⁾.
Duyên kim phận cải xe vương,
Những mừng dây sắn được nường bóng tùng.
Thiên Thai một cuộc kỳ phùng⁽⁶⁾,
Thú vui lửa đuộm hương nồng chưa bao.
Chương Đài cảnh liễu nghiêng chao,
Biệt ly mang nặng biết bao oán sầu.*

1. Tiết Đào đời Đường là một danh kỹ ở đất Thục, hay làm những bài thơ ngắn, vì tiếc giấy nên cắt hẹp lại. Từ đấy những tài tử vùng đất Thục lấy thế làm tiện, cũng cắt những tờ giấy nhỏ để viết thơ, gọi là tờ giấy Tiết Đào.

2. Vương Hy Chi đời Tấn là người viết chữ rất tốt, thường làm chức Nội sử ở Lâm Xuyên, cho nên người ta hay nói ngòi bút Lâm Xuyên.

3. Nàng Mạnh Quang đời Hán rất kính trọng chồng là Lương Hồng, mỗi khi dọn cơm cho chồng ăn, nâng cái án lên tận ngang mày.

4. *Tràng Khanh*: là tên tự của Tư Mã Tương Như. Tương Như gảy khúc đàn *Phượng cầu hoàng* mà lấy được nàng Trác Văn Quân.

5. Đời Đường, Đỗ Mục làm chức Ngự sử phân ty ở Lạc Dương, có làm bài thơ *Hoa đường kim nhật ý duyên khai*, được ca kỹ cảm mến.

6. Diển Lưu Thân, Nguyễn Triệu vào núi Thiên Thai, gặp được người tiên.

*Duyên may hóa rủi nhờ đâu,
Ngậm hờn nuốt tủi chịu rầu cho xong.
Bẽ bàng đối khác tư dong,
Tóc xanh biếng chải, môi hồng biếng tô.
Thương xuân vách phấn đèn lu,
Trông gương ngán lệ mơ hồ, ngại soi.
Tiện hồng thư mới tới nơi,
Chia loan càng xót xa đời biệt ly.
Liều Hàn tạm bẻ vịn đi,
Nhưng châu Hợp Phố phải về quận xưa⁽¹⁾.
Nỗi lòng trăm mối tơ vò,
Thư dài đến mấy vẫn chưa hết lời.*

Túy Tiêu từ đó buồn rầu sinh ốm. Quan Tru quốc bảo:

- Chùng nàng hãy còn nhớ anh chàng bán thơ phải không?

Nàng nói:

- Quả có như vậy, tình sâu gắn bó, hờn nặng chia lìa, lời thề chung sống chưa phai, điều hẹn cùng già đã phụ. Nay thì Sở mưa Yên tạnh, liễu héo đào tươi, bần bật xa nhau, hờn ôm thiên cổ. Cho nên người xưa đã coi rẻ giàu sang mà nhớ anh hàng bánh, xem khinh sung sướng mà gieo xuống tầng lầu, thật là phải lắm.

Nói rồi nàng toan lấy chiếc khăn là thắt cổ tự tử. Tru quốc nói dối rằng:

- Ta cũng đang nghĩ về việc đó. Vậy nàng hãy cứ nên bình tĩnh mà bảo dưỡng thân thể, sớm muộn ta sẽ mời chàng họ Dự đến đây, để nàng được nối duyên xưa. Tội gì mà coi rẻ tính mệnh, chết uống thân mình.

1. Miền biển quận Hợp Phố vốn có nhiều ngọc châu. Gặp khi có quan Thái Thú không tốt đến cai trị, ngọc châu biến mất. Thái thú ấy đổi đi nơi khác, ngọc châu lại về.

Nàng nói:

- Quả được như vậy thì thiếp vâng lời tướng công. Nếu không, tính mệnh này chỉ ngày hôm nay là hết.

Trụ quốc bất đắc dĩ phải vời chàng họ Dư đến, đồ dành sẽ trả Túy Tiêu và bảo:

- Ta là quan ngời đến Thượng công, quyền cao lộc hậu, việc khoản đãi khách khứa, mỗi ngày tốn phí đến hàng chuồng thóc. Nay vời thầy đến là do ý tốt chứ không có ý xấu gì cả. Huống đất Trường An này gạo châu củi quế, thầy lấy gì mà tiêu dùng đủ. Vậy nên thầy không ngại thanh tích thì nên cứ ở luôn đây cho đỡ tốn.

Bèn sai dọn một cái buồng nhỏ làm nơi đọc sách cho chàng, hàng ngày sai một ả tiểu hoàn hầu hạ. Mỗi khi có tiệc mời chàng vào dự, Trụ quốc thường lấy lời dụ dàng khoản tiếp. Nhưng về việc Túy Tiêu tuyệt nhiên không nhắc nhở gì đến. Chàng mon men hỏi tới, Trụ quốc gạt đi mà rằng:

- Mối tình thương yêu ai mà chẳng thế. Tưởng nàng nhớ thầy, cũng chẳng khác gì thầy nhớ nàng. Nhưng vì ít lâu nay nàng khó ở, nên chưa thể ra cùng thầy tương kiến được. Thầy hãy thông thả, đi đâu mà vội.

Túy Tiêu nghe chàng đã đến, cũng muốn được gặp, nhưng trong nhà, nàng hầu vợ lẽ nhiều lắm, vả coi giữ nghiêm ngặt, nên không có dịp nào tìm đến chàng được. Một hôm nhân buổi chiều sớm chưa tan, thừa lúc những nàng hầu vợ lẽ đi ngủ, nàng lén đến thư phòng của chàng. Phải lúc chàng chạy đâu đi vắng, nàng thấy trên vách có đề hai bài thơ:

I

*Trước thêm giấy rách giã trên rêu,
Cửa khép phòng vẫn lạnh hắt hiu.
Bản bật chim xanh tin chẳng lại,
Sầu không vắng vẻ, bóng trời chiều.*

II

*Cung trăng lạnh lẽo khóa mây ngài,
Tiền tử bao giờ lại tái lai?
Thương nhớ thiếu đâu câu thăm thía,
Ngại đem chữ nghĩa khóc thương hoài.*

Nàng toan họa hai bản thơ ấy, nhưng đã nghe thấy tiếng ngọc kha về đến cổng rồi, thành ra không thể họa và đề được nữa.

Lại một hôm, nàng sai con hầu thân tín của mình là Kiều Oanh đến phòng chàng xin ngủ, chàng đuổi ra thì Kiều Oanh nói:

- Túy Tiêu nương tử sai tôi như vậy. Nương tử nghĩ lang quân một mình buồn tẻ, nên sai tôi đến hầu hạ chăn gối, cũng như nương tử ở bên mình lang quân.

Chàng bằng lòng. Từ đây tin tức mới thông mà tình khuê môn mới đến nhau được.

Bấy giờ sắp đến ngày trừ tịch, Sinh nhân lúc tiện, bảo với Trụ quốc rằng:

- Tôi vì một mối ân tình mà vào đây làm người khách trọ, song non Vu gang tắc, tin tức chẳng thông, ngày tháng lẫn lữa, năm lại gần hết. Cái việc trả châu chẳng dám lại nói đến nữa. Chỉ xin được ở trước rèm một lần gặp mặt, trò chuyện với nhau một lát để rồi chia tay.

Trụ quốc bằng lòng mà nói:

- Chỉ vài khắc nữa là đêm tốt lành, ta sẽ làm cái việc Xương Lê thả nàng Liễu Chi, Nghi Thành buông nàng Cẩm Khách, quyết không ngăn tâm sự ham muốn của các người để thỏa cái vui tai mắt của mình. Nhà thầy hãy nán đợi chớ lo chậm muộn.

Chàng vâng dạ lui ra.

Đến đêm đã hẹn, chàng đốt đèn không ngủ ngồi chờ. Chừng một trống canh, bỗng nghe thấy tiếng giày lẹp kẹp ở bên khóm trúc, mở cửa ra đón thì té ra con hầu áo xanh. Chàng hỏi nó đến làm gì thì té ra nó đem nước chè đến. Một lúc lại thấy ở trước hoa có tiếng sột soạt, xốc áo ra xem, lại thấy một người đầy tớ trai. Chờ mãi đến quá nửa đêm, vẫn bật tin hơi, rất thất vọng. Ngày hôm sau, chàng bảo với Kiều Oanh rằng:

- Nhờ em nói hộ với Túy Tiêu: ta nặng mối tình riêng, tin lời nói dối. Ai lại đến đòi gặp mặt nói chuyện một lần cũng không được, vậy mà lại mong người ta mở cửa để thả cho nàng ra thì có đời nào! Nếu ta cứ ở mãi đây, vạn nhất lòng ghen nổi dậy, kể độc buông ra thì ta là thất cơ mà họ là đắc kế. Về đi thôi! Về đi thôi! Sao nên vì cố muốn tìm ngọc châu mà lại đến nằm ở trước hèm con ly long bao giờ.

Túy Tiêu lại sai Kiều Oanh đến bảo chàng:

- Thiếp sở dĩ nấn ná ở đây, chưa được chết như nàng Lục Châu, là chỉ vì còn có chàng. Nay chàng định về phỏng có ước hẹn với nhau điều gì không? Thiếp nghe lệ cũ bản triều, đêm hôm mồng một Tết, có đốt cây bông ở ngoài bờ sông, người trong Kinh thành đều kéo ra xem đông nghịt. Nếu chàng chưa nỡ rẽ bỏ thì đêm ấy xin chờ đợi nhau. Loan chia phượng hợp, chỉ ở chuyện này. Thiếp hãy xin hoãn để chờ.

Ý Nhuận Chi bèn quyết. Trụ quốc thấy chàng xin đi, lấy làm dễ chịu, tặng cho rất nhiều tiền bạc, tơ lụa không tiếc tí gì. Sinh chờ nặng một chuyến mà về. Dọc đường gặp người đầy tớ già bảo Sinh rằng:

- Cậu có sự lo buồn gì chăng? Sao người gầy vồ đi khác hẳn ngày trước.

Nhuận Chi nói duyên cớ và kể lời hẹn của Túy Tiêu. Người đầy tớ già nói:

- Việc ấy dễ lắm, tôi xin hết sức giúp cậu.

Đến ngày mồng một, thầy trò cùng ra bến Đông, quả thấy Túy Tiêu đứng xem ở trên bến. Người đầy tớ bèn đi lên vào rút dùi sắt trong tay áo ra, nện bừa vào đám người theo hầu, khiến bọn phu kiệu, phu dùi đều chạy tan hết, rồi cướp lấy Túy Tiêu đem đi. Hai người trông thấy nhau, nửa phần thương xót, nửa phần mừng vui, nhưng còn sợ Trụ quốc biết đuổi theo bắt lại. Túy Tiêu nói:

- Hắn chỉ là đồ yếu hèn mà làm đến bậc Vệ, Hoắc⁽¹⁾ kêu xin chạy chọt, lúc nào ở cửa cũng rộn rập những người ra vào, vàng bạc châu báu trong nhà, chồng chất đầy rẫy. Trừ ra gặp phải hỏa tai, của cải trong nhà ấy không biết cách nào mà tiêu mòn đi được. Nhưng tội ác chứa đầy, thế tất cũng chẳng được lâu. Có điều bây giờ họ còn đương thịnh, uy thế ấy cũng rất đáng sợ. Chi bằng ta ẩn hình nấu vết, về trốn lánh ở chỗ nhà quê, khỏi bày ra tai mắt mọi người để tránh cái vạ nguy hiểm.

Chàng cho là phải, bèn bí mật đưa nhau xuống hạt Thiên Trường, ở nhà một người bạn họ Hà. Năm Đại Trị thứ 7, Trụ quốc vì có xa xỉ mà phải tội, chàng về Kinh sư thi đỗ Tiến sĩ, vợ chồng ăn ở với nhau đến già.

LỜI BÌNH: Than ôi! Người con trai bất trung, ông vua trung thường xấu hổ về bề tôi ấy. Người con gái bất chính, kẻ sĩ trung thường xấu hổ về người vợ ấy. Túy Tiêu là một ả ca xướng, chẳng là người chính chuyên, không hiểu Nhuận Chi ham luyện về cái gì? Vì nàng hiền chẳng? Nhưng hết là vợ họ Trương lại là hầu họ Lý? Vì nàng đẹp chẳng? Thì hết làm mê Hạ Sái lại làm

1. Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh là hai viên danh tướng đời Hán.

hoặc Dương Thành⁽¹⁾. Vậy mà lại khinh thường sự đi sự đến, nhả nhục tới ở với người, sờ đầu cọp, vuốt râu hùm, suýt nữa thì không thoát miệng cọp. Như chàng Nhuận Chi, thật là người ngu vậy.

5. CHUYỆN BỮA TIỆC ĐÊM Ở ĐÀ GIANG

(Đà Giang dạ ẩm ký)

Năm Bính Dần (1386), vua Trần Phế Đế đi săn, đỗ lại trên bờ bắc sông Đà, đêm mở bữa tiệc ở trong trướng. Có một con cáo từ dưới chân núi đi về phía nam, gặp một con vượn già, nhân bảo:

- Vua tôi Xương Phù⁽²⁾ vào rừng săn bắn, để ý vào bọn ta lắm đó. Tính mệnh các loài chim muông, thật là treo ở sợi dây cung. Nếu tuyết chưa xuống, gió chầm về, mình sẽ nguy mất. Tôi định đến kiếm một lời nói để ngăn cản, bác có vui lòng đi với tôi không?

Vượn già nói:

- Nếu bác có thể đem lời nói mà giải vây được, đó thật là một việc hay. Nhưng chỉ e nói năng vô hiệu, họ lại sinh nghi, trốn sao khỏi cái nạn thành cháy vạ lây, há chẳng nghe câu chuyện hoa biểu hồ tinh ngày trước.

Con cáo nói:

- Những người theo nhà vua đi săn, phần nhiều là võ nhân, bụng không bác vật như Trương Hoa⁽³⁾, mất

1. *Dương Thành, Hạ Sái*: là tên hai huyện thuộc đất nước Sở đời Xuân thu, là nơi các quý công tử được phong đến đấy.

2. Niên hiệu của vua Trần Phế Đế, tức Đế Nghiễn.

3. *Trương Hoa*: người đất Phương Thành đời nhà Tấn học nhiều xem rộng, cái gì cũng biết, có làm ra sách *Bác vật chí*. Người đời bấy giờ ví Hoa như Tử Sản nước Trịnh đời xưa.

không cao kiến như Ôn Kiệu⁽¹⁾, vậy chắc không việc gì mà sợ.

Bèn cùng nhau hóa làm hai người đàn ông mà đi, một người xưng là Tú tài họ Viên⁽²⁾, một người xưng là xử sĩ họ Hồ⁽³⁾ đương đêm đến gõ cửa hành cung, nhờ kẻ nội thị chuyển đệ lời tâu vào rằng:

- Tôi nghe thánh nhân trị vì, càn khôn trong sáng, minh vương sửa đức, chim muông hòa vui. Nay chúa thượng đương kỳ thái hanh, làm chủ dân vật, tướng nên mở lưới vơ hiền, giảng chài vét sĩ, đương gọi thì quán mái tóc, lên xe thì dành bên tả⁽⁴⁾, đem xe bổ ngựa tứ sẵn những người hiền trong chốn quê lậu, lấy lễ hậu lời khiêm đón những kẻ sĩ trong đám ẩn dật, khiến trong triều nhiều bậc lương tá để ban ân trạch cho sinh dân, đưa tất cả cuộc đời vào cõi nhân thọ. Có sao lại đi sẵn gấu bắt thỏ, tranh cả công việc của chức Sơn ngu như vậy!

Bấy giờ vua say rượu đương muốn đi nằm, sai Thủ tướng Quý Ly mời hai người vào tiếp đãi ở phía dưới thêm khách, và hiểu bảo cho biết sẵn sẵn là phép tắc đời xưa, sao lại nên bỏ. Hồ nói:

1. *Ôn Kiệu*: người đời Tấn. Khi đi qua bến Ngưu Chủ là chỗ nước sâu không thể lường được, và người ta vẫn đồn ở đấy có nhiều quái vật, Kiệu bèn đốt sừng tê để soi. Một lát thấy các thủy tộc hiện ra những kỳ hình dị dạng, hoặc đi xe, cưỡi ngựa, hoặc mặc áo đỏ. Đêm ấy mộng thấy người đến bảo: Chúng tôi với ông u minh khác nẻo, việc gì mà ông lại đi soi chúng tôi.

2. *Viên*: là họ Viên, đồng âm với "viên" là vườn.

3. *Hồ*: là họ Hồ, đồng âm với "hồ" là cáo.

4. Chu Công đương gọi đầu, quán tóc lại để tiếp người hiền. Ngụy công tử đi xe, dành sẵn bên phía tả để đón bậc hiền sĩ Hưu Doanh.

- Đời xưa đuổi loài tê tượng là để trừ hại, mà mở cuộc sưu miêu⁽¹⁾ là để giăng võ. Chuyện đi săn ở Vị Dương là vì một ông già không phải gấu cũng không hùm⁽²⁾. Vì sợ phô trương quân lính mới có cuộc săn ở Vu Nhâm⁽³⁾. Vì sự phô phang cầm thú mới có cuộc bắn ở Trường Dương⁽⁴⁾. Nay thì không thế, đương mùa hạ mà giở những công việc khổ dân không phải thời; giẫm trên lúa để thỏa cái ham thích săn bắn không phải chỗ; quanh đầm mà vây, bọc núi mà đốt, không phải lẽ; ngại sao không tâu với thánh minh, tạm quay xe giá, để khiến người và vật đều được bình yên?

Quý Ly nói:

- Không nên.

Hồ nói:

- Đó là tôi thương những giống chim hèn muông yếu và xin nài cho chúng. Chứ còn những giống tinh khôn lanh lẹn thì tự nhiên chúng biết xa chạy cao bay đằng nam núi Nam, đằng bắc núi Bắc, há chịu trần trần một phận áp cây dâu!

Quý Ly nói:

- Nhà vua đi chuyến này, không phải vì ham chim muông, chỉ vì nghe ở đây có giống hồ tinh nghìn tuổi, nên ngài muốn đại cử đến để tiêu trừ, khiến loài yêu gian không thể giở trò xằng bậy được, có thế thôi.

Viên đưa mắt cho Hồ rồi mỉm cười, Quý Ly hỏi có, Hồ chột đáp:

1. *Sưu miêu*: đời xưa, cuộc săn mùa xuân gọi là “sưu”, cuộc săn mùa thu gọi là “miêu”.

2. Vua Văn Vương nhà Chu đi săn để đón ông già Lã Vọng.

3. Chuyện vua Lỗ Chiêu Công.

4. Chuyện vua Hán Bình Đế.

- Hiện giờ sài lang đầy đường lấp lối, sao lại lo đi hỏi đến giống hồ ly?

Quý Ly nói:

- Ngài nói vậy là ý thế nào?

Hồ nói:

- Hiện nay thánh hóa chưa khắp, bờ cõi chưa yên. Bồng Nga⁽¹⁾ là con chó dại cắn càn ở Nam Phương, Lý Anh⁽²⁾ là con hổ đói gặm thét ở tây bắc. Ngô Bệ⁽³⁾ nông cuồng tuy đã tắt, Đường Lang⁽⁴⁾ lăm lét vẫn còn kia, sao không giương cái cung thánh nhân, tuốt lưỡi gươm thiên tử, lấy nhân làm yên khẩu, lấy nghĩa làm chèo lái, lấy hào kiệt làm nanh vuốt, lấy trung tín làm giáp trụ, cẩn thận lồng cũi để giá ngự những tướng khó trị, sửa chuốt cung tên để dọa nạt những nước bất phục, tóm bắt giặc già, đóng cũi giải về, khiến cho gần xa quang sạch. Có sao bỏ những việc ấy không làm, lại đi lẩn quẩn ở công việc săn bắn, dù được chim muông như núi, chúng tôi cũng lấy làm không phục.

Quý Ly nghe lời, hai người mừng thầm nói:

- Thế là mưu kế có kết quả rồi.

1. Chế Bồng Nga, vua Chiêm Thành, hồi ấy thường vào quấy nhiễu nước ta.

2. Thuở ấy vua Minh sai chức Xá nhân là Lý Anh xuống Vân Nam đòi mượn đường đi sang Chiêm Thành, yêu sách những voi ngựa lương thảo, bắt ta phải cung đón.

3. Đời vua Trần Dụ Tông, người làng Trà Hương là Ngô Bệ họp đảng làm loạn, giữ núi Yên Phụ, dựng cây cờ lớn ở trên núi, tiến vị xưng vương.

4. Đời Trần Phế Đế, người lộ Bắc Giang là Nguyễn Bô, xưng là Đường Lang Tử Y, dùng pháp thuật tiếm hiệu xưng vương làm loạn, rồi sau bị giết.

Nhân nâng chén rượu đầy lên uống rồi nói bàn vánh vách, trôi như nước suối, không bị đuổi một tý gì cả. Quý Ly nói:

- Ta từng tranh luận với người Trung Hoa, người Chiêm, chưa hề chịu khuyết lý bao giờ, thế mà nay phải lúng túng với các gã này. Các gã nếu chẳng phải là yêu núi ma rừng thì sao được sắc nhọn như vậy!

Hai người giận mà nói:

- Ông là Thủ tướng, đáng lẽ nên tiến dẫn nhân vật để làm đồ dùng cho quốc gia, cơ sao lại ghen người hiền, ghét người tài, há phải là cái nghĩa ở trong *Kinh thư* đã nói: “Kẻ khác có tài, coi như ta có”.

Quý Ly đổi nét mặt để xin lỗi và an ủi rằng:

- Tôi nghĩ đường đời bây giờ, hiếm có các hạng người như là các ông. Sao các ông không đốt bỏ tôi nỏn, từ giã cá tôm, rước mình con rồng ở Nam Dương, đuổi vó ngựa ký của Bàng Thống, lập công với Dương thế, để tiếng về đời sau. Cơ chi lại đi nằm chết khô ở hang núi, còn ai người biết đến nữa.

Hai người cười rằng:

- Chúng tôi nương mình bên cạnh khói, nấu vết chôn hàng mây, ngủ thì lấy cỏ làm đệm êm, khát thì lấy nước suối làm rượu ngọt, vương chân có hoa lá, kết bạn có hươu nai, chỉ biết ăn bách nhai từng, ngâm trắng vịnh gió, ngô hầu mới khỏi vướng lưới trần. Ai hơi đâu mà đi lo giúp việc đời dù chỉ nhỏ một sợi lông.

Nhân lại nói:

- Chúng tôi vốn là những người phóng dăng, không chịu ở trong vòng ràng buộc. Trước vẫn hay thơ, thường ngâm vang cả hang núi. Đêm nay bồi tiệc, há lại không có bài nào để kỷ thực ư?

Hồ bèn ngâm rằng:

*Khe trong suối biếc nước non lành,
Đường thế chỉ màng đến lợi danh.
Hang đá dễ nương mình phóng khoáng,
Vòng trần khôn đặt bước chông chênh.
Bóng tà giấc tỉnh tro hình núi,
Băng lạnh đêm tàn cạn trống canh.
Mây khói rồi đây không dấu vết,
Đôi mình buộc chặt nghĩa non xanh.*

Viên cũng ngâm rằng:

*Ngành suối muôn khe có lối thông,
Mặc dầu tha thẩn bước tây đông.
Tung tăng lúc giỡn cơn mưa núi,
Đứng đỉnh khi chờ ngọn gió sông.
Tiếng bật bờ Tương gào bóng xế⁽¹⁾,
Lệ tràn đất Sở khóc dây cung⁽²⁾.
Tôi lên rừng, bác vào hang núi,
Tìm chốn yên thân cũng một lòng.*

Ngâm xong từ biệt ra đi. Quý Ly mật sai người rón rén theo sau, khi gần đến lưng chừng núi, thấy cả hai hóa làm con cáo và con vượn mà đi biến mất.

1. Thơ vịnh loài vượn có câu: “Đề thời mặc cận Tiêu Vương ngạn, Minh nguyệt cô chu hữu lữ nhân”, nghĩa là: “Lúc kêu gần bờ sông Tiêu Tương. Vì trong chiếc thuyền chờ dưới bóng trăng trong có người lữ khách”, ý nói nếu kêu để người lữ khách nghe tiếng, sẽ gọi cho người ấy nổi buồn cố quốc tha hương.

2. Sân triều nước Sở có con vượn trắng rất thiêng, người giỏi bắn đến đâu cũng không bắn trúng được. Vua Trang Vương sai nhà thiện xạ là Dưỡng Do Cơ vừa xách cung mang tên ra, chưa bắn mà vượn đã ôm cây khóc, lúc bắn vượn liền theo ngay mũi tên mà sa xuống.

LỜI BÌNH: Than ôi! Trời đất sinh ra mọi loài riêng hậu đối với loài người, cho nên người ta là giống khôn thiêng hơn muôn vật. Tuy phượng hoàng là giống chim thiêng, kỳ lân là giống thú nhân, cũng chỉ là loài vật mà thôi. Cuộc nghị luận ở Đà Giang, có sao loài người mà lại phải chịu thua loài vật? Cái đó là vì có duyên cớ. Bởi Quý Ly tâm thuật không chính, cho nên giống yêu quái ở trong loài vật mới có thể đùa cợt đến như vậy. Chứ nếu chính trực như Ngự Nguyên Trung⁽¹⁾, hết lòng như Trương Mậu Tiên thì chúng đã nghe giảng, giữ lửa không rồi, đâu có dám tranh biện gì nữa. Chao ôi! Nước sông Thương Lương, trong thì để rửa mũ, đục thì để rửa chân, đều do tự mình cả đó thôi.

1. Ngự Nguyên Trung là người thẳng thắn, thuở nhỏ nhà nghèo, chỉ nuôi một đứa ỏ gái. Một hôm đứa ỏ đương thổi cơm bỏ chạy đi múc nước, về thấy con vườn già đẩy bếp giữ lửa hộ. Con tinh vườn quý trọng Ngự Nguyên Trung như vậy.

QUYỂN 4

1. CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

(Nam Xương nữ tử truyện)

Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương. Người đã thùy mị, nét na, lại thêm có tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương Sinh, mến vì dung hạnh, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính hay ghen, đối với vợ phòng ngừa thái quá. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa. Cuộc đoàn viên chưa được mấy lâu thì nhà nước có việc đi đánh Chiêm Thành, bắt đến nhiều lính tráng. Trương tuy là con nhà dòng, nhưng không có học, tên đã ghi trong sổ khai tráng phải ra sung binh loạt đầu. Lúc chàng ra đi, bà mẹ có dặn rằng:

- Nay con phải tạm ra tòng quân, xa lìa dưới gối. Tuy là hội công danh từ xưa ít gặp, nhưng trong chỗ binh cách, phải biết giữ mình, đừng nên tham miếng mồi thơm, để lỡ mắc vào lưới cá, quan cao tước lớn, nhường để người ta. Có như thế thì mẹ ở nhà mới đỡ lo lắng vì con được.

Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng thì quỳ rót chén rượu đầy tiễn chồng rằng:

- Lang quân đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn hầu, trở về quê cũ, chỉ xin ngày về, mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi, chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Ngày tháng lữa lẩn, tin hơi xa cách:

*Gió tây nổi khôn đường hồng tiễn,
Xót côi ngoài tuyết quyến mưa sa.
Màn mưa trướng tuyết xông pha,
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra côi ngoài.
Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,
Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bé...*

Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ.

Rồi đó chén đưa vừa cạn, vó ngựa thẳng bon:

Bóng cò tiếng trống xa xa,

Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.

Bấy giờ nàng đã đương có thai, sau khi tương biệt được mười ngày thì sinh ra được một đứa con trai, đặt tên là thằng Dần.

Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm bay vườn thúy, mây ám non Tần, nỗi buồn hải giốc thiên nhai, lại không thể nào ngăn được. Bà mẹ cũng vì nhớ con mà dần sinh ốm. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái, và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn. Song bệnh thế mỗi ngày một trầm trọng hơn, bà mẹ trôi lại với nàng rằng:

- Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. Mẹ không phải không muốn đợi chồng con về, cùng vui sum họp. Song tuổi thọ có chừng, số trời khó tránh. Dầu khan bác hết, số tận mệnh cùng. Một tấm thân tàn, nguy trong sớm tối, không khỏi phải phiền đến con. Chồng con xa xôi, mẹ chết lúc nào, không thể kịp về đến báo được. Sau này trời giúp người lành, ban cho phúc trạch, giống dòng tốt tươi, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng nỡ phụ mẹ.

Bà cụ nói xong rồi thì mất. Nàng hết lời thương xót, phàn việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ sinh ra.

Qua sang năm sau, giặc Chiêm chịu trời, quân nước kéo về. Trương Sinh tới nhà thì mẹ đã từ trần, con vừa học nói. Chàng hỏi mỗ mẹ rồi bế đứa con nhỏ đi thăm. Ra đến đồng thì đứa con nhỏ quấy khóc. Sinh dỗ dành:

- Con nín đi, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.

Đứa con thơ ngây nói:

- Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thìn thít.

Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nói:

- Khi ông chưa về đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cùng đi, mẹ Đản ngồi cùng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.

Tính chàng hay ghen, nghe đứa con nói vậy, tin chắc định ninh là vợ hư, không còn có cách gì tháo cỏi ra được.

Về đến nhà, mắng vợ một bữa cho hả giận. Nàng khóc mà rằng:

- Thiếp vốn nhà nghèo, được vào cửa tía. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm, giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguội lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót. Đâu có sự mất hết hư thân như lời chàng nói. Dám xin trần bạch để cỗi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.

Chàng vẫn không tin. Nhưng nàng hỏi chuyện kia từ ai nói ra thì giấu không kể lời con nói, chỉ thường thường mắng mỏ nhiếc móc và đánh đuổi đi. Họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho nàng, cũng chẳng ăn thua gì cả. Nàng bất đắc dĩ nói:

- Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Đâu ngờ ân tình tựa lá, gièm báng nên non. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió, khóc tuyết buồn hoa

gãy cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thấm ruộng xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa.

Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang⁽¹⁾, ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Kể bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỹ Nương⁽²⁾, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mỹ⁽³⁾. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, cam chịu hết mọi điều phỉ nhổ.

Nói xong gieo mình xuống sông mà chết. Chàng tuy giận là thất tiết, nhưng thấy nàng tự tận, cũng động lòng thương, tìm vớt thấy nàng nhưng chẳng thấy tâm hơi đâu cả. Một đêm phòng không vắng vẻ, chàng ngồi dưới ngọn đèn khuya, chợt đứa con nói rằng:

- Ô! Cha Đản lại đến rồi!

Chàng hỏi đâu. Nó trở bóng chàng ở trên vách:

- Đây này!

Thì ra khi chàng đi vắng, nàng thường đùa trở bóng mình mà bảo là cha Đản. Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ ra nỗi oan của vợ, nhưng chẳng làm gì được nữa.

Cùng làng với nàng, có người tên là Phan Lang khi trước làm đầu mục bến đò Hoàng Giang, một đêm

1. Bến Hoàng Giang: nay thuộc huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

2. Mỹ Nương là vợ Trọng Thủy, con gái vua Thục An Dương Vương vì lòng ngay mà phải thác oan, hóa thành ngọc trai dưới bể.

3. Ngu Mỹ là vợ Sở vương Hạng Võ. Khi Hạng Võ thế cùng chạy đến Cai Hạ, nàng rút gươm ra tự vẫn. Tương truyền rằng hương hồn của nàng không tan, hóa thành hai khóm cỏ trên mộ, ngày đêm cứ quấn quýt bên nhau, người ta gọi là cỏ “Ngu Mỹ Nhân”.

chiêm bao thấy người con gái áo xanh, đến kêu xin tha mạng. Sáng dậy, Phan thấy có người phường chài đem vào biểu một con rùa mai xanh, sức nghĩ đến chuyện mộng, nhân đem phóng sinh con rùa ấy. Cuối đời Khai Đại nhà Hồ, quân Minh mượn tiếng đưa Trần Thiêm Bình về nước, phạm vào cửa ải Chi Lăng (Lạng Sơn), nhân dân trong nước nhiều người sợ hãi phải chạy trốn ra ngoài bể không may đắm thuyền đều chết đuối cả. Thấy Phan Lang dạt vào một cái động rùa ở hải đảo, bà Linh Phi trông thấy nói rằng:

- Đây là vị ân nhân cứu sống cho ta xưa đây. Linh Phi bèn lấy khăn gấm mà lau, lấy thuốc thần mà đổ, một chốc Phan Lang liền tỉnh lại. Phan trông thấy cung gấm dài dáo, nguy nga lộng lẫy không biết là mình đã lạc vào trong Thủy Tinh Cung. Linh Phi bấy giờ mặc tấm áo cẩm vân dát ngọc, đi đôi giày tảo đà nạm vàng, cười bảo Phan rằng:

- Tôi là Linh Phi trong Quy Động, phu nhân của Nam Hải Long Vương. Nhớ hồi còn nhỏ đi chơi ở bên sông, bị người phường chài bắt được, ngẫu nhiên báo mộng, quả được nhờ ơn. Gặp gỡ ngày nay, há chẳng phải lòng trời có ý cho tôi một dịp đền ơn báo nghĩa!

Phi bèn đặt yến ở gác Triều Dương để thết đãi Phan Lang, dự tiệc còn có vô số những mỹ nhân bận quần áo nhẹ và búi tóc xề. Trong số có một người, mặt chỉ hơi điểm qua một chút son phấn trông rất giống với Vũ Nương. Phan thường nhìn trộm luôn, nhưng không dám nhận. Tiệc xong, người ấy bảo với Phan Lang rằng:

- Tôi với ông vốn người cùng làng, cách mặt chưa bao, đã quên nhau rồi ư?

Bấy giờ Phan mới nhận đích người ấy là Vũ Nương. Gạn hỏi duyên do. Nàng nói:

- Tôi ngày trước không may bị người vu báng, phải gieo mình xuống sông tự tử. Chư tiên trong Thủy Cung thương tôi vô tội, rẽ một đường nước để cho tôi khỏi chết, nếu không thì đã chôn trong bụng cá, còn đâu mà gặp ông.

Phan nói:

- Nương tử nghĩa khác Tào Nga⁽¹⁾, hồn không Tinh Vệ⁽²⁾. Nay từ khi lạc về cung nước, thấm thoát đã một năm chầy, há lại không tưởng nhớ đến quê hương ư?

Vũ Thị nói:

- Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn đường mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về thấy người chồng?

Phan Lang nói:

- Thừa nương tử, tôi trộm nghĩ về nương tử, nhà cửa của tiên nhân, cây cối thành rừng, phần mộ của tiên nhân, cỏ gai lấp mất. Nương tử dầu nghĩ thế, nhưng còn tiên nhân mong đợi ở nương tử thì sao?

Nghe đến đấy, Vũ Nương ứa nước mắt khóc rồi nói:

- Tôi có lẽ không thể gửi hình ảnh vết ở đây mãi được. Ngựa Hồ⁽³⁾ gặm gió bắc, chim Việt đậu cành nam⁽⁴⁾. Cảm về nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.

1. *Nàng Tào Nga*: người đời nhà Hán. Cha nàng chết đuối dưới sông tìm không thấy xác. Nàng mới 14 tuổi, vì lòng thương cha đi dọc sông khóc lóc, suốt ngày ấy qua đêm khác. Rồi nàng cũng gieo đầu xuống sông tự tử, sau ba ngày ôm được thây cha mà nổi lên. Người làng cho là thần dị, lập miếu thờ.

2. Con gái vua Viêm Đế ra chơi bể Đông chết đuối, hóa làm chim Tinh Vệ, ngày ngậm đá núi Tây để lấp bể.

3. Ngựa Hồ sinh ở đất Bắc, quen với gió bắc, cho nên thấy gió bắc nổi thì hý lên.

4. Chim Việt sinh ở đất Việt, cảm thụ được cái khí ẩm áp, cho nên bay đi xứ khác, hễ đậu tắt đậu ở cành phía nam là phía ẩm áp hợp với chỗ quê hương.

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía đựng mười hạt minh châu, sai Xích Hồn⁽¹⁾ sứ giả đưa Phan ra khỏi nước, Vũ Nương cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:

- Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa, nên lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây thần đăng chiếu ở bến nước, tôi sẽ hiện về.

Về đến nhà, Phan đem chuyện kể lại với nhà Trương. Ban đầu Trương còn không tin. Nhưng sau nhận được chiếc hoa vàng, mới kinh mà nói:

- Đây quả là vật dùng của vợ tôi xưa thật.

Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau lại có đến hơn năm mươi chiếc xe ngựa, cờ tàn tán lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn lúc hiện. Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng sông mà nói với vào:

- Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thể sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể lại về nhân gian được nữa.

Rồi trong chốc lát, những hiện tượng ấy chìm lỉm đi mất.

LỜI BÌNH: Than ôi! Những việc tựa tựa như nhau, thật, khó tỏ mà dễ hoặc. Cho nên quảng thoi đứng dậy, tuy mẹ bậc đại hiền cũng phải phân vân, mất búa đồ nghề tuy con người láng giềng cũng khó chối cãi; ý dĩ đầy xe, Quang Vô đồ nghề lão tướng⁽²⁾, trối lại mà giết; Tào Tháo đến phụ

1. Hồn là tên một loài cá quả.

2. Đời Đông Hán, Mã Viện sang lấn cướp nước ta hay ăn món ý dĩ, khi về, Viện chở một xe ý dĩ về. Sau khi Viện mất, có người dâng thư lên vua Hán nói gièm, bảo xe ấy chở những ngọc minh châu và da văn tê. Vua Hán tin là thực, bưng bưng nổi giận (*Hán sử*).

ân nhân⁽¹⁾; việc Thị Thiết cũng giống như vậy. Nếu không được trời xét tâm thành, nước không làm hại, thì xương hoa vóc ngọc, đã chôn vào họng cá ở dưới lòng sông, còn đâu được lại thông tin tức để nét trinh thuần được nhất nhất bộc bạch ra hết. Làm người đàn ông, tưởng đừng nên để cho giai nhân oan uổng thế này.

2. CHUYỆN LÝ TƯỚNG QUÂN

(Lý tướng quân truyện)

Vua Giản Định nhà Hậu Trần lên ngôi ở Mô Độ⁽²⁾, hào kiệt bốn phương, gần xa hưởng ứng, đều chiêu tập đồ đảng làm quân Cần vương. Người huyện Đông Thành là Lý Hữu Chi cũng do chân một người làm ruộng nổi lên, tính vốn dữ tợn nhưng có sức khỏe, giỏi đánh trận. Quốc công Đặng Tất tiến cử cho Lý được làm chức tướng quân, sai cầm một cánh hương binh đi đánh giặc. Quyền vị đã cao, Lý bèn làm những việc trái phép, dựa lũ trộm cướp như ruột thịt, coi người Nho sĩ như kẻ thù; thích sắc đẹp, ham tiền tài, tham lam không chán; lại tậu

1. Tào Tháo trốn nạn đến nhà người bạn của cha là Tả Bá Xa. Bá Xa sang Tây thôn để mua rượu thịt. Tháo nghe đằng sau có tiếng mài dao, lên vào nghe trộm, thấy người nói: "Trời lại mà giết"; Tháo xông vào bất cứ đàn ông đàn bà đều giết sạch. Vào đến trong vườn, thấy có con lợn trời nằm đấy, bấy giờ mới biết là giết nhầm người tốt. Vội vã ra đi được vài dặm gặp Bá Xa cười lừa đeo hũ rượu về, sợ Bá Xa về thấy cả nhà bị giết sẽ làm lôi thôi, Tháo lại chém Bá Xa chết nốt (*Tam quốc chí*).

2. Mô Độ: xưa thuộc huyện Yên Mô, nay thuộc địa phận tỉnh Ninh Bình.

ruộng vườn, dựng nhiều nhà cửa, khai đào đồng nội để làm ao, dồn đuổi xóm giềng cho ruộng đất, đi kiếm những hoa kỳ đá lạ từ bên huyện khác đem về. Người trong vùng phục dịch nhọc nhằn, anh nghỉ thì em đi, chồng về thì vợ dời, ai nấy đều vai sưng tay rách, rất khổ sở nhưng hần vẫn điềm nhiên không chút động tâm.

Bấy giờ có một ông tướng số đến cửa xin ăn và có thể nói được những việc họa phúc, Lý bảo xem tướng mình, ông thầy bói nói:

- Lợi cho việc làm không gì bằng nói thẳng, khỏi được bệnh tật không gì bằng thuốc đắng. Nếu ngài dung nạp thì tôi sẽ nói hết lời. Đừng vì đáng miệng mà ghét bỏ khiến tôi phải e dè kiêng tránh mới được.

Lý nói:

- Được, không hề gì.

Ông thầy bói nói:

- Điều thiện ác tích lâu sẽ rõ, sự báo ứng không sai chút nào. Cho nên luận số, trước phải luận lý, tướng diện không bằng tướng tâm. Nay tướng quân có dữ mà không lành, khinh người mà trọng của, mượn oai quyền để làm bạo ngược, buông tham dục để thỏa lòng cuồng, đã trái lòng trời, tất bị trời phạt, còn cách nào mà trốn khỏi tai họa!

Lý cười:

- Ta đã có binh lính, có đồn lũy, tay không lúc nào rời qua mấu, sức có thể đuổi kịp gió chớp, dù trời có giông cũng sẽ phải tránh ta không kịp, còn giáng tai họa cho ta sao được.

Thầy tướng nói:

- Tướng quân cậy mình mạnh giỏi chưa thể lấy lời nói để hiểu cho được, vậy tôi co chùm hạt châu nhỏ, xin tướng quân xem sẽ biết rõ dữ lành, tướng quân có bằng lòng xem không?

Nhân lấy chùm hạt châu ở trong tay áo ra. Lý trông xem, thấy trong đó có lò lửa, vạc sôi, bên cạnh có những người đầu quỷ ghê gớm, hoặc cầm thùng chảo, hoặc cầm dao cưa, mình thì đương bị gông xiềng, bò khúm núm ở bên vạc dầu, lấm lét sợ hãi. Hỏi có cách gì cứu gỡ không, thì thầy tướng nói:

- Gốc ăn đã sâu, mầm vạ đã nảy. Cái kế cần kíp ngày nay chỉ còn có đuổi hết hầu thiếp, phá hết ruộng ao, trút bỏ binh quyền, quy đầu phục địa, tuy tội chưa thể khỏi được, nhưng cũng còn có thể giảm phần nào.

Lý ngẫm nghĩ một lúc lâu rồi nói:

- Thôi thầy ạ, tôi không thể làm được. Có ai vì lo cái vạ sau này chưa chắc đã có, mà vứt bỏ những cái công cuộc sắp thành làm hý hục trong mấy năm bao giờ.

Sau đó hấn càng làm những sự dâm cuồng, chém giết, không kiêng dè gì cả. Người mẹ tức giận nói:

- Ưa sống ghét chết, ai ai cũng thế, cơ sao mà y hay làm những sự giết chóc như vậy. Không ngờ ta đến lúc tuổi già, lại phải trông thấy đứa con mắc hình phạt có ngày.

Người con trai Lý là Thúc Quản cũng thường can ngăn cha luôn, nhưng Lý chứng nào vẫn giữ tặc ấy. Năm bốn mươi tuổi thì Lý chết ở nhà. Ngoài đường người ta bàn bạc huyền ảo, bảo với nhau rằng:

- Kẻ làm thiện thường phải chết về đao binh, kẻ làm ác lại được chết trong nhà cửa, đạo trời để đâu không biết!

Trước đây có người bán châu là Nguyễn Quý, khảng khái chuộng điều khí tiết, vốn cùng chơi thân với Thúc Khoản, nhưng đã chết ba năm nay rồi. Một hôm Thúc Khoản đi chơi sớm, chợt gặp ở đường. Nguyễn Quý bảo Thúc Khoản rằng:

- Phụ thân anh sắp bị đem ra tra hỏi. Tôi vì quen thân với anh, nên đến báo cho anh biết trước. Anh có muốn xem, tối mai tôi cho người đến đón, anh sẽ được xem. Nhưng rồi cần phải giữ kín. Nếu nói hở ra một lời thì tai vạ sẽ lây sang đến tôi ngay.

Nói xong liền biến mất không thấy đâu nữa. Đến hện, Thúc Khoản ngồi trong một buồng nhỏ ngóng đợi. Nửa đêm, quả thấy mấy người lính đầu ngựa đến đón tới một cung điện lớn. Trên điện có một vị vua, bên cạnh đều là những người áo sắt mũ đồng, tay cầm phủ việt đồng mác, dàn ra hàng lối đứng chầu chực rất là nghiêm túc. Chợt thấy bốn vị Phán quan từ bên tả vu đi ra mà một viên tước là Nguyễn Quý. Bốn viên này tay đều cầm thẻ, quỳ đọc ở trước án sơn. Một viên đọc:

- Viên quan kia tên là Mỗ ở đời cứng vuông, không kiêng sợ kẻ quyền quý, tước vị càng cao càng biết khiêm nhường, rồi lại biết quên mình để chết vì việc nước, làm rạng rỡ cho nước nhà. Thần xin tâu lên Đế Đình, cho người ấy được làm tiên.

Một viên nói:

- Ở nhà kia có tên Mỗ, vốn người tham bản, hối lộ dập diu, lại lấy lộc trệt mà hộm hĩnh ngông nghênh, khinh miệt những người có đức, chưa từng cất nhắc kẻ hiền sĩ để giúp việc nước. Thần xin chuyển báo cho tòa Nam Tào tước bỏ tên ra.

Một viên nói:

- Ở châu kia có người họ Hà gắng sức làm thiện, hàng ngày trong nhà thường phải thiếu ăn, gần đây nhân sau hồi bình lửa, tật dịch nổi lên, người ấy lại cho đơn cấp thuốc, số người nhờ thế mà khỏi chết đến hơn một nghìn. Thần muốn xin cho người ấy thác sinh vào nhà có phúc, hưởng lộc ba đời, để báo ơn đã cứu sống cho nhiều người.

Một viên nói:

- Ở thôn kia có gã họ Đinh, bắt mục với anh em, chẳng hòa tôn tộc, thừa dịp các cháu bé dại chữa lại chúc thư để chiếm cướp lấy cả ruộng nương, khiến họ không còn có miếng đất cắm dùi. Thần muốn bắt người ấy phải thác sinh vào nhà kẻ hèn, đói khát, nằm vạ vật ở ngoài rãnh, để bỏ với sự đã đi tranh cướp của người.

Dức vua đều theo y lời tâu.

Kế đó có một người áo đỏ từ bên hữu vu đi ra, cũng quỳ trước án mà tâu rằng:

- Công việc của nơi thần coi giữ, có người họ Mỗ tên Mỗ, ngoan ngu bất pháp, giam cầm trong ngục một năm nay chưa đem xét xử. Nay xin được đem ra thỉnh mệnh ở trước Vương Đình.

Nhân đọc một bản buộc tội như sau:

Kính nghe:

*Trời đất gây dựng, chia ra hình âm đực
dương trong.*

*Dân vật bẩm sinh, khác ở chỗ duyên lành
nghiệp dữ.*

*Biết bao sự trạng,
Khôn xiết kể bày,
Bởi trời lấy lý phú cho người, sao được người
đều hiển thánh,*

*Người đem mình noi theo tính, khỏi đâu tính
hoặc sáng mờ.*

*Cho nên thiên lệch có người,
Hư tội lắm kẻ.*

*Dữ lành báo ứng, không làm đực cái, đen vàng.
Nhân quả rõ ràng, giống hệt tiếng vang,*

*hình bóng.
Ngắm lẽ ấy vốn là rõ rệt,
Nhưng con người thật quá ngoan ngu.*

Ghen tức nhiều điều,
 Riêng tây lắm chuyện,
 Chìm sông ngã giếng, đắm đuối càng sâu.
 Lấp giếng vui hầm, xô bỏ đã lắm.
 U trầm đến vậy,
 Đọa lạc càng thương.
 Vì thế mà trời còn đương bạt độ, tỉnh thức
 người mê,
 Đất có ngục luân hồi, khuyên răn kẻ xấu.
 Lỗi mà chẳng đổi,
 Tội ắt không dong.
 Nay Lý Mỗ, sâu cát thân hèn,
 Kiến giun phận mọn.
 Kết bạn thì mây mưa tráo trở,
 Cư tâm thì yêu quái gớm ghê.
 Văn học xem khinh,
 Bạc tiền coi trọng.
 Chiếm cướp ruộng vườn người như Hồng Dương
 đời Hán⁽¹⁾.
 Giết hại mạng người như Dương Tố đời Tùy⁽²⁾.
 Vu oan giá họa, so hùm beo gấu sói còn độc hơn,
 Cực nhục cùng xa, dù khe suối núi gò chưa
 đủ thỏa.
 Chỉ bởi lòng tham sai khiến,
 Thực tướng gian hoạt tuyệt vời.

1. Đời Hán Thanh Đế. Hồng Dương hầu Vương Lập chiếm đất mở ruộng hàng mấy trăm khoảnh để đem bán lấy tiền. Việc phát giác ra, phải truất.

2. Dương Tố đời Tùy dùng binh hay có lối quyền lược, khi sắp ra quân, thường kiếm lỗi người mà giết chết hàng mấy trăm mạng, lúc lâm địch, sai vài ba trăm người xông vào hầm trận, hễ không thành công mà quay về, đều giết chết hết.

*Phải dùng phép nghiêm,
Làm rắn kẻ khác.*

Bản ấy tuyên đọc xong, thấy kẻ lại dịch điệu Hữu Chi ra, đặt quỹ phủ phục ở dưới cửa, lấy roi đánh rất dữ dội, máu tươi bắn ra nhầy nhọt. Hữu Chi kêu rên dẫy dụa, tỏ ra đau đớn không chịu nổi.

Chợt nghe trên điện nói:

- Chia buống xét việc là bốn phạm của lũ người, có sao việc ấy lại để chậm đến một năm nay?

Người áo đỏ nói:

- Vì y tội ác chống chất, nên chưa dám đoán định một cách xác nổi. Bữa nay tâu lên thì việc án mới thành.

Nhân tâu trình các tội như sau:

- Kẻ kia ghẹo vợ người, dâm con người, tội nên xử thế nào?

Đức vua nói:

- Đó là vì hấn đắm chìm trong bể ái, nên lấy nước sôi rửa ruột cho tình dục không sinh.

Tả hữu liền lôi ra bỏ vào cái vạc đương sôi, thân thể Hữu Chi đều nát rửa cả ra. Rồi lấy nước thần sẽ rảy, một lát Hữu Chi lại trở lại lành lặn như người bình thường.

- Kẻ kia chiếm ruộng của người, phá sản của người, nên xử thế nào?

- Đó là vì suốt tham dìm nó, nên lấy lưỡi trủy thủ moi ruột để cho lòng tham không nổi lên nữa.

Tả hữu liền rạch bụng moi hết gan ruột phủ tạng ra ngoài. Rồi lại lấy cành dương sẽ phất, một chốc thì thân thể lại nguyên lành lặn.

- Đến như phá mồ mả của người đời xưa, hủy đạo thường với người ruột thịt, nên xử thế nào?

Đức vua im lặng một lúc lâu rồi nói:

- Đó là sự càn rỡ không có chừng mực nào nữa, dù sử bằng những hình cây kiếm núi đao, nước đồng gây sát cũng chưa đủ thỏa. Vậy chỉ nên áp giải vào ngục

Cửu U lấy dây da chét lấy đầu, lấy đùi lửa đóng vào chân, chim cắt mổ vào ngực, rắn độc cắn vào bụng, trầm luân kiếp kiếp, không bao giờ được ra khỏi.

Quý sứ liền vào lời Hữu Chi điệu đi. Bấy giờ Thúc Khoản ở khe tường dòm thấy, khóc thất thanh đi. Mấy người quý sứ liền lấy tay bưng miệng rồi đưa về nhà, ném chàng từ trên không xuống đất. Thúc Khoản giật mình tỉnh dậy, thấy người nhà đương ngồi chung quanh mà khóc, nói mình chết đã hai ngày rồi, chỉ vì thấy ngực hầy còn thoi thóp và hơi nóng nóng, cho nên chưa dám đem chôn. Thúc Khoản bèn ruồng bỏ vợ con, đem của cải tán cấp cho mọi người và đốt hết những văn tự nợ, vào rừng hái thuốc tu luyện. Câu chuyện ấy Thúc Khoản giấu kín, chỉ có chàng và vài người bố già được biết mà thôi, cho nên cũng ít truyền.

LỜI BÌNH: Than ôi! Đạo trời chí công mà vô tư, lưới trời tuy thưa mà chẳng lọt, cho nên hoặc có người lúc sống khỏi vạ mà lúc chết bị hình. Song, chịu họa ở lúc sống, người đã không hiểu, phải tội ở lúc chết, người lại không hay; vì thế mà đời thường có lắm loạn thần tặc tử. Ví thử họ hiểu, họ hay thì dù bảo làm ác cũng không dám làm, song Lý Mỗ đã trông thấy và biết rõ rồi mà còn làm tệ hơn. Đó là thứ hư tội bậc nhất, không chuyển đổi được, không còn có thể bàn gì được nữa.

3. CHUYỆN LỆ NƯƠNG

(Lệ Nương truyện)

Nguyễn Thị Diễm thuộc dòng họ lớn ở huyện Đông Sơn (Thanh Hóa) em họ ngoại của Trần Khát Chân,

cùng người đàn bà họ Lý quê ở huyện Cẩm Giàng (Hải Dương) cùng mở ngôi hàng bán phấn đối diện nhau tại bên ngoài thành Tây Đô (Thanh Hóa). Xóm giềng gần cận, tình nghĩa ngày một thân, nhưng cả hai đều chưa con cái. Một hôm đến động Hồ Công⁽¹⁾ làm lễ cầu tự, Lý thị bảo với Nguyễn thị rằng:

- Chúng ta ở trong phố vẫn quen thân nhau, việc đi lễ cầu tự hôm nay lại không hẹn mà cùng giống nhau. Nếu hương lửa có duyên, sau này ta sẽ cho các con sánh nên đôi lứa. Bình dân ta làm bạn với bình dân, chẳng cần phải kén chọn con ông cháu cha gì cả, nói có Sơn thần chứng giám, tôi quyết không sai lời.

Rồi đó Nguyễn thị quả sinh con gái đặt tên là Lệ Nương. Lý thị quả sinh con trai đặt tên là Phạt Sinh. Hai trẻ đến khi trưởng thành đều ham nghề nghiên bút. Vì có hai bên cha mẹ thân mật, nên họ cùng đi lại với nhau suông sã, thường cùng nhau xướng họa thơ từ. Tuy kỳ cưới xin chưa định, nhưng hai người gắn bó, chẳng khác chi vợ chồng.

Niên hiệu Kiến Tân năm Kỷ Mão (1399) đời Trần, xảy ra cái vạ Trần Khát Chân⁽²⁾, Lệ Nương bị bắt vào trong cung, Phạt Sinh rất thất vọng. Gặp đêm trừ tịch gần hết canh năm, Sinh còn đương nằm ngủ, chợt nghe có tiếng động, Sinh vùng dậy đẩy cửa ra xem, thấy có hơn trăm chiếc kiệu hoa rậm rịch đi qua, và có một bức thư bằng lụa cài vào ngưỡng cửa, trong thư chính là bút tích của Lệ Nương đã viết. Thư rằng:

Thiếp nghe:

Trời có âm dương, đạo trời mới đủ,

1. Động Hồ Công: ở làng Thiên Vực, huyện Vĩnh Lộc. Thanh Hóa.

2. Trần Khát Chân mưu giết Hồ Quý Ly không thành, bị Quý Ly giết và bắt cả thân tộc.

Người có chồng vợ, đạo người mới thành.
 Đâu ta vì đâu?
 Lỡ làng đến vậy!
 Tâm tình buổi trước, đã kết mối dây!
 Ly biệt ngày nay bao khuây nguồn cảm.
 Bóng trước lầu đã rụng,
 Xuân trong viện đành giam.
 Những e, gương ly loan bóng múa hững hờ,
 Đàn biệt bạc tiếng vang ai oán.
 Thành xuân trời tối, liễu liễu cảnh dưới ngọn
 đông phong,
 Ngồi ngự nước trôi, ruột đứt khúc bao người
 cung nữ.
 Luống những mạch sầu đợt đợt,
 Sóng lệ trùng trùng,
 Nguyên xưa tan nát nghĩ mà đau
 Kiếp ấy lỡ làng sinh cũng uổng.
 Ước Liễu thị mong gì hảo hội,
 Duyên Ngọc Tiêu đâu chắc tái sinh⁽¹⁾
 Xin chàng trân trọng lấy mình
 Liệu kết nhân duyên chốn khác.
 Đừng vì tình một buổi,
 Để lỡ kế trăm năm.
 Man mác nỗi lòng,
 Thư không viết tả.

Sinh nhận được thư rất đau thương, bỏ cả ăn ngủ.
 Rồi vì cố hôn sự đã hỏng, bèn dời ra ở miền đông.
 Nhưng nặng tình với Lệ Nương, Sinh chưa nỡ lấy ai cả.

1. Vì Cao đời Đường thuở nhỏ chơi đất Giang Hạ có tình với nàng
 Khương Ngọc Tiêu, lúc chia tay có hẹn này hội ngộ. Qua ngày hẹn,
 Ngọc Tiêu nhịn ăn chết. Sau Cao làm quan to lại được Ngọc Tiêu
 tái sinh đến với Cao.

Cuối đời Hồ, tướng Minh là Trương Phụ chia binh vào cướp, lấn chiếm Kinh kỳ. Sinh nghe Hán Thương phải chạy, đoán chắc Lệ Nương cũng phải đi theo, bèn từ biệt mẹ vào nam, mong được gặp mặt. Lặn lội hàng tuần mới đến cửa bể Thần Phù, nghe tướng giặc Lã Nghị bắt cướp mấy trăm phụ nữ hiện đóng giữ ở phủ Thiên Trường, trở trối không có quân ứng viện. Sinh đoán chắc Lệ Nương cũng ở trong ấy. Nhưng đất khách tay không, chẳng làm gì được. Chợt gặp khi vua Giản Định nổi quân lên ở châu Trường An, nhưng vì ít binh không địch nổi với số nhiều của giặc. Sinh muốn nhờ thế quân của vua, đánh úp mà cướp lại Lệ Nương, bèn đến trước ngựa dâng một bài sách, đại lược rằng:

Thần nghe:

Đẹp loạn thành công, vẫn nhờ vận tốt,

Chống giặc đắc sách, thực bởi mưu cao,

Nên đánh người, cần biết cách nhử người,

Mà phá giặc phải sáng bề liệu giặc.

Dạo trước triều Hồ đổ sập,

Giặc Ngô tràn lan,

Hán quân kia cáo mượn oai thiêng, oa tranh

bờ cõi,

Mộc Thạnh nọ điều giường mỗ độc, ong đốt

Kinh kỳ.

Khiến cho đất nước hơn trăm năm yên vui.

Biến thành khu vực mấy trăm dặm rối loạn.

Đập xương làm củi,

Tán xác làm lương.

Men dải sông ực vạn sinh linh, nghiêng rãng

tức tối,

Giữ các quận bốn phương hào kiệt, tuốt kiếm

hầm hè,

Lược thao phải có tài hùng,

Chống đỡ mới nên công lớn.

Đại vương nay:

Buôn vận Trần gặp cơn truân bĩ,

Nổi quân Hạ⁽¹⁾ mưu cuộc trùng hưng.

Cầm đội quân chẳng đủ hai nghìn,

Chống đám giặc có thừa năm đạo.

Sấm ran chớp giật, tự lưng trời thế mạnh

vừa buông,

Mù tạnh mây quang, lấy lại đất công to

sắp dựng.

Những tưởng về Kinh xây nghiệp cũ.

Vì sao gặp giặc rút quân lui?

Rất nên, vờ Đặng Tất ở Diễn Châu,

Lưu Triệu Cơ ở Mô Độ.

Đường bẻ thuyền bên chèo cứng, đến thẳng

Bình Than.

Quân bộ xe rộng giáo dài, tới mau Hàm Tử.

Hoặc sai tướng chẹn cửa Mộc Hoàn nọ,

Hoặc chia binh đánh thành Cổ Lộng kia,

Đầu sông Bạch Hạc, ghè nan cho giặc hết

đường ăn,

Cuối bến Mản Trù⁽²⁾ đóng cọc cho giặc hết

lối chạy.

Dưới nước không cho chỗ nào cứ hiểm,

Trên cạn không để xe nào sóng đôi.

Ngày đánh trống để truyền tin,

Đêm đốt lửa để báo hiệu.

Hình thế Tây Đô là vững,

1. Vua Thiệu Khang nổi quân dựng lại nghiệp Trung hưng của nhà Hạ.

2. Bến Mản Trù: bến sông Nhị, nay thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Phên rào Đông Thổ phải bền.
 Sẽ thấy Hàn bị đánh mà Triệu phải hàng,
 Tung đã hợp thì hoành phải vỡ¹⁾.
 Ta ruổi rong thực gấp, tiến chẳng ngừng chân,
 Giặc ứng tiếp không rồi, thua trong chớp mắt.
 Nếu mình mà hồ nghi do dự.
 Sợ giặc sẽ chó chạy chuột chui.
 Dịp tốt không hai,
 Xin vương quyết đoán.
 Kinh mong:
 Dừng cờ nước Hán²⁾,
 Về phườn nhà Đường³⁾,
 Chớp nhoáng quân ta, các đội các cơ hợp đánh,
 Ngồi tan thế giặc, chiếc xe chiếc ngựa không còn.

Bài sách ấy dâng lên, vua Giản Định xem mà khen là người giỏi, cấp cho năm trăm quân, sai đi đánh phủ Thiên Trường. Sinh khảng khái dụ bảo họ về sự hưng phục nghiệp Trần, ai nấy đều hăng hái. Bèn nhân nước thủy triều đương lên tiến đánh. Lã Nghị quả nhiên phải nhổ trại chạy trốn, lùi lên phía bắc đóng ở Xương Giang. Phá luôn một trận nữa, giặc phải lùi lên trạm Bắc Nga thuộc về Lạng Sơn. Sinh lại đóng án ngữ ở cửa Quỷ Môn, lần lượt vận tải binh lương đến.

Chợt ở Yên Kinh có chiếu thư rút quân ban xuống, Trương Phụ đốc suất các quân chuẩn bị kéo về. Sinh

1. "Tung" và "hoành" là những kế hoạch của các nước đời Chiến quốc. "Tung" là kế liên kết các nước theo chiều dọc Trung Quốc để chống nhà Tần. "Hoành" là kế các nước liên kết theo chiều ngang.

2. Hàn Tín đánh Triệu, dùng quân kỵ binh, nhổ cờ Triệu, dựng cờ Hán (*Hán sử*).

3. Vua Túc Tông nhà Đường thu binh ở Linh Võ, quay cờ tiến về phía Đông để đánh giặc An Lộc Sơn (*Đường sử*).

vốn vì sự tìm vợ mà đến đây, không phải có chí lập công, nay nghe quân Tàu sắp rút về, bèn cùng các tướng sĩ chia tay từ biệt, lần đến trạm Bắc Nga vào một buổi tối. Bấy giờ nhà trạm vắng tanh không có ai mà hỏi. Chợt gặp một bà già, hỏi thăm thì bà cau mày hỏi:

- Đây là chỗ quân đóng vừa rồi, đây những sát khí, trời lại đã tối, chàng ở đâu đến đây mà giờ chưa tìm vào nhà trọ?

Sinh râu rĩ kể rõ sự tình, bà già nói:

- Tội nghiệp! Quả có người họ tên và trạc tuổi như lời chàng nói, nhưng chẳng may đã chết oan rồi.

Sinh giật mình hỏi, bà già nói:

- Trước đây năm hôm, quân Tàu sắp rút, người đàn bà họ Nguyễn ấy bảo với hai bà phu nhân họ Chu họ Trịnh rằng: "Bọn chúng ta vóc mềm tựa liễu, mệnh bạc như vôi, nước vỡ nhà tan lưu ly đến đó. Nay nếu lại theo họ sang qua cửa ải tức là đến nước non quê người. Chẳng thà chết rấp ở ngòi lạch, gần gũi quê hương, còn hơn là sang làm những cái cô hồn ở bên đất Bắc". Thế rồi mấy người đều cùng nhau tự tận. Tướng Tàu thương là có tiết tháo, dùng lễ mai táng ở trong rừng.

Nói xong, bà già đưa Sinh đến, trở từng ngôi mộ cho biết và bảo:

- Trinh thuần cương liệt có mấy người này, còn thì đều bị nhơ nhuốc cả.

Sinh đau thương vô hạn. Đêm hôm ấy chàng ngủ ở mộ, khóc mà nói rằng:

- Ta vì nàng mà từ xa đến đây, nàng có thể cùng ta gặp gỡ trong chiêm bao để cho ta một lời yên ủi hay không?

Đêm đến canh ba, Sinh quả thấy Lễ Nương lững thững đi đến, khóc kể rằng:

*Thiếp vốn con nhà tâm thường,
Chàng quá rủ lòng yêu mến,*

Trưởng gấm nọ duyên chưa đậm ấm,
Giá xuân kia phận đã mỏng manh.
Thời với chí ngửa nghiêng,
Thiếp cùng chàng ly cách,
Hờn ôm lâu đỏ, từng trải hôm mai,
Môi dứt chim xanh, khôn thông tin tức.
Ngày tháng lẫn lửa trộm sống,
Dong quang mòn mỏi riêng buồn.
Nào hay mở đỏ ca tàn,
Má hồng vạ nổi.
Ngựa Hồ bình Triệu, giày xéo tan tành,
Liễu điện hoa cung, bể vìn xơ xác,
Ngán nỗi thân tàn nhiều lỗ dỏ,
Than ôi, vận ách mỗi chồng thêm,
Trước đã không vẹn tiết để theo chồng,
Sao lại nở cam tâm mà hàng giặc.
Gửi chiếc thân ở trong muôn chết,
Trải một ngày như thế ba thu.
Lặn xuôi trèo đèo,
Qua nguy vượt hiểm.
Ép duyên toan nhắm mắt, giống sói khôn gân,
Qua ải muốn đưa chân, núi hồ dễ cảm.
Bởi vậy, không ham thú sống,
Chẳng sợ ngục tù,
Lạnh lẽo trước đèn, hồn theo trống trận,
Bàng hoàng quán khách, mình gửi khăn là.
Nay thì linh tính tuy còn,
Tàn hình đã khác.
Cảm lòng chàng từ xa tìm đến,
Buồn nỗi mình biết nói làm sao?
Dám tỏ niềm riêng,
Kính xin soi xét.

Vợ chồng bèn cùng nhau âu yếm chuyện trò, y như lúc sống. Sinh nói:

- Nàng đã không may, vậy anh đem linh cữu về, khỏi uổng một chuyến đi.

Nàng nói:

- Thiếp rất cảm tấm thâm tình ấy. Song thiếp cùng hai vị mỹ nhân gần gũi lâu ngày, giao tình thân mật, không nỡ một sớm bỏ đi. Phương chi chốn này nước non trong sáng, mây khói vật vờ, thần yên phách yên, bất tất phiền chàng dời đổi nữa.

Sau khi gả gáy ba hồi, hai người vợ cùng nhau đứng dậy từ biệt. Ngày hôm sau, Sinh đem mấy lạng bạc, mua quan tài và nước thơm, cải táng cho nàng và cả hai mỹ nhân. Đêm hôm sau mộng thấy ba người đến tạ ơn, chàng đương toan lại cùng trò chuyện thì thoát chốc cả ba đều biến mất.

Chàng buồn rầu quay về, từ đấy không lấy ai nữa.

Đến sau vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa Lam Sơn, Sinh vì mối hờn oán cũ, đem quân ứng mộ, phàm gặp tướng sĩ nhà Minh đều chém giết cho hả. Cho nên vua Lê diệt Minh, Sinh là người đóng góp nhiều công.

LỜI BÌNH: Than ôi! Điều tín ước gần với lẽ phải thì lời nói tất nên giữ đúng, nếu đối với lẽ phải mà chưa được ổn thì sự giữ đúng không cần. Như chàng họ Lý kia, vì mối ẩn tình, giữ bề ước cũ, lưu ly hoạn nạn, vẫn chẳng quên lời, thì thật đáng thương, mà lẽ phải thì chưa được ổn. Bởi sao? Cảm tình mà đi tìm thì nên, liễu chết mà đi tìm thì không nên, hướng lại thôi không lấy vợ, để dứt dòng giống của tiền nhân phỏng có nên không? Cho nên người quân tử phải biết tòng quyền chứ không nên chấp nhất. Giữ điều nhỏ để mất điều lớn, chẳng là gã Lý Sinh này ư?

4. CUỘC NÓI CHUYỆN THƠ Ở KIM HOA

(Kim Hoa thi thoại ký)

Huyện Kim Hoa có người con gái họ Ngô tên Chi Lan, là bậc nội trợ hiền của vị tiên sinh họ Phù. Nàng chữ tốt văn hay, nhất là thơ ca càng giỏi. Đức Thuần Hoàng Đế triều Lê yêu tài bút mực, vời nàng vào cung, giao cho việc dạy các cung nữ. Mỗi khi yến tiệc, nàng thường ôm quyển đứng chầu hể vua phán làm thơ, chỉ thoát chốc đã làm xong ngay, không cần phải sửa chữa gì cả. Năm ngoài bốn mươi tuổi nàng mất, táng ở cánh bãi Tây Nguyên.

Cuối đời Đoàn Khánh⁽¹⁾ có người học trò là Mao Tử Biên đến du học ở Kinh thành, lâu ngày nhớ nhà, bèn về thăm quê ở huyện Đồng Hỷ thuộc Thái Nguyên. Đường về qua hạt huyện Kim Hoa, chợt gặp mưa. Thôn xa đồng vắng, trời lại tối sập xuống. Tử Biên đưa mắt nhìn quanh, thấy ở phía nam có bóng đèn thấp thoáng, bèn rào bước đến. Đến nơi thì thấy có mấy gian nhà tranh ở giữa khoảng cây cối rậm rạp. Tử Biên nhân lúc bí, nói xin vào ngủ nhờ, song người coi cổng không cho vào. Chàng trông vào trong nhà thấy một ông già đương ngồi ở giữa giường, bên cạnh có một mỹ nhân, trâm ngọc hài cườm, coi như một vị phi tần vậy. Mỹ nhân nói với ra, bảo người coi cổng:

- Canh khuya đêm vắng, trời lại mưa gió, người ta xin ngủ nhờ không cho thì người ta ngủ đâu bây giờ.

1. Niên hiệu của vua Lê Uy Mục.

Thấy chủ nhà nói vậy, Tử Biên vén áo bước vào, nghỉ nhờ ở mái hiên phía nam nhà khách.

Gần đến canh hai, chàng thấy có một người mày râu đã nửa phần bạc trắng, hai vai cao, cuỗi một con lừa tía đi đến. Ông già xuống thêm đón tiếp nói:

- Đường xa lặn đạn đến chơi, tiên sinh sao mà chịu khó thế!

Khách nói:

- Trót đã ước hẹn, không nỡ sai lời. Chỉ buồn mưa gió đầy thành. Phần Lão thơ ngâm đến đành bỏ dở⁽¹⁾ mất.

Chủ khách bèn chia ngôi cùng ngôi đối diện bàn luận văn chương, cả phu nhân cũng dự nhưng ngồi thấp xuống một bậc. Ông khách thấy phu nhân có làm bốn bài từ bốn mùa để vào bốn bức bình bằng vân mẫu, bèn thử đọc xem:

Bức thứ nhất: XUÂN TỪ

*Hun người nắng mới như say,
Lâu đài ấm áp nhuộm đầy dương quang.
Cánh rèm liễu biếc oanh vàng,
Quanh hiên cái bướm mơ màng bên hoa.
Trước thềm ánh nhật dài ra,
Mồ hôi đầm dấp xiêm là đượm xanh.
Sầu xuân nặng trĩu bên mình,
Ngây thơ gã nhỏ lạnh chanh cột cười.*

Bức thứ hai: HẠ TỪ

*Gió rụng hoa lựu rơi bởi,
Trên lầu tha thướt dáng người mỹ nhân.
Oanh vàng ủ rũ thương xuân,
Một đôi én tía họa vân trong cây.*

1. Phan Đại Lâm đời Tống tự là Phần Lão, đêm mưa làm thơ, vì có người đến thúc thuế, cụt hứng phải bỏ dở.

*Dừng kim rủ thấp đôi mây,
Nường song hôn mộng xa bay cuối trời.
Cuộn rèm nheo nhéo kia ai,
Cho hôn chẳng tới cội ngoài Liễu Tây.*

Bức thứ ba: THU TỪ

*Hơi may hiu hắt bầu không,
Tin sương thấp thoáng cánh hồng xa bay.
Sen tàn giếng hã thơm lây,
Ba canh gió thổi lạnh đầy sông Ngô.
Bên lan đóm lượn ra vô,
Phong phanh áo mỏng hơi lửa cầm cầm.
Tiếng tiêu đã đứt âm thâm,
Đài Dao đâu tá khôn nhâm dấu loan.*

Bức thứ tư: ĐÔNG TỪ

*Lò hương nhóm ngọn lửa hồng,
La phù⁽¹⁾ một chén ấm lòng ban mai.
Lọt rèm tuyết lạnh lồng hơi,
Gió đưa băng rụng rơi bởi mặt ao.
Mỹ nhân trưởng gấm rủ thao,
Cửa hồ phát giấy song cao vắng người.
Thần đem xuân lại cho đời,
Đầu non chớm nở một trời mai hoa.*

Ông khách đọc xong than rằng:

- Nam châu nếu không có tôi, biết đâu phu nhân, chẳng là tay tuyết xứng, mà nếu tôi không có phu nhân, biết đâu chẳng là tay kiệt xuất trong một thời. Thế mới biết lời đồn quả không ngoa thật.

Phu nhân nói:

- Tài tôi nhỏ mọn đâu dám so sánh với ngài trong muôn một. May mà gặp được tiên triêu, hằng ngày châu

1. *La Phù*: tên một loại rượu ngon.

hầu nghiên bút, cho nên mới thông lẽ luật, chấp nối thành bài. Một hôm tôi nhân đi chơi núi Vệ Linh⁽¹⁾, tức là nơi đức Đồng Thiên Vương bay lên trời, tôi có đề rằng:

*Vệ Linh mây trắng tỏa cây xuân,
Hồng tía muôn hoa đẹp cảnh trần.
Ngựa sắt về trời, danh ở sử,
Oai thanh còn dậy khắp xa gần.*

Sau vài tháng, bài ấy truyền khắp trong cung, đức Hoàng thượng khen ngợi, ban cho một bộ áo.

Lại một hôm, Hoàng thượng ngự ở cửa Thanh Dương, sai quan Thị thư họ Nguyễn làm bài từ khúc *Uyên ương*. Bài làm xong nhưng Hoàng thượng không vừa ý, ngoảnh bảo tôi rằng:

- Văn nàng cũng hay lắm, hãy thử đem tài hoa gấm cho trẫm xem nào.

Tôi vâng mệnh, cầm bút làm xong ngay, có hai câu cuối thế này:

*Biếc đọng kết nên ngôi đèn vàng,
Hồng Châu dệt thành lụa Cẩm Giang.*

Hoàng thượng ngợi khen hồi lâu, ban cho năm đỉnh vàng, lại gọi là “Phù gia Nữ học sĩ”. Từ đó tôi nức tiếng đương thời, được làng văn mặc coi trọng, đại khái đều do sức giúp của đấng Tiên hoàng cả. Đến khi đức Thuần Hoàng Đế băng hà, tôi có làm bài thơ viếng rằng:

*Ba chục năm hơn ngự đế vàng,
Chín châu bốn bể gọi ân quang.
Quy mô Hoàng đế trời cao cả,
Bờ cõi đông tây đất mở mang.
Tuyệt hộ xe loan mờ mịt bóng,
Hoa phô vườn cấm bẽ bàng hương.*

1. Núi Vệ Linh: ở làng Vệ Linh, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

*Quân thiếu⁽¹⁾ đêm vắng mơ thường thấy,
Xa ngóng Kiều Sơn⁽²⁾ lệ mấy hàng.*

Ông khách nói:

- Bài thơ tuy không có gì mới lạ nhưng thương nhớ có thừa, rất hợp với ý thái của người đời xưa. Thơ của người đời xưa, lấy hùng hồn làm gốc, bình đạm làm hay, câu tuy ngắn nhưng ý thì dài, lời tuy gần nhưng nghĩa thì xa. Người nay thì lại khác hẳn, hễ không có giọng đong đưa, tất có giọng mỉa giễu, làm phú *Cao Đường* thì bôi xấu *Thần Nữ⁽³⁾*, làm ca *Thất Tịch* thì nói mỉa *Thiên Tôn⁽⁴⁾*, bày chuyện đặt điều, không còn cách nào tệ hơn nữa. Vì thế mà tôi những thương đời, chán cảnh.

Phu nhân lặng nghe, bất giác ứa hai hàng nước mắt. Ông khách hỏi thì phu nhân nói:

- Tôi thờ đức Thánh Tông lâu năm rồi lại thờ đức Hiến Tông, nghĩa kết vua tôi, nhưng tình thật như cha con vậy, lúc châu hâu, khi lui tới, không cần giữ ý. Không ngờ vì thế mà những kẻ thiểm bạc, bày chuyện nói xằng, thường làm những câu thơ mỉa giễu. Như câu:

*Quân vương nếu muốn khuây buồn nản,
Hãy gọi Kim Hoa Học sĩ vào.*

và như:

*Tiệc cạn lâu rồi sức thơ mỏi,
Canh dài giữ đợi giấc nằm trưa.*

Sĩ quân tử ở trong danh giáo, thiếu gì thú vui, hà tất lại lấy không làm có, trở phải ra quấy, đem chữ nghĩa ra mà đùa cợt như vậy.

1. Tên khúc nhạc trên trời, ý nói đêm đêm thường chiêm bao lên chốn cung trời, gặp vua và nghe những khúc nhạc trên trời.

2. Vua mất, táng ở Kiều Sơn.

3. Phú *Cao Đường* của Tống Ngọc nước Sở.

4. Ca *Thất tịch* của Trương Lỗi đời Tống.

Ông khách nói:

- Nào có một mình phu nhân như thế đâu! Xưa nay những người trinh liệt bị ngòi bút trào phúng làm cho bức mình biết bao nhiêu mà kể. Xem như Hằng Nga là tiên trên nguyệt điện, có kẻ vịnh thơ:

Hằng Nga hồi trót ăn linh dược⁽¹⁾,

Tẻ lạnh trời cao đêm lại đêm.

Lộng Ngọc là gái phi thăng, có kẻ vịnh thơ:

Tần đài sau giấc mơ sau đó,

Không thấy Tiêu Lang, thấy Thảm Lang⁽²⁾.

Vào cửa hầu thì nói mượn Lục Châu⁽³⁾, mả họ Vũ thì chuyện Vũ Hậu thổ⁽⁴⁾. Toàn những giọng nói xằng buộc nhảm. Ước sao đem được dòng nước sông Lô để vì người xưa gột rửa những bài thơ xú ác ấy đi.

Phu nhân lau nước mắt rồi nói:

1. Sách Trung Quốc nói: Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ, lấy trộm thuốc của Vương Mẫu mà nuốt, thành tiên bay lên ở cung trăng.

2. Lộng Ngọc là con gái Tần Mục Công, vợ Tiêu Sứ, sách nói hai người đều thành tiên lên trời. Sách *Thiên hạ dị kỷ* lại chép chuyện Thảm A Chi trong năm Thái Hòa đời Đường, một đêm ngủ ở nhà trọ, chiêm bao thấy Tần Mục Công nói Tiêu Sứ đã chết, đem Lộng Ngọc gả cho Thảm, ở với nhau được một năm thì Lộng Ngọc cũng lại chết; tỉnh dậy té ra là chiêm bao.

3. Lục Châu là vợ lẽ của Thạch Sùng, khi bị Triệu Vương Luân cưỡng bức lấy về, nàng từ trên lầu gieo đầu xuống tự tử. Thôi Giao khi thương tiếc người tình bị bán vào nhà quan Liên sủng, Vu Dịch có câu thơ: "Lục Châu thù lệ thấp la cân", nghĩa là "Lục Châu tuôn lệ ướt khăn là".

4. Đời Đường bà Vũ Hậu lên chiếm ngôi vua của con. Bà có tính hoang dâm. Người bấy giờ mới đặt ra một câu chuyện bà thân Hậu thổ nằm với trai là Vi An Đạo, cốt để nói mánh Vũ Hậu.

- Không có tiên sinh biết cho, có lẽ tôi thành một hòn ngọc khuê có vết, lấy gì mài cho sáng, giũa cho sạch được. Song đêm đẹp dễ qua, tiệc vui khó kiếm. Bữa nay vợ chồng tôi cùng tiên sinh hội ngộ, chúng ta chẳng nói những chuyện ấy nữa, chỉ thêm buồn vô ích mà thôi.

Nhân bàn đến thơ văn bản triều, ông khách nói:

- Thơ ông Chuyết Am⁽¹⁾ kỳ lạ mà tiêu tao, thơ ông Vu Liên⁽²⁾ tuần tiếu mà khích thích, thơ ông Tùng Xuyên như chàng trai xung trận, có vẻ sấn sổ, thơ ông Cúc Pha⁽³⁾ như cô gái chơi xuân, có vẻ mềm yếu. Đến như ông Đỗ ở Kim Hoa⁽⁴⁾, ông Trần ở Ngọc Tái, ông Đàm ở Ông Mặc⁽⁵⁾, ông Vũ ở Đường An⁽⁶⁾, không phải là không ngang dọc tung hoành, nhưng lời chín chắn, có

1. Lý Tử Tấn hiệu Chuyết Am, người làng Triều Đông, huyện Thượng Phúc (Thuông Tín, Hà Tây), đỗ khoa Canh Thìn (1400) đời nhà Hồ, sau làm quan nhà Lê đến chức Hàn lâm.

2. Nguyễn Trục (1417-1474), người thôn Bối Khê, huyện Thanh Oai, Hà Tây, có tập thơ *Vũ Liên*.

3. Nguyễn Mộng Tuân người làng Phú Lý, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa, đỗ khoa Canh Thìn (1400) đời nhà Hồ làm quan nhà Lê đến Tả Nạp ngôn, Khinh xa đô úy, có tập thơ *Cúc Pha*.

4. Đỗ Nhuận, người làng Kim Hoa, huyện Kim Hoa, nay thuộc xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, Vĩnh Phúc, đỗ Tấn sĩ đời Quang Thuận, quan đến Đông các đại học sĩ, sung làm Phó nguyên súy trong hội Tao Đàn của vua Lê Thánh Tông.

5. Đàm Thận Huy (1463-1526), người làng Ông Mặc, huyện Đông Ngạc, nay thuộc huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh, đỗ Tiến sĩ đời Hồng Đức, quan đến Thượng thư. Gặp khi Mạc cướp ngôi Lê, ông uống thuốc độc tự tận.

6. Vũ Quỳnh (1453-1497), người xã Mộ Trạch huyện Đường An, nay là xã Tân Hưng, huyện Cẩm Bình, Hải Dương, đỗ Hoàng Giáp đời Hồng Đức, quan đến Thượng thư.

thể khiến cho làng phong nhã phải phục thì chỉ duy những bài đầy lời trung ái của ông Nguyễn Úc Trai⁽¹⁾ lòng lúc nào cũng chẳng quên vua, có thể chen vào môn hộ của Đỗ Thiếu Lăng được. Còn đến giọng thơ biến hóa được khỏi mây, lời thơ quan hệ đến phong giáo, thì lão phu đây cũng chẳng kém thua ai.

Câu chuyện như vậy có thể chép ra đến bốn, năm nghìn chữ, nhưng Tử Biên không thể nhớ hết. Chàng đứng nghe lóng ở kẻ vách hồi lâu. Bỗng chàng để có tiếng sột soạt, bị ông khách nhận thấy, ông nói:

- Cuộc hội họp hôm nay thật là hiếm được, vậy mà tựa như có người nghe trộm. Những câu chuyện phong lưu của chúng mình, sợ bị họ đem phao truyền ra. Tiên sinh không thấy biết gì ư?

Phu nhân nói:

- Thì đến những kẻ nho sinh cầm bút sau này họ cho chúng mình là bàn xằng nói nhảm là cùng chứ gì, có hề chi sự ấy.

Tử Biên không biết ý nói thế nào, chàng rảo bước đi vào, phục lạy ở trước chỗ ba người ngồi chơi và hỏi về thi tứ. Ông khách liền rút trong lòng ra một quyển sách, khoảng trăm trang giấy, trao cho chàng mà bảo:

- Cứ về mà giở quyển này ra, sẽ tha hồ học, bất tất phải tìm ở tập nào khác nữa.

Một lúc sau bầu nghiêng chén cạn, chủ khách vái chào nhau từ giã. Ông khách ra rồi, Tử Biên cũng đi nằm ngủ. Đến lúc mặt trời đã mọc, chàng ngồi vùng dậy, hóa ra thấy mình nằm trên cỏ, áo đầm những sương, chỉ có đông tây hai ngôi mộ nhà ai nằm đó. Mở quyển sách ra xem thấy toàn là những giấy trắng chỉ có bốn chữ “Lã Đường thi tập”, nét mực còn chưa khô.

1. Túc Nguyễn Trãi.

Bấy giờ chàng mới hiểu ông khách ấy, tức là Lã Đường Sái tiên sinh⁽¹⁾ và hỏi thăm người ở đây, mới biết hai ngôi mộ này là mộ vợ chồng quan Giáo thụ họ Phù⁽²⁾.

Tử Biên bèn tìm đến làng Sái tiên sinh, dò hỏi di cảo tập thơ *Lã Đường*, thấy gián nhấm một gặm, tản mác tất cả. Chàng nhân đi khắp xa gần để hỏi han, hết sức cóp nhặt, dù nửa câu, một chữ cũng không bỏ sót. Cho nên từ khi triều Lê dựng nghiệp thi sĩ có đến hơn trăm nhà, mà duy tập thơ của ông Sái thịnh hành, đại khái đều do công sức của Mao Tử Biên cả.

5. CHUYỆN TƯỚNG DẠ XOA

(Dạ Xoa bộ sủy lục)

Kể kỳ sĩ ở hạt Quốc Oai, họ Văn tên là Di Thành tính tình hào hiệp, không chịu để ma quỷ mê hoặc. Phàm những hoa yêu nguyệt quái và dân thần lệ quỷ không được liệt vào tự điển, chàng đều coi thường không sợ hãi gì. Cuối đời Trùng Quang nhà Trần, người chết chóc nhiều, những oan hồn không chỗ tựa nương, thường họp thành từng đàn từng lũ, hoặc gõ cửa hàng cơm để kiếm miếng ăn, hoặc đón cô gái chơi để kết duyên tạm, ai va chạm thì bệnh nguy khốn, ai cầu cúng thì thấy hết phép hay, hoành hành ở đồng nội không

1. Ông họ Sái tên Thuận, người làng Liễu Lâm, huyện Siêu Loại (Thuận Thành, Bắc Ninh), đỗ Tiến sĩ năm Hồng Đức thứ 6, sau ra giữ chức Tham chính. Tập thơ *Lã Đường* của ông do con trai là Sái Khắc và học trò là Đỗ Chính Mô sưu tập lại.

2. Ông Phù Thúc Hoành có làm chức Giáo thụ Kinh Dịch ở trường Quốc Tử Giám, sau được thụ chức Hàn lâm học sĩ.

biết kiêng sợ gì cả. Dĩ Thành nhân lúc say rượu, cười ngửa đi ra, bọn ma quỷ sợ hãi, đều tan chạy cả. Chàng kịp gọi bảo rằng:

- Các người đều là những kẻ tráng sĩ, không may mắc nạn. Ta nay đến thăm, muốn đem điều lợi hại nói chuyện, xin đừng lảng tránh như vậy.

Ma quỷ lại dần dần họp lại, mời chàng lên ngôi phía trên. Dĩ Thành hiểu bảo rằng:

- Lũ người cứ thích làm cho người ta phải tai nạn, làm cho người ta phải chết chóc, chẳng hay cốt để làm gì?

Chúng nói:

- Chúng tôi muốn để thêm quân.

- Các người muốn cho thêm quân nhưng tổn hại người sống thì sao! Quân thêm thì ăn uống phải thiếu, người bớt thì cung cấp phải thừa, lợi gì cho các người mà cứ thích làm như vậy? Lòng dục thả ra thì khe ngồi không đủ lấp, thói ác giở ra thì hùm sói chưa là đủ. Hễ lợi mình được, dù tấm áo mảnh giấy cũng không từ, hễ no lòng được, dù ống giáp châu vó cũng không thẹn. Hy hục tìm chai lọ, hăm hở đi kiếm cháo cơm. Gieo tai rắc vạ, trộm quyền của Hóa công, kêu nóc dòm buồng, rồi lòng của dân chúng. Lũ người lấy thế làm thích nhưng mà ta lấy thế làm thẹn. Huống chi trời dùng đức chứ không dùng uy, người ưa sinh chứ không ưa giết. Vậy mà lũ người tự làm họa phúc, quá thả kiêu dâm. Thượng đế không dong, hình phạt tất đến, lũ người định trốn đi đằng nào để khỏi tru lục.

Chúng quỷ bùi ngùi nói:

- Đó là chúng tôi bất đắc dĩ chứ không phải là muốn như thế. Sống chẳng gặp thời chết không phải số. Đói không có thứ gì cấp dưỡng, lui không có chốn nào tựa nương. Trong gò xương trắng râu rĩ cỏ rêu, trên đồng cát vàng, lạnh lùng sương gió. Bởi vậy không khỏi rủ rệ

bè bạn, xoay xở miếng ăn. Phương chỉ vận sắp đến lúc đổi thay, nhà người sẽ đến cơ tan tác. Bởi vậy Minh Ty không cấm đoán, lũ tôi dễ tung hoành. E rằng sang năm lại còn tệ hơn năm nay nữa.

Rồi đổ nhà bếp dọn cỗ lên, mâm bàn la liệt. Hỏi đến nguồn gốc: thịt con trâu thì bắt ở thôn nọ, rượu là thúng bỗng lấy ở làng kia. Sinh ăn uống rất lạnh, như mưa như gió. Chúng quý mừng rỡ bảo nhau rằng:

- Thật đúng là chủ soái của ta.

Rồi chúng nói với Sinh:

- Chúng tôi là một đám ô hợp mỗi người đều tự hùng trưởng, đã không có người đứng thống xuất, thế tất không thể lâu bền. Nay sứ quân rủ lòng yêu mà đến đây, đó là trời đem Sứ quân cho chúng tôi đấy.

Dĩ Thành nói:

- Ta văn võ kiêm toàn, dù hèn cũng làm tướng được. Nhưng u minh cách trở, còn bà mẹ già thì sao?

Chúng quý nói:

- Không, chỉ xin Sứ quân giữ sự uy nghiêm, ban cho hiệu lệnh. Chúng tôi ban ngày thì chia khu ở tản, đến đêm thì sai viên bẩm trình. Không dám phiền ngài phải trở về nơi Chín suối.

Dĩ Thành nói:

- Nếu bất đắc dĩ dùng đến ta, ta có sáu điều làm việc, các người phải thể mà tuân theo mới được.

Chúng đều vâng dạ, nhân xin đến đêm thứ ba tới chỗ đó lập đàn. Đến kỳ, chúng quý đều lại họp. Có một tên quý già đến sau. Sinh sai đem chém, ai nấy đều run sợ. Sinh bèn ra lệnh rằng:

- Các người không được coi khinh mệnh lệnh, không được quen thói đâm ô, không quấy quắc để làm hại mạng của dân, không cướp bóc và phải cứu nạn cho dân, ban ngày không được giả hình, ban đêm không

được kết đảng. Nghe mệnh ta thì ta làm tướng các người, trái mệnh ta thì ta trị tội các người. Nghe rõ lời ta, đừng để hậu hối.

Đó rồi bèn chia bọn chúng ra từng bộ, từng tốt, bảo phạm có điều gì hay dở, đều phải bẩm trình.

Như vậy được hơn một tháng, một hôm đương lúc ngồi nhàn. Dĩ Thành thấy một người tự xưng là sứ giả của Minh Ty, đến xin mời chàng đi. Dĩ Thành toan lảng tránh, thì người ấy nói:

- Đó là mệnh lệnh của đức Diêm Vương. Vì ngài thấy ông là người cương nghị, định đem phẩm trật tặng cho, chứ không làm phiền gì đâu, đừng nên từ chối. Có điều là xin để cho ông được rộng kỳ hạn, ông sẽ tự đến, tôi đợi ông ở dọc đường.

Nói xong không thấy đâu nữa. Sinh đòi chúng quý lại để hỏi, chúng đều nói:

- Bẩm, quả có việc ấy thật, chúng tôi chưa kịp thưa với Sứ quân. Nhân hôm nọ Diêm Vương thấy buổi đời gặp lúc không yên, có đặt ra bốn bộ Dạ Xoa, mỗi bộ cử một viên tướng, giao cho cái quyền hành sát phạt, ủy cho những tính mệnh sinh linh, trách nhiệm lớn lao, không như mọi quan chức khác. Sứ quân oai vọng lẫy lừng, ngài đã biết tiếng, lại nhân chúng tôi hết sức tiến cử, nên ngài định cử Sứ quân vào chức lớn ấy.

- Dĩ Thành nói:

- Như người nói thì đó là cái phúc hay là cái họa cho ta?

- Dưới Diêm La tuyển người không khác gì tuyển Phật, không thể dứt lót mà được hay cầu may mà nên. Giữ mình cương chính, tuy hèn mọn cũng được cất lên; ở nét gian tà, tuy hiển vinh cũng không kể đến. Cái nhiệm vụ huấn luyện quân đội, chẳng thuộc về Sứ quân thì còn về ai. Nếu Sứ quân còn ham luyện vợ con, dùng

dằng ngày tháng, thì chức ấy sẽ lọt về tay người khác, chúng tôi cũng sẽ phải buồn rầu.

Dĩ Thành tắc lưỡi nói:

- Chết tuy đáng ghét, danh cũng khôn mua. Phương chi ngọn bút vì nhọn mà chóng cùn; cây thông vì cành mà bị dẫn; chim trĩ không vì lông đẹp, can chi rước vạ; con voi không vì ngà trắng, đâu phải đốt mình; chim hồng, chim nhạn bị giết há bởi không kêu; cây hu cây lịch sống lâu chỉ vì vô dụng. Tu vẫn dưới đất, Nhan Hồi tuổi mới ba mươi hai⁽¹⁾; viết ký lâu trời, Trường Cát trạc chừng hai mươi bảy⁽²⁾; trượng phu sinh ở đời, không làm nên được lưng đeo vàng, chân bước ngọc, thì cũng phải sao cho lưu danh muôn thuở, tội gì cứ cúi đầu ở trong cỏi đời vắn đục, so kẻ cái tuổi sống lâu với chết non làm gì!

Bèn trang xếp việc nhà rồi chết.

Bấy giờ có người làng là Lê Ngộ, cùng Dĩ Thành vốn chỗ chơi thân, phiêu bạt ở vùng Quế Dương, ngụ trong một nhà trọ. Một hôm chừng quá canh một, Lê Ngộ thấy một người cưỡi ngựa thanh song, kẻ hầu đầy tớ rộn rịp, đến xin vào yết kiến. Chủ trọ vén màn ra đón. Lê Ngộ rất lấy làm lạ là tiếng nói của khách giống Dĩ Thành, nhưng trông mặt thì hơi không giống. Lê Ngộ toan ra cửa để tránh thì khách nói:

1. *Nhan Hồi*: là học trò Khổng Tử vào bậc đại hiền, khi mất mới có 32 tuổi. *Đời Tấn*, *Tô Thiệu* đã chết lại hồi tỉnh. Người em là *Tiết hỏi* chuyện, *Thiệu* nói thấy hai ông *Nhan Hồi* và *Bốc Thương* làm chức *Tu* văn lang ở dưới đất.

2. *Lý Hạ* tự là *Trường Cát* làm văn rất nhanh, đặt bút là thành. Một hôm thấy một người cầm một cái thẻ, chữ viết trên thẻ như chữ triện cổ, đến báo *Thượng Đế* mới làm xong cái lều *Bạch ngọc*, vội thấy lên làm cho bài ký. Không bao lâu thì *Hạ* chết. Từ đấy khi nói về văn nhân chết sớm thì người ta thường nói là “ngọc lâu phó triệu”.

- Cố nhân biết ông, ông lại không biết cố nhân là làm sao?

Nhân kể quê quán họ tên và nói mình đã lĩnh chức quan to ở dưới Âm Phủ, vì có tình cũ với Lê Ngộ nên tìm đến thăm.

Bèn cởi chiếc áo cừu, cố cho nhà hàng lấy rượu để uống làm vui. Rượu uống mấy tuần, Lê nhân nói:

- Tôi xưa nay ở đời, vẫn để ý tu lấy âm công, không mưu sự ích lợi riêng mình, không gieo sự nguy bách cho mọi người, dạy học thì tùy tài dụ dịch, tự học thì cực lực dùi mài, không ước sự vắn vớ, không làm điều quá đáng. Vậy mà sao lại phải bốn phương kiếm miếng, chiếc bóng nhờ người, con khóc lóc đói lòng, vợ than rét cật, về thì thiếu túp lều chắn gió, đi thì không chiếc nón che mưa, hết đông rồi tây, long đong chạy mãi. Thế mà bè bạn nhiều người đi làm quan cả, so bề tài nghệ cũng chỉ như nhau mà thân danh khác xa nhau lắm, kẻ sướng người khổ như thế là có làm sao?

Dĩ Thành nói:

- Phú quý không thể cầu, nghèo cùng do tự số, cho nên núi đồng mà chết đói họ Đặng⁽¹⁾, thàng xe mà làm khốn chàng Chu⁽²⁾, có duyên gió thổi núi Mã Dương⁽³⁾,

1. Vua Hán Văn Đế yêu quý người bề tôi là Đặng Thông, thấy thấy tướng bảo Thông sẽ phải chết đói, bèn cho cả cái núi đồng ở đất Thục, cho phép đúc tiền để tiêu sẽ không còn lo chết đói nữa. Nhưng sau Văn Đế mất, Cảnh Đế lên làm vua, ghét Thông, tịch thu cả gia sản, Thông phải đi ở nhờ và quả nhiên chết đói.

2. Chu Thù số nghèo. Mệnh nói: số nó nghèo lắm, không kể gì giàu lên được.

3. Vương Bột dời Đường theo cha đi làm quan, đậu thuyền dưới núi Mã Dương, mộng thấy vua Thủy Phủ giúp cho một trận gió.

không phận sét đánh bia Tấn phúc. Nếu không như vậy thì đức hạnh như Nhan, như Mẫn⁽¹⁾ hẳn là lên đến mây xanh, từ chương như Lạc như Lư⁽²⁾ sao lại chỉ là chân trắng. Sự đó đều bởi cái gì không làm mà nên là bởi trời, không vờ mà đến là bởi mệnh. Cái đáng quý ở kẻ sĩ chỉ là nghèo mà không siểm nịnh, cùng mà vẫn vững bền, làm việc theo địa vị của mình và thuận với cảnh ngộ mà thôi, còn sự cùng thông, sắc nhạt thì ta có thể làm gì cưỡng với chúng nó được.

Rượu đã uống cạn, lại khêu đèn cùng nhau trò chuyện, kéo dài mãi vẫn không biết chán. Ngày hôm sau trong lúc tương biệt, Di Thành đuổi hết mọi người ra rồi nói:

- Tôi mới vâng lệnh của Thượng Đế, kiêm coi cả bọn quân ôn dịch, chia đi làm việc ở các quận huyện, lại thêm những nạn đói khát, binh cách, số dân sinh sẽ phải tiêu hao, mười phần chỉ còn được bốn năm. Người nào nếu không phải nguồn phúc sâu xa, e sẽ đến ngọc đá đều chung nát cả. Nhà bác phúc mỏng, tựa như không thể tránh khỏi được, nên sớm về quê quán, đừng lần lữa mãi ở đất khách quê người.

Lê nói:

Hôm sau quả nhiên có gió thuận, thuyền đến Nam Xương, làm bài tựa *Đăng Vương các*.

1. Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên đều là học trò bậc cao của Khổng Tử.

2. Lư Chiếu Lân và Lạc Tân Vương là hai danh sĩ đời Đường Cao Tông. Bùi Hành Kiệm thường chê là những người nóng nảy xốc nổi, không phải là kiểu người được hưởng tước lộc. Sau Lư vì ác tật mà gieo mình xuống nước chết, Lạc thì vì dự vào đảng loạn phải chết, đúng như lời Kiệm nói.

- Tôi tưởng rất có thể trông nhờ ở bác che chở cho chứ?

Dĩ Thành nói:

- Không phải trong địa hạt của tôi, tôi không thể vượt qua được. Trường Giang trở về phía bắc do tôi cai quản còn Trường Giang trở sang phía tây, do viên tướng họ Đinh trông coi. Nhưng tôi quản lĩnh quân áo đen, chúng nó còn có từ tâm, chứ họ Đinh quản lĩnh quân áo trắng, phần nhiều là những tên ác quỷ, bác nên lo liệu trước.

Lê hỏi:

- Vậy thì làm thế nào?

Dĩ Thành nói:

- Mỗi một soái bộ đêm sai hàng hơn một nghìn quân, chia đi làm ôn dịch các nơi. Bác nên sắm nhiều cỗ bàn bày sẵn ở sân. Bọn chúng từ xa đến tất là đói khát, thấy cỗ liền ăn mà không suy nghĩ gì. Bác núp ở một chỗ tối, đợi khi thấy ăn uống gần xong, bấy giờ mới ra sụp lạy, nhưng cũng đừng kêu nài gì cả. Như thế họa may có cứu vãn được phần nào chăng.

Đoạn rồi ứa nước mắt cùng nhau từ biệt.

Lê Ngộ về quê nhà, thì bệnh dịch đương nổi rất dữ, vợ con đều mắc rất nặng, hầu không thể nhận được nhau nữa. Bèn theo lời Dĩ Thành, đêm hôm ấy làm cỗ rất hậu bày ra ở sân. Quả thấy có đám đông quỷ sứ, từ trên không bay đến nhìn nhau mà nói:

- Chúng ta đều đói cả, sẵn cỗ ở đây không ăn thì còn đi đâu. Chả lẽ vì uống mấy chén rượu mà đã đến phải tội được.

Chúng bèn cùng quây lại đánh chén. Một người mặc áo tía chễm chệ ngồi chính giữa, còn những người đều đứng châu chung quanh, kẻ cầm dao búa, người

cầm sổ sách. Thấy họ ăn uống gần xong, Lê Ngộ ra lạy mãi, lạy mãi. Người áo tía nói:

- Lẽ đâu vì cho mâm cỗ sơ sài mà đánh đổi được năm mạng người hay sao?

Chúng quý nói:

- Nhưng đã ăn của nhà nó, chả lẽ nỡ làm ngo không cứu. Thôi thì dù có vì cứu nó phải tội, dẫu chết ta cũng bằng lòng.

Người áo tía ngẫm nghĩ một lúc lâu, bèn lấy bút son xóa bỏ hơn mười chữ rồi đi. Sau vài ngày, nhà họ Lê ai nấy đều khỏi cả. Lê cảm ân đức của Dĩ Thành, bèn lập miếu ở nhà để thờ. Người làng đến khấn vái kêu cầu cũng thường ứng nghiệm.

LỜI BÌNH: Than ôi! Bè bạn là một trong năm đạo thường, có thể mà coi khinh ư? Câu chuyện quý Dạ Xoa này, thật có hay không, không cần phải biện luận cho lắm. Chỉ có một điều đáng nói là tình bạn bè của Dĩ Thành, khi đã coi ai làm người bạn chân chính thì sống chết không đổi thay, hoạn nạn cùng cứu gỡ. Đòi những kẻ kết bạn ở chung quanh mâm rượu, gan dạ đảo điên, hễ lâm đến sự lợi hại thì lờ đi như không biết nhau, nghe chuyện này há chẳng chạnh lòng hổ thẹn.

MỤC LỤC

- Việt điện u linh tập	5
- <i>Lý Tế Xuyên</i>	
- Nam Ông mộng lục	57
- <i>Hồ Nguyên Trừng</i>	
- Truyền kỳ mạn lục	111
- <i>Nguyễn Dữ</i>	

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
Điện thoại: 04.7.161.518 - 04.7.161.190, Fax: 04.8.294.781
Email: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh
290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3
Điện thoại: 08.8469858, Fax: 08.8483481

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN CỪ

Chịu trách nhiệm bản thảo
NGUYỄN THỊ HẠNH

Biên tập: NGUYỄN HẠNH - HỒNG HOA
Trình bày: MINH CHÂU
Bìa: NGÔ XUÂN KHÔI
Sửa bản in: HOA VIỆT

In 1000 cuốn khổ 13,5x20,5cm. Tại Công ty in Giao thông.
Giấy phép xuất bản số: 867-2007/CXB/20 - 179/VH.
Cấp ngày 27 tháng 11 năm 2007.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2008.

LÝ TẾ XUYỀN

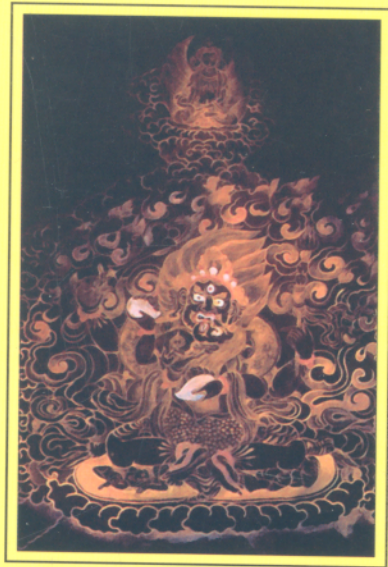
**VIỆT ĐIỆN
U LINH TẬP**

HỒ NGUYỄN TRỪNG

**NAM ÔNG
MỘNG LỤC**

NGUYỄN DỮ

**TRUYỀN KỲ
MẠN LỤC**



Việt điện u linh, nam ông m



2902080000137

30,000 V

Giá: 30.000đ